VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

điểm lại cách dạy học vần tại việt nam
đoàn xuân kiên
quê hương của từ hải
tạ quốc tuấn
hứng thơ
trần văn tích
phấn thông
tâm thanh

truyện
hoàng nga ● phùng nguyễn ● lê minh hà
điệp mỹ linh ● trần hoài thư ● nguyễn hiền

thơ
hoàng lộc ● ngô nguyên dũng ● đỗ quyên
trần hồng châu ● nguyễn thị hoàng bắc ● thường quán
đặng hiền ● sử mặc ● phan minh khánh ● vạn giả
hoàng bích đào ● trần thái vân ● đỗ quang nghĩa

SỐ 140 ● THÁNG 12 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone & Fax: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 140 ● tháng 12, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
ĐOÀN XUÂN KIÊN	3	phương pháp dạy học vần...
NGÔ NGUYÊN DŨNG	14	*tháng 10 sao lá vẫn chưa vàng*
TRẦN VĂN TÍCH	15	hứng thơ
HOÀNG LỘC	31	*nói chuyện đối với nguyễn c. trứ*
TẠ QUỐC TUẤN	32	họ từ tên hải vốn người việt đông
ĐỖ QUYÊN	38	*lòng hải lý*
ĐỖ ĐỨC HIẾU	41	đọc văn chương
TRẦN HỒNG CHÂU	46	*hạt bụi*
NGUYỄN VĂN SÂM	48	từ thơ tuồng trương ngáo...
PHAN MINH KHÁNH	57	*thư gửi elise*
HOÀNG NGA	58	hôn lễ
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC	67	*ánh chớp*
TÂM THANH	69	phấn thông
THƯỜNG QUÁN	78	*hay là*
PHÙNG NGUYỄN	80	khách quen
ĐẶNG HIỂN	87	*không tiếc, chiêm bao*
LÊ MINH HÀ	88	thành sương
SỬ MẶC	95	*phương đông*
NGUYỄN HIỀN	96	lão bân
HOÀNG BÍCH ĐÀO	101	*dấu xưa*
VẠN GIẢ	101	*nỗi nhớ đầu ngày*
ĐIỆP MỸ LINH	102	bên bờ hạ long
TRẦN THÁI VÂN	114	*trăng*
TRẦN HOÀI THƯ	115	valentine
ĐỖ QUANG NGHĨA	119	*gửi nguyễn đức việt*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	120	tạp ghi
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT	132	phỏng vấn nguyễn mộng giác
VĂN HỌC	143	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

Thư tòa soạn

Văn Học

Số báo cuối năm 1997 đến tay quí bạn vào lúc mọi người đang nô nức đón chờ hai ngày lễ lớn trong phong tục xứ người: lễ mừng Chúa Giáng sinh và lễ mừng Ngày Đầu năm dương lịch. Trong không khí rộn rã tràn đầy niềm vui, Văn Học xin gửi đến quí bạn đọc những lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Một năm đã qua! Giở lại mười một số Văn Học của năm 1997, chúng tôi thực sự vui mừng vì so với những năm trước, hình thức trình bày và nội dung của tạp chí có ổn định hơn. Máy in laser nhờ tối tân hơn nên chữ trên trang in sắc sảo hơn, cách trình bày vẫn giữ y nguyên như phác thảo của hoạ sĩ Đinh Cường và anh Thạch Hãn từ số thay đổi thành phần chủ biên 103, nhưng rõ ràng đã định hình, quen mắt đối với bạn đọc, không hoa hoè nhưng trang nhã và nghiêm chỉnh là những đặc tính Văn Học vẫn thường tâm niệm đạt tới.

Nội dung tạp chí tương đối phong phú hơn những năm trước, nhờ Văn Học được sự tin cậy và cảm tình của rất nhiều văn hữu, từ nhiều nguồn gốc và khuynh hướng khác nhau. Văn Học biết rất rõ những khác biệt về phong cách, cá tính, quan điểm của những người cộng tác, thậm chí còn biết có một số văn hữu đối nghịch hẳn với một số văn hữu khác về nhiều vấn đề. Nhưng vì tin rằng trong tình trạng phân hoá chung, tất cả những người cầm bút còn có thể gặp nhau trong niềm đam mê đối với văn chương, trong thiện chí mong muốn cảm thông, trong khát vọng đi tìm cái đẹp, cái thiện, cái thật. Văn chương nghệ thuật làm người ta gần nhau dễ dàng hơn, và chúng tôi tin đó là hy vọng cuối cùng.

Một năm 1997 khép lại. Trước mắt là một năm mới. Ban Chủ biên Văn Học nhân dịp này xin gửi lời cảm tạ đến tất cả bạn đọc và văn hữu, để cùng hẹn gặp nhau trong một năm mới còn tốt đẹp hơn nữa.❐

Điểm lại một số quan điểm-phương pháp dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên (học vần) tại Việt Nam

Đoàn Xuân Kiên

Việc học ở Việt Nam đã được xây dựng từ khá xa xưa, ít ra cũng là từ khi xứ Giao Chỉ có chế độ học hành thi cử tiếng Hán. Tuy vậy, chúng ta không được may mắn giữ được tài liệu gì về việc tổ chức học hành thi cử thời xưa, nhất là ở những giai đoạn ban đầu cuả giáo dục nhà trường. Những trang viết hiếm hoi trong sách sử cũ không giúp chúng ta hình dung được cụ thể về việc học đọc ở giai đoạn đầu tiên ở kỉ nguyên người mình học chữ Hán. Mãi đến thế kỉ XX, một vài nhà văn có kinh nghiệm về lối học cũ mới viết lại đôi nét về lối học vỡ lòng thời xưa. Chu Thiên (tác giả tiểu thuyết *Bút Nghiên*) và Ngô Tất Tố (viết tiểu thuyết *Lều Chõng*) là những nhà văn hiện đại có số vốn cựu học nên đã vẽ lại những bức tranh minh hoạ hiếm và quý về việc học hành ở một thời quá vãng.

Đến khi nước ta chuyển sang chế độ giáo dục mới, việc dạy học chữ quốc ngữ đã liên tục có những phát triển trong vòng một thế kỉ qua. Việc học và dạy chữ quốc ngữ trong nhà trường bắt đầu từ cuối thế kỉ XIX. Ngay sau khi chiếm được Nam Kì, chính phủ thuộc địa Pháp thiết lập chế độ giáo dục chữ Pháp và chữ "quốc ngữ" (1). Thủa ấy, một số trí thức miền Nam như Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Cuả là những vị thầy dạy tiếng Việt bằng "chữ quốc ngữ" đầu tiên. Trương Vĩnh Ký còn là một nhà bác học . Ông soạn sách về ngữ pháp tiếng Việt, và sách dạy học đọc và viết tiếng Việt (chữ "quốc ngữ")(2).

Không bao lâu, Bắc Kì cũng trở thành đất bảo hộ. Chính phủ bảo hộ đặt nền giáo dục bằng chữ Pháp và chữ "quốc ngữ" kể từ năm 1908, và đến năm 1915 (ở Bắc) và 1918 (ở Trung) thì bỏ hẳn phép học và thi cũ, để chuyên theo lối giáo dục Pháp-Việt theo Quy Định ban hành ngày 21.12.1917. Đến nay, đã gần tròn một thế kỉ dạy và học chữ quốc ngữ.

Những vấn đề lí luận và nghiên cứu, hướng dẫn dạy học trong thời gian đó hiện nay hãy còn rất thiếu sót, đang cần những tổng kết, thẩm giá lại, theo hướng Jean Chall và các nhà giáo dục Mĩ đã làm trong những thập niên gần đây (Chall,1983 và Adams,1990) .

Hiện nay, chúng rất thiếu tài liệu về lối dạy học đọc ở những giai đoạn ban đầu nói trên, ngoài một số thông tin rời rạc như câu thơ tương truyền là cuả Tú Xương:*"Ă, Â-U-Âu ngọn bút chì."*. Trong phần này, chúng tôi rất tiếc chưa thu thập được những sách Trương Vĩnh Ký viết về tiếng Việt. Tài liệu cũ và khá đầy đủ về việc dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên soạn trong thời kì giáo dục mới vừa được ban hành năm 1917, chính là tập học vần (Lớp Đồng Ấu) trong bộ *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* do Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đỗ Thận và Đặng Đình Phúc biên soạn. Bố cục của phần dạy học vần quốc này gồm ba phần như sau:

(1) giới thiệu các chữ ghi âm vị và sáu giọng của tiếng Việt (14 bài);

(2) kết hợp một âm tiết mở của tiếng Việt (9 bài);

(3) học các vần của một âm tiết tiếng Việt (10 bài).

Qua cách sắp xếp trật tự các bài học, chúng ta ngày nay có thể hình dung lại phương pháp dạy học vần QVGKT. Trong lời Tiểu Dẫn ở đầu sách, tác giả viết: *" Lối dạy quốc ngữ trong sách này không theo trật tự a, b,c như cũ. Lối này, trước dạy 12 nguyên âm, vì nguyên âm tự nó có âm và ghép thành vần. - Sau dạy 27 phụ âm. Trong 27 phụ âm có 16 chữ đơn và 11 chữ kép."* Tác giả cũng cho biết là phương pháp quý vị dùng chỉ là theo quy định cuả Nha Học Chánh Đông Pháp lúc bấy giờ, rằng: *"Học quốc ngữ, cấm không được đánh vần theo lối cũ, nghiã là không được gọi tên chữ mà phải gọi âm chữ."* Vì thế mà b không được gọi là bê, mà là bờ, x không gọi là ích xì mà là xờ, gh gọi là gơ, ngh là ngơ, *"nghiã là bao nhiêu chữ đều lấy âm ơ mà để vào sau cả."*(tr. 2)

Phương pháp biên soạn theo trật tự nguyên âm trước và phụ âm sau, kể đã là một bước tiến dài từ trật tự a-b-c trước kia. Và phương pháp đọc âm cuả chữ cái cũng là lối rất mới thời đó. Có lẽ cũng hiểu được điều mới là lạ, tác giả không quên trấn an thầy cô giáo: *" Phàm cái gì mới cũng cho làm lạ. Nhưng lạ không phải là khó. Nếu trẻ bắt đầu học quốc ngữ theo lối mới quen nếp rồi, thi không bao lâu, i, u, ư,... bơ, lơ, tơ rồi nghe cũng thuận tai chẳng khác gì a,b,c,d,đ bây giờ."* (tr. 3)

Về nội dung bài học, mỗi bài trong phần 1 (giới thiệu chữ cái) đều theo trật tự khá thống nhất là: (1) giới thiệu chữ cái; (2)giới thiệu một từ mẫu; (3)mỗi bài đều có ba tranh vẽ minh hoạ khá vui mắt. Sang phần 2 (giới thiệu các từ có âm tiết mở, nghiã là chỉ nguyên âm đứng ở sau) là một loạt các từ lắp sẵn để tập "đánh vần" (nghiã là tập phân tách và chắp

tiếng). Phần 3 ghi thứ tự các vần trong tiếng Việt. Mỗi bài có phần tập đọc ngắn gồm các từ có vần vừa học.

Giá trị của'phương pháp QVGKT'chính là ở chỗ các tác giả dựa trên cơ sở ngữ âm để biên tập các đề mục giảng dạy học vần. Các tác giả đã tiếp thụ những kiến thức mới mẻ nhất về ngữ học ở thời đại các vị để biên soạn phần sách nói trên. Nhưng phương pháp này đã gặp phải trở ngại lớn về mặt lí luận cần phải giải quyết:

(1) trên cơ sở ngữ âm học tiếng Việt, cần phải trả lời thoả đáng mấy câu hỏi sau đây : thế nào là một âm tiết tiếng Việt ? vần có vai trò gì trong âm tiết ? đâu là ranh giới một âm vị tiếng Việt ? tiếng Việt có bao nhiêu nguyên âm ? có âm đệm trong âm tiết tiếng Việt hay không ? chữ viết (chữ quốc ngữ) có quan hệ ghi âm với các âm vị tiếng Việt trong chừng mực nào?...

(2) về mặt sư phạm, làm thế nào để giúp trẻ liên kết giữa âm vị và chữ viết của một từ ? dạy học "đánh vần" tiếng Việt nghĩa là gì ? dạy học "đánh vần" thế nào để có kết quả nhanh nhất ?... Những câu hỏi đặt ra trong điều (2) trên đây liên quan đến phương pháp dạy học đọc, đã không được bàn đến nhiều trong tập tài liệu giáo khoa này. Trong Lời Tiểu Dẫn vừa kể, tác giả có hướng dẫn thầy cô giáo về cách dạy như sau: *" Thí dụ như học chữ i, đưá trẻ nhìn nhận rõ mặt chữ và đọc lên cho đúng âm. Ông thầy lại đọc tiếng đi có chữ i. Tiếng đi lại có tranh vẽ một đưá trẻ đi học. Như thế là đưá bé mắt nhìn mặt chữ, mồm đọc âm chữ, tai nghe tiếng có âm chữ, mắt trông thấy hình tượng cái tiếng có chữ rồi tay lại tập viết chữ ấy. Học như thế, bao nhiêu giác quan đều hoạt động, thì học chữ nào là chữ ấy in hẳn vào óc, không sao quên được."* Ở đoạn trên kia, tác giả có bảo là đã xếp trật tự các bài từ dễ đến khó, từ nguyên âm -mà tác giả bảo là loại chữ cái tự nó phát ra âm vận- đến phụ âm. Có vẻ như tác giả chủ trương theo phương pháp ngữ âm để trẻ có thể vận dụng cả nghe và nhìn, rồi sẽ kết hợp được cả hai hình ảnh (âm thanh và chữ viết) ghi nhận được về cùng một chữ cái. Phương pháp như thế là rất mới mẻ. Nhưng giá trị cuả phương pháp bị thử thách ngay ở sự lẫn lộn giưã chữ cái và đơn vị âm thanh tiếng Việt. Những bài học về chữ ă, â, chữ gh, ngh chẳng hạn, cho thấy rõ sự khó khăn lúng túng khi áp dụng phương pháp đề ra ở Lời Tiểu Dẫn. Vì dùng chữ cái cho nên sách không giải thích hiện tượng dùng cả hai chữ cái khác nhau để chỉ cùng một âm vị; đó là những trường hợp như i (bài 1) và y (bài 4), c k (bài 9) và qu (bài 12) là những trường hợp điển hình cho những khó khăn cuả phương pháp này.

Ngay cả ý định muốn giúp học viên đi từ dễ đến khó, việc sắp xếp bài học vẫn chưa chứng thực được là tác giả đã thành công. Trước hết, cần

hiểu ý tác giả quan niệm thế nào là dễ, là khó. Tác giả cho rằng nguyên âm dễ, học trước tiên, vì có thể tự phát ra âm vận. Phụ âm thì theo thứ tự từ phụ âm đơn (một chữ cái) đến phụ âm kép (hai chữ cái). Tuy vậy, tác giả cho tách hai phụ âm c, k và qu, g và gh, ng và ngh làm hai bài, chỉ vì chúng là phụ âm đơn và kép là việc không hợp lí.

Cho nên, mặc dù có những cố gắng lớn về việc vận dụng ngữ âm để dạy học, phương pháp học vần cuả sách vẫn không tiến xa khỏi phương pháp gọi là a-b-c trước kia mà quý vị muốn vượt bỏ. Những lúng túng về mặt phương pháp nêu trên kia cho thấy là sách chỉ làm một vài cải tiến cho phương pháp "a-b-c" chứ chưa thoát li được nó. Có thể nói là phương pháp do Trần Trọng Kim và các cộng sự của ông đã là cơ sở biên soạn của bao nhiêu sách giáo khoa về sau này, kể cả bộ sách *Học Vần* của Nxb. Giáo Dục sau năm 1975. Một vài công trình soạn gần đây tại Hoa Kì cũng bảo là dựa trên cơ sở ngữ học, nhưng đã không tỏ ra tiến hơn thời đại của bộ sách QVGKT là bao về những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt. Những khó khăn về mặt phương pháp cuả QVGKT cũng là những nhược điểm cuả các bộ sách ra sau nó và cũng vẫn trung thành với khung nội dung biên soạn như trong sách này. (3)

Theo ghi nhận thiếu sót cuả chúng tôi thì trong nhiều thập niên qua, mới chỉ có một tác giả đã làm một bước cố gắng lớn khác để canh tân phương pháp dạy học vần tiếng Việt. Đó là Đoàn Nhật Tấn, với công trình *Dạy đọc và dạy viết cho trẻ con* (1964)(4) Tác giả dạy tại Trường Sư Phạm Quy Nhơn, và xuất bản sách tại đó. Mặc dù cố gắng tìm kiếm tài liệu này tại Sài Gòn trước và sau 1975, chúng tôi vẫn chưa được may mắn đọc nguyên văn tập sách cuả tác giả. Nay xin tạm mượn một số nhận định cuả học giả Nguyễn Hiến Lê (1965) để ghi lại một chặng trên hành trình dài cuả nhà giáo Việt Nam đối với sự dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên. Sách gồm ba phần. Phần I khái quát về việc dạy vỡ lòng tại Việt Nam. Tác giả cho rằng trước nay, việc dạy vỡ lòng thường do tư nhân đảm nhận, thiếu sự giúp đỡ thiết thực cuả chính phủ về mặt soạn thảo hướng dẫn chương trình học. Phần II (phần Lí thuyết) và phần III (Thực hành) là phần giới thiệu phương pháp mới. Trong phần II, tác giả duyệt lại mấy phương pháp dạy học vần trước nay, từ Trương Vĩnh Ký đến phương pháp cuả Nha Học Chánh Đông Pháp 1926-1927, phương pháp cuả Hội Truyền Bá Quốc Ngữ (1936-1937), phương pháp do Bộ Quốc Gia Giáo Dục ở Sài Gòn (1960).

Tác giả cho rằng tất cả các phương pháp nói trên *"đều dùng lối tổng hợp, đi từ chữ rời đến ghép thành tiếng một, đòi hỏi nhiều lý luận sắp xếp hơn là trực giác tổng quát"* (tr 15). Sau đó nhà giáo Đoàn Nhật Tấn đề

nghị một phương pháp mới mà ông đã đem giảng dạy cho giáo sinh sư phạm tại Quy Nhơn. Phương pháp ấy được tóm tắt như sau: Trước hết, tác giả đề nghị bỏ hẳn lối dạy chữ cái trước khi học vần đọc tiếng, vì những chữ cái là những bộ phận trừu tượng, khô khan, vô nghiã, trẻ khó nhớ. Phải dạy chúng ngay những từ có ý nghiã, quen thuộc, chẳng hạn ba, má... Khi chúng đã nhớ tự dạng những tiếng đó rồi mới phân tích rằng trong ba có b + a. Cũng như cho chúng biết con trâu thì dẫn ra cánh đồng, trỏ một con trâu, chúng nhớ liền, chứ nếu *"dẫn chúng đến một lò thịt chỉ cho chúng này là chân trâu, này là cái đuôi, này là cái mình trâu...thì chúng không sao nhớ nổi, hoặc nếu có buộc chúng cố gắng nhớ thì cũng phải chờ đến lúc chúng thấy toàn thân một con trâu rồi mới hiểu những cái chân, đuôi, sừng trên kia là gì"* (tr. 24). Tác giả gọi phương pháp dạy như thế là "phương pháp tổng quát" (méthode globale). Phương pháp này trái hẳn với "phương pháp tổng hợp" trước kia (đi từ chữ cái rồi đến ghép tiếng một).

Sau đó, tác giả hướng dẫn cách dạy vần cho trẻ như sau: trong bài đầu, cho trẻ học từ ba,má. Khi chúng đã nhớ, đã thuộc rồi mới sang phần phân tích: ba –> b + a ; má –> m +á. Sang bài sau: bó lá mì. Khi học sinh thuộc rồi, cháu sẽ được học đọc các tổ hợp từ ba bó lá mì - bà bó lá mì. Những tổ hợp này đều có thêm một tiếng mới vào tổ hợp cháu đã học trước. Tiếng nào đã học rồi thì thôi, không đánh vần, tiếng bà chưa học thì chỉ cách đọc; khi cháu đã nhận mặt chữ rồi thì sẽ tập phân tích: bà –> b + à. Tác giả dặn thêm là khi chúng quên một tiếng đã học thì cũng *"cho chúng lẩm bẩm tìm lại tiếng bằng lối đánh vần."* (tr. 46). Tác giả cho rằng *" nhờ cách học như trên, sau này có thể nghĩ đến ý là nhớ ngay đến chữ viết, nên trẻ con dễ học đúng, viết đúng... Khi các em nghĩ đến đồ gỗ bốn chân thì trong óc hiện ra chữ bàn, mà khi nghĩ đến loại cây lớn lá thì trong trí lại hiện ra chữ bàng, như thế không khi nào các em viết sai chính tả... Quốc ngữ bấy giờ mới không chỉ là một lối ký âm mà là một văn tự thực sự, vì nó trực tiếp biểu hiện được tư tưởng không qua trung gian cuả một lối diễn âm nào."* (tr. 24-25)

Bàn về lợi ích cuả phương pháp tổng quát, tác giả viết: *"Một ích lợi chắc chắn cuả lối học này là các em học tiếng nào biết viết tiếng ấy như học ngoại ngữ, thì sẽ không phạm dễ dàng những lỗi chính tả với t-c, n-ng, dấu hỏi, dấu ngã... như lâu nay... Sở dĩ học sinh ta có khi đã học ở lớp cao mà còn phạm nhiều lỗi chính tả là cũng vì lối ráp vần quá dễ dàng cuả chữ quốc ngữ ta...Nếu bây giờ, ta dạy cho các em đọc toàn tiếng toàn nghiã, chữ nào nghiã ấy thì chắc chắn học đọc như thế phải lâu hơn, nhưng khi đọc được các em sẽ hiểu rõ ngay được như người ta học Hán tự*

vậy." (tr. 26)

Dựa trên một số trích văn ít ỏi trong bài điểm sách quý giá trên đây, chúng tôi có mấy nhận xét nhỏ như sau: trước hết, phải ghi nhận một cố gắng mới cuả một nhà giáo dục có nhiệt tâm với quốc ngữ. Ông Đoàn hẳn đã nhận thấy những điểm không ổn cuả phương pháp gọi là truyền thống, và muốn cách tân nó. Nét đặc sắc cuả phương pháp tổng quát cuả ông là nó dựa vào yếu tố tâm lí phát triển cuả trẻ mà dạy học vần. Đúng như ông Nguyễn nhận định, trẻ nhỏ mới vào trường đang còn ở tuổi nhận thức bằng trực giác, bằng những tri giác toàn thể, và cụ thể. Phương pháp tổng quát thích hợp với trình độ cuả trẻ. Nhưng ông Nguyễn cũng đã nhận thấy những vấn nạn cuả phương pháp tổng quát nếu đem áp dụng đơn độc. Ông phê bình tác giả như sau: "*...(nhưng tôi) đoán rằng nó có lợi cho trẻ em chứ chưa chắc đã có lợi cho người lớ - mà có lẽ chỉ có lợi trong vài ba tuần đầu khi trẻ mới học vần mà thôi, rồi sau cũng phải dung hoà nó với phương pháp tổng hợp cổ điển, chứ không làm sao bỏ hẳn phương pháp ọc*" (Nguyễn, 1965: 265-266).

Chúng tôi rất tiếc là bài điểm sách không nói gì nhiều về phần thực hành phương pháp để có cơ sở hiểu rõ hơn nữa chủ ý cuả tác giả; vì thế chúng tôi không đủ dữ kiện để nhận xét về một số điểm then chốt cuả phương pháp tổng quát do tác giả đề nghị. Khái niệm then chốt ở đây là "tổng quát". Theo như đoạn văn trích, ý niệm tổng quát dường như là nói về việc nhận mặt chữ mà thôi. Ông lí luận rằng nếu chỉ cho học sinh học từng chữ cái thì học sẽ không hứng thú; trái lại, nếu được đọc cho nghe và nhìn thấy một chữ cụ thể thì nhận thức cuả trẻ sẽ nhanh và rõ hơn là những chữ cái rời rạc. Nhưng tiến trình học đọc không chỉ là nhận mặt chữ mà còn có những hoạt động khác nữa để đi đến những tri thức chắc chắn về một từ hay một bản văn. Khi đã qua đoạn nhận mặt chữ, trẻ sẽ còn áp dụng vào hoạt động nói năng và viết lách một cách tự nhiên; và tiến thêm bước cao hơn nữa, cháu sẽ sử dụng ngôn ngữ viết một cách thuần thục, tự phát. Một điểm nữa là, trong lớp học, đứa trẻ chỉ có thể đủ thì giờ học đọc một số vốn tiêu biểu nào đó các từ mẫu, nhưng cháu vẫn có khả năng khái quát hoá từ những mô hình mẫu để có thể tạo sinh những hiểu biết cùng mẫu. Cho nên phương pháp tổng quát như tác giả đề nghị sẽ có thể lâm vào một trong hai tình huống: một là tốn quá nhiều thì giờ không cần thiết vì phải học quá nhiều cái cụ thể, riêng biệt; hoặc là phương pháp tổng quát phải kết hợp với những phương pháp khác nữa mới có thể gọi là đầy đủ, đúng như nhận định cuả ông Nguyễn. Mà quả là tác giả cũng đã không tránh khỏi việc "đánh vần" như phương pháp ông gọi là tổng hợp mà ông muốn thay thế nó đi.

Đoạn văn trích trên kia được in nghiêng ở hai chỗ ông cho học trò lẩm bẩm đánh vần để nhận lại mặt chữ đã học. Điểm này không thấy giải thích thêm, khiến cho người đọc có thể hiểu rằng tác giả vẫn cần phương pháp tổng hợp. Một điểm nữa cũng liên quan đến cái tổng quát. Ngay việc nhận mặc chữ cũng đã có nhiều cấp tổng quát: ở cấp phân tích nhỏ nhất, những chữ cái và âm thanh tương ứng cuả chúng đều là những khái niệm tổng quát vì đã khái quát hoá từ những cái cụ thể là những đơn vị âm thanh hay chữ cái trong từng từ cụ thể. Nếu thế thì chưa hẳn là phương pháp tổng hợp cũ đã thiếu tổng quát. Học đọc cũng là một tiến trình tổng hợp và phân tích. Dường như điểm khác nhau giữa phương pháp tổng quát do ông Đoàn đề nghị và phương pháp tổng hợp cuả người trước chỉ là hoán vị hai chặng đó mà thôi. Chúng tôi cũng còn thêm một thắc mắc nữa về những thành phần cuả một đơn vị tổng quát theo quan điểm cuả tác giả. Cụ thể là quan niệm về sự phân biệt âm và chữ cuả một tiếng như thế nào, và ông áp dụng vào giảng dạy ra sao. Điều này khá can hệ, vì nó đi liền với việc phân tích cấu trúc một âm tiết tiếng Việt khi dạy trẻ.

Trong việc mô tả ngữ âm tiếng Việt, đến nay đã có hơn một quan điểm về âm tiết. Tuỳ quan niệm cuả tác giả mà khi phân tích một chữ, học sinh có thể phân tích khác nhau không hẳn là theo những lằn ranh như tác giả nêu ra. Chúng tôi đã làm việc với trẻ, và đã thấy các cháu cắt âm tiết bàng làm hai đoạn như sau: bàng –> bà + ng. Lối phân âm tiết như thế chắc là không hợp cách với mô hình âm tiết mà tác giả chọn: bàng –> b + àng, hoặc bàng –> b + ang +(thanh huyền).

Ông Nguyễn cho rằng chữ quốc ngữ là thứ chữ ghi âm rất tiện lợi, không như chữ Hán là thứ chữ biểu ý và viết hình khối, rất khó học. Vậy mà cơ hồ tác giả Đoàn Nhật Tấn bỏ đi cả các lối học vần cũ, e rằng như thế là lợi bất cập hại. Nhân đó, ông Nguyễn góp ý là *"chủ trương rằng học ráp vần như ngày nay và tập phát âm cho đúng thì có phần đỡ tốn công hơn; mà khi một thế hệ nào đó phát âm đúng thì các thế hệ sau tự nhiên sẽ phát âm đúng, lúc đó vấn đề chính tả gần như tự nhiên giải quyết được rồi"* (Nguyễn, 1965: 268) Chúng tôi thì cũng không lạc quan lắm về một khẳng định cuả tác giả là phương pháp tổng quát sẽ giúp học sinh viết đúng chính tả. Nếu nguyên lí này đúng thì việc học ngoại ngữ hẳn là không có khó khăn như trong thực tế. Lí do là vì việc sử dụng ngôn ngữ viết không hẳn chỉ là việc đem từ trong kho trí nhớ một từ nào đó đã học đọc trước kia (để nhận ra toàn khối mặt chữ). Trong việc học đọc, như đã nói, trẻ còn có khả năng tạo sinh những mặt chữ cháu mới nghe thấy lần đầu tiên, chỉ nhờ áp dụng từ những khuôn từ mẫu đã học. Cho nên viết chính tả là những thao tác phức tạp phối hợp giữa hoạt động áp dụng thể

hiện hình ảnh âm thanh của từ ra chữ viết, dựa trên những tri thức đã có về ngôn ngữ viết.

Thật ra, kiến thức về ngôn ngữ cũng như bao nhiêu tri thức khác, khi lưu trữ trong não bộ, cũng theo những quy luật của trí nhớ. Một số sẽ phai dần đi nếu không được dùng đến. Đó là một nguyên nhân của sự viết sai chính tả. Một yếu tố khác là sự phát âm. Chữ quốc ngữ là thứ chữ ghi âm, nên không lạ gì là những lỗi chính tả một phần rất lớn là do ảnh hưởng của phát âm địa phương. Trên đây chỉ là mấy nhận định tạm thời của chúng tôi về quan điểm của Đoàn Nhật Tấn trong khi chờ đợi được đọc chính văn tập sách. Qua những gì đọc được từ bài điểm sách, chúng tôi ngờ rằng Đoàn Nhật Tấn muốn xiển dương phương pháp dạy tiếng một trong nhà trường Việt Nam, như nó đã từng được thể nghiệm tại các nước tân tiến từ đã lâu.

Sau năm 1975, trên quy mô cả nước đã tiến hành một cuộc cải cách giáo dục mà thực chất của nó là để san bằng những cách biệt rõ rệt giữa hai hệ thống giáo dục Nam-Bắc trước đó. Bộ sách *Học Vần* (hai tập) là sách giáo khoa chính thức về dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên được soạn thảo vào thời kì này, và được chính thức sử dụng từ năm học 1981-82. Phần Hướng Dẫn Chung in trong Sách dành cho Giáo Viên (có điều chỉnh, từ năm học 1989-90) đề ra một số định hướng về quan điểm và phương pháp dạy tiếng Việt ở lớp 1 như sau:

1. Mục tiêu:

(1) từ vốn tiếng mẹ đẻ sẵn có, dạy cho học sinh biết đọc, biết viết tiếng Việt văn hoá và bước đầu biết dùng tiếng Việt (một cách có ý thức) làm công cụ để học tập các môn học trong nhà trường nói riêng và là công cụ để nhận thức cuộc sống nói chung;

(2) Thông qua việc dạy học sinh đọc - viết, giúp các em phát triển vốn tiếng mẹ (về từ ngữ, về kĩ năng nói trọn câu) và bước đầu ham muốn tìm hiểu tiếng Việt như là một môn văn hoá...

2. Nhiệm vụ:

(1) cung cấp cho học sinh tất cả các âm của tiếng Việt một cách tương đối có hệ thống và tất cả các dạng chữ ghi những âm đó;

(2) dạy cho học sinh biết ghép các âm thành vần, nắm được các âm-thanh-vần và biết ghép các phụ âm đầu với vần để tạo thành tiếng: đọc-viết được các tiếng đó;

(3) dạy cho học sinh có ý thức đọc đúng các âm và vần dễ lẫn lộn để từ đó có kĩ năng viết đúng chính tả;

(4) dạy cho học sinh đọc được các từ, câu, đoạn văn, bài văn ngắn theo yêu cầu đề ra ở lớp 1.

Các nhà giáo dục cũng đề ra những mục tiêu cụ thể cho việc dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên là:

(1) sau 25 tuần học âm-chữ ghi âm, về cơ bản, học sinh phải đọc được tất cả các âm và chữ ghi âm cuả tiếng Việt; biết đọc trơn, viết đúng quy trình, hình dáng chữ ghi các tiếng đó; bước đầu làm quen với các đọc trọn từ, trọn câu.

(2) cuối giai đoạn tập đọc (cuối lớp 1) học sinh có thể: đọc rõ ràng, không thừa hoặc thiếu tiếng, không phải dừng lại lâu để đánh vần, có ý thức phát âm các phụ âm đầu, các vần, các thanh, đọc được các bài văn ngắn (25-30 tiếng) trong một phút; nghe: phân biệt được các âm, vần, thanh khó, dễ lẫn lộn; nói: trả lời được những câu hỏi về nội dung câu văn trong bài tập đọc; biết kể lại một đoạn văn ngắn trong truyện đã nghe giáo viên kể; viết: rõ ràng, tương đối đều nét, rõ khoảng cách, thẳng dòng, không mắc quá 5 lỗi chính tả trong bài tập chép; tốc độ nhìn bảng, nghe đọc-chép: 20-24 chữ trong 15 phút.

Sách phân bố chương trình học vần thành 125 bài dạy, tương ứng với 25 tuần dạy, mỗi tuần dạy 5 bài, mỗi bài trong 2 tiết.

Tập một gồm 80 bài dạy trong 16 tuần, chia ra như sau:

(a) phần "Chữ cái và âm " có 41 bài, gồm: 30 bài học âm, chữ ghi âm, và thanh; 10 bài ôn tập; 1 bài giới thiệu chữ viết hoa;

(b) phần " Vần " có 39 bài, chia ra: 30 bài học vần mới (63 vần); 9 bài ôn tập.

Tập hai có 45 bàidạy trong 9 tuần, chia ra: 32 bài dạy vần mới (63 vần); 8 bài ôn tập; 2 bài giới thiệu các vần khó, ít dùng (18 vần); 3 bài ôn luyện cuối phần học vần. Các bài giảng đều có cấu trúc thống nhất như sau: phần "Chữ cái và âm " phần " Vần " - tên bài - tên bài - hình vẽ, từ khoá - hình vẽ, từ khoá - tiếng khoá - tiếng khoá - chữ ghi âm mới - vần mới - hình vẽ gợi từ ngữ ứng dụng - từ ngữ ứng dụng để luyện đọc - từ ngữ ứng dụng để luyện đọc -chữ cần luyện viết ứng dụng - bài tập tự luyện - hình vẽ, câu, bài ứng dụng Về mặt sư phạm, các tác giả sách *Học Vần* đã lưu ý thầy cô giáo tận dụng các phương pháp chung thường được dùng ở lớp 1 như sau để tạo hứng thú trong việc học đọc: (1) phương pháp vui chơi, (2) phương pháp trình bày trực quan, (3) phương pháp đàm thoại gợi mở, (4) phương pháp luyện tập-thực hành, (5) phương pháp hoạt động.

Trên đây là những nét chính về quan điểm và phương pháp biên soạn sách *Học Vần*. Tác giả dành trọn hai tập Sách Hướng Dẫn cho Giáo Viên để thuyết minh cho phương pháp dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên, mà quý vị dùng thuật ngữ quen dùng là "học (đánh) vần". Phương pháp học vần này hiện vẫn còn đang được áp dụng trong nước hơn mười lăm năm nay. Có

thể nói rằng phương pháp dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên được đề ra trong sách là một thành tựu lớn, nhờ đã giải quyết được những khuyết điểm về mặt phương pháp cuả quá khứ.

Trước hết, sách đã sử dụng những thành tựu cuả ngữ âm học tiếng Việt để xác định dạy "học vần" là dạy trẻ kết hợp âm thanh cuả từ với hình thức chữ viết cuả từ. Đưa khái niệm âm tiết vào dạy học vần cũng là một bước tiến bộ. Về mặt sư phạm dạy đọc, phương pháp cuả sách cũng là một bước tiến quan trọng, nhờ biết quan tâm đến tâm lí trẻ mà vận dụng phương pháp gây hứng thú bằng nhiều cách khác nhau. Nhờ quan điểm sáng tỏ, các bài giảng cũng được bố cục khéo, kết hợp được các thao tác dạy học trong mỗi tiết học.

Về mặt sư phạm, dùng "từ khoá", "tiếng khoá", "âm" để bố cục tiết dạy học là một canh tân về phương pháp, vì thầy cô giáo đã dạy có ý thức về tiến trình học đọc ở trẻ con: nhận mặt chữ viết kết hợp với âm thanh cuả tiếng được viết ra. Những hoạt động để củng cố kiến thức mới cũng được đặt ra một cách ổn định, có ý thức.

Tuy vậy, những ai quan tâm đến việc dạy "học vần" sẽ nhận ra một số nhược điểm quan trọng cuả phương pháp "học vần" hiện hành. Những nhược điểm cuả hai tập *Học Vần* là những nhược điểm nằm trong phạm vi ngữ âm học nhiều hơn là về mặt sư phạm. Trước hết là quan niệm về âm tiết tiếng Việt. Mô hình cấu trúc âm tiết mà các tác giả dùng để phân tích một tiếng chỉ là một trong những giải thuyết khác nhau mà thôi. Giá trị cuả một giải thuyết chỉ được chuẩn nhận nếu nó có thể dùng được trong những tình huống cụ thể, và tránh tối đa những ngoại lệ. Ở đây, vấn đề cấu trúc âm tiết đi liền với quan niệm về hệ thống âm vị tiếng Việt. Phải nói ngay rằng quan niệm về cấu trúc âm tiết tiếng Việt, và hệ luận cuả nó là hệ thống âm vị, dùng để dạy học vần rất cồng kềnh, vì nó phải dạy 126+18 =144 vần tiếng Việt và những rườm rà khác liên quan đến một số âm vị. Cồng kềnh và rườm là vì chúng không thật sự cần thiết để giúp trẻ nhận mặt chữ khi làm thao tác kết hợp âm và chữ cuả một tiếng, và đồng thời nó làm chậm lại tiến trình tư duy cuả trẻ.

Khắc phục nhược điểm này là khắc phục cả hai mặt: ngữ học và giáo dục học. Để làm được việc này, chúng tôi quan niệm rằng cấu trúc âm tiết tiếng Việt về mặt ngữ âm chỉ gồm bốn thành phần: âm đầu chính + âm cuối+ thanh điệu. Mỗi thành phần sẽ do một loại âm vị đảm nhận. Về mặt biểu hiện ra chữ viết, mỗi âm tiết sẽ tương ứng với một đô vị (bao gồm một hay nhiều chữ cái). Có lẽ vì chưa vượt khỏi lối phân tích âm tiết truyền thống, tác giả sách Học Vần đã phải quay trở lại lối "đánh vần" truyền thống: loan –> o-a-n-oan –> lờ-oan-loan. Nếu thừa nhận cứu cánh

chung cuả giáo dục là giúp phát triển tư duy-luận lí, thì vấn đề đặt ra là tiến trình học đọc như vậy có phù hợp với tiến trình tư duy ngôn ngữ cuả trẻ con hay không, liệu có giúp ích gì cho sự phát triển tư duy nhạy bén, có phê phán, và sáng tạo hay không.

Riêng chúng tôi thì có phần ngờ vực hiệu năng cuả phương pháp dạy tư duy như thế. Khi chấp nhận dùng lại hệ thống âm vị và mô hình cấu trúc tiếng Việt như được dùng trong sách, tác giả *Học Vần* đã tiếp thu có cải tiến hệ thống được dùng từ thời *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* mà thôi. Do vậy, những lúng túng về cách giải quyết cụ thể và chi tiết cuả cuả hệ thống dạy học vần chỉ là tất nhiên.

Nói tóm lại, phương pháp ngữ âm được dùng trong sách *Học Vần* là một bước tiến đáng kể trong việc dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên. Những nhược điểm cuả bộ sách nằm phần lớn trong chính hệ thống mô tả ngữ âm mà bộ sách chưa giải quyết được.

Để kết luận, có thể thấy rõ là việc dạy đọc "chữ quốc ngữ" ở giai đoạn đầu tiên tại Việt Nam đã có một quá trình tương đối dài. Phần trên đây đã nhìn lại những phương pháp chính trong ngành sư phạm tiếng Việt trong lịch sử giáo dục Việt Nam hiện đại. Đứng trên phương diện sư phạm dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên, có thể nhận thấy các phương pháp nối tiếp nhau trong sư phạm dạy đọc ở nước ta có thể xem như những minh hoạ cho các bước thăng trầm cuả các phương pháp nối tiếp nhau trong lịch sử sư phạm dạy đọc. Phương pháp dùng trong sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* về cơ bản là phương pháp a-b-c. Đến phương pháp Đoàn Nhật Tấn trên những nét chính yếu là phương pháp dạy tiếng một. Sách *Học Vần* dùng trong nước hiện nay là một điển hình cuả phương pháp ngữ âm. Từ phương pháp dạy a-b-c đến phương pháp dạy tiếng một, sang phương pháp ngữ âm, ngành dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên ở Việt Nam đã phát triển theo cùng nhịp đi cuả sư phạm thế giới. Từ Trương Vĩnh Ký đến nay đã một thế kỉ. Những kinh nghiệm tích luỹ được qua những chặng đường phát triển giáo dục trong thế kỉ vừa qua, nói cho cùng, sẽ giúp mở ra những hướng phát triển mới cho mai sau.❐

(1) Nguyễn Hiến Lê (1965) " Một phương pháp mới để dạy vần quốc ngữ cho trẻ con" in Văn Hoá Nguyệt San,t.XIV, q.2 (2.1965), tr. 262-272. Trần, Trọng Kim, et al. (1935) Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) -Lớp Đồng Ấu (bản in thứ 18). Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp Trịnh Mạnh, Trần Mạnh Hưởng, Đỗ Bạch Mai (1992) Tiếng Việt 1 - Sách Giáo Viên.(bản in kì tư) Hà Nội: Nxb. Giáo Dục.

(2) Tên gọi chữ quốc ngữ (nghiã là chữ của tiếng nước mình), do các cố đạo phương tây đặt ra để chỉ loại chữ viết mà chúng ta dùng ngày nay, vốn là thứ chữ

Tháng Mười sao lá vẫn chưa vàng

NGÔ NGUYÊN DŨNG

đêm tôi chờ nghe tiếng còi sương
chuyến tàu nửa khuya băng ngang vịnh
xuôi ra đại dương
đã lâu rồi tôi không còn nhỏ lệ
trước những cuộc phân ly.

sáng tôi nằm nghe tiếng còi xe lửa
thiêm thiếp bầm dập hai đường thép song song
dẫn về đâu mưa Dresden phủ mặt
tôi không còn mơ mộng nữa
tôi là ánh lửa nghiến dưới vành sắt cong
tháng Mười
sao lá vẫn chưa vàng?

thiên thu tôi đợi một tiếng chuông
gõ vào chai ước nguyện không thành
xoè tay nhìn những đường ngăn cách
tôi nút rạn
lệ tháng Mười long lanh.

viết phiên âm từ bảng chữ cái latin. Vào thế kỉ XVII, tên gọi này có lẽ nhằm mục đích tuyên truyền cổ động cho việc học chữ "quốc ngữ" này tiến lên địa vị chữ viết chính thức, thay cho chữ hán, chữ nôm -là những thứ chữ viết chính thức cuả người Việt nhưng là thứ chữ khó học và khó viết. (2) Một số tác phẩm chính cuả Trương Vĩnh Ký về việc học và nghiên cứu tiếng Việt: 1. Cours pratique de langue annamite 2. Grammaire de la langue annamite 3. Abrégé de grammaire annamite

(3) Hiện chúng tôi chưa tìm lại được tập sách do Gs Hoàng Xuân Hãn cùng với Trần Văn Giáp và Vũ Huy Trác, nhan đề Văn Quốc Ngữ - dạy theo phương pháp mới biên soạn năm 1938 (có lẽ để cho Hội Truyền Bá Chữ Quốc Ngữ sử dụng ?) Người viết rất mong được quý vị có tài liệu vừa kể, cho chúng tôi tham khảo.

(4) Chúng tôi không có trong tay tập sách này cuả tác giả Đoàn Nhật Tấn. Rất mong được thân quyến tác giả hoặc bạn đọc mách cho nguồn tài liệu này. Xin đa tạ.

Hứng thơ

Trần Văn Tích

Hoạt động sáng tạo thi ca gắn liền với nhu cầu tự biểu hiện của con người. Đặc trưng của thơ phát lộ trên nhiều khía cạnh mà một trong những khía cạnh nổi bật là cảm hứng sáng tạo; bên cạnh tình ý trong thơ, ngôn ngữ câu thơ, nhạc điệu bài thơ v.v... Thơ là sản phẩm của một loại hoạt động tinh thần đặc biệt. Nhà thơ động viên sức mạnh của cả trí tuệ lẫn tình cảm ở thời điểm sáng tạo, kêu gọi toàn bộ con người mình đóng góp vào việc thai nghén thi phẩm.

Xưa nay có người xem bản chất thơ ca là tôn giáo. Hoạt động sáng tạo thơ ca gắn liền với những gì thiêng liêng huyền bí. Thời điểm sáng tạo của nghệ sĩ được Platon giải thích là giây phút thần linh đột nhập, nghệ sĩ triền miên trong một tâm trạng bị ám ảnh tràn đầy trực cảm, nghệ sĩ sống xuất thần khi làm thơ. Như vậy, bản chất của thơ được biểu hiện trong linh cảm. Thơ nảy sinh từ những giác cảm tôn nghiêm nhất giữa thế giới cao xa của thần thánh và thế giới thăng hoa của loài người. Nhà thơ là một bậc trung gian có năng lực cảm nhận và biểu đạt. Nghệ thuật đeo đuổi nhiệm vụ tái hiện thế giới xa xưa của cái đẹp tuyệt đối, vĩnh cữu; ý niệm về cái đẹp chính là sự hồi tưởng của con người về một tiền kiếp còn chung sống với thần linh trên dãy Olympe; tác phẩm thi ca chỉ là cái bóng của cái bóng vì nó nhằm tái hiện các vật thể qua giác quan mà những vật thể này chỉ là sự phản ảnh các ý niệm bất biến tồn tại trước khi thế giới xuất hiện. Sau nầy Heidegger cũng chịu ảnh hưởng của cùng quan niệm khi xem thi ca như là môi giới giữa thần linh và loài người và thi sĩ mang tính chất nửa thần linh nửa con người. Henri Bremond tác giả *De la poésie pure* (Thi ca thuần túy) cũng xuất phát từ quan niệm về thực trạng huyền bí của thơ. Ở các tác phẩm cổ văn phương Tây, chữ *inspiration* -nay được

dùng để chỉ cảm hứng- vốn mang nghĩa bóng bẩy và cũng là nghĩa nguyên thủy trong khi đối với ngôn ngữ thông dụng hiện thời thì *inspiration* là một danh từ thuộc lĩnh vực sinh lý học chỉ động tác thở vào, ngược lại với *expiration* là thở ra. Theo từ nguyên học, *inspiration* là sự kiện tiếp thu một luồng hơi sức huyền diệu khiến nẩy sinh nhiệt hứng sáng tạo. Hiểu một cách tổng quát, *inspiration* mô tả quá trình xúc cảm ngập tràn tâm hồn thi sĩ, nhạc sĩ hay hoạ sĩ; hiểu một cách chuyên biệt, inspiration là hiện tượng truyền cảm thần linh kích thích tư duy, tinh thần và hành động của nhà văn nhà thơ thiêng liêng. Nói cách khác và vẫn riêng trong văn học, *inspiration* là thiên tư của thi sĩ phát hiện được những điều mà không kỹ thuật văn chương nào tự mình và riêng mình sáng tạo được. Qua thời gian, giới nghiên cứu đã dùng nhiều từ khác nhau để chỉ tình trạng cảm hứng sáng tác đó. Riêng trong tiếng Pháp đã có *enthousiasme, délire, fureur, ivresse, démon, Muse, verve v.v...*

Khởi thủy từ Platon, người xưa xem như hồn thơ được chư thần trang bị cho thi sĩ dưới hình thức một tình trạng say mê phi phàm. Thiên thần biến thi nhân thành người thay mặt cho mình nói lên tiếng nói phong tao giữa cộng đồng nhân loại. Thi sĩ trước hết là người nghe được những lời, những tiếng bí mật và nhiệm mầu. Những tiếng những lời đó hoặc từ thượng giới truyền đến, hoặc là biểu hiện của những động lực xuất phát từ vực sâu *"con sông động vật tràn đầy máu huyết và ham muốn chuyên chở ở tận cùng tâm thức mỗi người một dòng nham thạch hừng hực và âm u"* (Roger Caillois) .*[1] Alfred de Vigny, nêu chủ đề thi tài bị xã hội ruồng bỏ qua vở bi kịch ba hồi *Chatterton* (Sác-tơ-tơn) {chủ đề đã được bài thơ Stello (Xte-lô) đề cập đến}, cho nhân vật chính mô tả nhà thơ là *"người đọc trên các vì sao con đường mà ngón tay Thượng đế chỉ cho chúng ta"*. *[2] Thi sĩ được ơn thiên khải, vững tin là mình có thể tương thông cùng Thượng đế (l'Être) cho nên từ vị thế người suy tưởng, nhà thơ trở thành kẻ viễn kiến. Thi nhân cảm thấy, nhìn thấy, nghe thấy. Thông điệp hồn thơ gửi đi là một điều mặc thị siêu nhiên; chức năng nhà thơ là chức năng của bậc tiên tri, của ngài đạo sĩ, của trí thấu thị, nhà thơ là người dự trắc, là mục sư duy nhất và chân chính, là người được Chúa Toàn Năng tuyển chọn [Victor Hugo, *Les Mages* (Các mục sư), *Ce que dit la Bouche d' Obre* (điều từ cửa miệng Siêu nhiên)]. Tóm lại, thi hứng là một tình trạng mê sảng thần thánh, một biến thái hưng phấn thần kinh siêu nhiên, một thiên tư, một nghiệp dĩ tiền định [Boileau, *Art poétique* (Nghệ thuật thi ca)]. Nghiêm Vũ đời Tống dùng học thuyết *thần* của Phật giáo để ứng dụng cho thi hứng, nêu ra rằng đạo làm thơ là ở chỗ diệu ngộ (*thi đạo tại diệu ngộ*), hay nói cách khác, thi ca là *tâm lãnh thần hội*. *[3]

Nhiều người khác tuy chấp nhận tính cách phi lý tính của thi hứng nhưng lại không muốn xem nó như thần ứng, thần cảm. Họ cố gắng minh định nguồn gốc cảm hứng. Mme de Stael trong cuốn *De l'Allemagne* (Luận về nước Đức) giới thiệu thiên tài dân tộc Nhật nhĩ man, cho rằng *inspiration* là một hình thức *enthousiasme*. Nữ sĩ viết:

*La poésie est le langage naturel à tous les cultes. La Bible est pleine de poésie, Homère est plein de religion. Ce n'est pas qu'il y ait des fictions dans la Bible, ni des dogmes dans Homère; mais l'enthousiasme rassemble dans un même foyer des sentiments divers; l'enthousiasme est l'encens de la terre vers le ciel; il les réunit l'un à l'autre.**[4]

Tuy dùng chữ khác nhưng nữ tác giả vẫn chưa thoát được vòng cương toả của huyền bí siêu nhiên vì *enthousiasme* nguyên nghĩa là thần ứng, thần cảm. Diderot [*Second entretien sur le fils naturel* (Đàm thoại thứ hai về đứa con tư sinh)] cũng dùng khái niệm *enthousiasme* nhưng vì nhận thức rằng cảm giác là do các sự vật và hiện tượng trong tự nhiên tác động lên giác quan mà phát sinh nên, theo Diderot, cảm hứng cũng là hậu quả của môi trường kích thích trí tưởng tượng khêu gợi cảm tính thể chất và tinh thần, khiến nảy sinh một dòng thác ý tưởng *(torrent d'idées)*. Trường phái lãng mạn thì cho rằng chính con tim cung cấp thi hứng: Musset [*La nuit de Mai* (Đêm tháng năm)]: *Ah! Frappe-toi le coeur, c'est là qu'est le génie* (A! Hãy đấm vào tim, đó mới là chỗ thiên tài trú ngụ). Baudelaire tuy cũng dùng từ enthousiasme nhưng lại hiểu đó là một trạng thái xuất thần nhập hóa khiến thi sĩ bỗng có năng khiếu phi thường tự quên mình đi để hoà nhập cùng ngoại giới, nhờ đó nhà thơ phát hiện được bầu trời siêu việt [*Correspondances* (Tương thông)]:

Heureux celui qui peut, d'une aile vigoureuse,
S'élancer vers les champs lumineux et sereins!
Celui dont les pensers, comme des alouettes,
Vers les cieux le matin prennent un libre essor,
-Qui plane sur la vie et comprend sans effort
Le langage des fleurs et des choses muettes!
(Elévation)

(Người sung sướng là người có thể dùng đôi cánh cường tráng
Bay lên những khung trời rực rỡ và thanh tịnh!
Là người mà tư tưởng vung cao tự do lên khí quyển,
Như những con chim sơn ca vào buổi bình minh.
-Là người bay bổng trên cuộc đời và hiểu dễ dàng
Ngôn ngữ các loài hoa và các vật câm nín!)
(Thăng hoa)

Cũng tương tự như vậy, Rimbaud cho rằng thi hứng là xuất thần do cảm quan hỗn loạn còn Claudel thì thấy là hậu quả của trực quan thần bí. Đến lượt mình, trường phái siêu thực lại mô tả chủ thể sáng tạo trải qua những trạng thái tâm lý luôn luôn biến chuyển trong tiềm thứ, không phân biệt thực và mộng, tỉnh và điên. Khi hứng tới thì không thể ngăn, khi hứng đi thì chẳng thể giữ (*lai bất khả át, khứ bất khả chỉ*), theo Lục Cơ *(Văn phú*). *Hứng hội, hứng chí* là gì? Lục Cơ trả lời *Ngô vị thức phù khai, tắc chi sở do dã* (Tôi cũng chưa biết nguyên nhân của việc mở đóng đó). Nghĩa là họ Lục không tìm được nguyên do của việc thi tứ xuất hiện hay biến mất nên đành qui chuyện đó cho ý niệm *thiên cơ,* tức là cái mà trời phú cho người , là cái nhân tố chủ quan thuộc loại linh tính. Chu Hy, trong *Thi Kinh tập truyện*, giảng rằng *hứng* là tình cảm nẩy nở ảnh hưởng tới ý chí (*cảm phát ý chí*). Lục Du cũng quen thuộc với tâm trạng lòng thơ lai láng bồi hồi đó:

Thi tình tùy xử hữu,
Tín bút tự thành chương.
(Tức sự)
(Khắp nơi tràn hứng thơ,
Để cho bút tự múa thành bài).
(Thơ tức sự)

Vậy cảm hứng là phi lý tính, hay ít nhất thì cũng phi lý tính nhiều hơn hẳn lý tính.

Aristote nghĩ ngược lại. Nghệ thuật là hình thái hoạt động nhận thức của con người, là kết quả của sự "bắt chước" thực tại, là *mimésis*, chữ Hy lạp được Aristote sử dụng trong *Thi pháp*. Mỹ học của Aristote hướng về cái đẹp đang tồn tại một cách khách quan và cái đẹp là một thuộc tính của bản thân các sự vật, các đối tượng. Quá trình sáng tác không phải là một hiện tượng huyền bí. Thời điểm sáng tác không hề nằm dưới ánh sao thần trợ. Như thế, yếu tố lý tính trong sáng tạo cũng như trong thưởng thức nghệ thuật giữ một vai trò quan trọng. Diderot với tác phẩm lý luận *Paradoxe sur le comédien* (Nghịch lý về diễn viên) trong khi nêu lên lập trường mới về diễn xuất, bàn về quan hệ giữa diễn viên và nhân vật, ánh sáng về sân khấu, lại tự mâu thuẫn khi chủ xướng rằng không phải cái tâm nghệ sĩ mà là cái đầu nghệ sĩ làm nên tất cả. Verlaine nói mỉa *inspiration* khi kết luận *Poèmes saturniens* (Thi ca Thổ tinh):

Ah! L'inspiration, on l'ivoque à seize ans
Nous qui ciselons les mots comme des coupes
Et nous qui faisons des vers émus très froidement
...Ce qu'il nous faut à nous, c'est, aux lueurs des lampes

La science conquise et le sommeil dompté...
C'est l'Obstination et c'est la Volonté.
(A! người ta viện dẫn cảm hứng lúc mười sáu tuổi
Còn chúng tôi thì chạm gọt các chữ như những cúp thưởng
Và làm những câu thơ xúc động một cách rất lạnh lùng
...Điều chúng tôi cần là kiến thức thu lượm được
Và sức chiến thắng cơn buồn ngủ dưới ánh đèn...
Chúng tôi chỉ cần Ngoan cường và Nghị lực.)

Mallarmé sẽ theo gương Verlaine. Thơ phải tạo ra một ngôn ngữ cô đọng, có nhạc điệu như một thứ phù chú, gợi được bản thể của sự vật và hiện tượng; chết không phải là hết vì thơ kết tinh được bản chất ấy nên còn sống mãi; do đó nhà thơ phải sống một quá trình trừu tượng hoá, một sự tu luyện khắc khổ của trí tuệ. Mallarmé qua lao động ngôn ngữ học gian truân, tìm cách thủ tiêu sự tình cờ (*abolir le hasard*). Kết quả là thơ Mallarmé tối nghĩa, đóng kín (*hermétisme*), chỉ dành cho một thiểu số. Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ thiêng liêng cho nên người trần không được Mallarmé cho phép đặt chân vào điện thờ thi ca. Trong *Artiste* (Nghệ sĩ), Mallarmé viết rằng *Toute chose sacrée et qui veut demeurer sacrée s'enveloppe de mystère* (Tất cả những cái gì thiêng liêng và muốn giữ nguyên tính thiêng liêng đều phủ trùm huyền bí). Thi ca nhất thiết phải nghiêm phong, phải đậy chặt vì tự bản thân, thi ca vốn bí hiểm, không nhận thức được, không dễ khơi nguồn, chẳng thể nắm bắt. Mallarmé không chấp nhận thể loại thơ mô tả và cũng phủ nhận thể loại thơ gợi ý; nhà thơ chuyển dịch khái niệm thành tượng trưng. Thay vì nêu tên một vật thể, thi sĩ tìm cách khiến nẩy sinh trong nhận thức giới thưởng ngoạn một cảm tưởng liên hệ, chẳng hạn cảm tưởng ước ao do vật thể hiện hữu hay cảm tưởng trống rỗng vì vật thể vắng bóng. Nhà thơ chủ trương dùng những hình tượng đặc biệt để biểu hiện những sự vật có thật, những tình cảm, những điều bí ẩn mà cảm giác không thể nhận thức nổi. Valéry -dạy thi nghệ ở Đại học, Viện sĩ viện Hàn lâm Pháp, chết được quốc táng- nghĩ rằng *l'enthousiasme n'est pas un état d'écrivain* (thần ứng không phải là một cảnh huống văn sĩ). Vào thời điểm sáng tạo, không hề có thi hứng phi lý tính mà là một tình trạng minh mẫn tối đa của lý trí nhờ đó nhà thơ cưu mang được những ý thơ, tứ thơ trong tư thế đối đầu với những câu thúc *(5), cưỡng chế của vần điệu, tiết tấu, thi pháp, thi luật; qua vận dụng sự tương tác giữa ý và chữ.

Thơ một mặt gắn với cuộc sống khách quan rộng lớn, mặt khác lại gắn với chiều sâu thế giới nội tâm. Bề mặt rộng và sự phong phú trong đời

sống xã hội đã làm nên giá trị của những áng thơ Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Nguyễn Du cũng như của Goethe, Byron. Vẻ đẹp mềm mại của tình người biểu hiện trong những trang thơ Bạch Cư Dị, Cao Bá Quát; cảm xúc nhân sinh sâu sắc quyện hoà cùng chất thép kiên nghị trong thơ Alfred de Vigny. Thơ có lúc mang rõ những hạt nhân lý tính, nồng đượm suy tư triết học: Bertolt Brecht; thơ lắm khi đi vào những suy tưởng về đạo lý thâm sâu: Rabidranâth Tagore. Thơ có thể chảy tràn trên dòng cảm xúc như thơ Lamartine, Alfred de Musset; thơ không phải không biết đi vào địa hạt huyền bí xa lạ như thơ Mallarmé, Paul Claudel. Chính vì những phẩm chất và đặc điểm khác nhau đó của thơ mà làm thơ là hưng phấn động não. Khi đề cập đến những chủ đề được xem là vĩnh cửu, là tình cảm lớn của con người như sự sống, cái chết, tình yêu nỗi đau thì thơ cũng nói theo cách của thơ, nghĩa là không mang theo dấu vết chi tiết, tầm thường của nỗi đau hay niềm vui quá cụ thể, quá dung tục thuộc đời sống bình dị. Thơ dành cho người bạn đồng hành là *văn* chức năng giải bày -vốn thuộc lý trí- vụ ích lợi; thơ dành cho mình tính chất thơ là tính chất hàm súc, tiềm thức, thuần túy, vô vị lợi. Từ tiếng nói quen thuộc -cũng được *văn* sử dụng- ngôn ngữ thi ca tạo thêm cho mình những năng lực mới rất kỳ diệu. Chính vì thế mà ngôn ngữ thi ca nhiều khi được một số nhà lý luận thi học đẩy lên bình diện thứ nhất để xem thực chất quá trình sáng tạo trong thơ là ở sáng tạo ngôn từ hoặc tổ chức kết cấu hơn là ở những nhân tố nội dung, tuy rằng thơ vốn có thiên chức nghệ thuật bên trong của tâm hồn nghĩa là biểu hiện những tình cảm sâu sắc và mơ ước cao đẹp của con người, từ đó, đòi hỏi sự tinh tế trong cách cảm nhận, sự chọn lọc những nét tiêu biểu trong cuộc sống.

Thơ thuộc phương thức trữ tình -thơ tự sự thường bị đồng hoá với "tiểu thuyết"- do đó thơ lấy điểm tựa ở sự bộc lộ thế giới nội cảm của nhà thơ trước cuộc đời và qua ngôn ngữ. Nhưng bởi khuôn khổ có hạn định của lượng câu chữ trong từng bài thơ nên thơ đòi hỏi cao độ tính chính xác về nghệ thuật vận dụng ngôn từ. Nhà thơ là người sáng tạo công phu về hình thức biểu hiện. Một bài thơ hay là một chỉnh thể thống nhất trọn vẹn giữa nội dung và hình thức. Không một câu, chữ thừa. Tất cả vừa đủ, gắn bó, hài hoà. Do đó, thơ cần kinh lịch, bản lĩnh, trình độ và cũng phải được mài giũa, tỉa nắn, đẽo gọt. Hứng thơ cũng tiêu thụ rất nhiều calori. Đỗ Phủ từng bảo:

Vi nhân tích tích đam giai cú
Ngữ bất kinh nhân tử bất hưu.
(Giang thượng trị thủy như hải thế liêu đoản thuật)

(Con người có tính kỳ cục là đam mê câu hay

Cho nên nếu lời thơ không kinh động người đọc thì tới chết vẫn chưa thôi sửa chữa)

(Tạm kể sơ lược cảnh sông lúc nước dâng cao như biển)

Những *giai cú* đó chẳng thể nào đặt bút là viết được ngay, mà phải sửa đi sửa lại (*cải*):

Đào dã tính linh tồn để vật,
Tân thi cải bãi tự trường ngâm.
(Giải muộn thập nhị thủ)

(Phải nung nấu trong tâm can mới có được thơ ấy,
Thơ mới sửa xong, lại tự mình ngâm nga).
(Mười hai bài giải buồn)

Nhà thơ đọc trọn cả vạn quyển sách và khi hạ bút thì như có thần (*độc thư phá vạn quyển, hạ bút như hữu thần*) .*[6] Bạch Cư Dị làm thơ rồi đem đọc cho các bà lão trong dân gian nghe, nếu các bà bảo hiểu, lúc bấy giờ mới ghi lại thành bài. Nếu các cụ trả lời không hiểu thì nhà thơ sửa ngay lại, kỳ đến khi họ hiểu mới thôi. Chuyện *thôi xao* của Giả Đảo không mấy ai không biết. Nguyễn Du gom góp vốn liếng cho ngôn ngữ thi ca qua tiếng nói dân gian:

Thôn ca sơ học tang ma ngữ.
(Thanh minh ngẫu hứng)

(Bước đầu học những tiếng thuộc nghề
trồng dâu gai qua câu hát thôn quê)
(Tiết thanh minh ngẫu hứng)

giống như Tào Thực chủ xướng *Nhai đàm hạng thuyết, tất hữu khả thái* nghĩa là lời ăn tiếng nói nơi xóm ngõ cũng có cái đáng học tập (*Dữ Dương Đức Tổ thư*, thư gởi Dương Đức Tổ). Cho nên thi hứng nhất định phải có phần đóng góp của lý trí, đúng như định lý do Lục Du nêu: *Thi bằng tả hứng vong công chuyết* (Thơ chỉ dựa vào cảm hứng mà quên công phu rèn giũa thì vụng).

Điểm lại đôi nét một số quan điểm cơ bản về sáng tạo nghệ thuật của hai nhà mỹ học lớn thời cổ đại Platon và Aristote mà lý thuyết đã có tác dụng khơi nguồn cho những tư tưởng mỹ học ở các thời đại sau, chúng ta có lẽ phải đi đến nhận xét rằng quan niệm thi hứng bộc phát như thế nào bao giờ cũng gắn liền trực tiếp với một cách lý giải nhất định đối với bản chất thi ca. Nhìn thi sĩ như công cụ của một sức mạnh huyền bí, đánh giá thấp vai trò nhận thức trong nghệ thuật, đối lập trí lực lý tính với cảm hứng văn chương, mang thiên hướng thần bí hoá quá trình sáng tác của hồn thơ, có thể đấy là trường hợp thi ca tự tình, trữ tình là thể loại thi ca chan chứa tình cảm, ngập máu cơ tim, nặng chất tâm sự. Đó có lẽ là thi ca

của trường phái lãng mạn châu Âu. Đó có lẽ cũng là thi ca trong những bài mang tựa đề có chữ *hứng*: mười bốn bài trong số hơn hai trăm bài thuộc tập *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* của nhà Xuất bản Văn Học Hà nội hay các bài *Dạ kinh Lam giang ngẫu hứng* của Đoàn Nguyễn Tuấn, *Dạ du Di Lặc điện ngẫu hứng* cuả Đào Tấn v. v...; hay, nói chung, các bài ngẫu cảm, ngẫu đắc, ngẫu đề, ngẫu tác của văn chương xưa.

Dòng đời với hệ lụy nhiều hơn thung dung, đớn đau nhiều hơn sung sướng, trầm nhiều hơn thăng là nguồn hứng của thơ. Kinh nghiệm thực tiễn dạy cho người thơ những lời thơ chua chát bật ra tự động tự giác. Một Hàn Dũ: *Hoan du chi từ nan công, nhi cùng khổ chi ngôn dị hảo dã* *[7]. Một Âu Dương Tu: *Dư văn thế vị thi nhân thiểu đạt nhi đa cùng* và nhất là *Thi cùng nhi hậu công.**[8] Về phương diện thương mại, thơ vốn khó tiêu thụ. Về phương diện kinh tế, nhà thơ thường nghèo. Và còn kéo theo cả người phối ngẫu nữa. Nhân vật Beckford, Thị trưởng Luân đôn trong vở *Chatterton* (Sác tơ tơn) của Alfred de Vigny nói một câu thấm thía: "Nữ thần thi ca đẹp nhất cõi đời cũng chẳng nuôi nổi chồng mình, và đối với các vị thần thơ đó thì chỉ nên coi họ là người yêu, chớ bao giờ lấy làm vợ."**[9]*

Tuy nhiên chẳng phải ai đau khổ vì mất con gái cưng cũng viết được *A Villequier* (Ở Vin-lơ-ki-ê) hay *Demain, dès l'aube...* (Ngày mai, khi bình minh...) như Victor Hugo mất Léopoldine. Biết bao thiếu nữ, tự cổ chí kim, từ đông sang tây, từng sống những buổi chiều tiêu tao trên đường về nhưng phải đâu ai ai cũng có thể vạch da cây vịnh bốn câu ba vần. Khi người bạn đi vĩnh viễn ra đi, phải như Ngô Thì Sĩ mới viết được *Khuê ai lục*, phải như Ngọc Hân công chúa mới làm ra *Ai tư vãn*. Như vậy, chỉ có xúc cảm, xúc động không thôi cũng chưa đủ. Thi hứng không thể là một tình trạng đơn thuần phát sinh sáng tạo, không cố gắng, không động não. Vả chăng sáng tác vốn gắn với tưởng tượng. Tưởng tượng trong thơ là một động lực hỗ trợ. Tưởng tượng mở thêm nhiều năng lực mới, ý hướng mới, tạo cho nhà thơ có thể tiếp cận với cuộc sống bằng nhiều khả năng kỳ lạ và từ đó, bài thơ cũng bộc lộ nhiều phẩm chất mới. Có thể đây là lời giải cho thái độ mâu thuẫn của Diderot. Và của cả Dương Vạn Lý, khi một mặt nhà thơ đời Tống chủ trương tìm vốn sống cho sáng tác qua nguồn tài liệu phong phú và vô tận là cuộc đời:

Bế môn mịch cú phi thi pháp,
Chỉ thị chinh hành tự hữu thi.
(Hạ Hoành sơn than đầu vọng Kim hoa sơn)
(Đóng cửa tìm câu không phải là phép làm thơ,
Chỉ khi đi lại thơ mới tự nhiên đến)

(Xuống thác Hoành sơn ngắm núi Kim hoa)

mặt khác lại khẳng định:

Lão phu đãi thị tầm thi cú,
Thi cú tự lai tầm lão phu.
(Vãn hàn đề thủy tiên hoa)

(Ông già không tìm câu thơ,
Câu thơ tự tìm lấy ông già)
(Trời rét trễ đề hoa thủy tiên)

Khởi nguyên của thi phẩm có thể là một rối loạn tình cảm (ví dụ cái chết của Léopoldine đối với Victor Hugo) nhưng thi phẩm chỉ chào đời khi nhà thơ điêu khắc được cho xúc động của mình một hình hài nghệ thuật và để làm việc đó thì phải có lý trí, kinh nghiệm, học hỏi quan sát. Tất nhiên chỉ có giàu kiến thức thôi cũng chưa đủ. Với những tri thức sâu sắc đã được lĩnh hội thuộc một ngành chuyên môn ấn định, nhà khoa học tiếp tục kiếm tìm những qui luật đang ẩn tàng trong các hiện tượng: nhà khoa học phát minh; với sự hiểu biết ở một mức độ nào đó về con người và đời sống, nghệ sĩ trình bầy những hiện tượng nghệ thuật sinh động, thấm đượm tình cảm: nghệ sĩ sáng tạo. Cùng đứng trước đối tượng được nghiên cứu, nhà khoa học bàng quan sử dụng một hệ thống khái niệm và phạm trù kỹ thuật, tiến hành phân tích và tổng hợp, gạt bỏ hiện tượng, lọc lấy bản chất, đúc kết thành quả nghiên cứu bằng những định luật khái quát; trong khi nghệ sĩ thì thâm nhập vào đối tượng trong một trạng thái tràn đầy cảm hứng cho đến lúc đạt được sự hài hoà giữa khách thể và chủ thể để mang lại một hình tượng tươi nguyên đã được tái tạo. Tân Khí Tật trong một bài *từ* điệu *Hạ tân lang* thủ thỉ

Ngã kiến thanh sơn đa vũ mị,
Liệu thanh sơn kiến ngã ưng như thị.
Tình dữ mạo,
Lược tương tự.
(Ta nhìn núi xanh thật tuyệt đẹp,
Hẳn núi xanh nhìn ta cũng vậy.
Tình và cảnh
Dường như giống nhau).

Bằng tình cảm của mình, nhà thơ đưa chủ thể sáng tác và khách thể đối tượng đến một sự thống nhất khắng khít. Đó là lý do giải thích vì sao nhiều người có trình độ học vấn uyên thâm, có vốn liếng kiến thức đồ sộ, có cả năng lực tư duy trừu tượng vượt trội hơn hẳn nghệ sĩ nhưng lại không thể là nghệ sĩ. Đỗ Phủ tâm tình:

Tằng vi duyên lại xu Tam phụ,

Ức tại Đồng quan thi hứng đa.
(Hiệp trung lãm vật)
(Từng đến vùng Tam phụ làm chức quan nhỏ,
Nhớ lúc ở Đồng quan có nhiều hứng thơ)

Trước sau vụ loạn An Sử, Đỗ Phủ giữ chức Tả thập di, một thứ tiểu công chức ở vùng Tam phụ thuộc Trường an, bản thân chịu đựng cảnh loạn lạc khổ cực, tận mắt nhìn thấy không biết cơ man nào là hiện tượng thối nát của xã hội; hoàn cảnh đó kích thích thi hứng khiến thi nhân sáng tác được những bài nổi tiếng như *Tam lại, Tam biệt, Xuân vọng* v.v... Lưu Hiệp trong *Văn tâm điêu long (Thần tứ)* nói: *Đăng sơn tắc tình mãn vu sơn, quan hải tắc ý dật vu hải* nghĩa là thi hứng nảy sinh thường gửi gắm nơi vách non mặt bể mà chình mắt mình nhìn thấy. Lục Du phải có núi sông phù hộ mới vung bút được và nếu không đến Tiêu tương thì thi sĩ chẳng sao viết được thơ:

Huy hào đương đắc giang sơn trợ,
Bất đáo Tiêu tương khởi hữu thi.
(Ngẫu độc cựu cảo hữu cảm,
Ngẫu nhiên đọc sách cũ có cảm hứng)

Lý Bạch cũng cho biết bản thân mình do *Hiếu vi Lư sơn dao* mà *Hứng nhân Lư sơn phát* *[10]. Nếu không đến tận Lư sơn, Lý Bạch làm sao viết nổi nhiều bài thơ ngâm vịnh về Lư sơn nổi tiếng khác như *Vọng Lư sơn bộc bố* (Ngắm thác ở Lư sơn), *Vọng Lư sơn ngũ lão phong* (Ngắm chỏm núi Ngũ lão ở Lư sơn), *Lư sơn Đông lâm tự dạ hoài* (Suy nghĩ ban đêm ở chùa Đông lâm trên Lư sơn). Riêng bài *Vọng Lư sơn bộc bố*, thi sĩ vừa dùng thể thất ngôn vừa dùng thể ngũ ngôn để làm hai bài thơ cùng một đầu đề. Vương Duy trong bài *Chung nam sơn* miêu tả cảnh sắc biến ảo vô thường của ngọn núi, Đỗ Phủ trong bài *Đăng Nhạc dương lâu* trình bày khí thế hùng vĩ của hồ Động đình, Cao Bá Quát chụp lại hình ảnh những động cát ở Quảng trị (*Quá Quảng trị tỉnh*), Nguyễn Du khắc họa con đường khe đá hun hút ở núi rừng Chi Lăng (*Quỉ môn đạo trung*) v.v... đều đã đối cảnh sinh tình và chỉ có hứng làm thơ ngay tại thực địa sau khi quan sát cảnh quan. Có cảm xúc chân thực mới miêu tả được như vậy chứ không phải dựa vào bản đồ mà viết nổi thành thơ.

Chếnh choáng hơi men có tác dụng hưng phấn thần kinh nên dễ tạo nhiệt hứng thi ca. Lục Du ngồi bên song cửa lâng lâng tửu hứng:

Vãn song hốt hữu đề thi hứng,
Lạc bút tung hoành bán túy trung.
(Vãn song)
(Chiều bên cửa sổ bỗng có hứng thơ,

Trong cơn nửa say để bút ngang dọc)
(Chiều bên song cửa)

Nhiều khi uống rượu một mình (*độc chước*), nhiều khi vui tri âm (*đồng ẩm, quần ẩm*), uống rượu ngâm thơ cho khuây khỏa. Đỗ Phủ trong một bài thơ dài đã khắc họa sinh động hình tượng bạn thiết:

Lý Bạch nhất đấu thi bách thiên,
Trường an thị thượng tửu gia miên.
Thiên tử hô lai bất thướng thuyền,
Tự xưng thần thị tửu trung tiên.
(Ẩm trung bát tiên ca)

(Lý bạch uống một đấu rượu làm trăm bài thơ,
Ngủ trong quán rượu nơi chợ Trường an.
Được nhà vua gọi vẫn không chịu lên thuyền,
Lai còn bảo thần là tiên trong làng rượu)
(Bài ca tám vị tiên rượu)

Bản thân Lý Bạch từng xác nhận:

Hứng hàm lạc bút dao Ngũ nhạc
(Giang thượng ngâm)

(Hứng lên trong lúc say, hạ bút rung động cả năm tòa núi Nhạc)
(Khúc ngâm trên sông)

Tô Đông Pha lột được cái thần của một cơn dông trên Tây hồ nhờ nồng độ cồn êtylic lên cao trong huyết quản (*Vọng hồ lâu túy thư*, Say viết trên lầu Vọng hồ). Thơ Đào Tiềm không mấy bài không nói đến rượu. Dưới đầu đề *Ẩm tửu* có cả thảy hai mươi bài; trong lời tựa nhà thơ nói rõ *Dư nhàn cư quả hoan (...) Ngẫu hữu danh tửu. Vô tịch bất ẩm. Nguyện ảnh độc tận. Hốt yên phục túy (...) Chiếp đề sổ cú tự ngu* (...) [Tôi nhàn cư không mấy lúc vui (...) Thỉnh thoảng có rượu ngon thì đêm nào cũng uống. Một mình nhìn bóng mà rót. Bỗng chốc say (...) Thì lại làm thơ cho đỡ buồn (...)]. Những bài thơ đó thường là những bài thơ tâm sự. Tiêu Thống, người viết truyện và biên tập thơ Đào Tiềm trước nhất, nêu ý kiến rất xác đáng: *"Có người nghĩ rằng thơ Đào Uyên Minh bài nào cũng có rượu. Tôi xem ý nhà thơ không phải ở rượu, mà là gửi vào rượu tâm sự của mình."* Chuyên luận *Éloge de l'ivresse* của Cheng Win Fun và Hervé Collet đan cử bốn mươi bảy nhà thơ đời Đường và bốn nhà thơ đời Tống có thi phẩm trực tiếp đề cập đến cái thú nâng cốc. *[11] Trong thực tế, con số nhà thơ ngâm vịnh về tửu hứng chắc chắn phải lớn hơn rất nhiều. Phổ biến một di ảnh duy nhất cho hậu thế, Nguyễn Khuyến cũng đang tay nâng ly rượu.

Rượu đưa hồn thơ chơi vơi bay cao và bay xa khỏi trần thế. Thơ ca

trong tình hình đó có thiên hướng thoát ra ngoài xã hội hiện thực, lấy thế giới mộng tưởng, lấy cái đẹp hư ảo trong thiên nhiên tạo vật và chuyện cao xa muôn đời làm nguồn cảm hứng sáng tạo. Dương Vạn Lý đời Tống nửa tỉnh nửa say, nửa thức nửa mơ khi hứng cảm thành thi:

Tửu lực khi nhân chính tác miên,
Mộng trung đắc cú hốt tỉnh nhiên.
(Thự trai dạ tọa)
(Sức rượu lịm người khiến mơ màng,
Trong cõi mộng làm thơ rồi bừng tỉnh).
(Đêm ngồi trong phòng)

Buông mình vào cảnh trời mộng tưởng thoát ly và chơi vơi ấy, thi sĩ mở rộng thêm nhãn quan, biểu hiện nội tâm một cách mãnh liệt và đa dạng hơn, có quyền không chú ý diễn tả hiện thực bên ngoài, có thể bóp méo thực tại để làm nổi bật tất nôi, tự cho phép sử dụng những yếu tố hình thức bất ngờ về màu sắc hình ảnh.

La Fontaine, theo truyền tụng quen thuộc, thường viết các bài ngụ ngôn trong một tâm cảnh lơ đãng đáng yêu, như một cây pom sản xuất trái pom (*aimable distrait produisant ses fables comme un pommier des pommes*). Nhiều người cho rằng thi hứng có thể đến khi mình mơ mộng, hay ít nhất thì cũng là khi mình phân tâm. Không ai trong chúng ta không biết ý thơ quen thuộc *Là thi sĩ nghĩa là ru với gió, Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây* . Khi ngồi hay nằm yên, hoàn toàn buông lơi suy nghĩ, triệt để thư giãn gân cốt, tự đưa mình vào thái độ bất cần thích nghi với sự vật và xã hội, nhân sinh, bỏ xa các qui luật sống, tư duy không còn hoạt động trong khuôn khổ hạn hẹp của không gian, môi trường, thời gian bình thường mà bay bổng lên trời, sống lại cách đây một vài trăm năm, biến thành những nhân vật khác nhau, trải qua những cảnh đời xa lạ. Đó là cuộc sống mơ còn trong giấc ngủ thì những hình tượng như vậy gọi là mộng. Về tâm lý học và tất nhiên không phải chỉ ở thi nhân, có thể phân biệt hai cõi lòng, một cõi thực và một cõi mơ. Ranh giới giữa mơ mộng, nghệ thuật và bệnh lý không dễ gì mà xác định. *Đố ai nằm ngủ không mơ...*

Trong mơ, thi hứng đến đã giúp Nguyễn Huy Hổ hoàn thành *Mai đình mộng ký*. Truyện kể: mùa xuân Kỷ tỵ 1809 Nguyễn Huy Hổ đi thăm anh đang dạy học ở Nam đàn. Dọc đường nhà thơ ghé vào bến Phù thạch trên sông Lam (Nghệ an), một thắng tích để xem hội đèn. Gặp trời mưa họ Nguyễn thuê đò ngược sông Lam ngắm cảnh; uống rượu say, thi sĩ ngủ lúc nào không biết:

Giấc hoè thiếp thiếp lần mơ,

Trong mơ mòng thấy tình cờ lạ sao.
Tưởng mình lạc lối nguồn Đào,
Khi ra Động khẩu, khi vào Bồng doanh.

Trong giấc chiêm bao nhà thơ thấy mình đi vào một lâu đài trắng lệ, cùng một thiếu nữ xinh đẹp hoạ thơ, kế đó được một vị phu nhân đài các khuyên nhủ về quê tu chí học hành, khi nào đỗ đạt hãy trở lại Thưởng mai đình. Thi sĩ vâng lời lui bước và bừng tỉnh. Tùng Thiện Vương Miên Thẩm ghi lại trong di cảo rằng năm Giáp tý 1864 đêm mười sáu tháng hai, hoàng thân đi lạc vào cảnh tiên, làm hai mươi mốt bài thất ngôn tứ tuyệt; khi trở mình tỉnh dậy còn nhớ rõ mấy câu nên thắp đèn lên cầm bút chép lại:

Khước quái ngọc thanh, thanh thiết địa,
Dã yêu chỉ vĩ thụ Thương sơn.
(Suốt chốn bồng lai trong trẻo thế,
Sao còn muốn để hiệu Thương sơn).

Thúy Kiều làm mười bài từ trong cơn mộng gặp Đạm Tiên. Victor Hugo nửa thức nửa ngủ vẫn viết được một bài thơ sáu câu tố cáo chủ trương quân phiệt của Đệ nhị Đế chính và các nhà thơ làm thuê tán tụng nó năm 1868.

Valéry không thừa nhận rằng thi hứng có thể xuất hiện khi phóng tâm đãng trí vì điều kiện tất yếu để thành thi sĩ chân chính vốn hoàn toàn khác biệt với tình trạng mộng. *[12] Chẳng qua chỉ vì ông Hàn vốn duy mỹ, đề cao trí tuệ và lý trí trong sáng tạo, sùng thượng *poésie pure*. Mục đích thơ là tinh luyện từ ngữ -*purification du mot*. Thi ca sử dụng ngôn ngữ không phải để trực tiếp phản ảnh những tình cảm và cảm xúc mà để diễn tả tổng hợp những cái đó và cả tâm hồn, trí tuệ. Thơ Valéry huy động triệt để những vần, điệu, thể thơ, thủ pháp khó nhất, mài giũa từng chữ, tìm âm vận và tiết điệu rất công phu, hình thức rất cổ điển, tạo cho thơ tác dụng "phù phép" đối với người đọc. Tuy nhiên Valéry cũng không phủ nhận hẳn tỉnh và mơ, thực tế và chiêm bao, lý trí và mộng ảo ở chủ thể sáng tạo. Thi nhân cho rằng đôi khi "chư thần tử tế cho không chúng ta một câu thơ thứ nhất nào đó, nhưng chúng ta thì phải nhuận sắc câu thơ thứ hai... *(les dieux, gracieusement, nous donnent pour rien tel premier vers; mais c' est à nous de faconner le second...)*.Nhà viết tiểu luận hiện đại Roger Caillois trong *Impostures de la poésie* (Hư trá của thi ca) cho rằng thi hứng ít khi chọn nhầm đối tượng vì *"không bao giờ nhà phát minh hay người nghệ sĩ sở đắc một tài sản bất thần mà không từng hoài bão, khát vọng và cố gắng đạt tới từ lâu. Đâu đâu ông Trời cũng chỉ giúp người nào đã tự giúp rất nhiều"*.*[13] Nói rõ hơn, chỉ có một nhạc sĩ mới nằm mộng thấy viết

được một khúc hoà âm tuyệt vời và chỉ có một nhà khoa học mới nằm mơ thấy tìm ra một công thức phức tạp. Nhất định chẳng có cây viết trẻ nào trên internet làm nổi hai câu thơ như Tùng Thiện Vương, cho dù có nằm mộng hằng chục lần mỗi đêm. Theo sinh lý học, người mù bẩm sinh không thể nằm mơ thấy màu sắc, người điếc từ khi lọt lòng mẹ không thể nằm mơ thấy âm thanh. Setchenow định nghĩa chiêm bao là một sự kết hợp chưa hề xảy ra giữa các hiện tượng đã xảy ra.

Thi hứng cũng là một kết hợp, kết hợp giữa lý trí và thiên phú, giữa ngẫu phát và tích luỹ, trên cơ sở một trạng thái cảm xúc thẩm mĩ hình thành và bột phát do tác động của một cảnh vật hay sự việc nhất định. Xếp hạng thơ vốn hết sức đơn giản: thơ hay và thơ dở, thơ tuyệt phẩm và thơ không đáng đọc. Goethe: *Ein Gedicht soll entweder vortrefflich sein oder gar nicht existieren.**[14] (Một bài thơ chỉ có thể hoặc tuyệt vời hoặc không đáng hiện hữu). Trong mỗi tập thi tuyển, từ tuyển có bài, có *tứ* đọc lên ngâm lên là được nội cảm ngay, có nhiều bài không để lại ấn tượng gì nơi giới thưởng ngoạn. Phải chăng vì vậy mà có lắm tác giả hầu như được biết đến chủ yếu qua một bài thơ hay một tứ thơ: Vương Hàn với *Lương châu từ*, Thôi Hiệu với *Hoàng hạc lâu*, Trương Kế với *Phong kiều dạ bạc*, Trương Kính Trung với *Biên từ*, Thôi Hộ với *hoa đào năm ngoái* v.v... Cuốn *Quốc văn giáo khoa thư lớp sơ đẳng* chỉ tuyển chọn một bài thơ có tên tác giả Nguyễn Khuyến, bài *Mùa thu ngồi câu cá* để dạy cho các "học trò nhà nước" thuở bấy giờ. *[15] "Hàng vạn người đọc rất tinh, đã thuộc (bài thơ thu) này, mà không thuộc được các bài thu khác (của các tác giả khác)."*[16] Du Bellay có *Heureux qui, comme Ulysse...* (Kẻ sung sướng như Uy-lít...) được giảng dạy từ trường sơ cấp tiểu học đến trường đại học văn khoa Pháp.

Nghĩa đen của *hứng* là nổi lên, dấy lên, bộc lộ ra một xúc cảm nào đó. Cho nên trong ca dao mới có kiểu cấu tứ gọi là *thể hứng*, tức là cung cách sáng tác câu hát tiếng hò trên đồng ruộng theo lối đối cảnh sinh tình. Đó là một trong ba thể thơ của Kinh Thi mà ngữ nghĩa phức tạp khiến các nhà Trung quốc học châu Âu chỉ có cách hoặc là cố gắng tìm một từ đẳng trị gần gụi nhất với thuật ngữ Hán văn liên hệ như *allégorie, métaphore* để mà chuyển ý hoặc là đành thúc thủ qua phiên âm la tinh hóa thành *hing, hsing*.

Có chàng thanh niên nhìn lên thinh không
Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng
bỗng liên tưởng đến người thương
Ước gì anh lấy được nàng

Để anh mua gạch Bát tràng về xây...

Có ông cử làng Phú thị trước cảnh chiều bỗng nẩy ra thi tứ:

Tức sự thi thành bão tất ngâm.

(Cao Bá Quát. Thôn cư vãn cảnh)

Từ sự vật trước mắt làm thơ rồi bó gối ngồi ngâm

(Cảnh chiều ở thôn quê)

Có ông quan Hoàng giáp bỗng cảm thán về nhân tình thế thái khi đọc thơ người xưa:

Cảm thì ưng khái đát

Tức canh hợp hư hy.

(Ngô Thì Sĩ. Độc bạch tập ngũ thập tứ vận)

Cảm thời thế thì bi phẫn

Tức cảnh đời thì thở than

(Năm mươi tư vần đọc tập thơ họ Bạch)

Cả ba đều do cảm hứng của lòng trước những ngoại cảnh dị biệt mà có xung động sáng tác thành thơ. Như mọi người làm thơ khác của hôm qua và ngày mai, của phương đông và phương tây.❐

[1] Ce fleuve tout animal de sang et de désirs qui roule au fond de chacun une lave ardente et sombre.

[2] Il lit dans les astres la route que nous montre le doigt du Seigneur.

[3] Nghiêm Vũ. *Thương Lang thi thoại. Thi biện* (Chuyện thơ của Thương Lang. Biện luận về thơ).

[4] Thi ca là ngôn ngữ tự nhiên của mọi hình thức tế tự. Thánh kinh ngập tràn thi ca, Hô-me ngập tràn tôn giáo. Không phải trong Thánh kinh có hoang đường, trong Hô-me cũng không có tín lý; nhưng thi hứng tập trung trong cùng một gia tộc những tình cảm khác nhau thi hứng là trầm hương từ đất lên trời, nó liên kết cái này với cái kia.

[5] Giới nghiên cứu văn học dùng chữ *contraintes* để chỉ các ràng buộc, gò bó ngôn ngữ, thi pháp, thi phong, thi thể tác động lên quá trình lao động sáng tạo thi ca.

[6] *Phụng tặng Vi tả thừa trượng nhị thập nhị vận* (Hai mươi vần thơ kính tắt ngài Tả thừa họ Vi].

[7] Thơ từ của người sung sướng khó mà hay, ngôn từ của kẻ bần hàn thường dễ hay hơn [Kính Đàm xướng họa thi tự (Tựa tập thơ xướng họa của Kính Đàm)]

[8] Ta nghe đời thường nói nhà thơ hiển đạt thì ít mà cùng khổ thì nhiều. Thơ phải khốn cùng sau đó mới hay [*Mai Thánh Du thi tập tự* (Tựa

tập thơ của Mai Thánh Du)]

[9] (...) La plus belle Muse au monde ne peut suffire à nourrir son homme, et qu'il faut avoir ces demoiselles-là pour maitresses, mais jamais pour femmes.

[10] *Lư sơn dao ký Lư Thị ngự Hư Chu* (Bài ca Lư sơn gửi quan Thị ngự Lư Hư Chu). Chữ thứ nhứt câu thơ nầy 女子 vừa có âm *hảo* nghĩa là tốt vừa có âm *hiếu* nghĩa là thích. Trần Trọng San trong *Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị* (Bắc Đẩu, Canada, 1944, tr. 120) phiên âm là *hảo* và dịch câu thơ thành *Hãy làm bài ca Lư sơn!* Có lẽ nên hiểu là *hiếu* theo mạch văn và ý tứ toàn bài thơ. Paul Jacob trong *Florilège de Li Bai* và Georgette Jaeger trong *L'anthologie de trois cents poèmes de la dynastie des Tang* cũng dùng động từ *aimer* để dịch.

[11] Cheng Win Fun et Herbé Collet. *Éloge de l'ivresse* (Tán tụng thú say). Moundarren. Millemont. 1988.

[12] Ce n'est pas avec des absences et des rêves que l'on impose à la parole de si précieux et de si rares ajustements. La véritable condition d'un véritable poète est ce qu'il y a de plus distinct de l'etat de rêve. [Variété. *Au sujet d'Adonis* (Tạp lục. Về bài A-đô-nít)]

[13] Jamais inventeur ou artiste ne bénéficia d'un bien subit qu'il n'avait pas depuis longtemps concu, convoité et essayé d'atteindre. Partout le Ciel n'aide que celui qui s'est beaucoup aidé.

[14] Wilhelm Meisters Lehrjahre (Những năm tập nghề của Vil-hem Mai-xtơ).

[15] a- Bài nầy nguyên có đầu đề là *Thu điếu*, các soạn giả có lẽ vì sợ chữ điếu (câu cá) khá lạ đối với học sinh lớp ba tiểu học nên sửa lại.

b- Thực ra sách còn có hai bài thơ khác, một bài của Lê Quí Đôn [Rắn đầu biếng (nhác) học] và một bài thơ "Nguyễn Trãi gia huấn" (Thương người như thể thương thân). Ngày nay chúng ta biết rằng bản quyền tác giả của cả hai bài đều chỉ là truyền thuyết hay sai lầm lịch sử.

c- Phần thơ còn lại trong *Quốc văn giáo khoa thư lớp sơ đẳng* đều là ca dao.

[16] Xuân Diệu. *Đọc thơ Nguyễn Khuyến* trong *Thơ văn Nguyễn Khuyến*. Nhà xuất bản Văn học. Hà nội. 1979.

đón đọc
văn học xuân mậu dần 1998
phát hành đầu tháng 1.1998

Nói chuyện đối với Nguyễn Công Trứ

HOÀNG LỘC

quân tử nào ăn chẳng cầu no?
tồn chất tiên sinh, ông là tên bá láp
bởi có những đêm ta nằm ta ngáp
khi đã thua từng cơn đói đầu hôm

xưa lắm rồi kiểu nói văn chương!
bần tiện không đi mới là quân tử
ta thấy bọn cứ lạy đài uy vũ
rồi vẫn huênh hoang giở giọng khinh đời

ông ngày xưa sống để dong chơi
nay ta sống để ở tù - hẳn khác
cái nghèo của ông, nghèo chờ hiển đạt
còn cái đói của ta, cái đói trường kỳ

ổ khóa then cài - ta gặp buổi loạn ly
bụng nước thay cơm kêu đâu cần vỗ
tráng sĩ bạch đầu nhìn qua cửa sổ
một khoảng trời mù đêm vẫn là đêm

từ thuở thiếu thời ta chịu đói không quen
năm canh đó với bao lần trở giấc
nhẩm phú hàn nho, biết lời ông nói trật
muốn chửi đổng vài câu, lại sợ ông buồn

"Họ Từ tên Hải vốn người Việt-đông"

Tạ-quốc-Tuấn

Bàn về quê quán của Từ-Hải, nhân vật cuối cùng trong cuộc đời luân lạc phong trần của Thúy-Kiều, nhiều người đã căn cứ vào câu thơ "Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông" (câu 2172) của Truyện Kiều mà bảo rằng Từ-Hải là người Quảng-đông. Chẳng hạn Văn-hạc Lê-văn-Hòe đã giải thích câu thơ này như sau: "Người anh hào ấy, tên là Từ Hải quê quán ở Việt Đông tức tỉnh Quảng Đông bây giờ. Quảng Đông là tỉnh ở miền cực nam nước Trung-hoa ..."(1)

Sở dĩ có giải thích này là vì tỉnh Quảng-đông bên Trung-quốc còn có biệt danh là Việt-đông (chữ VIỆT ở đây viết với bộ mễ), cũng như tỉnh Quảng-tây có biệt danh là Việt-tây. Gọi như vậy là vì tỉnh Quảng-đông nằm ở đông bộ sông Việt hay Việt-giang (chữ VIỆT cũng viết với bộ mễ), tên cũ của sông Chu hay Chu-giang (2), con sông chảy ở phía nam thành phố Quảng-châu. Tên Việt-giang là tổng danh của ba sông hợp lại với nhau là Bắc-giang, Tây-giang và Đông-giang. Bắc-giang chảy theo hướng đông nhập vào Tây-giang, rồi tiếp tục chảy theo hướng đông hợp vào Đông-giang, đoạn ra khỏi Hổ-môn(3) mà rót vào Nam-hải. Lưu vực Việt-giang (xưa gọi là lưu vực Chu-giang) gồm bốn tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam và Quí-châu.

Tuy nhiên từ VIỆT ĐÔNG trong câu thơ kể trên không phải là chỉ tỉnh Quảng-đông, bởi vì, theo các sử sách, Từ-Hải là người huyện Thiệp tỉnh An-huy. Trước khi đi xa hơn, chúng ta nên biết qua về huyện Thiệp. Từ THIỆP – viết bằng bộ khiếm (thiếu; nợ) ở bên phải và ở bên trái có chữ hợp (họp lại, góp lại; liên tiếp; đúng cách) viết trên chữ vũ (lông chim) – có hai cách đọc là HẤP (âm Quan thoại là HSÌ) và THIỆP (âm Quan thoại là SHÉ). Vì thế, trước thời nhà Minh (1368-1644) vùng đất này gọi là HẤP và sau đó gọi là THIỆP. Gọi là HẤP hay THIỆP là vì ở đông nam

vùng đất này có một con sông nhánh gọi là Thiệp-phổ hay Hấp-phổ.

Vào thời Xuân-thu (770-476 TCN) vùng đất sau này mang tên là Hấp hay Thiệp là lãnh thổ nước Ngô. Khi nước Ngô bị nước Việt thôn tính năm 496 TCN đất này lại thuộc nước Việt. Trong thời Chiến-quốc (476-221 TCN), vì lẽ nước Việt bị nước Sở diệt năm 323 TCN đất này một lần nữa đổi chủ mà thuộc nước Sở. Năm 223 TCN nước Tần diệt nước Sở và thống nhất Trung-quốc năm 221 TCN rồi trở thành vương triều Tần (221-206 TCN), vùng đất này được lập thành huyện mang tên là huyện Hấp thuộc quận Chương. Thời nhà Hán (206 TCN - 221 SCN), huyện Hấp thuộc quận Đơn-dương. Trong thời Tam-quốc (221-265), nhà Ngô hay Đông-Ngô (222-265) đã cải tên huyện Hấp thành huyện Tân-đô. Sang đến đời nhà Tấn (265-420), huyện lại đổi tên là Tân-an. Đời nhà Tùy (589-618) mới đầu huyện được thăng lên làm châu và gọi là châu Tân-an, nhưng sau này châu lại đổi thành quận, trị sở đặt ở huyện Hấp. Nhà Đường (618-960) cải quận Tân-an thành châu Hấp. Sang đến thời nhà Tống (960-1280), châu Hấp đổi tên là châu Huy. Nhà Minh (1368-1644) hạ châu Huy xuống thành huyện Thiệp. Trong thời nhà Thanh (1644-1912), huyện Thiệp là trị sở của phủ Huy-châu. Cũng nên nhớ rằng dù gọi là Hấp hay Thiệp, chữ viết bằng Hán tự vẫn là một.

Mặt khác, tỉnh An-huy ngày nay khi xưa là một phần địa bàn sinh sống của chi tộc Đông-Việt, một chi thuộc sắc tộc mang tên chung là Bách-Việt.

Thực vậy, cách đây ít ra là 5000 năm đã có nhiều sắc dân sống ở trên phần đất ngày nay gọi là Trung-quốc, trong đó quan trọng nhất là hai sắc dân Việt tộc và Hán tộc. Người Việt tộc lại là sắc dân đầu tiên sinh sống ở lưu vực Hoàng-hà, nơi sau này người Trung-hoa thường gọi là trung nguyên hay trung thổ. Còn người Hán tộc sống ở vùng tây bắc Trung-quốc, quanh Thiên-sơn, một rặng núi phát mạch từ tây bắc huyện Sơ-lặc tỉnh Tân-cương ngày nay chạy tới biên giới nước Nga ở phía tây. Vào thiên niên kỷ thứ 3 TCN, vì đói kém, người Hán tộc sống ở chân núi Côn-lôn (hay Côn-luân) đã theo vùng đất ngày nay là hai tỉnh Tân-cương và Cam-túc kéo sang phía đông, tới sống chung với người Việt tộc.

Vốn là một sắc dân mạnh hơn, hiếu chiến hơn, và tiến bộ nhanh hơn về khoa học vật chất, người Hán tộc đã dần dần đánh đuổi người Việt tộc đi để chiếm lấy đất đai của họ. Việc này được tiêu biểu bằng việc Hiên-viên (còn gọi là Hoàng-đế hay Nhân-hoàng, 2697-2597 TCN), tù trưởng bộ lạc Hán tộc Hữu-hùng, từ phía nam rặng Thiên-sơn đến miền Cam-túc, đánh bại Du-võng, tù trưởng bộ lạc Việt tộc Thần-nông (họ Khương, ở vùng núi Liệt, còn gọi là núi Lệ, thuộc huyện Tùy tỉnh Sơn-đông ngày

nay), ở cánh đồng Bản (hay Phản)-tuyền (nay ở phụ cận huyện Giải tỉnh Sơn-tây) và chiếm lấy đất của bộ lạc này.

Vì yếu kém hơn và hiếu hòa hơn, người Việt tộc cứ bị người Hán tộc đánh đuổi mãi phải lui dần xuống nam bộ, đông nam bộ và tây nam bộ Trung-quốc. Trong đời Đế Nghiêu (2356-2255 TCN), tù trưởng bộ lạc Đường, người Hán tộc đã chiếm được miền ngày nay là tỉnh Sơn-tây; trong đời Đế Thuấn (2255-2205 TCN), tù trưởng bộ lạc Ngu, họ chiếm được cả miền nay là tỉnh Hà-nam; và sang đến đời vua Vũ hay Đại-Vũ (2205-2197 TCN), vua đầu tiên của vương triều Hạ (2205-1766 TCN), họ chiếm được các đất đai ở phía nam Hoàng-hà. Kết quả là tới đời nhà Hạ đã có sự phân chia lãnh thổ rõ ràng, người Hán tộc sống tại lưu vực Hoàng-hà ở phía bắc, còn người Việt tộc sống từ sông Dương-tử (còn gọi là Trường-giang) trở về phía nam. Từ đời nhà Thương (còn gọi là Ân, 1766-1122 TCN) và nhất là từ nhà Châu (1122-221 TCN) trở đi, người Việt tộc không còn cơ hội ngóc đầu lên nữa. Vùng đất bản bộ Trung-quốc hoàn toàn nằm trong tay người Hán tộc.

Trong đời nhà Hạ, vua Thiếu-khang (2079-2057 TCN) đã phong cho người con trai thứ một vùng đất ở đông nam bộ thành phố Hàng-châu tỉnh Chiết-giang ngày nay ra tới biển Đông (Đông-hải) để lập nên một nước mang tên là Việt. Kinh đô của nước Việt đặt ở Cối-kê (nay là huyện Thiệu-hưng tỉnh Chiết-giang). Nước Việt chỉ nổi tiếng vào thời Chiến quốc khi vua nước này là Tự (còn đọc là Tỉ) Câu-tiễn đã đánh bại vua nước Ngô là Hạp-lư (514-496 TCN) năm 496 TCN tại Tuy-lý (nay là huyện Gia-hưng tỉnh Chiết-giang) và sáp nhập nước Ngô vào nước Việt. Do đó lãnh thổ nước Việt đã nới rộng gồm vùng đất nay là hai tỉnh Giang-tô và Chiết-giang và nam bộ tỉnh Sơn-đông. Sau đó, Câu-tiễn đã dời đô sang Lang-da (nay là vùng đất ở đông nam huyện Chư-thành tỉnh Sơn-đông).

Người cháu đời thứ 6 của Câu-tiễn là Tự (hay Tỉ) Vô-cương đã bị Sở-vương giết chết năm 323 TCN và nước Việt đã vì thế bị diệt vong. Con cháu Vô-cương chạy tản mác xuống phía nam và chia ra làm nhiều chi mà sử gọi chung là Bách-Việt, sinh sống ở một vùng đất khoảng bảy tám ngàn dặm, chạy từ Giao-chỉ ở phía nam lên đến Cối-kê ở phía bắc. Trong khối Bách-Việt này, đáng kể nhất là các chi Đông-Việt (còn gọi là Đông-âu hay Việt Đông-hải) ở trên vùng đất nay bao gồm phủ Ôn-châu và đông bộ, nam bộ tỉnh Chiết-giang, và đông nam bộ tỉnh Phúc-kiến; Nam-Việt ở vùng đất nay là tỉnh Quảng-đông và bắc bộ tỉnh Quảng-tây; Âu-Việt ở giải đất nay là vùng huyện Vĩnh-gia tỉnh Chiết-giang; Tây-Việt ở vùng đất từ chỗ hai sông Tương-thủy và Ly-thủy hợp lưu ở ranh giới tỉnh Hà-nam chạy xuống phía nam; Mân-Việt ở vùng nay là phần lớn tỉnh Phúc-kiến;

Lạc-Việt ở vùng đất rất lớn chạy từ Tang-ca ở phía tây (nay là một phần các tỉnh Tứ-xuyên, Hồ-nam, Quí-châu và Quảng-tây) xuống vùng tây ngạn Hoàng-hà và bắc ngạn sông Vệ, đất Tuy-đức tỉnh Thiểm-tây tới tận tỉnh Phúc-kiến và Giao-chỉ (bắc bộ và bắc trung bộ Việt-nam ngày nay).

Đời Kiến-nguyên (140-134 TCN) Hán Vũ-đế (140-86 TCN) đã phong cho hậu duệ của Việt-vương Câu-tiễn tên là Dư-thiện chức Đông-Việt-vương cai trị một phong địa nằm ở đông bộ và nam bộ tỉnh Chiết-giang và đông nam bộ tỉnh Phúc-kiến ngày nay, nghĩa là gần hết địa bàn sinh sống của người thuộc chi Đông-Việt. Ngoài ra người Đông-Việt còn sống ở phía nam sông Dương-tử chạy qua hai tỉnh An-huy và Giang-tô nữa.

Vì huyện Thiệp tỉnh An-huy nằm ở phía nam sông Dương-tử sát ranh giới giữa hai tỉnh An-huy và Chiết-giang nên người dân huyện này khi xưa thường được gọi là người Đông-Việt, Đông-âu hay Việt Đông-hải. Cũng vì lý do này, Từ-Hải là người quê quán huyện Thiệp phải được coi là người Đông-Việt/Đông-âu/Việt Đông-hải. Còn một lý do khác khiến chúng ta phải giải thích câu "vốn người Việt Đông" có nghĩa là người Đông-Việt, chứ không phải là người Quảng-đông. Theo luật bằng trắc trong thể thơ lục bát của Việt-nam, các chữ thứ hai và thứ sáu của câu lục phải là vần bằng và chữ thứ tư vần trắc, cũng như các chữ thứ hai, sáu và tám của câu bát phải là vần bằng còn chữ thứ tư vần trắc. Ngoài ra, chữ thứ sáu câu lục và chữ thứ sáu câu bát phải vần với nhau. Luật này các nhà thơ bắt buộc phải tuân thủ; nếu vi phạm, thơ sẽ bị thất luật. Chúng ta hãy lấy thí dụ ngay trong *Truyện Kiều*:

Trăm năm(B) trong cõi(T) người ta(B,v),
Chữ tài(B), chữ mệnh(T), khéo là(B,v) ghét nhau(B,v).
Trải qua(B) một cuộc(T) bể dâu(B,v),
Những điều(B) trông thấy(T) mà đau(B,v) đớn lòng(B,v).
Lạ gì(B) bỉ sắc(T) tư phong(B,v),
Trời xanh(B) quen thói(T) má hồng(B,v) đánh ghen(B,v).
Cảo thơm(B) lần giở(T) trước đèn(B,v),
Phong tình(B) cổ lục(T) còn truyền(B,v) sử xanh(B,v).

Trong khi đó chúng ta thấy từ ĐÔNG-VIỆT gồm một chữ vần bằng (Đông) và một chữ vần trắc (Việt). Nếu giữ nguyên thứ tự này, câu thơ 2172 của Truyện Kiều lúc đó sẽ là "Họ Từ tên Hải vốn người Đông-Việt" và sẽ vi phạm luật bằng trắc như thấy sau đây:

Đội trời(B) đạp đất(T) ở đời(B,v),

Họ Từ(B) tên Hải(T) vốn người(B,v) Đông-Việt(T).
Giang hồ(B) quen thói(T) vẫy vùng(B,v)
Gươm đàn(B) nửa gánh(T) non sông(B,v) một chèo(B,v).

Sở dĩ nó vi phạm luật bằng trắc vì từ VIỆT chẳng những là vần trắc ở chỗ luật thơ đòi hỏi một vần bằng mà nó lại không thể vần với chữ thứ sáu của câu lục kế tiếp được (VIỆT là tiếng trắc không thể vần với VÙNG tiếng bằng). Do đó, chúng ta phải nghĩ rằng khi Nguyễn-Du dùng cụm từ "vốn người Việt Đông" đại thi-hào có ý muốn nói "vốn người Đông-Việt." Việc đảo lộn thứ tự các chữ trong một từ kép, từ ghép hay cụm từ Hoa ngữ là một hiện tượng xảy ra rất nhiều khi người Việt-nam mượn chúng làm từ Việt ngữ. Thí dụ các từ kép, từ ghép hay cụm từ Hoa ngữ BANG LIÊN, CẢM TÌNH, CHỨNG NHÂN, ĐẤU TRANH, GIẢN ĐƠN, HẠN GIỚI, HỈ HOAN, KẾ THỪA, KHÔNG HƯ, LAI VÃNG, NHI THẦN, QUYỀN UY, TRIỂN KHAI, QUỐC TẾ MẬU DỊCH, TRÍ THỨC PHẦN TỬ, TƯ BẢN CHỦ NGHĨA, XÃ HỘI CÁCH MỆNH, v.v., sang Việt ngữ đã thành LIÊN BANG, TÌNH CẢM, NHÂN CHỨNG, TRANH ĐẤU, ĐƠN GIẢN, GIỚI HẠN, HOAN HỈ, THỪA KẾ, HƯ KHÔNG, VÃNG LAI, THẦN NHI, UY QUYỀN, KHAI TRIỂN, MẬU DỊCH QUỐC TẾ, PHẦN TỬ TRÍ THỨC, CHỦ NGHĨA TƯ BẢN, CÁCH MỆNH XÃ HỘI, v.v.(4) Hơn nữa, vì chi tộc Đông-Việt còn gọi là Việt Đông-hải nên chúng ta lại càng có lý do để tin rằng khi Nguyễn-Du dùng cụm từ "vốn người Việt Đông" ông có ý nói Từ-Hải "vốn người Việt Đông-hải" hay "vốn người Đông-Việt," nghĩa là ông có ý chỉ đến sắc tộc chứ không phải là "vốn người Quảng-đông" để ngụ ý chỉ một địa phương.

Sau hết, chi tiết Từ-Hải phải là người Việt Đông-hải hay Đông-Việt thì mới phù hợp với việc họ Từ đặt sào huyệt tại đảo Kyushu bên Nhật, ở đông bắc hải phận Trung-quốc và hoành hành ở các tỉnh Giang-tô, Chiết-giang và Phúc-kiến là những địa phương tiếp giáp với tỉnh An-huy nói chung và huyện Thiệp nói riêng. Đấy là chưa kể việc các tỉnh này là nơi hoạt động của nụy khấu Nhật từ nhiều thế kỷ. Trái lại, họ Từ sẽ làm một việc không hợp lý khi ông ta là người Quảng-đông mà lại đi đặt sào huyệt ở Nhật-bản quá xa, không tiện cho việc xuất phát và nhất là cho việc thoái lui khi cần, chứ không phải ở những nơi gần với Quảng-đông hơn, chẳng hạn đảo Đài-loan ở đông bắc hay nhất là đảo Hải-nam ở rất gần mỏm cực nam của tỉnh này.

Ngoài ra, cũng cần phải chú ý đến hai chi tiết khác liên quan đến việc Từ-Hải làm hải tặc. Thứ nhất, từ thời nhà Tống đến thời nhà Minh ở Trung-quốc, các nụy khấu Nhật-bản, trá hình làm các thương gia, vẫn thường

tiếp xúc hay giao dịch với các tỉnh duyên hải đông bắc Trung-quốc như Giang-tô, Chiết-giang, Phúc-kiến và sau này đánh phá cướp bóc ở đây. Họ không hề tiếp xúc, giao dịch, xâm nhập tỉnh Quảng-đông. Điều này dễ hiểu: tỉnh Quảng-đông ở quá xa Nhật-bản, không phải là địa điểm tốt, an toàn, hay lý tưởng cho các hoạt động của chúng. Vậy nếu Từ-Hải là người Quảng-đông thì làm sao ông ta có thể hợp tác với nụy khấu Nhật được khi bọn này không hoạt động ở đây? Còn nếu bảo ông ta tuy là người Quảng-đông nhưng vẫn có thể lên hoạt động ở các tỉnh Giang-tô, Chiết-giang, Phúc-kiến thì càng không hợp lý vì ông ta không có hậu thuẫn hay sự che trở của người địa phương, như vậy dễ vấp phải nhiều khó khăn, trở ngại, và dễ bị triều đình phát giác nếu có những hoạt động phi pháp. Chúng ta nên nhớ rằng xã hội Trung-quốc ngay cho đến hiện tại vẫn nặng óc kỳ thị địa phương. Một người quê quán ở tỉnh Thiểm-tây đến sinh sống ở tỉnh Tứ-xuyên chẳng hạn vẫn bị coi là ngoại nhân, là khách gia, chứ không hề được coi là người bản địa, với mọi hậu quả của cách đối đãi như vậy. Thứ hai, từ thời Tần, Hán cho tới trước thời Thanh mạt, mỗi khi vì hoàn cảnh hay vì muốn chống đối triều đình, người tỉnh Quảng-đông chỉ đi làm thảo khấu, sơn tặc, đạo tặc hay lục lâm thôi, chứ chưa nghe thấy nói có người tỉnh Quảng-đông đi làm hải tặc.

Để kết luận chúng ta phải nói rằng qua câu thơ "Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông" Nguyễn-Du muốn nói rằng Từ-Hải là người Đông-Việt hay Việt Đông-hải, chứ không phải có ý nói họ Từ là người Quảng-đông.❐

CHÚ THÍCH

(1) Văn-Hạc, Truyện Kiều Chú Giải, Diên-hồng, Sài-gòn, 1961; Zieleks, Houston, Texas, in lại năm 1976, tr. 422, chú thích 1792.

(2) Gọi là Chu-giang hay sông Chu là bởi vì ở giữa sông có những cồn cát hình tròn như những hạt ngọc trai, tên gọi là hải chu (người Việt-nam thường gọi là hải châu). Cũng vì lý do này, Việt-giang hay Chu-giang còn có một tên khác là Trầm-chu-phổ (trầm: chìm; chu = hạt trai; phổ = sông nhánh).

(3) Hổ-môn nằm ở tây nam huyện Đông-hoàn, tỉnh Quảng-đông. Gọi như vậy là vì ở phía đông có núi Đại-hổ và phía tây có núi Tiểu-hổ đối diện với nhau như hai cánh cửa hay như hình chữ MÔN (cửa). Hổ-môn còn gọi là Hổ-đầu-môn và núi còn mang tên khác là Hổ-đầu-sơn hay Tú-sơn. (4) Vấn đề này đã được chúng tôi trình bày trong bài "Sự Việt hóa Hoa ngữ: Đảo Từ", đăng trong Vietnam Weekly News, ng. 31.12.1993, tr. 18.

Lòng hải lý

(trích trường ca)

ĐỖ QUYÊN

Khi mẹ nằm xuống là lúc con thực biết đi
những bước đi dài không điểm tựa
những lối đường có thể không định lượng
không ngó tìm hai bên, không ngoái lại một lần

Nơi con đến địa chỉ vô tình
vô hình dáng phố nhà sông núi
Bàn tay mẹ ôm vòm trời
với những ngón tay bất động
thôi chỉ hướng
ngừng vuốt ve vẫy gọi
Sự an toàn con hưởng rất mông lung
nhưng con biết đó là điều thường trực
Con không gọi mẹ
ở bến bờ ao ước
trong giấc mơ sống sượng
trên đỉnh phù hoa
Gặp lại mẹ mỗi lần con cúi mặt
bùn lòa chân trần
lệ chảy vào tim
máu theo trời gió
Bàn chân xưa mẹ nắn bóp
dủ dỉ hết mấy tầng địa chất
mấy tầng nhân cách
mấy đời trần gian
Gió ngàn có thể làm khuất
lấp tầm nhìn đường con
Bão đời có thể làm mất
bóng dáng con một đôi lần

Những nếp nhà không xếp hơi người
không tiếng thở dài để chịu
không chật lại theo những giờ trông đợi
không nụ cười an nhiên

Những túi hành lý xênh xang
không thú cuối cùng
không núi buộc cuối cùng
không bàn tay cuối cùng dặt đến

Những bữa ăn từ chối thực đơn
đũa bát mâm bàn bạo động

Những chiếc giường là hang ổ đương nhiên
của những ngày đêm đại bại

Những cuốn sách không một giờ gấp lại
trân trân nhận diện cuộc đời

Những cánh cửa giơ tay phát biểu suốt ngày
dù không được mặt trời chỉ định

Những nhạc quảng cáo, những áo ngắn quần mềm
trở thành thế giới ca, thế giới kỳ hết sẩy!

Những dòng thơ không thể chảy về đâu

Những chai rỗng chật hình hố huyệt

Đàn bà rên làm kèn xung trận

Trẻ thơ cười để lụt một góc lòng

Người già một cõi lìa đường

Mẹ,
Sẽ không có một nơi hạnh ngộ cho con của mẹ
Người đưa thư có chục chùm chìa khóa, vài chục
túi ngăn và trăm địa chỉ, thông điệp...
Con có những chặng đường, hải cảng, bến đò...
Con không là thành viên của những lứa đôi
đến đảo thuê nhà theo mùa
hưởng khí hậu trong ngân hàng sex
rời đảo trên hải triều dollars
Lứa đôi hạnh ngộ chu kỳ là bất hạnh thường kỳ cô độc
Họ
rời bỏ những khu nhà thuê mùa
người đàn ông thường đi trước
(con không hiểu tại sao)

Mẹ,
ở đâu
trên bàn thờ?
trong lưu ảnh gia đình con giữ?

Có người đàn ông trở lại một mình
khi người đàn bà đi khỏi
làm con khóc cái ngày mẹ khóc
Dẫu con nhớ là mẹ không khóc bằng nước mắt như con

Hôm nay nắng
đảo
gắt như ngày mẹ vào trong đất
Hai nửa vòng quay
Một Thái Bình dương nước muối
Ba chặng không hành
Ngàn con đường đất
Sông mấy chục giòng xót

Một người con đau
dừng khóc
để lại đi...

Đọc văn chương

Đỗ Đức Hiểu

Lời Tòa soạn: *Để bổ túc cho cuộc tranh luận về thi pháp trong các số Văn Học vừa qua, Tòa soạn xin đăng thêm một tài liệu văn học liên quan đến tình trạng lý luận phê bình trong nước, qua bài viết của nhà nghiên cứu văn học Đỗ Đức Hiểu, in trong cuốc "Đổi mới phê bình văn học" do nhà xuất bản Khoa học Xã hội in năm 1994*

Đọc văn chương là một vấn đề đang được đặt ra và thảo luận sôi nổi trong giới phê bình, nghiên cứu văn học trên thế giới. Lúc nào, trên trái đất, cũng có hàng triệu người đọc văn chương, đọc ở nhà trường, trong nhà, ngoài đường, trong thư viện, trên xe hoa, mêtrô... Từ xưa, người ta đã đọc; đặc biệt từ giữa thế kỷ XV, với việc phát minh máy in của Guttenberg, số người đọc văn chương tăng gấp bội; và đến thế kỷ XX, nhất là từ sau Đại chiến II, trên hành tinh chúng ta, ở các nước tiền tiến, hầu như ai cũng đọc văn chương. Thế nhưng, chỉ cách đây vài chục năm, *đọc văn chương* mới trở thành một khoa học được bàn luận triệt để. Vào những năm 70 và 80 của thế kỷ này, các nhà nghiên cứu tổ chức nhiều hội nghị quốc tế về vấn đề này (ở Pháp, đáng chú ý là hội nghị Ceresy la Salle và hội nghị Reims). Các vấn đề lớn được thảo luận, nhiều khi gay gắt: *Đọc văn chương là gì? Ai đọc? Đọc gì? Đọc thế nào?*

Từ những năm 60 vừa qua, phê bình, nghiên cứu văn học ở Pháp (và ở phương Tây nói chung) trải qua những biến động và những biến đổi lớn. Ba mươi năm đã qua, kể từ ngày khởi đầu cuộc "tranh cãi" văn chương lớn nhất thế kỷ này, giữa Roland Barthes và Raymond Picard; ngày nay, có thể khẳng định *Phê bình Mới* là một trong những thành tựu văn học lớn nhất của thế kỷ XX ở thế giới phương Tây. Phê bình, nghiên cứu trở thành

một bộ môn khoa học tự chủ, độc lập (độc lập với triết học, mỹ học, xã hội học, đạo đức học, ngôn ngữ học...), với một kho từ ngữ riêng biệt với những sáng tạo phong phú, thuyết phục, những "siêu văn bản" có giá trị đã ra đời. Văn bản (hay tác phẩm được nghiên cứu dưới dạng cấu trúc), là một đối tượng nghiên cứu chủ yếu của Phê bình Mới. Cái trục *Tác giả-Tác phẩm-Người đọc* được soi rọi dưới nhiều góc độ. Sau khi tranh luận về tác giả (tiểu sử, con người xã hội và con người bên trong; cảm hứng; tác giả và người kể truyện v.v), và tác phẩm (văn bản, loại thể, phong cách, liên văn bản, tính đa âm, ý nghĩa chìm v.v...), mối quan hệ đích thực giữa tác giả và tác phẩm, khâu *người đọc* đặt ra và bàn cãi sôi nổi. Đến nay, nói chung, *Phê bình Mới* đã được công chúng, các trường Đại học, các trung tâm, các trường Trung học chấp nhận, một cách hợp lý (gạt bỏ, qua tranh luận, qua thời gian mấy chục năm mọi ý kiến cực đoan, như phủ nhận tuyệt đối nghiên cứu, phê bình "truyền thống", như ứng dụng nhiều công thức toán học cao cấp vào kết cấu tác phẩm văn học...)

Nói *Đọc văn chương* (hoặc Đọc tác phẩm văn chương) là nói mối quan hệ văn bản/người đọc. Có thể nói là nhà văn bao giờ cũng muốn gửi sáng tác của mình đến người đọc (tác giả hướng tới người đọc), người đọc cụ thể, đồng thời, hoặc người đọc trừu tượng, người đọc "có thể", người đọc tương lai: Nguyễn Du nghĩ đến người đọc ba trăm năm sau; Stendhal chờ người đọc của mình nửa thế kỷ sau; một nhà văn Việt Nam muốn "gửi thông điệp" (nghệ thuật) của mình, tức tiểu thuyết, đến người đọc. Đọc là một khâu của sáng tạo nghệ thuật, hoặc, như một số người nói, của "sản xuất" nghệ thuật. Tác phẩm văn chương gắn bó chặt chẽ với đọc văn chương (đến nay, nhiều sách *Lịch sử văn học* bỏ qua khâu "Người đọc", là một thiếu sót). Từ đó mối quan hệ Tác phẩm/Người đọc sẽ là Văn bản đọc: siêu văn bản. Có những mối quan hệ chặt chẽ giữa Viết và Đọc, những quan hệ triết học, mỹ học, đạo đức học, xã hội học, tâm lý học v.v. Có thể có sự hài hòa hoặc sự xộc xệch giữa văn bản và người đọc, giữa người gửi thông báo và người tiếp nhận.

Đọc văn chương có nghĩa là tháo gỡ mã của các ký hiệu văn chương trong văn bản, là tìm hiểu ý nghĩa của tác phẩm thông qua các cấu trúc của văn bản (cốt truyện, kết cấu, nhân vật, đối thoại, không gian, thời gian, v.v) Đọc là mã hóa cách đọc, là tổng hợp các khâu của việc đọc, - cảm tưởng, phân tích, đối chiếu, tổng hợp, đánh giá v.v. là phát hiện và sáng tạo. Đọc, trước hết, là phát hiện, trong văn bản và từ văn bản, một thế giới khác, những con người khác. Người đọc sống trong thế giới tưởng

tượng *của mình*, xây dựng *cho mình*, thông qua tác phẩm, một xứ sở riêng. Đọc là một hoạt động tích cực; người đọc "nhập cuộc", "hóa thân" với những cảm xúc riêng của mình, những kỷ niệm, ký ức, khát vọng riêng. Đọc có nghĩa là chuyển đổi tác phẩm nghệ thuật thành một vũ trụ tình cảm, cảm xúc, tư duy, hình tượng riêng của người đọc. Đọc văn chương là một khoa học mà đối tượng là người đọc, người tiếp nhận văn bản. Người phê bình, xây dựng, từ thế giới này, một bản văn thứ hai, một bản viết thứ hai. Người phê bình là người sáng tạo.

Người phê bình là một loại người đọc đặc biệt, có trách nhiệm trước xã hội; người phê bình cần có cảm xúc nhanh nhạy và có năng lực hiểu biết con người, xã hội, có kiến thức về nhiều ngành khoa học, nhất là khoa học nhân văn, và đặc biệt là triết học. Không phải ai cũng đọc như người phê bình, nghiên cứu. *Loại hình học* người đọc văn chương thường phân người đọc thành các lớp sau đây: *thứ nhất* "người đọc tiêu thụ", thường "ngấu nghiến" cốt truyện, ham thích truyện éo le, nhiều khúc mắc, nhiều cạm bẫy. Những người đọc này đọc lướt nhanh, vào những giờ rảnh rỗi, tìm thú giải trí dễ dãi với những cuộc phiêu lưu đến từ những xứ sở xa lạ, hoặc những tình cảm rắc rối, và có đánh giá thô thiển ("Chán phè", hoặc "Tuyệt, tuyệt", "Tiên sư thằng Tào Tháo" - *Nam Cao*). *Thứ hai*, những người tìm ở văn chương những thông tin mới về cuộc sống, suy nghĩ đôi chút về thế sự, đạo đức, từ tác phẩm văn chương. Có thể xếp vào loại người đọc này, nhà báo có trách nhiệm "điểm sách" hàng tuần, hoặc hàng tháng, với ít lời giới thiệu sơ sài, đơn giản, thường vô thưởng vô phạt, nhằm mục đích thông báo để độc giả của báo tìm đọc tác phẩm, nếu ưa thích. *Thứ ba*, những người đọc chuyên nghiệp, người giảng dạy văn học, người phê bình nghiên cứu ở các Viện, các trung tâm nghiên cứu văn học, gọi là "siêu độc giả". Nếu loại người đọc thứ nhất đọc nhanh, đọc lướt, thì loại người đọc chuyên nghiệp đọc chậm, đọc nhiều lần, có những thao tác nghề nghiệp riêng, như ghi chép, thống kê, đối chiếu, suy nghĩ về cái biểu đạt (ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp, các mối liên kết...), cái được biểu đạt (ý nghĩa triết học, xã hội học, đạo đức học...) (Có thể có loại người đọc thứ tư, những nghệ sĩ sáng tạo (nhà văn, nhà thơ), khi bất chợt, nhân một cảm hứng nào đó, viết những dòng hoặc những trang phê bình đặc sắc, bằng trực giác, tài năng và dự cảm của mình; có thể kể Baudelaire, Valéry, Proust, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài...)

Đọc văn chương là một bộ phận của *xã hội học văn chương*. Ngày nay, đã hình thành cách đọc mang nhiều hiệu quả nhất; đọc thầm và đọc

một mình, ở nơi yên tĩnh. Đọc có lịch sử của nó. Trước đây, nhiều thế kỷ, khi dân chúng không biết đọc, biết viết, một người có học vấn đọc một truyện viết, mọi người xúm quanh nghe, vừa nghe vừa bình luận. Hình thức đọc tập thể này còn di tích ở việc giảng Kinh ở nhà thờ, ở nhà chùa và ở những nước lạc hậu, còn tồn tại hình thức đọc cổ lỗ này (không kể Radio "Kể truyện đêm khua"). Đọc cá nhân, bằng mắt và thầm lặng gây cho người đọc những hứng thú nhiều dạng; người đọc cảm thụ sâu những cái hay, cái đẹp, suy tư và phán đoán. Sự hình thành phương pháp đọc văn chương được một số nhà lý luận tổng hợp thành "Tu từ đọc văn chương". Kinh nghiệm những tri thức loài người cho biết cần *đào tạo người đọc*, - phương pháp đọc, thói quen đọc, dẫn đến "cái biết đọc" (savoir lire). Có thể thấy bốn bước sau đây:

1) Trước hết lựa chọn sách đọc, -những sách cổ điển hay hiện đại phù hợp với khát vọng của con người: hòa bình, tự do, chống bạo lực, độc tài.

2) Định hướng: Tìm thú phiêu lưu, cảm tưởng lạ lùng hoặc tìm hiểu con người, "một ẩn số", và xã hội, tìm tòi những tài năng mới, những sáng tạo mới. Khâu "định hướng" có tầm quan trọng của nó: *Đọc để làm gì?* Nó liên quan chặt chẽ với câu hỏi mà loài người đã đặt ra từ nhiều thế kỷ: *Viết để làm gì?* Chức năng chủ yếu của văn học là làm đẹp trái tim, tâm hồn con người, là mở rộng mãi mãi tình cảm phong phú của con người, cởi mở hay tiềm ẩn, là nâng cao đến vô cùng tận những xúc cảm tế nhị hay mãnh liệt của con người, vươn tới tự do, dân chủ, tình thương yêu, tức là những khát vọng ngàn đời của nhân loại. Như vậy, thông qua ngôn từ văn chương, ngôn từ sống động, sinh sôi nảy nở, ngôn từ chứa đựng ký ức, gợi mở tương lai, ngôn từ vạn năng, bao gồm khả năng nhận thức, giáo dục, giải trí và nhiều khả năng khác, song bao giờ cũng phải thông qua cái đẹp của tình cảm chứa đựng trong ngôn từ văn chương hàm chứa nhiều ý nghĩa.

3) Đi tìm các mã của văn bản, giải các mã đó, các mã đặc trưng phong cách mỗi nhà văn. Các thao tác phân tích, thống kê, đối chiếu liên văn bản, tra cứu tiểu sử, lịch sử v.v... là cần thiết, song không đủ. Người phê bình phải có sức mạnh cảm thụ của trực giác và tâm linh. Người đọc càng có kiến thức rộng và mở, sự cảm thụ càng nhậy bén, thì việc đọc càng có hiệu quả.

4) Cuối cùng, đọc văn chương là một hoạt động sáng tạo, người đọc

đánh giá tác phẩm theo định hướng của mình.

Vì vậy, đào tạo phương pháp, rèn luyện thói quen đọc văn chương là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

Một câu hỏi được nhiều hội nghị quốc tế về *Đọc văn chương* đặt ra là: *Trách nhiệm đào tạo người đọc thuộc về ai?* Tôi nghĩ, trước hết, đó là trách nhiệm của nhà trường; tiếp sau thời gian đào tạo ở trường (hoặc song song với thời gian này) là trách nhiệm của báo chí văn học, của các nhà phê bình, nghiên cứu văn học, những người viết sách lý luận, phê bình, chân dung, lịch sử văn học.

Văn học, nghệ thuật là những nhu cầu không thể thiếu của bất cứ ai, gọi là con người. Yêu văn chương là bản chất của người. Từ thuở ấu thơ, con người đã say mê truyện, thơ. Với truyền thuyết *Nghìn lẻ một đêm* loài người từ xưa không ngớt kể truyện, dừng kể là chết! Nhà trường có trách nhiệm đào tạo người đọc văn chương. *Ai đọc?* Từ trường mẫu giáo đến trường Đại học, người đọc là các cô bé, các chú bé, các thiếu niên, thanh niên. *Đọc gì?* Đó là chương trình bộ môn Văn nhà trường. *Đọc thế nào?* Đó là phương pháp giảng dạy, phương pháp tiếp cận văn chương. Đồng thời, người đọc được rèn luyện qua báo chí và sách văn học.

Đánh giá việc đào tạo người đọc hiện nay ở nước ta, là một vấn đề "khổng lồ"; có thể dự đoán có bao nhiêu người bàn luận, là có bấy nhiêu ý kiến khác nhau, có thể mâu thuẫn nhau, xung đột nhau. Riêng tôi, tôi thoáng nghĩ một cách khái quát và sơ bộ: Việc đào tạo người đọc ở nhà trường của báo và sách văn học đã đạt những thành tựu to lớn (xem những bộ sách giáo khoa văn học, những sách báo văn học đồ sộ trong các thư viện lớn thì rõ). Song, nhìn chung, hình như những tiếng nói ấy đơn điệu, không phong phú nhiều giọng. Không nhiều phong cách. Cho nên việc đào tạo nghèo nàn, có thể bị đe dọa trở thành sơ cứng, máy móc. Việc cần làm hiện nay là sử dụng nhiều phong cách tiếp cận văn chương để giảng bài và viết báo, viết sách. Có như vậy, giảng văn, sách báo mới đa dạng, nhiều sức sống, mới có khả năng phát huy tinh thần dân chủ, óc sáng tạo của người đọc.

Đọc văn chương là một khoa học xứng đáng được các thầy giáo, cô giáo quan tâm, các nhà phê bình nghiên cứu hội thảo.❐

Hạt bụi

TRẦN HỒNG CHÂU

Phật bảo ta: Tất cả là không
Chúa bảo ta: Là trở về mái nhà xưa
Đạt-ma bảo ta: Sẽ đến tĩnh lặng vô biên
Lão bảo ta: Khởi đầu và tận cùng là
hỗn mang chi thiên
Trang bảo ta: Tất cả là và không là
Lung linh cánh bướm phù du
Spinoza và Schopenhauer bảo ta:
Chung cuộc giọt nước sẽ tìm về lòng biển
Đại ngã không cùng!

Cho nên ta
An nhiên tự tại
Thanh thản cùng trăng sao hoa lá...
Sống, chết
Nóng, lạnh
Động, tĩnh
Tất cả chỉ là Một
Đồng quy
Giềng mối lớn

Cửa mồ cứ mở sẵn
Khi thôi thúc, tiếng gọi từ xa vắng
Tiếng huyền, tiếng ngàn xưa
Ta sẽ khoan thai
Phất phơ dải áo lụa chàng Thôi
Bước tới
Tri thiên mệnh
Với nụ cười vĩnh hằng
Và bông-hoa-ngàn-năm trước ngực!

Cũng có thể
Một cánh hạc vàng
Một áng mây nổi
Bẩy mầu nhân thế
Hay một vòng hoa
Năm sắc phù dồ
Từ từ hạ xuống
Để ta bước lên
Vui cái vui
Của hạt bụi về cõi Vô cùng!

Từ thỏ-tuồng Trưởng Ngáo đến niềm tin tín cúng

Nguyễn văn Sâm

"Trưởng Ngáo" là nhân vật chánh trong một tuồng hát bội viết bằng chữ nôm đã được khắc in từ lâu. Cốt truyện cũng lưu truyền nhiều trong đại chúng. Nhưng điều lạ là chúng ta, kể cả giới khảo cứu, chỉ biết cốt truyện nghe qua lời kể chớ ít người thấy được văn bản. Bộ *Di Sản Hán Nôm*, ghi lại hầu hết sách vở Việt Nam viết bằng hán hoặc nôm cũng không mách gì về tuồng nầy. Khi tham khảo sách nôm ở Thư Viện Quốc Gia Pháp, chúng tôi thấy được một bản Nôm (B.118) và hai bản quốc ngữ, *"tuồng"* Trưởng Ngáo, định cố công sưu tập thêm, nhưng thời gian qua đã lâu vẫn không được kết quả gì, nên viết bài nầy dựa trên ba tư liệu đang có, hi vọng cơ may ai đó có thêm hơn nữa sẽ viết những bài kế tiếp đi sâu hơn vào vấn đề văn bản hay những vấn đề mới khác.

* *Bản Nôm: Trưởng Ngáo truyện* 張傲傳, bản tân xâm 新鋟 năm mậu dần戊寅, tại Quảng Đông 廣 東Phật Trấn 佛 鎮, Thạnh Nam tiền 盛南錢 tàng bản. Bản nầy rất tốt ở chỗ chữ khắc rõ nét, ít sai lỗi thiếu thừa nét, gồm 21 tờ một trang tựa, 41 trang chữ, mỗi trang 10 dòng, mỗi dòng 18 chữ. Mậu dần đây phải là năm 1878, sáu chục năm trước nữa, năm 1818, chuyện khắc bản nôm bên Trung quốc do người sống ở miền Nam chủ trương chưa chắc đã có. Các bản nôm Quảng Đông, Phật Trấn dính dáng với người có tiểu sử xác định rõ ràng như Duy Minh thị, Trương Minh Ký cho ta xác quyết rằng được khắc vào hậu bán thế kỷ 19 khi tình trạng cư dân ở vùng đất mới Nam Kỳ Lục Tỉnh thật ổn định, vì đã đủ thời gian ổn cư và nhứt là có sự hiện diện của văn minh cơ giới Pháp. Chữ *tân xâm* (khắc mới) không có nghĩa là đã có một bản khắc trước đó

và đây là một bản mới so với bảm cũ trước đó, cụm từ nầy chỉ có nghĩa là lần khắc, hay lần khắc đầu tiên từ cốt truyện truyền miệng. Vậy năm 1878 là năm xưa nhất của bản *Trương Ngáo truyện* nầy, nếu còn có những bản khác mà hiện giờ chúng ta chưa tìm ra. Mặc dầu mang chữ truyện, đây là một bản tuồng, chữ truyện dùng cho các tác phẩm trước ta nên hiểu như một câu chuyện kể, hình thức tuồng hay thơ không quan trọng đối với chữ truyện nầy. Là tuồng nên Trương Ngáo truyện cũng khởi đầu bằng lời giáo đầu của nhân vật để nói về mình (nhưng trong văn bản tên nhân vật giáo đầu tuồng không bao giờ được viết ra-- một sự cấm kỵ bất thành văn?):

Lưu ông : (hai chữ nầy không có trong bản nôm)

Đền Nam nhuần lễ nhạc, đất Hán trổ văn chương, thuở thái bình quốc thái dân khương, đời thạnh trị dân phong vật thụ, quê ngụ miền Giang Tú, lão biểu tự Lưu ông, thuở mày xanh từng chịu ấn rồng, còn nay đầu bạc biển cờ giá hạc.

lại nói :

Tưởng bày của cũng đà lưu liệt, hiềm vì con rất đỗi thiệt thòi, sau dầu xuống chốn luân hồi, đà không kẻ giữ gìn phụng tự đi rồi mụ.

và cũng kết thúc bằng mấy câu chúc vương triều vững vàng, quốc thái dân an, một công thức cổ điển nhưng ít nhứt cũng giúp ta biết được thời tác phẩm xuất hiện:

Tôi nguyện ngàn thuở thái bình thiên hạ, lại muôn năm quốc thái dân khương. Nay đà hết cơn bỉ cực lại thêm tới vận thái lai. Chúc Nguyễn triều thọ tỷ Nam sơn, kính tuổi chúa hạ hồi phân giải.

Ở đây tất cả các thể phát ngôn của tuồng đều có. Nói lối, xướng, bạch, ngâm, thán, oán, tán, vãn (hát nam), loạn (hát khách), đủ cả, chỉ có điều là chữ khắc đều đặn nên các phần *nói lối thường* và những *từ đưa đẩy hạ giọng* đã không được khắc nhỏ như ở các tuồng hát bội khác.

Đặc biệt Trương Ngáo là tuồng hoàn toàn Việt Nam, nhân vật là người bình dân thông thường trong xã hội cho nên hành động của họ cũng bình thường, dung dị, không có những tuần tiết kiên trinh trừ loàn giết giặc như những tuồng đồ, tuồng pho. Ta không lạ khi thấy nhân vật có những thói hư tật xấu, gian trá, phản bội và dùng rất nhiều từ cũng như thành ngữ bình dân. Có thể nói Trương Ngáo là một trong số ít tuồng có nội dung hiện thực của thời đại một cách chính xác, mở đầu cho nội dung hiện thực

trong tác phẩm của Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng sau nầy trong văn xuôi hay phóng sự.

* *Bản quốc ngữ:* Hiện có hai bản quốc ngữ đều in ở Sàigòn ra đời đầu thế kỷ và cách nhau 10 năm. Cả hai phiên giả đều có quan niệm phiên âm khác với chúng ta ngày nay, hoặc ít hoặc nhiều.

(1)Trương Ngáo 張僥, *sửa và dịch ra chữ quốc ngữ par* P.H.S. (Phụng Hoàng San?) in lần thứ nhứt 1904 tại Saigon, nhà in Claude & Cie, Bản nầy gồm 28 trang chữ 12 in thưa, tương đối là bản phiên âm theo khá sát với bản nôm so với các công trình đồng thời của các phiên giả khác. Khá sát nhưng cũng có nhiều phần dị biệt đáng lưu tâm vì phiên giả tự ý sửa đổi theo kiến thức văn chương và trình độ thưởng thức thẩm mỹ văn nghệ của mình. Mắc chung lỗi đương thời của cách viết quốc ngữ theo giọng đọc Nam cho nên so với cách viết chuẩn ngày nay có rất nhiều chữ cần phải sửa lại về mặt chánh tả. Làm công việc phiên âm lại, chúng ta không thể bỏ qua công trình phiên âm của ông P.H.S. hay bất cứ bản phiên âm tốt nào của người trước vì một số chữ tương đối khó đã được giải mã và một số giọng đọc gần với thời xuất hiện của bản nôm đã được ghi lại.

(2) *Thơ Trương Ngáo* 書張僥, *bổn cũ dọn lại* par La Maison J. Viết, in tại nhà in F. H. Schneider, tháng Septembre 1914, 28 trang chữ 11, in lần thứ nhứt một ngàn năm trăm quyển, giá ba cắc.

Cũng như những quyển khác của nhà J. Viết, phiên giả dọn lại bổn cũ, nghĩa là căn cứ trên bản xưa -- chúng ta ngày nay khó thể biết được bản xưa nói đây là bản nào, nôm 1878 hay quốc ngữ 1904--, sửa đổi, thêm thắc để phù hợp với nhu cầu mới của người đọc đương thời. Sự thêm đó khiến cho *Trương Ngáo truyện* 張僥傳 nguyên là một bản *tuồng* từ chù nho năm 1878 đã trở thành một bản *thơ-tuồng* 36 năm sau đó. Sự sửa lại bổn cũ nầy có công và đáng khen hơn những người lấy tác phẩm xưa in lại, viết quấy quá mấy lời giới thiệu hay sửa bậy với mục đích làm cho khác đi hơn là làm đẹp hơn về mặt văn chương.

Bản J.Viết cho chúng ta nhiều hình ảnh sinh hoạt đặc biệt cũng như ngôn từ đối đáp khá thú vị của thời đầu thế kỷ hai mươi. Các tiếng đưa đẩy không khác cách nói của chúng ta ngày nay bao nhiêu. (*Thiên hạ cô bác coi đó mà coi. Có khi phải ma. Bây giờ tôi tính như vầy. Cờ khó thì thôi. Úy chào anh, anh mạnh giỏi. Số là thiếm không rõ. Không dấu gì với cô Bảy....)* Đoạn Ba Bành than thở duyên tình mình và các đoạn độc thoại của những nhân vật chánh là những đoạn có giá trị tâm lý cũng như

chứng tích sinh hoạt thời đại. Mấy tiếng đưa hơi cuối câu, đầu câu được dùng thật vô cùng tuyệt diệu, (*ma* = mà, *ối hợi* = ú hự, *chừ thời, thời thời, có phải a, rồi đi a mụ, nhớ đa anh Ngáo, với nào, úy châu ôi ....)* đúng là cách nói của người ngoài đời được đem vào tuồng. Đó là bước đầu của những cách nói lối, đối đáp trong tuồng cải lương và thoại kịch sau nầy. Tính chất hài hước đầy rẫy trong suốt thơ-tuồng nầy cũng là nối tiếp và phát huy truyền thống hài đã có sẵn trong các tuồng hát bội, hát chèo trước đó để rồi sau nầy hài tính là một yếu tố không thể thiếu trong văn nghệ trình diễn trên sân khấu khắp mọi nơi.

Quyển nầy, do nhà J. Viết muốn một thầy đồ nào đó *soạn lại bổn cũ*, thêm thắc những chữ những câu mà ông ta thích cho nên kết hợp được hai yếu tố nội dung cũ của truyện và ngôn từ mới của những năm đầu thế kỷ nầy và những chữ Pháp, Quảng Đông vốn rất thông dụng thời nầy. Cũng nên nói thêm đây là thơ-tuồng duy nhất có tính chất văn chương mà lại xen lộn những chữ nước ngoài như vậy. xin đơn cử vài thí dụ:

* *Tôi gặp một con đờn bà, mặt thì rổ chằn, đen thui xấu hoắc, nó rô-ti hơn mười lửa rồi.* Rô-ti: *rôti quay, nướng.* Xưa đàn bà sanh đẻ phải nằm than (= đốt than dưới giường) cho ấm, nói *rô-ti hơn mười lửa rồi* là cách nói chê bai rằng người đàn bà đó đã sanh đẻ quá nhiều lần, như chữ *gái nạ dòng.* Chữ *rô-ti hơn mười lửa rồi* là lời chê nặng.

* *Ba Bành nó thiệt cu-son nó đánh mổ bằng ba ton đau quá.* cu-son: *cochon: heo, tiếng mắng chửi.* Ba ton= bâton, gậy.

* *Quê ảnh ở tại Tây phang, tối đây đã lỏ đàng, không có lúi dám đâu ăn uống a cô. Lúi* tiếng Quảng Đông có nghĩa là tiền.

Thơ Trương Ngáo mở đầu bằng đoạn nói thơ có tính cách như vai trò người kể truyện trong các kịch bản Âu châu, trước khi có lời giáo đầu như đoạn trích trên trong nguyên bản nôm:

Thoại thay đất Thuấn trời Nghiêu
Thái bình lê thứ ngư tiều nhàn an
Có người quê ở Tú-giang
Lưu Bằng mỹ hiệu vốn trang công thần
Tóc xanh phò chúa chí thân
Bạc đầu hưu trí về đàn thanh nhàn
Cửa nhà dư đã giàu sang
Ông bà thôi mới luận bàn cùng nhau
Nay ta tiền của sang giàu
Mãn phần tuổi hạc ai đâu phượng thờ

Tư kỳ thiên số nào chờ
Tử gia tăng đã trơ trơ ra gì
Chữ rằng hổ tử lưu bì
Làm người phải có tiếng gì lưu danh
Ông bà một dạ tín thành
Đúc chuông đúc Phật rạng danh để đời
Tai nghe đồn đã khắp nơi
Vạn Linh chùa ấy làm thời đã yên
Bề trong sấm cùng chùa thiền
Thiếu đồ tam bảo còn quyên của người
Âu ta hùn hạp vài mươi
Góp tiền đúc Phật tự là Trung-tôn.

Vì làm một bổn thơ-tuồng cho nên nhà J. Viết được rộng tay thêm thắc những chuyện chỏ luân lý vốn rất thông thường trong các tác phẩm thời nầy mà một bổn tuồng thuần túy không thể nào thực hiện được. Đoạn kết *thơ-tuồng* Trương Ngáo vì vậy là một đoạn nói thơ mà nguyên tác bổn cũ không có, ngay cả về mặt ý tưởng luân lý.

Nói thơ.-

Ba Bành Cậu Hộ dắc nhau
Tú-giang trở lại dàu dàu hổ hang
Ở đây thẹn với xóm làng
Trốn đi xứ khác tầm phương lánh mình
Trời cao đất rộng thinh thinh
Làm người ai nấy phải gìn chữ tâm
Giữ sao cho khỏi sai lầm
Khi bần trọng phú thú cầm khác chi
Cõi trần sao khỏi thạnh suy
Trăng kia còn có lúc thì đặng nguyên
Khó phân về cuộc nợ duyên
Ít ai mà đặng lòng thuyền thảo ngay
Vợ chồng chí những bạn mày
Trọng tài khi ngãi xưa nay thấy thường
Đờn bà nhiều kẻ bất lương
Ỷ giàu lấn lướt không thương tới chồng
Tự tình vẽ rắn gọi rồng
Lại thêm hổn ẩu hiếp chồng ghê thay
Sao không sợ cuộc trả vay

Oan oan tương báo xưa nay có hoài
Dám xin sửa đạ ai ai
Ví dầu thấy lỗi lầm sai sửa mình
Đời nay ít kẻ hữu tình
Thấy chồng nghèo khổ lánh mình bỏ đi
Thuận phong thuận võ tứ thì
Chúc cho chư vị đặng thì an khương.

Thở-tuồng *Trường Ngáo* quay quanh ba nhân vật chánh, Trường Ngáo và hai người vợ trước-sau. Ngáo, như tên gọi, ngây ngô khác người bình thường. Anh cả tin, suy luận không dựa trên thực tế của cuộc sống cho nên ra đời thua sút, bị vợ khi dễ mắng chửi. Nhưng khuyết điểm đó lại là ưu điểm tạo anh nên hình ảnh người thiện tâm, chơn chất. Thiện tâm nên đem tiền vợ bảo làm vốn bán buôn cúng hết trong buổi đúc tượng Phật, chơn chất nên ai nói điều gì cũng nghe, cũng cho là phải, ai nhờ làm gì cũng làm, ai biểu việc gì cũng cố thực hiện. Quá thiện tâm, lắm chơn chất nên Ngáo trở thành kẻ khùng khiệu khờ khệt, bị vợ lấn lướt mắng mỏ đánh đập, khinh khi, gạt gẫm. Tuy nhiên rồi cũng chính cái chơn chất đó khiến anh được Phật thương cho thuốc giải ngây khùng để thành người sáng láng, trở nên giàu có, sống đời vinh hiển. Thuốc giải ngây khùng chẳng qua là cách diễn tả khác của tác giả- và những người thời trước- về sự hiểu đời, nhận chân được sự thực tế để thấy những thua thiệt trong sự cả tin của mình trước đây.

Liễu thị, tục danh Ba Bành, vợ Ngáo, tham phú phụ bần, thân ở với chồng nhưng không hết lòng chồng, lúc nào cũng muốn được có một người chồng khác giàu sang, khôn ngoan. Từ tâm lý mong thay đổi đó, Ba Bành khinh khi chồng, đánh chửi chồng và cuối cùng thấy người khác giàu nhảy vào làm vợ.

Như Ý là một người đàn bà có từ tâm, thương người, tuy lỡ duyên nhưng biết tuân thủ theo lời Phật dạy, cuối cùng được kết hôn với Hứa Chơn Tâm (Trường Ngáo, sau khi anh nầy hết ngáo), hưởng đời hạnh phúc, giàu sang. Trong khi đó Lục Tồn say mê Ba Bành, *để bỏ* vợ lớn, cả hai sống truy hoan trong đờn địch, tiệc tùng, cờ bạc, cuối cùng ra thân nghèo khổ. Chuyện kết thúc bằng cảnh vợ chồng Hứa Chơn Tâm Như Ý gặp lại vợ chồng Ba Bành Lục Tồn khi hai người nầy đang sống trong cảnh nghèo khó, lây lất với những đồng tiền ít ỏi bằng cách đờn ca trong một đoàn múa bóng rổi, đang múa lấy công cho vợ chồng nhà giàu Hứa Chơn Tâm....

Cốt truyện của tuồng nầy, tuy nhiên, không chỉ ngừng trên những điều *có tính cách thế nhơn* như vậy mà nhằm trả lời một vấn nạn thường thấy trong tín ngưỡng tu Phật của người bình dân: cúng Phật nói rằng sẽ được phước, phước như thế nào, làm sao đạt hưởng những phước đó? Hình ảnh cuộc sống nửa sau đời của Trương Ngáo là câu trả lời. Sáng láng, giàu có, vợ đẹp... như những phần thưởng trước mắt của cái phước anh được trả trong việc tín cúng đúc chuông. Tín cúng -- phước lộc-- tiền lợi là ba yếu tố trong chuỗi tin Phật thông thường của người bình dân, không liên hệ gì đến các ý niệm cao siêu của lời Phật dạy và các kinh kệ sau đó. Như câu ca dao: *Đêm đêm thắp ngọn đèn trời, cầu cho cha mẹ sống đời với con,* người con thắp đèn cầu trời bởi vì điều thiết thân gần gũi cụ thể với mình là cha mẹ. Đến với Trời để cầu xin Trời, một linh thể huyền nhiệm gần gũi và xếp hàng ngang với Phật trong tín ngưỡng bình dân, chớ không phải vì những giác ngộ hay thấu đáo tín lý gì cả . Nhìn sơ qua ta có thể chê trách quá trình và niềm tin trên có vẻ xây dựng trên lợi nhuận, nhưng thật ra chuỗi ba yếu tố trên là hệ luận người đời rút ra được từ nguyên lý nhân quả, duyên nghiệp của Phật giáo. Và chính nhờ những hệ luận có tính chất *rất đời* như vậy mà đạo Phật nói chung và các tôn giáo nói riêng đi sâu được vào trong quảng đại quần chúng bình dân. Trong cốt truyện Trương Ngáo, ông Phật không xét nhìn ở những *thôi thúc bên trong* của hành vi (cúng tiền đúc tượng để mong được Phật trả tiền lời sau nầy), mà xét nhìn nơi *chính hành vi* của Ngáo, hành vi cúng tiền đúc Phật. Bản nôm viết về việc nầy rất đơn giản: *thấy họ Trương mắc chứng điên cuồng, vốn nhà giả có lòng thành kính.* Bản quốc ngữ thơ-tuồng viết chi tiết hơn:

Tây phang đức Phật đường ngồi
Cảm tình thằng Ngáo nghĩ thôi cảm tình.
Thật lòng mộ đạo kính tin
Năm quan cúng Phật cho mình ngày xưa.

Điều nầy cho thấy đối với người biên soạn, những khái niệm triết lý như ngộ đạo trước khi đi tu, đời là bể khổ, vô thường.... không thuộc về nếp suy nghĩ của số đông dân chúng tay lấm chơn bùn. -- giống như khái niệm thực hiện hành vi đạo đức vì chính đạo đức chớ không gì gì khác của Kant chỉ phù hợp với đầu óc ưa suy luận của người trí thức, ưa triết thuyết.

Nửa đời sau của Trương Ngáo Như Ý và nửa đời sau của Ba Bành Lục Tồn còn chứng minh một điều khác về địa ngục, thiên đường. Hai khái niệm nầy người bình dân xây đắp bằng nhiều yếu tố cụ thể trong khi giới nghiên cứu xây dựng bằng những yếu tố quá trừu tượng. Ở đây thiên

đường địa ngục được diễn tả một cách khác để chỉ tình trạng trả quả hưởng phước của chúng ta khi thực hiện nghiệp xấu hay tốt. Thiên đường địa ngục có thật và tại thế bằng chính hậu vận cuộc đời xuống khổ của chúng ta, xuống khổ do chính hành vi trước đó của mình. Trong cái nhìn đó, ta thấy tuồng Trương Ngáo xiển dương Phật giáo bằng những yếu tố vô cùng bình dân nhưng thật sự có tác dụng hữu hiệu về mặt dương cao ngọn cờ nhân nghĩa, vợ chồng.

Người dân miền Nam kỳ lục tỉnh kể truyền miệng truyện Trương Ngáo dưới tên *"đi đòi nợ Phật"* bởi vì Ngáo bị vợ bắt buộc phải đi kiếm cho được ông Phật, đòi lại số tiền anh đã cúng trong việc đúc tượng Phật trong chùa Vạn-linh. (Mới đây, trong một tờ báo ở San José, có tác giả đã phóng tác từ truyện nầy thành một truyện kể rất dài là *"Người đòi nợ Phật"*, truyện thu hút được một số độc giả đông đảo.) Ngáo đã phải đi về phía Tây để gặp cho được Phật, mong đòi được tiền, đem về đưa vợ để khỏi bị rầy rà. Với lòng cả quyết là có Phật thật, anh ra đi và đã gặp được Phật, gặp được nàng Như Ý... Truyện dẫn đến một tín ngưỡng dân gian là người phàm có thể gặp Phật, Phật có mọi khả năng, giúp người tâm trí thấp kém thành người thông minh huệ mẫn, người nghèo thành người giàu như một cách giải quyết cụ thể về *điều phước* cho người tin Phật là chuyện mặc dầu cụ thể nhưng thật nhỏ nhoi.

Đi hỏi Phật, trong nhân gian còn truyền lại nhiều truyện về các nhà sư hành tu lâu không thấy mình thành chánh quả lên Niết Bàn mới quyết chí đi hỏi Phật. Có truyện nhà sư không giữ lời hứa với một người ăn cướp đã tin mình nên phải biến thành con chim bìm bịp suốt đời bay đi kiếm bộ đồ lòng người ta đã mổ ruột trao cho mà ông quăng đi trên đường vì không thể chịu được mùi hôi thúi. Có truyện trên đường đi nhà sư gặp người chủ cây khế không ra trái, gặp con rắn tu lâu năm không thành, gặp con rùa có lòng độ thế nhưng sao mãi vẫn mang kiếp làm loài súc sanh.... Nhà sư gặp Phật, lo hỏi những chuyện khác, phụ lòng con rùa nên bị chết chìm khi đi qua biển. Các truyện nầy, kể cả truyện Tấm Cám, Phật, hay Bụt, không phải chỉ thuần là đấng thế tôn xa rời loài người mà là một huyền nhiệm mà con người hướng về khi cần giúp đỡ.

Câu chuyện Trương Ngáo tuy không thoát ra khỏi con đường dựng truyện cổ điển-- cuối cùng thì xấu phải khốn hèn, tốt được vinh vang, những tính toán tinh ma, những mưu mẹo quỷ quái, được đằng nầy rồi cũng mất đi đằng khác, còn chăng là những quả xấu do mình tạo nghiệp ra-- nhưng tạo được ảnh hưởng lên lòng người nghe, đọc truyện.

Ngày nay chúng ta có thể coi thường nguyên tắc diễn giải luân lý cuối truyện như trên đây. Chúng ta trọng chính tác phẩm văn chương hơn là những điều luân lý chuyên chở trong tác phẩm văn chương. Nhưng cũng chính những ý tưởng đạo lý nho nhỏ như vậy trong các sáng tác phẩm thời trước đã tạo nên cái hồn sắc đặc biệt của những người phương Đông chúng ta. *Thơ-tuồng* Trương Ngáo đã sửa sự thiếu sót không thể diễn giảng ý hướng luân lý của *tuồng, và đã* làm đúng vai trò lịch sử cần thiết của nó khi đưa ra những nét luân lý như vậy. Khả năng tạo nên thú vị thưởng thức của tác phẩm bằng vào cách dùng chữ tài tình linh động và tính cách hài hước hóm hỉnh là những ưu điểm khác. *Thơ-tuồng* Trương Ngáo đáng được phủi bụi thời gian, đặt vào một vị trí xứng đáng của lịch sử văn học chúng ta, nhất là lịch sử văn học Miền Nam vào những năm đầu thế kỷ nầy. Công việc làm bổn cũ soạn lại như vậy cũng có những giá trị tích cực đáng khen của nó.

gió đông

giai phẩm văn học

mở một con đường **mới** trong sinh hoạt văn học tại Âu châu.
Phát hành mỗi năm 4 lần.

Đã phát hàng số **2**

Phiếu mua dài hạn:

Tô i tê n _____ Điệ n thoạ i _____

Địa chỉ _____

nhậ n mua mộ t nă m Gió Đô ng từ số _____ đế n số _____

☐ kèm theo đóay là International money order / Check

☐ đã chuyển tiền vào Konto 1224 71401, Postbank Koln, BLz 37010050

Giá mỗi số 12DM / 8MK. Một năm (4 số): châu Âu 45DM.

Ngoài châu Âu 36MK. Trả cho Lê Trọng, Gió Đông, địa chỉ:

P.o.Box 190127 • 53037 Bonn • Germany • Tel: (49)-(0)228-214536
Email: giodong@gmx.de
Internet: http://members.aol.com/tdx/giodong.htm

Thư gửi Elise

PHAN MINH KHÁNH

Người có về
Một lối xưa
Đốt những lời ca soi nỗi nhớ
mịt mùng ngày tháng
Trong ta chỉ còn lại bể dâu
Và cỏ gai của vườn quên lãng

Có một loài chim thôi hót
Trong trái tim kín cửa mùa đông
Người hãy về
Một buổi mưa
Để hiểu lá xanh
Của những ngày thu kiếp trước

Người có về
Trong trăng xưa
Nghe trên mi muôn ngàn vết xước
Lettre à Elise
Bóng tối lục-huyền-cầm
Giọt rượu tàn
Thắp đêm La thú

Người hãy về - đưa mây về xứ cũ
Dập tắt trong ta
Một mùa sao rực rỡ của tình
Ôi biển nào ôm mối mơ không ngủ
Ta cũng là một thú lênh đênh

Hôn lễ

Hoàng Nga

Chỉ vừa đợi cho tôi nói hết câu, là con nhỏ Tuyền đã la bai bải:

- Bà Nhị mà lấy thằng cha Tuệ là y như đem đầu cho đao phủ cắt, y như chun vô nhà mồ. Lấy thằng cha ngang ngược trời sợ đó, nếu không tức quá mà chết thì cũng có ngày tự tử cho coi.

Tôi há hốc mồm ra ngó con nhỏ. Hai mắt mở trừng trừng, còn tay thì run và tê cứng như đang thò vô ổ điện. Con nhỏ chằm chằm ngó lại tôi bằng một bộ mặt hết sức dữ dằn và đằng đằng sát khí, đến nỗi tôi muốn phản pháo lại một câu cho ra hồn cũng không được. Mà không phải chỉ một mình con nhỏ Tuyền, nhưng là cả nhà, cả nhà ai cũng la lên bai bải khi cái tin Tuệ muốn đi cưới tôi được đem về. Tôi có cảm tưởng như đất trời đang chuẩn bị sập lở, bể tung lên trước mặt mọi người. Một loạt khẩu hiệu phản đối, bài trừ, không khác gì chiến dịch bài trừ tham nhũng, hối lộ ào ào bắn ra tứ phía từ các thành viên trong gia đình làm tôi nghẹn ngào. Bồ với Tuệ mấy năm, không ngày nào là không nghe nói ra nói vô đến phát ghét, cộng thêm nỗi chờ đợi Tuệ thốt ra được cái câu đáng giá ngàn vàng đó, tôi đã hụt hơi, hết còn ham sống rồi. Giờ được cái tín hỷ, chẳng ai thèm chia vui với tôi thì đã đành, mà coi bộ chỉ muốn bức tử nó từ trong trứng nước mới chịu. Tôi nổi quạu:

- Thành vợ thành chồng rồi thì người ta phải khác đi chứ!

Con nhỏ Tuyền gầm gừ lên như cọp:

- Trời ơi, ở đó mà bà chờ ổng thay đổi. Con người ta chỉ thay đổi cái áo cái quần, thay đổi cái giàu cái nghèo, chớ cái nết làm sao thay đổi được. Nhất là cái nết xấu. Bà Nhị ơi là bà Nhị, đánh chết cái nết không chừa, bà không biết sao?

Mẹ tôi chen vào:

- Gia đình thằng Tuệ đông như kiến. Con Nhị ở nhà mẹ nấu cơm, em

giặt áo, đi làm dâu là đi ở mướn không công.

Ba tôi hiền hơn:

- Tuệ nó lăng nhăng quá, con.

Mỗi người một câu. Tin vui thành ra tin giật gân. Nỗi hoan hỉ thành ra nỗi buồn hoa phượng. Tức quá, tôi gào lên:

- Rồi bây giờ cả nhà muốn con ở già phải không? Muốn con thành nạ dòng phải không?

Và không đợi cho cả nhà kịp có phản ứng, tôi lại tiếp tục rống lên:

- Nếu vậy thì con nói thật, không lấy anh Tuệ, con không lấy ai hết cho coi!

Câu nói cuối cùng như một loạt đạn pháo kích bắn vào thành phố. ầm! Một lúc mấy chục mạng tử thương liền. Cả nhà tôi đang lao xao bỗng đột ngột im re không khác gì cái máy cassette đang hát ngon trớn thình lình bị cúp điện. Mà không im sao được, bởi vì tôi cãi nhau với mọi người như cơm bữa khi bồ với Tuệ, nhưng đấy mới là lần đầu tiên tôi dám tuyên bố một câu sặc mùi chiến tranh chính trị, sặc mùi thách thức, đe dọa. Hôm qua, Tuệ nói với tôi, chàng muốn cưới tôi làm vợ để gia đình tôi bỏ cái thói phán đoán người khác. Cái câu nói, nghe có vẻ kỳ cục, quái đản. Dễ mất lòng và đụng chạm tự ái. Nhưng rõ ràng nó là chỗ dựa để tôi anh dũng phản pháo vào cái hậu phương không bao giờ biết yểm trợ tiền tuyến là gì.

Và thật đúng y như tôi nghĩ, chưa biết ngày nào đó tôi có chết tức tưởi như con nhỏ Tuyền mới rủa hay không, nhưng xem chừng cả nhà tôi trúng đạn lăn quay ra hết trơn. Mẹ tôi và con nhỏ Tuyền ngó nhau sững sờ. Ba cũng chựng lại, ngồi im. Bầu không khí rộn ràng bỗng chốc giống hệt như vừa bị quân khủng bố đe dọa đặt mìn hay bị ném vào một quả bom hơi ngạt. Mặt mọi người trở nên nhớn nhác với vẻ nghẹt ngòi, khó thở. Tôi là con gái lớn, là trưởng nữ, mấy năm nay lỳ lợm cặp kè với Tuệ, ba mẹ tôi nghe bà con hàng xóm xỏ xiên đủ bùng hai cái lỗ tai; giờ tôi còn dám anh dũng như tổng thống, oai hùng như chủ tịch hội đồng nhà nước, ngang nhiên đọc tuyên ngôn, nhất quyết không lấy được Tuệ, sẽ không thèm lên xe hoa, xe bông, thì có khác gì đem đẩy cái sơn hà nhà tôi vào cơn nguy biến!

Im một lát, ba tôi chừng đã hạ hỏa. Hay nói đúng ra, có lẽ viễn ảnh một cái "phản gỗ long đanh" lượn lờ, ưỡn ẹo trong nhà cho tới suốt đời làm ông ớn xương sống. Ông từ tốn nói:

- Ba không phản đối chuyện con Nhị lấy thằng Tuệ. Nhưng ba khuyên con nên sức cẩn thận trước khi quyết định. Vì lấy nó, con phải biết là khó có thể được sướng như người ta. Con yêu ai, ba mẹ gả. Nhưng gả cho đứa

bông lông như thằng Tuệ, làm sao ba mẹ không lo cho con được.

Con yêu ai ba mẹ gả! Với tôi như thế là đủ rồi. Ai lo thì cứ lo đi, phần tôi, miễn tôi lấy được Tuệ là kể như xong. Chấm hết. Miễn bàn tán, nói tới nói lui gì cả. Cuộc họp hội nghị thượng đỉnh đang rầm rộ, ồn ào, tạm thời phải đành đoạn ngưng lại. ít nhất là ngoài ý muốn của ba mẹ tôi và con nhỏ Tuyền. Lát sau tôi đứng dậy, còn cả nhà thì vẫn ngồi "trầm mặc cây rừng" mỗi người một chỗ. Tôi, sau khi hung hăng tuyên bố chiến tranh, tưởng đã hết còn thấy ngán bất cứ ai, không dè càng trở nên rụt rè, sợ sệt hơn, nên cứ đứng xớ rớ, ngần ngừ đến cả mấy phút sau mới dám rút quân. Riêng phe đồng minh thì nhất định không chịu giải tán, cứ tọa nguyên như vậy trong phòng khách. Chắc có lẽ để mở thêm một buổi mạn đàm không chính thức, bàn kế hoạch... chiến đấu với tôi. Với một tâm trạng hết sức lạ lùng, tôi khập khểnh vác chăn gối, mùng màn đi ngủ. Khỏi cần nói cũng biết nỗi hân hoan đang bào bọt trào lên trở lại, căng đầy cứng trong óc và tim tôi, nhưng rõ ràng nó chẳng trơn tru, trọn vẹn gì cả.

Vào giường trở trăn một hồi, tôi thở dài sườn sượt nhớ tới những điều mẹ tôi nói khi nãy. Cái cảnh nhà đông đặc như kiến của gia đình Tuệ hiện ra trước mắt tôi. Ông bà già và bảy anh chị em, thêm tôi nữa là chẵn chục. Mười người, nhưng dường như không hề có người nào biết nấu nướng, sắp xếp nhà cửa cho gọn gàng. Không người nào có đủ khả năng làm cho ngọn đèn kinh tế, tài chánh bớt lao chao trước gió. Đám em út lớn tồng ngồng của Tuệ chỉ biết ngửa tay xin tiền ông bà già. Mà lụ khụ như Tuệ với hai bà chị cũng trầy vi tróc vẩy, tự nuôi lấy miệng còn chưa nên thân. Tôi rùng mình. Ngán ngẫm nhớ tới lần nào Tuệ đưa tôi về nhà chơi cũng thấy chàng có chuyện cãi cọ với ai đó, bằng không thì người này cãi với người kia. Hễ chẳng ông già, thì bà già. Chẳng bà chị lớn, lại con em kế. ỏm tỏi trời đất nhưng chỉ toàn là những chuyện vặt vãnh, không đáng gì. Nghe mà muốn long cả hai lỗ tai. Tự dưng tôi thấy mình run lên như bị sốt rét cấp tính. Trời ơi, trong tương lai khi tôi khăn gói về đó làm dâu, thì tôi sẽ góp thêm cái phần gì đây với Tuệ. Tiền bạc? Sức lực? Hay là chỉ góp thêm chuyện, góp thêm vấn đề?

Đầu óc tôi căng ra, nhức nhối như bị du đãng gõ một cái chai vô giữa sọ. Tôi cố tưởng tượng ra cảnh nhà Tuệ với những ý nghĩ lạc quan nhưng không được. Cái niềm vui nhỏ nhoi, cái hạnh phúc tầm thường của kẻ được ngỏ lời cầu hôn chợt tan biến mất như bọt xà bông. Hôm qua tôi đòi lên cơ quan xin một căn phòng cho tôi với Tuệ. Chàng đã rùng mình, bảo không muốn đâm đầu vào cái chốn lúc nào cũng lộn xộn như một mớ bòng bong ở những cơ quan, nhà tập thể. Cổ họng tôi khan cứng. Mấy năm trời chiến đấu bở hơi tai với mấy con nhỏ theo Tuệ và Tuệ theo, khổ

nhọc áp dụng hàng trăm "quẻ", hàng trăm chiêu bài, hàng trăm kế hoạch, cuối cùng mới được chàng ngỏ lời cầu hôn, vậy mà cái niềm vui không chịu ở lại lâu với tôi. Nó cười khì trêu chọc rồi vỗ cánh bay mất hút lên trời, để lại cho tôi một đống lo âu, căng thẳng đến rợn người.

Tôi nặng nhọc trở mình. Cố tìm một phương hướng để đỡ thấy chán ngán, nhưng tìm mãi vẫn không ra. Và dưng không trong mớ lo âu suy tư ấy, tôi chợt nhận ra mình có thêm một nỗi lo khác. Một cái nỗi lo có vẻ hơi mơ hồ nhưng không phải là không có nguyên do, căn cớ. Là tôi bỗng kinh hoàng tự hỏi, biết đâu Tuệ chỉ bất thần cảm động rồi bật ra cái "nhã hứng" muốn đi cưới tôi, nhưng tôi chưa gì đã mừng quá, vội vàng chạy về nhà tuyên bố um sùm, mà không kịp nghĩ ra mai mốt đây chàng lại đổi ý, bảo mình chỉ nói đùa? Tôi giật mình muốn la làng lên một tiếng lớn. Trời ơi! Nếu tận cùng bằng số cái cơ sự ấy mà xảy ra thì chắc tôi chỉ còn có nước đâm đầu vô đường rầy tự tử, chứ chịu sao nổi sự chì chiết của gia đình!

Khuya, con nhỏ Thảo vào ngủ chung giường với tôi. Nó ôm vai tôi thầm thì:

- Nghĩ tới hôm nào Nhị qua nhà anh Tuệ ở là buồn thấy mồ.

Tôi làm thinh. Con nhỏ làm tôi cảm động quá sức. Nó hiền hơn con Tuyền và hay tỏ bày tình cảm một cách hết sức ủy mị như thế này. Tôi an ủi nó:

- Nhà anh Tuệ gần sát đây, nhớ chị thì chạy qua thăm chứ khó khăn gì.

Con nhỏ chặc lưỡi:

- Em không ưa con em của anh Tuệ. Cái con nhỏ quạ tha ma bắt, mặt mày đẹp đẽ mà cái miệng lúc nào xoèn xoẹt.

Tôi im. Thật sự tôi cũng không ưa con nhỏ đó, huống gì con Thảo. Nhà tôi có con bà cô Tuyền xảnh xẹ hay gây sự và làm khó Tuệ thế nào, thì con nhỏ em của chàng đối với tôi cũng chẳng khác gì hết. Cũng xét nét, gầm gừ tôi đủ thứ chuyện. Tôi tốn quà tốn cáp cho nó nhiều bao nhiêu thì nó lại càng thích nói chuyện chị Hạnh, chị Dung, chị Xoài, chị ổi "ngày xưa và mới đây" của anh Tuệ nó bấy nhiêu. Chị nào trong mắt nó, cũng có vẻ ngon lành, hiền hậu, lịch duyệt và yêu anh Tuệ nó cho đến chết chứ không như tôi. Chị nào cũng có vẻ ăn đứt, vượt qua mặt tôi đến mấy trăm cây số đường trường. Nghe, tôi tức muốn vỡ tim. Nhiều lần tôi đã định thỉ thọt với Tuệ để chàng về "trừng trị" con nhỏ nhưng tôi không biết làm cách nào. Con nhỏ Tuyền hay chê tôi hiền quá! Nó bảo mai mốt nhà chồng mà có trăm mụ cô nó cũng vặt mũi láng hết. Con nhỏ ngon lành như nữ tướng, nói được làm được. Nhiều khi tôi không hiểu tại sao cùng cha mẹ sinh ra mà nó oai phong lẫm liệt như bà Trưng bà Triệu, mà tôi thì

lại nhát gan, tệ hại vô cùng. Nhà Tuệ, tôi rùng mình, hai ông chú và bốn mụ cô, từ lớn cho chí bé, không ai cũng biết rõ rành rành, năm với năm là mười, tôi thương chàng nhiều hơn được chàng thương lại!

Con nhỏ Thảo tự dưng lại nhắc tới con em cà chớn của Tuệ, làm tôi thêm rầu. Tôi quên mất nỗi mủi lòng và nỗi buồn ly biệt mà con em ruột vừa mới tỏ bày. Tôi hạ giọng xuống, thẩu não hỏi một câu vớ vẩn mà không cần nghe câu trả lời:

- Nhà mình nãy giờ làm gì mà đi ngủ trễ vậy?

Con nhỏ Thảo thở dài:

- Ba mẹ với bà Tuyền lo Nhị sẽ bị anh Tuệ ăn hiếp, nên tính tới tính lui chuyện cho ảnh ở rể.

Cái câu trả lời với cái tin giật gân bất ngờ của con nhỏ Thảo làm tôi thót mình nhổm dậy:

- Cái gì? Thiệt không?

Giọng con nhỏ Thảo nhuốm buồn:

- Thiệt. Em cũng muốn anh Tuệ về nhà mình ở cho Nhị khỏe. Nhưng bà Tuyền không ưa anh Tuệ. Mẹ sợ sau này chị với anh Tuệ lục đục chỉ vì bà ấy.

Tôi lại nằm vật xuống như cũ, mở mắt ngó lên đỉnh mùng. Mẹ tôi lo đúng phông phốc. Mà cần gì đến sau này. Con nhỏ Tuyền trước nay vẫn cứ cách vài tuần là về nhà loan một tin xe cán chó. Hầu hết là tin thật, mà cũng có khi là tin vịt. Nhưng đâu cho có là tin vịt hay gà, thật hay xạo, một khi con nhỏ Tuyền đã lên tiếng báo cáo chuyện Tuệ lăng nhăng với ai đó thì cũng y hệt như phóng viên nhà báo tường thuật tin cướp giật hay buôn lậu. Chỉ cần nghe qua cái tựa là đã hộc tốc muốn "xem trang trong" liền. Lúc con nhỏ vặn cốt, lên giây thiều chuẩn bị phát thanh, là lúc máu tò mò của cả gia đình tôi cũng sẵn sàng vọt lên hệ số cao nhất. Có ngày nào mà nó không ra rả xúi tôi chấm dứt liên hệ với Tuệ. Đã vậy, cái con nhỏ còn ác nhơn thất đức hơn, bằng cách hay tuyên bố tôi mà bỏ Tuệ ra là nó sẽ mang về một anh chàng kỹ sư để làm mai mối cho tôi liền tức thì. Tôi xem chừng ba mẹ tôi ngày càng không ưa Tuệ cũng chỉ vì bị nó khủng bố tinh thần bằng nhiều phương pháp... đâu độc khác nhau. Có khi trực tiếp khi gián tiếp. Khi thẳng thừng khi uốn éo. Khi mạnh khi yếu. Khi gian khi hùng.

Con nhỏ có thằng bồ là kỹ sư. Tuệ bảo chàng ghét cái bản mặt khinh khỉnh của thằng này. Chàng cười khẩy:

- Nó tưởng nó thành công nên nó khinh khỉnh, nhưng nó đâu có biết là nó đang bị gái ăn hiếp, bị lấn chiếm... lòng lề đường!

Trời ơi, "gái" đây là con em ruột già ruột non với tôi. Tôi bị Tuệ xỏ

mũi như xỏ mũi nghé bao nhiêu, thì con nhỏ Tuyền lại có uy với thằng bồ bấy nhiêu. Nó chỉ cần nói một thôi là thằng bé đã nghe tới mười. Nó chỉ cần tiền hô thôi là đã có thằng bé hậu ủng sẵn sàng. Tôi khen con nhỏ có phước có phần. Tuệ bĩu môi, chê con nhỏ Tuyền dữ, còn thằng bồ thì ngu!

Thảo thấy tôi im lâu quá, bèn thở dài, nói cả nhà ai cũng lo, cũng sợ đường đời của tôi sẽ lắm chông gai, tình duyên gia đạo tôi sẽ lắm rối rắm. Tôi cười nghẹn ngào:

- Lo làm cái quái gì không biết nữa. Sau này ra sao hẵng tính, chứ bây giờ người ta có hạnh phúc được lấy người mình yêu thì chả ai thèm đếm xỉa tới!

Con nhỏ Thảo nằm im. Nó chỉ mới tới cái lứa tuổi đua đòi ăn xí muội, đọc báo trăng tròn, cái hạnh phúc lứa đôi đắng chát của tôi, nó hiểu sao ra. Tôi gát tay lên trán thở dài. Con nhỏ Thảo ngậm ngùi thương cảm úp mặt vào vai tôi. Lát sau nó nhẹ nhàng an ủi, vớt vát tôi một câu:

- Em cũng tin anh Tuệ không đến nỗi nào đâu Nhị.

Ơn trời, té ra cũng còn có con nhỏ Thảo tin Tuệ sẽ không... ăn thịt tôi. Và ơn trời, gia đình Tuệ mấy tuần sau đó là lễ mễ, trầu cau đi cưới tôi thật. Khỏi nói cũng biết tôi mừng và lo quýnh quáng lên, y hệt một con cá mắc lưỡi câu đang dãy dụa. Và trong lúc đó thì con nhỏ Tuyền vẫn lạnh lùng đi sục sạo đủ mọi tin tức xấu về Tuệ, mang về cho ba mẹ tôi "tham khảo, nghiên cứu". Đến gần ngày cưới tôi, con nhỏ không biết ra công đi tìm ở nơi nào, mà kiệu về cho tôi cuốn tiểu thuyết của bà Túy Hồng. Bằng một bộ mặt rất đau khổ, chán ngán, nó vất cuốn "Tôi nhìn tôi trên vách" lên giường, giọng nghẹn ngào rên rỉ:

- Tặng bà. Tặng bà trước khi bà về làm dâu nhà người. Trời ơi, bà Nhị ơi, bà phải rán nghiền ngẫm để biết lấy con trai Bắc Kỳ là khổ sở như thế nào.

Con nhỏ Tuyền cay Tuệ, đâm ra ghét lây người Bắc. Bắc 54, Bắc 75 gì nó cũng không ưa. Nó rủa tôi cái tội mê con trai Bắc, nên mới vớ phải người không ra gì là Tuệ. Mà Tuệ thì gần ngày cưới, vẫn cứ nhẩn nha như người cưỡi ngựa xem hoa. Chàng lề mề, chẳng thèm sắp đặt một cái thứ gì cho ngày tân hôn sắp tới của mình. Chàng có vẻ như chỉ thích thú trong việc bận bịu đi... từ giã đám tiên nga mỹ nữ, bỏ mặc tôi chạy vạy đàng đông đàng tây mọi thứ với bà chị lớn của chàng. Con nhỏ Tuyền điên lên như ngồi phải lửa. Nó nghiến răng trèo trẹo lên án cái tính trăng hoa của Tuệ. Nó rít rắm:

- Ông ấy khinh bà, ông ấy coi thường bà!

Tôi đau đầu đau cổ trông đi quách ra khỏi nhà cho rồi. Cuộc đời hôn

nhân và hạnh phúc của tôi bị con nhỏ Tuyền tiên đoán sớm muộn gì cũng rắc rối, tao loạn; trước ngày cưới đã thấy tao loạn, rắc rối tùm lum. Dọa dẫm tôi đủ điều, không thấy có kết quả, con nhỏ Tuyền đổi chiến thuật mang về cho tôi xấp áo dài màu vàng rực rỡ. Nó bảo:

- Bà có biết con sư tử đực là con thú lười biếng và vô trách nhiệm nhất trong tất cả các loài thú không? Suốt ngày nó cứ chỉ nằm nhẩn nha chờ con cái tha mồi về dâng lên đến tận miệng mà chả được cái trò trống gì ra hồn. Kể cả việc dùng cái tướng dũng mãnh trời cho của mình để giúp vợ trông nom con cái, đuổi các con thú khác, nó cũng làm không xong.

Con nhỏ đanh đá nhận xét:

- Cái nghĩa vụ duy nhất của con sư tử đực là giao hoan. Là giao hoan, bà biết không? Ở trên đời này, có nhiều thằng đàn ông cứ tưởng mình là một con sư tử đực, tưởng mình ngon lành, tưởng mình oai phong lẫm liệt, mà đâu có biết ngoại trừ cái lớp vỏ bề ngoài và cái khả năng giao hoan của mình, thì chẳng có cái quái gì khác để người ta ngưỡng mộ. Vì thế, tui nói cho bà rõ một điều là khi cần phải bỏ cho nhẹ lòng, bà cứ việc ngoảnh mặt mà bỏ, bỏ không thương không tiếc gì cả nghe không! Tui mua tặng bà xấp áo màu vàng này, là tui muốn nhắn nhủ với bà rằng, màu vàng là màu phản bội, rằng bà lấy ông Tuệ, bà cũng nên biết học cách phản bội để không bị thiệt thòi sau này...

Con nhỏ Tuyền nói xong, hai mắt đỏ hoe. Bài thuyết giảng cay đắng làm trào những giọt nước mắt từ con nhỏ em ngang ngạnh, dữ dằn khiến tôi chới với. Con nhỏ nói xong là bỏ ra khỏi phòng, để tôi ngồi lại với đống quần áo, va-li ngổn ngang khắp nơi trên giường, dưới mặt đất. Tôi lặng người. Ngày mai tôi rời khỏi nhà, hành trang ngoài mớ quần áo này còn có thêm những lời sỉ vả chua chát của con nhỏ Tuyền. Ai chứ nó thì thừa biết tôi chưa bao giờ nghĩ tới chuyện sẽ hết yêu Tuệ chứ nói gì đến cái hân hạnh làm kẻ bạc tình, vậy mà nó cũng cố gắng hết sức làm thầy đời với tôi. Chắc là chỉ để cho đỡ ấm ức. Con nhỏ thương tôi, nhưng ghét Tuệ, nên không chịu biểu lộ tình cảm bằng những cách dịu dàng, thân ái hơn.

Tôi thẩn thờ cầm xấp vải màu vàng hoàng hậu óng ả lên tay. Một lát tôi buông xuống, muốn òa lên khóc. Tôi ngó qua giường con nhỏ Tuyền, nhìn đống chiếu chăn gọn ghẽ ở bên kia, dưng không hết muốn lấy chồng. Hết muốn rời gia đình về làm dâu nhà Tuệ. Tôi tự hỏi thầm hôn nhân là gì? Vợ chồng là gì? Và tình yêu là gì mà tôi nhất nhất cãi cha cãi mẹ lấy Tuệ cho bằng được thế này?.. Tôi ghì hai bàn tay lên vai mình, nghe lòng trống trơn, nguội lạnh. Hôm qua bà chị con ông bác của tôi ghé nhà, dòm mặt tôi một hồi rồi thủ thỉ:

- Cái lúc thành đàn bà nó mất thẩm mỹ và kém lãng mạn ghê Nhị há?

Lúc đầu tôi không hiểu ý bà muốn nói gì, nên ngớ ngẩn đáp:

- ờ, ai cũng tưởng tượng về ngày cưới của mình đủ thứ. Em cũng ngỡ nó trọng đại và ghê gớm lắm, nhưng đến lúc kề sát bên mới thấy nó chỉ khác tiệc sinh nhật, party ở chỗ có "biệt ly nhớ nhung từ đây" với gia đình. Em chỉ nao nao trong dạ vì chuyện xa nhà chứ chả thấy xôn xao gì hết.

Bà chị trố mắt ngó tôi một hồi. Rồi đổi giọng:

- Vậy Nhị chuẩn bị tinh thần cho đêm tân hôn chưa?

Tôi cười:

- Biết chuẩn bị gì giờ?

Giọng bà xôn xao:

- Tinh thần! Chuẩn bị tinh thần chứ gì. Nhị biết là làm vợ là khác với làm người yêu chứ gì... Vì vậy phải cố gắng đừng để mất bình tĩnh. Được tự do thoải mái hơn nên phải đón nhận khác hơn nghe Nhị...

Vừa nói, bà vừa cười hi hi lên, rồi thầm thì nhắc đến những chuyện phòng the thật lạ lẫm đối với tôi. Tôi ngẩn người nhìn nụ cười "chúc mừng thắng lợi" đang nở trên bộ mặt dày mỡ, bóng loáng kem dưỡng da Thái Lan rẻ tiền, ngơ ngác nghe giọng cười rúc rích vướng mùi trần tục quái gỡ vang vang khắp nơi trong phòng. Mãi lâu sau tôi mới đoán ra được cái ý nghĩa của nụ cười, của cái giọng điệu hưng hức, tục tĩu ấy. Thì ra là họ hàng tôi, ai cũng tưởng tôi đã "mất bình tĩnh" với Tuệ từ lâu, đã nếm trải được cái kinh nghiệm kém thẩm mỹ và lãng mạn, nên có vẻ coi như ngày cưới tôi là một... bồi thường chiến tranh, một sự hợp thức hóa không hơn không kém. Thấy tôi ngồi im khá lâu, bà chị họ tưởng tôi thấm ý, bèn hỏi một cách trơ trẽn hơn:

- Bên nhà thằng Tuệ chắc ngủ chiếu chứ hả Nhị?

Tôi không gật cũng không lắc. Nhưng hoàn toàn không dám ngó lên lần nữa. Tôi cúi gầm, cắm mắt xuống những ô gạch bông xanh bông đỏ. Bà chị họ tôi vội vàng kết luận:

- Ngủ chiếu thì khỏi cần đề cao cảnh giác, khỏi sợ ai phát hiện mình "mất" hay "còn"!

Nghe đến đấy, tôi đớ lưỡi ra. Tôi nhớ tới tục bà mai được trả công bằng đầu heo bị mất tai, xẻo mũi chỉ vì cô dâu không còn trinh. Cơn giận tràn lên sôi sục trong bụng, tôi muốn ngồi thẳng dậy tống một phát vô mặt bà chị. Nhưng dĩ nhiên tôi đâu có dám. Và rồi tôi cũng chẳng buồn thanh minh thanh nga gì cả cho mình. Tôi nghĩ, chắc có nói, cái con người sống sượng trơ trẽn này cũng sẽ không tin tôi. Nên cứ thế, tôi sượng sùng ngồi trơ ra như phỗng. Rúc rích chán, bà chị họ ra về. Lúc bấy giờ tôi mới chợt nhận ra mình không chỉ hiền như con nhỏ Tuyền nhận xét,

không chỉ dễ dàng bị Tuệ xỏ mũi, ăn hiếp như cả nhà tôi vẫn lo sợ lâu nay, mà dường như tôi còn có thể bị nhiều người khác đè đầu cưỡi cổ nữa. Tôi chán ngán nghĩ, thì ra đám cưới, hôn lễ, ngoài những trúc trắc lộn xộn thường tình, còn có biết bao nhiêu cái trúc trắc, lộn xộn khác nằm ở đàng sau lưng cô dâu và chú rể.

Tôi nhớ đến ông bác tôi bình thường vẫn được tiếng rất hào hoa, phóng khoáng, vậy mà hôm đám dạm của tôi, nhìn vào khay hoa quả, vàng bạc nhà Tuệ "đi" cho tôi, đã bĩu môi chê bai hết lời. Rồi tôi lại nhớ tới cái bản mặt ngu si đần độn của mình lúc mẹ tôi đưa cho hai cái khăn nhỏ, dệt bằng loại sợi mịn và mỏng, nhỏ hơn loại khăn mặt vẫn được dùng ở nhà hằng ngày; tôi đã ngạc nhiên, nhưng quên không hỏi mẹ tại sao kỳ này lại mua cái loại khăn có kích thước gì quái đản đến vậy, mà dường như mẹ tôi cũng có thoáng chút nghi ngờ.

Tôi muốn la lên lần nữa. Nhưng rồi tôi bật cười. Tôi nghĩ đến cái chiến thắng vinh quang mà chỉ có một mình tôi và Tuệ biết: là tôi vẫn chưa trở thành đàn bà trước ngày cưới.❐

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Ánh Chớp

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

có trái dừa tươi cây rựa cán dài giơ lên
chặt chặt
nước dừa trong suốt vọt
mạch thanh xuân
nhựa con gái
tuôn tràn
chén chè mật dường
vàng hạ óng
hột đậu ván tròn căng nút mộng
chảo đồng

đám núi xanh lơ gần
chiều giông kéo tới
biển ảo lùi xa
thành quách tường hoa
nhatrang dựng đứng dốc ngược vượt lên
mái chùa biến hiện
mây đổ xuôi hình ngoằn ngoèo trôi xa
ra biển

khối than hồng treo cao ngụt lửa
hừng hực
bão cát xoáy tròn
mấu bánh tráng nướng dòn phồng môi thổi

thịt da nhà ga
những chuyến đi xa
chuyến trở về
lần nào nheo mắt nhìn nhatrang cũng mới
bàng hoàng
thành
phơi phới hương càn khôn

mùi phân bò phân ngựa ướp hương
Trần Quí Cáp vàng son
cặn nước mía sủi tăm
ep những cơn khùng thời mới lớn
ruổi xe rông hét lên con đường trống
mộng ước
với tay
vẽ vùi tưởng tượng
đôi cánh chớp lập loè bay lên
bay lên

nhatrang
ánh chớp lập loè u ẩn sáng trong đền thờ
ngày đêm
trái tim
ôi những ngày chuyển giông
làm sao mưa được

9/97

Phấn Thông

Tâm Thanh

Năm nay thu qua nhẹ như chiếc lá khô. Sáng sớm, Quân ra khỏi nhà, thấy lớp sương băng trên đầu ngọn cỏ rầu rầu, chàng đưa tay vuốt tóc. Đêm vừa qua chàng ngủ không yên giấc, thức dậy mới biết là nhiệt độ trong nhà xuống đột ngột; đông đã lén về sau một cuối tuần rực rỡ nắng thu trong vắt. Chàng rùng mình, trở vào.

- Anh quên cái gì vậy?

- Lạnh quá. Trở lại thay áo khoác.

- Đừng quên chìa khóa nhà. Không, chiều anh về sớm, lại đứng ngoài.

Cái đó khỏi lo, Quân có thói quen mỗi lần thay áo khoác, móc mọi vật trong túi áo mùa trước nhét vào túi áo mùa sau, không bỏ gì cả, cho gọn, sợ có những vật lúc này vô nghĩa, vất đi rồi mới hối hận. Thọc tay vào túi áo dạ, Quân chạm phải một vật sót lại từ mùa đông trước. Một vật không tên. Ông già đã nói cho chàng nghe bằng tiếng Na-uy, nhưng khi Quân nói lại, không ai hiểu. Tạm gọi là đồ ""căn bu-gi xe hơi''. Nó là của ông già hàng xóm cho Quân mượn. Năm ngoái nó cứ kêu lách cách trong túi khi chàng đi, cô bạn đồng nghiệp chọc là bò đeo lục lạc, vì vậy chàng không cho nó sang áo mùa xuân, mà cứ để trong túi áo mùa đông, chờ chiều đi làm về sẽ trả cho ông già. Ai ngờ quên luôn tới năm nay.

Thu mình trong cái ghế quen thuộc trên xe buýt, Quân thọc tay vào túi áo khoác, mân mê những mẩu thép lạnh ngắt và miên man nghĩ tới ông già ...

Giữa những người đồng hành dường như gặp mỗi ngày nhưng không bao giờ làm quen, Quân thấy ông già hàng xóm là một người quí. Khi vợ chồng chàng mới dọn tới khu này, ông còn đi làm. Dường như luôn luôn chàng bắt cùng chuyến xe buýt với ông. Ông là người đầu tiên gạ chuyện với Quân. Và cũng là người cuối cùng. Vì cho tới nay, sau 10 năm đi xe

buýt, không ai gạ chuyện với chàng nữa. Ông già đã về hưu cách đây năm năm. Ông dễ làm quen, có lẽ nhờ cái tính tò mò. Bên này vườn, Quân làm gì ông cũng lách hàng rào sang coi.

Ví dụ cái hôm Quân cắt cỏ trong khi vợ phơi nắng. Không hiểu năm đó nhờ giỏi dự đoán thời tiết hay do khéo bày các bích chương với Cindy thỗn thện, mà các tiệm bikini trúng mối to. Phong trào áo tắm hai mảnh, thực ra, ra đời từ lúc vợ Quân còn tắm sông với lũ nhóc con trai, nay trở về ""lên ngôi'' lại, thế mà nó lên cao đến nỗi vợ Quân cũng bày đặt đến một bộ. ""Cứ tưởng mặc bikini vô rồi thân hình biến thành Cindy!'' Quân nói kháy, nhưng vợ vẫn mặc đồ mới, ra vườn. Nàng đang phơi nắng thì ông hàng xóm hiện ra sừng sững từ lúc nào, vai vác cái liềm. ""Cindy'' nhà ta giật mình, hoảng hốt lấy cả tấm nệm trải dưới đất khoác lên người như cái áo giáp, trông rất kém ... văn minh. Quân trông buồn cười, chọc thêm bằng tiếng mẹ đẻ:

- Ổng chỉ vác liềm, có kèm búa đâu mà hoảng vậy?

- Người ta đang ăn mặc kỳ cục chứ bộ. Chứ cái búa liềm của anh sức mấy đánh lại bộ bikini.

- Đã biết là kỳ thì đừng mặc. Đã muốn khoe thì đừng sợ người ta thấy.

- Tắm nắng chứ khoe cái gì.

- Vậy sao em cứ làm như bị xâm phạm tiết hạnh ấy? Đầm nó phơi nguyên con còn ... chưa thấy gì.

Nàng xí một tiếng rồi ngúng nguẩy vào nhà, tấm nệm xòe ra như cánh con gà mái chăn con. Ông già không hiểu sự tình, kiên nhẫn chờ nghe xong những tiếng lạ, mới lên tiếng:

- Mày để cỏ lên cao quá, cắt bằng cái máy đẩy không ăn thua. Phải cắt bằng cái này.

- ...

- Ngày xưa tao làm thế này...

Thế là Quân học được kỹ thuật cắt cỏ ... tiền chiến. Nhưng vợ không hoan nghênh Quân cầm cái liềm dài mà huơ lên, huơ xuống, vì mặc đầu không có búa, trông như tử thần.

Nàng cũng không hoan nghênh sự tự nhiên, đường đột của ông già. Sau bữa đó, nàng ương hai cành cây để trám vào cái lỗ hàng rào. Nhưng mỗi lần nàng dăm được nhánh nào, là lại xảy ra một việc hấp dẫn khiến ông già chui sang, xéo gót giầy ""xâm lược'' lên nhánh cây vừa bén rễ. Thành ra ""cửa ải Nam Quan'' cứ bỏ ngỏ từ nhiều năm nay. Mà dường như việc gì bên Quân cũng được ông già hưu trí coi là hấp dẫn. Phương chi hôm Quân cho đốn một cây thông to trong vườn. Ông ta chui ngay sang, gật gù khen:

- Mày đốn cây này là phải lắm. Án nắng. Tao như mày tao đốn luôn cây ở góc kia. Để, có ngày chạm dây điện, cháy nhà.

Quân nhìn đống cành cây và những khoanh gỗ nằm ngổn ngang trong vườn, thở hắt ra:

- Dọn một cây đã đủ ứ hơi rồi. Chắc tôi không có cam đảm đốn cây kia đâu, ông ạ.

Cũng may, ông thợ đốn cây đã cưa cây thông thành từng khúc ngắn, Quân chỉ việc bửa để chụm lò sưởi, ít nhất ba mùa đông khỏi mua củi. Nhưng Quân, từ ngày ""đổi đời'' đã thử nhiều nghề, mà chưa thử nghề bửa củi. Quân bị ""kẹt búa'' ngay từ nhát khai trương. Trong lúc bổ lưỡi rìu xuống, đầu óc Quân tự nhiên nhớ lại chuyện ngày xưa trong đơn vị có anh lính bổ củi phạng trúng ống quyển, tay Quân chồn lại, và lưỡi rìu do dự ghim cứng vào khúc cây, không nhúc nhích. Tiến thoái lưỡng nan.

- Đưa đây tao coi!

Ông già đã hiện ra đứng bên cạnh như ông Bụt. Trên 70 tuổi mà ông còn tráng kiện, và rất hãnh diện về sức khỏe của mình. ""Ngày xưa tao làm thế này''. Ông đứng tấn, nắm lấy cán rìu bằng hai tay, nhấc cả khúc cây lên trời, vòng qua đầu, đảo chiều ở trên không - cho rìu đi trước, gỗ đi sau- nện xuống cây thớt bằng gỗ bạch dương cứng như gỗ lim. Khúc gỗ thông, bị giộng bằng chính sức nặng của nó trên lưỡi rìu nằm ngược, bèn tét ra làm đôi. Đúng là thế lấy sức đả sức, đọc chưởng thấy hoài. Quân trố mắt thán phục.

- Hay quá!

Ông già coi lời khen là đương nhiên, hãnh diện:

- Thấm gì! Một chút tiểu xảo thôi. Tao bổ củi từ năm 15 tuổi. Thời đó ở nhà quê toàn sưởi củi, làm gì có điện.

Như thường lệ, ông bắt đầu kể về Na-uy thời hậu chiến. Lúc đó người ta nghèo hơn, nhưng lương thiện hơn, chăm chỉ hơn, ít hoang phí hơn, không vô tình như bọn trẻ ngày nay. Vừa kể, ông vừa chẻ khúc củi nhỏ thêm, giọng nói cố giữ cho khỏi hổn hển. Ông chẻ một cách liều lĩnh, nhìn mà ớn xương sống, cứ phập phồng cho bàn tay của ông. Không hiểu ông nghi ngờ khả năng lãnh hội của Quân, hay muốn gia tăng ""công quả'', mà ông chẻ một lèo hai khoanh cây bự mới chấm dứt phần biểu diễn, và giao rìu cho Quân thực tập. Ông moi trong túi quần ra một cái khăn, hỉ mũi. Cái khăn bèo nhèo ươn ướt này cũng là thí dụ của tinh thần hậu chiến - bây giờ người ta dùng khăn giấy rồi vất đi, thật phí của.

Quân cầm rìu, bắt chước làm theo ông. Quả nhiên, khúc cây bị tách đôi ngay, dễ dàng. Học được ""khoa học kỹ thuật mới'', Quân khoái chí, phang một lèo hai khúc cây -bằng thành tích của ông- thì bắt đầu thấm

mệt.

- Mày có uống sữa không?

Tại sao lại nhằm đúng vào con người ""hay suy tư, nhiều mặc cảm'' như Quân mà hỏi câu như vậy? Nhưng chàng vẫn làm như bình tĩnh:

- Không. Gì vậy?

- Uống sữa mới có sức.

Thấy ông rút cái khăn bèo nhèo ra hỉ mũi, Quân trả đũa:

- Ông bị cảm thời tiết?

Hỏi vậy thôi, Quân biết ông rất hãnh diện hai chuyện: ""ngày xưa tao làm như thế này'' và ""từ nhỏ tới lớn tao chưa bao giờ bệnh''. Quả nhiên ông trả lời:

- Từ nhỏ tới lớn tao chưa bao giờ bệnh.

- Còn tôi, lớn không uống sữa nữa.

Ông vạch rào trở về, ngoái lại, lẩm bẩm:

- Tao không hiểu lý do gì làm cho mày còn luyến tiếc cây thông kia.

Quân cười trừ, kệ ông già lẩm cẩm, tiếp tục với đống củi. Quân mất ba tuần lễ mới thanh toán xong. Hoa trong vườn đã tàn và kết trái tự bao giờ. Năm đó cây mận đậu trái chi chít, Quân đang mải trẩy bớt, thì ông hàng xóm ló đầu qua hàng rào:

- Mày làm trò gì đây?

- Trẩy bớt trái.

- Chắc mày thấy đêm qua gió to, sợ gẫy cành?

- Sợ, nhưng không phải sợ gió, mà sợ nhiều trái quá nặng cành. Năm ngoái, quên, năm kia được mùa mận, cây này bị gẫy hai nhánh đẹp nhất.

Ông già cũng có một cây mận, già và sâu sia, thua xa cây mận tơ mới chiết của Quân. Ghét nhất là nó cứ luồn qua nhà Quân mà đẻ cây con, làm xấu thảm cỏ. Quân hất đầu lên cây mận của ông:

- Cây mận của ông có nhiều trái không?

- Cũng khá. Nhưng ra trái nào bị sâu hết. Không biết thứ sâu quỉ sâu quái gì. Ngày xưa trái nó ngon lắm.

Nhìn lên có thấy trái nào nào đâu. Hai người đứng nói chuyện vu vơ. Quân dòm sang, thấy cô cháu ngoại của ông, không ""hong lụa'' mà đang phơi da thịt, phần trên người chẳng có mảnh lụa là nào, phần dưới một sợi dây nhỏ bằng cái cà-vạt, gặp chỗ gập ghềnh là lẳn đâu mất. Quân hạ giọng để khỏi làm giật mình ""con bướm trắng'' của Nguyễn Bính:

- Đốn quách đi cho rồi.

Ông ngẩng hờ nhìn lên cây mận già:

- Tao trồng hồi con May Britt mới sanh.

Quân vô tình nhìn sang May Britt đang chổng mông lên trời. Cô vừa

đổi thế nằm, như người ta trở lúa. Lớn đẽu như vậy rồi đấy. ổng lại quay sang cây thông góc vườn của Quân:

- Đêm vừa rồi gió to, tao chỉ sợ đổ cây thông, đứt hết giây điện.

Quân không hiểu tại sao ông già kỵ cây thông như vậy. Nó lại là cây thông cuối cùng trong vườn của Quân. Quân muốn giữ lại, để vào mùa đông, từ cửa sổ Quân nhìn tuyết phủ đầy mà lá vẫn xanh, để Quân còn nhớ cụ Nguyễn Công Trứ *""Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo''*. Cây thông này chẳng biết reo như thông Đà Lạt, nhưng cũng biết ... đứng. Quân lại nhìn sang vườn nhà ông, người cô gái vẫn nằm toàn thân dưới nắng, không bị khuất bóng gì cả, hà cớ gì ông cứ đòi xử trảm cây thông Nguyễn Công Trứ? Giá mà cây thông ngăn trở việc tắm nắng của cô gái trắng hồng kia, họa may Quân còn xét lại. Chiều cái ý thích viển vông của một ông già gần đất xa trời, có gì hấp dẫn đâu.

- Ông đốn cây mận trước đi.

Ông nhìn lên cây mận, rồi cây thông, không có vẻ gì buồn giận:

- Chờ sang năm xem sao.

Trả lời rồi ông vạch rào trở về giắt con Rex vô rừng. Con chó già này là đồng lõa trong việc làm ra cái lỗ hổng hàng rào. Nó thích bới đất chơi ở đó.

Xe buýt rẽ vào con đường mà Quân thường thắc mắc sao người ta ở đây được, xe cộ ồn ào, tạt nước bùn vào tận vườn. Chỉ những cây táo là đẹp, mùa xuân hoa trắng pha hồng, mùa này đỏ rực trái. Ôn lại chuyện cây mận với cây thông, Quân còn nhớ cái dấu hỏi trong đầu chàng hôm đó -mơ hồ nhưng đã thành hình- rằng nếu May Britt, cháu ông già, sang yêu cầu đốn cây thông, chàng có từ chối không? Chàng hơi bực bội vì cái dấu hỏi vô duyên, tà ý như vậy dám thành hình và hôm nay vẫn chưa biến mất. Dấu hỏi đến tự nhiên có lẽ vì bên đó chỉ có ba sinh vật - ông già Rolf, cô May Britt và con Rex. Con Rex không biết nói.

Mấy tháng sau cái vụ mặc cả về cây mận sâu sia với cây thông, con Rex chết. Ông già long trọng báo tin buồn cho Quân khi hai người cùng xếp hàng ngoài bưu điện. Quân chia buồn, ông ngậm ngùi:

- Đó là người bạn cuối cùng của tao.

Hai chữ ""cuối cùng'' nghe bứt rứt, xốn xang. Chàng sợ nghe hai chữ đó từ bao giờ không biết. Ông chìa cho Quân coi tấm bưu thiếp chụp hình một con chó giống labrador trắng (con Rex màu đen), nói:

- Tao báo tin cho người bạn tao ở Luân-đôn.

Quân nhớ ông thường kể về người này. Ông ta sang Na-uy phục vụ trong quân đội Anh, sau đó ông Rolf sang Anh học về cơ khí. Vậy ngoài con Rex, ở bờ biển bên kia ông già còn một người bạn nữa, nhưng rất ít

gặp. Vợ ông chết bao giờ, Quân không hỏi. Người con gái đi lập nghiệp xa, chỉ có cô cháu thỉnh thoảng về chơi ít bữa. Thấy người ta thường nuôi lại cùng một giống chó để thay thế cho một con chó cưng mới chết, Quân đề nghị:

- Hay ông nuôi con labrador khác.

- Không gì thay thế Rex được.

Vào quầy mua tem gởi bưu thiếp xong, trước khi ra, ông già quay lại phân trần:

- Tao già rồi. Nuôi con khác, tao chết trước, nó khổ.

Xe buýt tới Helsfyr, nơi ông già thời đó thường kéo chuông (Quân thích hôm nào ông quên, chàng kéo chuông hộ), chào Quân, rồi đội mũ, bước xuống. Cho tới hôm ông về hưu Quân mới sực nhớ trên chặng đường này ông là người bạn đồng hành duy nhất của mình trong mười năm nay. Hôm nay, có chiếc xe nằm đường, vì đường trơn hay vì trời trở lạnh đột ngột? Hay không kịp chỉnh lửa? Quân lấy bộ đồ chỉnh bu-gi ra ngắm nghía. Vật này hình như ông mua hồi ông học bên Anh. Ông rành xe cộ lắm. Mỗi lần Quân mang xe ra sân trước lau rửa hay kỳ cạch sửa chữa, ông thường ra coi, việc gì ông cũng kiếm chuyện bàn vào được. Ông chê các ga-ra tân thời căn lửa bằng máy, thường già quá. Ông cho Quân mượn một bộ đồ chỉnh bu-gi, để căn lửa, mùa hè mùa đông theo ý mình. Đó chỉ là một xâu bảy tám lưỡi thép dầy mỏng khác nhau, để đo khoảng cách chấu lửa. Dụng cụ rất thô sơ, nhưng ông đã giữ trên 40 năm rồi, quí Quân lắm ông mới cho mượn. Quân có biết tí máy móc nào đâu, chàng chỉ nhận món đồ cho có lệ. Bỏ vào túi rồi quên đi. Nó 40 tuổi, gần bằng tuổi chàng. Quân, như đa số đàn ông, thích mua những dụng cụ lỉnh kỉnh, dù chẳng biết để làm gì, và khi có việc dùng thì ... đi thuê thợ. Có lần Quân mang xâu thép ra tiệm bán đồ xe hơi hỏi mua cho mình một bộ, mấy người bán hàng trẻ tuổi xúm vào coi ""hàng mẫu'' mà không biết là cái gì, cười hô hố, mặc dầu người Na-uy có giáo dục rất cao, không bao giờ cười chê kẻ dị hình dị tướng.

Xe vào thành phố, ngưng tại trạm chót. Quân nhét vội xâu thép vô danh tội nghiệp vào túi quần. Tới sở, cô đồng nghiệp lại chọc ""con bò với lục lạc'', như năm ngoái, cũng nơi hành lang yên lặng trước cửa thư viện.

Buổi chiều đi làm về chàng sang thẳng nhà ông để trả cái ""lục lạc''. May Britt thò đầu ra từ cửa sổ lầu:

- Truyện gì?

- Tôi sang để trả ông Rolf cái này.

Nàng xuống mở cửa:

- Cái gì vậy?

Quân không biết gọi nó là cái gì, nên trả lời:

- Cái này.

Britt May ngắm nghía vật trên bàn tay Quân, lắc đầu:

- Tôi không biết nó là cái giống gì.

- Để sửa xe hơi.

- À. Vậy ông ngoại tôi cho anh đấy.

Quân cám ơn, trở về nhà, mang theo một vật không tên, không còn ai dùng. Chỉ còn là một liên hệ mơ hồ. Thời tiền chiến. Ông già hưu trí. Con Rex. Luân-đôn. Sài Gòn.

Từ lễ Giáng sinh, tuyết phủ đầy trên nóc nhà câm nín, ủ dột. Hàng rào giữa hai nhà bị tuyết đè gục xuống. Cả ""ải Nam Quan'' cũng bị tuyết bít luôn. Những cửa sổ thu nhỏ lại vì băng nhũ từ máng xối buông xuống và tuyết bao quanh, lạnh lùng, cách ngăn. Quân ngồi trong phòng đọc sách dưới hầm (chàng cho là vào mùa đông dưới hầm ấm hơn). Qua cái cửa sổ tò vò ngập tuyết phân nửa, chàng nhìn sang bên ông già. Cái chuồng chó bên chái nhà bị ngập tuyết. Ông đã đăng báo cho, có người ta tới coi, nhưng chê không lấy. Phòng khách ông già trên lầu không bật đèn. Tối. Lạnh.

Chàng quyết định sang xuân sẽ cho đốn cây thông để làm vui lòng ông già.

Sau lễ Phục sinh, tuyết băng trên đường và trên mái nhà tan hết. Có nhà đã mở cửa sổ đón gió xuân. Hàng rào cây ngẩng đầu dậy, trổ lá non. Một cụm hoa xuyên tuyết nở trắng ngần ở chân hàng rào trước ""ải Nam Quan''. Quân ngạc nhiên, thắc mắc không biết ai trồng cụm hoa - vợ chàng hay ông già? Lòng rộn ràng vui sướng, Quân sang để báo cho ông biết ""tin xuân'' - đốn cây thông. Chàng bấm chuông cửa trước, không ai trả lời. Chàng vòng ra đằng sau xem ông có ngồi ngoài hiên hóng nắng mới không. Ông cũng không có ở đây. Trên hiên có vài vũng nước do tuyết tan chưa khô, một lớp váng màu vàng như kim nhũ phủ trên mặt. Chàng để ý khắp hiên phủ lớp kim nhũ. Chàng vừa bước lên, tinh nghịch in một dấu giầy trên lớp bụi vàng, thì cửa sau mở. May Britt ngạc nhiên:

- Ủa! Có phải anh vừa bấm chuông không?

- Phải.

Quân dùng mũi giầy di di những bụi vàng, cố ý chờ ông già ra. Chàng muốn đích thân báo ""tin xuân'' với ông. Chàng hỏi để câu giờ:

- Bụi gì lạ thế này?

- Phấn thông.

- Cây thông nhà tôi?

- Phải. Nhưng anh sang không phải để coi phấn thông chứ? Có việc gì vậy?

Quân đành nói ra ý định:

- Tôi chỉ sang nói rằng tôi muốn đốn cây thông kia. Bên cô có thấy gì trở ngại không?

- Cây trong vườn nhà anh, anh làm gì thì làm chứ. Tuy nhiên cám ơn đã hỏi.

- Thực ra tôi đốn là vì ông ngoại của cô.

- Nếu vì ông ngoại tôi thì bây giờ không cần đốn nữa.

- Sao vậy?

- Ông mất rồi.

- Bao giờ?

- Trước Giáng sinh. Bệnh tim.

Nàng trả lời một cách bình thản, tự nhiên, đến nỗi nhất thời chàng cảm thấy một lời chia buồn có thể lạc điệu. Giữa May Britt và ông già là liên hệ máu mủ. Giữa ông và người bên Anh với con Rex, là liên hệ bạn bè. Còn Quân? Không biết. Dường như sự liên hệ mới vừa được thiết lập cùng với tin ông già mất. Giữa ông già đã thuộc về quá khứ, và chàng đứng đây trong hiện tại, chỉ còn cây thông - lý do chàng sang đây. Chàng ngơ ngác buông hai chữ:

- ... mất rồi ...

Tâm trạng Quân lúc này giống như khi cách đây mấy năm chàng đọc lén lá thư Má vợ. Lá thư cuối cùng. Có lẽ vì đoạn này mà vợ chàng giấu không cho chàng đọc:

"" Má đã yếu nhiều, chẳng biết ngày nào về với ông bà. Buồn chẳng được nhìn các con lần cuối. Trước khi chết má muốn hỏi thằng Quân có giận má gì không mà sao cái hôm chúng con ra đi, Quân không quay lại nhìn má? Má đứng hoài trước cổng chờ con quay lại, mà con cứ lũi thũi đi thẳng. Con có ngờ đó là lần cuối không?".

Quân nhớ đêm hôm đó vợ nằm chiêm bao, lúc la, lúc khóc rấm rức, chàng phải lay nàng dậy. Nàng kể vừa mơ thấy một cỗ quan tài đặt đầu ngõ vào ngôi nhà tuổi thơ. Nàng linh cảm điều chẳng lành. Hai ngày sau có điện tín từ Việt Nam báo tin Má mất. Hai tuần sau nữa có thư nhà, Quân biết nhưng không được đọc. Vợ giấu Quân lá thư, vì sợ chồng coi như một lời trách móc. Lén coi xong Quân lại thấy đó chỉ là một dấu thương yêu - trước khi chết, mẹ vợ còn sợ con rể buồn. Nhưng còn cái gì sâu xa hơn nữa, Quân cảm thấy Má giáo huấn một điều quan trọng trên đời - *đừng vô tình*. Do vô tình, Quân không thể ngờ được một bà mẹ vợ cũng cần một

cái nhìn âu yếm từ đứa con rể. Cái nhu cầu nhỏ bé không tên đó, không bao giờ được đáp ứng, sau khi Má chết, đã trở thành một hối thúc kỳ lạ trong Quân, như tiếng lục lạc. Má như vẫn nhắc Quân phải quay đầu nhìn *người ở lại*. Trong những ""người ở lại'', người *ở lại trong thời gian* - những người hết thời, dù già hay trẻ- mau bị quên lãng nhất. Họ ngồi âm u ở một xó nào đó, không màu sắc, không thanh âm, không gợi cảm, thừa thãi, nhạt nhẽo. Cho đến ngày nào đó họ xuất hiện lần cuối cùng trên mẩu tin báo tử. Phần nhiều cả lần cuối cùng này cũng không có. Má ơi! Con chỉ cầu cho thời gian xoay ngược để con ngoảnh lại nhìn Má lần cuối.

- Anh thân với ông ngoại tôi đến thế sao?

Câu hỏi của May Britt đánh thức Quân. Chàng hơi thẹn vì một giọt nước mắt vừa ứa ra. Chắc May Britt không hiểu tại sao một anh hàng xóm có thể khóc khi nghe tin ông ngoại cô chết. Cô còn trẻ quá để hiểu nguồn mạch giọt nước mắt của Quân, trong đó chỉ một phần mặn là từ ông ngoại cô, phần mặn nhất là do mẹ vợ chàng, và nỗi ân hận chua xót. Chua xót vì một lần nữa chàng quên lời hứa với vong linh bà - *phải đối xử với mọi người như đó là lần cuối được gặp* . Đặc biệt là những người ở lại; lần cuối đó dễ xảy ra. Những lúc chẳng ngờ. Quân ngước mặt để cầm lại giọt nước mắt khác muốn trào ra, thẫn thờ nhìn lên sợi dây điện mà ông già lấy cớ khi nói về cây thông. Có đôi quạ khoang vừa đậu xuống, đong đưa.

- Vâng. Vì thế tôi muốn đốn cây thông để khỏi vướng giây điện - như ý ông ngoại cô.

- Ông ngoại muốn đốn, không phải vì dây điện, mà vì ông ngoại bị dị ứng phấn thông.❐

đã phát hành khắp nơi

tàn phai

thơ Nguyễn Hải Hà

dày 84 trang, trình bày đẹp, giá 8 Mỹ kim

Liên lạc: **Văn Nghệ**
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Hay là

THƯỜNG QUÁN

nghe một tiếng chim không rõ mặt trong rừng cây
lúc chạy đuổi con tàu tới sở
nghĩ về âm nhạc của con người trước âm nhạc tự nhiên

hay anh đi trói những chiếc đệm cũ
nhưng còn lũ hơi nước?

lão chủ phố đầu têu hạ tối hậu thư phải sơn phết
để auction căn buồng của chúng mình nhưng
những vật thể ngổn ngang phản đối
"Tất cả chúng tôi đã sống quá lâu"

Gió con ạ Gió đôi khi cũng muốn át tiếng của lũ
chai lọ đồ junk của con nhưng lạ là chúng chẳng
màng anh kéo chiếc màn ngó ra tấm billboard
khổng lồ neon nhấp nháy đánh khoắn mấy vòng
sóng trong chiếc thau đồng di sản thỉnh thoảng
rửa mặt

ngôi sao hậu trạm của buổi đêm sắp rớt vào ban
sáng (tiếng kêu lớn sau chót) chẳng thủy tinh
vỗ tay hão gã vagabond gáy bạc sồn háo húc
hểnh hít trọt tuột anh vấn chậm một cẩm lệ
dám nhạc công nội phủ đã kéo cờ quạt ra đủ
một sân bát tràng lũ ngựa ngửi được
trong gió nước mùi hương lá non cục rục chồm
lên nhau gã quản phải dập roi xuống nền sàn sạt

em đứng sau cửa nửa thân sau vân vê một
dầu búp cười (sự bức cuống nọ chăng?) anh sẽ đi
mồi lửa đứng nán bếp rơm ngó ra núi khoáng hay
anh đi rửa mặt múc từng gáo tìi lưng vại gan
thẩm chậm như lễ điểm tân cho chuyến ngược thượng
hay anh đi trói mấy chiếc đệm cũ

dám quan lễ cửu phẩm bây giờ đã thôi khóc kể,
một lão xin tiễn ngụm nước trầu ngậm từ đầu
buổi ra khỏi cổ còn "Con đội ơn quí quan thượng
ngàn", dám giặc không màng ngồi đánh cờ tướng
mỏm đá nghếch đu đu mấy cặp mắt gầy rắn rỏi
phóng la-zơ xuống trung du chụp chợ, một gã mồi
cho anh cũng tù diếu lửa ngon

trong rừng khuya hay trong giấc chợp nhanh vô
số đá trời băng vãi vụn, anh thèm cắn ngập một cái
bánh nếp, cùng những dài sen cúc thu giá ăn được

em đã vắng mặt, chuyện hoa mai và chuyện cúc
giá ăn được anh xin thưa với cử tọa
là chuyện của hai nhà thơ
thế kỷ 19, còn bây giờ

anh nhất định lần nầy phải tự đóng lấy tán
đinh 7"5 vào đá
cho buổi hòa nhạc

hay anh đi trói hai chiếc nệm cũ chạy sọc
bằng một sợi thừng

Khách Quen

Phùng Nguyễn

Với tư cách là chủ một quán cà phê, tôi không muốn có nhiều khách giống như ông ấy. Ai đời lúc nào cũng đi có một mình, uống có mỗi một ly cà phê sữa, và ngồi hàng giờ. Đã vậy lại không hút thuốc nữa chứ, trong khi thuốc lá lại là một nguồn lợi tức đáng kể của quán. Ông có mặt hầu như mỗi ngày, ngồi vào chiếc bàn quen thuộc nếu nó chưa bị chiếm ngụ, đọc một cái gì đó –một cuốn sách, một tờ báo– trong khi chờ tôi mang cà phê ra. Ông chỉ uống cà phê sữa nóng, và ngoại trừ thời gian đầu, người pha cà phê cho ông luôn luôn là tôi! Có điều hình như ông chẳng hề quan tâm đến điều đó. Ông chỉ nói khẽ lời cám ơn rồi lại chúi đầu vào tờ tạp chí hay chỉ quay ra ngó mông ngoài đường phố.

Quán cà phê nằm trên một khu phố tương đối vắng, so với các con đường kế cận. Thực ra, khó mà tìm được một địa điểm thực sự vắng vẻ ở cái thành phố chật hẹp và vô cùng bận rộn này, nơi mà mọi người cùng hè nhau đổ xô ra đường để làm một điều (hay nhiều điều) gì đó với mục đích tối hậu: kiếm tiền. Tôi cũng đâu có khác gì! Tôi đã có thể chấp nhận một chân giáo viên Trung Học ở Biên Hòa –tôi tốt nghiệp Đai Học Sư Phạm– năm năm về trước, nhưng sau ba tháng thử lửa, tôi nhận ra mình không thích hợp mấy với cái chức năng cao cả và món thù lao thấp kém của nghề gõ đầu trẻ. Hơn nữa, thực là khó khăn khi phải nói về những điều mình không hiểu rõ và không tin tưởng gì mấy! Sau này nghĩ lại, tôi cho rằng tôi đã thổi phồng mối băn khoăn của mình về "những điều không hiểu rõ và không tin tưởng gì mấy" chỉ để yên tâm hơn với món lợi tức gấp năm lần lương giáo viên mà tôi thu về hàng tháng nhờ vào cái quán cà phê khiêm tốn của mình.

Nghĩ cho cùng, bán cà phê không phải là một điều tệ hại lắm, nhất là

khi bạn mới ngoài ba mươi và có chút nhan sắc (và học thức nữa chứ!). Ông khách trung niên ít nói không phải là khách hàng thường trực duy nhất của tôi. Có khá nhiều người đã và đang đến mọc rễ ở đây, và hầu như ai trong bọn họ cũng muốn gây sự chú ý ở tôi. Như Thắng chẳng hạn. Sinh viên Đại Học, trẻ măng, tóc lòa xòa và ... cận thị, ngón tay vàng khói thuốc. Cũng lầm lì ít nói ra vẻ bất cần đời, nhưng tôi có thể nhìn thấy những ngón tay run lên đón ly cà phê tôi mang tới, đôi mắt chớp liên hồi sau lần mắt kính dầy cộm, và những lần ngoái đầu nhìn tôi lén lút mà tôi thỉnh thoảng bắt gặp ở một góc mắt. Hay như Hoàng, tự tin và ân cần, như một ông anh lớn đầy quyền lực. Anh là người tử tế và khiêm tốn một cách ý thức về tầm quan trọng của mình. Hình như anh đang làm việc cho một cơ quan trọng yếu của chính quyền, và mặc dù không công khai nói ra, anh cho phép người khác hiểu như vậy, dĩ nhiên là hiểu ngầm. Có lần anh khen tôi xinh đẹp và giỏi giang, "Ai mà lấy được em làm vợ là có phước nhất trần gian đấy," anh bảo. Tôi nhẹ nhàng phản đối, "Anh Hoàng nói sai rồi, người đàn bà xinh đẹp và giỏi giang nhất đời chính là bà xã anh đó. Em giỏi lắm chỉ đứng hàng thứ hai thôi!" Hoàng hơi lựng khựng, nhưng anh chỉ cười xòa vui vẻ. Thực ra tôi thích anh lắm, nhưng anh không gợi cho tôi một chút tò mò háo hức nào, kể cả cái nghề nghiệp bí mật của anh và khoảng thời gian du học ở nước ngoài. Nếu muốn, tôi đã có thể thuộc lòng một số chi tiết về cuộc đời anh, không như cái ông khách trung niên ít nói kia, đã gần hai tháng trời mà tôi chưa biết được cả cái tên!

Vào một ngày cuối tuần, ông khách xuất hiện thực bất ngờ. Thường thì ông chỉ ghé quán vào ngày thường, và vào buổi sáng. Chiều Chúa nhựt hôm đó trời mưa tầm tã, quán vắng tanh. Ông đến trên chiếc xe gắn máy quen thuộc của mình, người phủ kín bởi chiếc áo mưa màu xám tro. Ông có vẻ lúng túng với chiếc áo mưa đang rỏ nước ròng ròng xuống hàng hiên lót gạch bông của quán. Tôi chạy ra đề nghị mang áo vào phía sau cất giùm. Ông nhìn tôi vẻ cảm kích, gọi một ly cà phê sữa và ngồi vào bàn, ngó mông ra con đường nhòa nhạt trong màn mưa dày đặc. Tôi mang chiếc áo mưa sũng nước nặng trĩu vào phía trong, máng vội vã lên phía sau cánh cửa thông xuống nhà bếp, rồi quay trở lên quầy pha cà phê cho ông.

Quán chỉ có mỗi mình ông là khách. Tôi thích những lúc như thế này. Tôi có thể quan sát ông kỹ hơn. Còn ông thì đang ngắm mưa. Đôi chân mày cau lại tạo một vết hằn thực sâu ở giữa, cặp mắt đăm đăm vào vũng nước mưa đục ngầu trên hè phố loang lổ trước hiên quán, ông ngồi bất

động như vậy rất lâu. Bỗng dưng trong tôi dậy lên nỗi ước ao được biết ông đang tìm kiếm gì trong cái vũng nước ngầu đục bị khuấy động bởi vô số bong bóng nước thay nhau vỡ tung trên đó. Đúng ra, tôi muốn đến gần, ngồi xuống chiếc ghế sắt mà phần tựa lưng được làm bằng những sợi ny lông to bản xanh trắng, nhìn thẳng vào mắt ông và hỏi những điều tôi muốn hỏi. Ông là ai? Làm gì? Ở đâu? Sao ông không nói chuyện với bất cứ ai trong quán? Sao ông không nói chuyện với tôi? Cái vũng nước đục ngầu ngoài kia có gì mà thu hút ông dữ vậy? Nếu mà tôi luôn luôn làm được điều tôi muốn làm! Coi bộ tôi không làm được rồi! Tôi lặng lẽ mang đến cho ông bình trà nóng mới pha rồi lặng lẽ quay đi, nắp chiếc bình trà cũ nguội lạnh trong tay khẽ rung lên khi tiếng thở dài được nén xuống.

Cơn mưa bỗng ngưng lại đột ngột. Mặt trời chiều lại ló ra, phản chiếu lấp lánh trên những vũng nước mưa trên hè phố loang lổ và mặt đường nhựa trơn ướt. Và cùng với ánh nắng là người ngợm từ đâu không biết kéo ra đầy đường, rộn ràng xuôi ngược. Quán cà phê đông đần, và tôi bận túi bụi. Con nhỏ em họ vẫn phụ tôi bán hàng xin nghỉ một hôm để đi chơi. Với bạn trai, dĩ nhiên rồi! Lúc tôi quay lại từ chiếc bồn rửa chén đặt cạnh chiếc bếp điện dùng để pha cà phê, ông khách ít nói đã không còn ở đó. Tờ giấy bạc thẳng thớm được dằn trên bàn bởi chiếc ly uống nước trà cạn một nửa. Chắc hẳn ông khách đã ra về lúc tôi đang bận rửa mớ ly và "phin" cà phê bẩn. "Không sao," tôi nghĩ thầm. Ông ta sẽ trở lại ngày mai để đòi lại chiếc áo mưa màu xám tro ông bỏ quên!

Ông khách không trở lại ngày hôm sau và những ngày sau đó. Nhưng vào ngày thứ năm thì tôi được biết về tình trạng của ông. Hôm đó anh Hoàng đến quán với một người bạn, một người đàn ông thấp lùn và nghiêm nghị. Họ kéo tôi vào phía trong và hỏi thăm tôi về ông khách. Trời đất, tôi phản đối, cái ông đó có bao giờ mở miệng đâu! Có anh Hoàng làm chứng đó. Người đàn ông có vẻ mặt nghiêm trọng lại hỏi tôi về lần sau cùng ông khách có mặt ở quán. "Hôm Chúa nhựt vừa rồi," tôi trả lời. "Ông ấy bỏ đi lúc nào tôi cũng không hay!" Tôi tiếp lời. Dĩ nhiên là tôi không nói gì về chiếc áo mưa màu xám tro sũng nước mà ông khách đã bỏ quên hôm đó. Vì vậy, tôi lại càng không thể nói gì về cuốn sổ tay tôi bắt gặp trong chiếc túi bên phải của tấm áo mưa!

Hoàng còn nấn ná ở lại khi người bạn nghiêm nghị của anh lịch sự chào tôi ra về. Tất nhiên là anh hiểu tôi đang tò mò muốn biết điều gì đã xảy đến cho ông khách ít nói.

"Chỉ là viết lách chỉ trích nhì nhằng thôi," Hoàng nói, ra điều không có chuyện gì đáng cho tôi quan tâm.

"Vậy ông ấy có bị kẹt lâu lắm không anh?" Tôi hỏi Hoàng, mắt tròn

xoe rất ngây thơ.

"Cái đó còn tùy, còn phải xem có dính líu đến tổ chức nào không! Cùng lắm thì bị đuổi về nước thôi."

"Về nước?" Tôi lại tròn mắt hỏi.

"Tay đó là Việt kiều mà. Chỉ tội em bỗng dưng mất đi một khách xộp trung thành." Hoàng bỏ đi, sau khi cười cười chọc tôi như vậy.

Thực ra thì Hoàng không nói tôi cũng đã biết ông khách ít nói là công dân của một nước khác. Cuốn sổ tay trong túi chiếc áo mưa bỏ quên đã tiết lộ cho tôi điều đó, và nhiều điều khác nữa về ông. Cho dù tôi không rõ ông đã làm gì để đến nỗi bị bắt bớ, tôi có thể hiểu lờ mờ cái lý do ông rời bỏ cái vùng đất thừa mứa tiện nghi để trở về quê hương. "Không còn được yêu em thôi thì ... yêu nước vậy!" Tôi bắt gặp câu nói khinh bạc đó ở phần cuối của cuốn sổ mà phần nội dung giống như một cuốn sổ ghi chép hơn là một cuốn nhật ký.

Không dễ dàng gì để có được một khái niệm chính xác về người chủ của cuốn sổ tay mà trong đó chứa đầy những sự kiện rời rạc, đôi khi gần như dứt quãng, chen lẫn với những suy tư đôi khi vụn vặt, đôi khi khó hiểu cộng với những hàng số điện thoại, những ký hiệu xa lạ, những cái tên ngoại quốc khó đọc, và những địa danh tôi chưa hề nghe thấy bao giờ. Tôi say mê đọc đi đọc lại cuốn sổ tay, và bỗng dưng, như căn phòng tối tăm giữa đêm đen sáng dần lên cùng với tia nắng đầu tiên của buổi rạng đông len lỏi qua khung cửa sổ, một phần đời của người khách trầm lặng trở nên rõ nét hơn. Đúng vậy, chỉ một phần đời của ông, bởi vì cuốn sổ được dùng đến lần đầu tiên cách đây năm năm. Tôi cho đó là một trùng hợp thú vị, bởi vì tôi tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, đi dạy học, bỏ dạy, và mở ngôi quán này cũng vào chính năm đó. Chắc chắn là người chủ cuốn sổ tay bỏ nước ra đi đã lâu, vào một trong những năm vô cùng khó khăn của đất nước sau cuộc chiến tranh. Và ông đã ra đi cùng với đứa con trai duy nhất. Cuốn sổ tay được bắt đầu khi đứa nhỏ được mười lăm tuổi, và như vậy, nó đã trở thành một thanh niên hai mươi tuổi tràn trề sinh lực – nếu nó còn sống cho đến hôm nay! Cái chết của đứa nhỏ chính là sự kiện đầu tiên tôi đọc được trong cuốn sổ tay, và không chút hoài nghi, tôi cho rằng cũng chính biến cố bi thảm này làm cho sự ra đời của cuốn sổ tay trở nên cần thiết cho ông khách trầm lặng.

Ở một xứ mà tai nạn lưu thông hàng năm giết nhiều người còn hơn cả con số tử vong do các chứng nan y cộng lại, cái chết của đứa nhỏ mười lăm tuổi lúc chạy băng ngang qua đường dưới cơn mưa tầm tã chưa hẳn đã là một thảm kịch quá sức chịu đựng. Trừ phi lẽ ra nó đã không phải băng qua đường một mình nếu cha nó không đến trễ nửa tiếng đồng hồ

sau khi trận thi đấu bóng bầu dục ở trường Trung Học của đứa nhỏ kết thúc. Đêm hôm đó, ông khách bận đi ăn với cô bạn gái, và ông đã ở lại trong căn phòng ngủ của cô khá lâu trước khi chia tay! Tôi không trách ông điều này bởi vì những lời trách móc của tôi cho dù có cay độc bao nhiêu cũng không thể so sánh được với nỗi ân hận mà ông đã viết ra. Cùng với cái chết đau thương của đứa con trai duy nhất là sự suy sụp tưởng như không thể cứu vãn nổi của một người đàn ông. Trong những trang kế tiếp của cuốn sổ tay là những thóa mạ thậm tệ, những bỉ thử tàn nhẫn người đàn ông dành cho chính mình. Những năm tháng dài tự lực cánh sinh nơi xứ người, những thành tựu về mặt học vấn và nghề nghiệp đạt được sau những gian truân của người phải bắt đầu trở lại từ con số không, niềm tự hào về đứa con ngoan ngoãn thông minh như là kết quả của cảnh "gà trống nuôi con," một mình đóng thêm cả vai trò của người vợ vắn số bỗng dưng tan biến như bọt bể! Chỉ còn lại con vật trần truồng thô bỉ là ông, cong đuôi chạy theo những bóng hồng thấp thoáng ở những nơi ông tình cờ hiện diện. Và không chỉ thô bỉ mà còn hèn mạt nữa. Luôn luôn có một lý do chính đáng ở phần cuối của mỗi quan hệ tình cảm mà trong đó ông chưa từng một lần dám sống cho đến tận cùng của cảm giác, chưa từng một lần dám bén mảng vào thế giới đích thực của tình yêu. Chỉ là cái khoái cảm mà bản năng chinh phục ban phát cho ông sau mỗi lần trái tim và cơ thể người đàn bà chảy tan ra như con sứa biển gặp nắng hè trong vòng tay thành thạo của ông. Và rồi mối quan hệ sẽ kết thúc vào một lúc nào đó trong một thế cách gần như không thay đổi. "Em sẽ không có hạnh phúc với anh đâu! Anh yêu em nhiều lắm, nhưng rồi còn đứa con mà anh đã nguyện hy sinh một đời cho tương lai của nó, còn những nhắc nhở về người vợ quá cố mà anh sẽ thỉnh thoảng làm em vô cùng khó chịu! Em đã cố gắng hết sức, và anh cũng vậy, nhưng anh không thể nhìn thấy em chịu thống khổ vì anh nhiều hơn nữa. Anh không xứng với tình yêu của em! Em xứng đáng có một hạnh phúc trọn vẹn, và anh tin chắc em sẽ tìm thấy nó." Và những người đàn bà nước mắt chảy như suối ra đi, mang theo trái tim vỡ nát! Và tôi thì chưa từng thấy ai tự thóa mạ mình độc địa như vậy!

Phần kế tiếp của cuốn sổ tay trở nên rời rạc, thưa thớt. Phần lớn là những địa danh, những tên người, những số điện thoại với những mẩu ghi chép ngắn ngủi. Tuyệt nhiên không có một nhắc nhở nào về những liên hệ tình cảm trong những ngày tháng đó. Ông có vẻ đã đi nhiều nơi trong quãng thời gian này. Lẫn lộn trong những trang giấy tôi tìm thấy một câu hỏi lập đi lập lại nhiều lần về điều gì là bi kịch lớn nhất của con người. Là những tổn thất không thể thay thế được! Đây là phần mù mờ nhất trong

cuốn sổ tay. Tôi cố hình dung ra ông khách ít nói ở những nơi chốn mới mẻ cùng với nỗi buồn đã cũ. Vẫn còn đó nỗi thống khổ, đã như một phần không thể tách rời, đã trở nên vô cùng thân thuộc cùng ông. Thỉnh thoảng nó sẽ trở chứng hành hạ ông, như kinh nguyệt đàn bà mà tôi cứ phải chịu đựng mỗi tháng!

Ở phần cuối của cuốn sổ tay, bắt đầu vào khoảng hơn một năm về trước, tôi ghi nhận một thay đổi lớn trong suy tư của ông khách ít nói. Một thay đổi kỳ diệu, Tình Yêu! Thực ra thì câu chuyện cũng không có gì đặc biệt. Hai người nào đó gặp nhau, làm quen nhau, rồi yêu nhau. Hoặc ít nhất họ nghĩ rằng họ yêu nhau. (Tôi không có ý định châm biếm ở đây, có lần tôi nghĩ là tôi và một người khác đã yêu nhau ghê gớm!) Nhưng trong trường hợp của ông khách ít nói thì tôi tin rằng ông đã thực sự bắt gặp được tình yêu. Cứ đọc những giòng chữ nhảy múa hân hoan trên những trang giấy tiếp theo đó thì biết ngay! Thực khó mà hình dung cái người đàn ông câm như thóc, mắt dán vào vũng nước đầy bong bóng nước hôm nào đã có lần yêu thương cuồng nhiệt như vậy. Tôi cảm thấy có chút ganh tị. Tôi chưa hề biết có thứ tình yêu như vậy. Nỗi thống khổ vẫn hằng đeo đẳng ông hàng năm trời mọc cánh bay xa, cái mặc cảm phạm tội đến sau cái chết của đứa con cũng nhanh chóng tàn lụi. Ông có một điều để sống cho, tình yêu mà ông dành cho người yêu của mình và tình yêu mà nàng dành cho ông. Cũng chính ở phần này, tôi tìm thấy một trong những bức ảnh hiếm hoi trong cuốn sổ tay. Đó là ảnh người yêu của ông, dễ dàng nhận ra nhờ vào lời đề tặng ở mặt sau. Bức ảnh còn lại có hình của ông chụp chung với đứa con trai, ghim cùng với một mẩu báo ố vàng có đoạn tin ngắn về tai nạn đưa đến cái chết của con trai ông. Cái câu hỏi mà ông vẫn băn khoăn trong thời gian trước đây nay đã có câu trả lời. Bi kịch lớn nhất của con người là không có được Tình Yêu! ít nhất, đó là điều ông tin tưởng!

Nếu bi kịch xảy đến cho ta một lần, nó có thể xảy đến cho ta một lần nữa, và nhiều lần nữa. Bi kịch lại xảy đến cho ông khách ít nói, cái bi kịch "lớn nhất," như ông đã nghĩ. Vào một ngày không lấy gì làm đặc biệt, người yêu của ông bỗng dưng không tin rằng cái người đang đứng trước mặt mình là người nàng vẫn còn yêu thương say đắm hôm kia! Nàng kinh hãi đến độ gần như quẫn trí, bật lên khóc nức nở. Nàng đau đớn nhận ra mình trở nên vô cùng lãnh đạm, dửng dưng với những lời lẽ âu yếm người đàn ông đang thì thầm cùng nàng với mục đích trấn an. Trong cùng một lúc, nàng nhận biết ông là ai và đồng thời thấy ông vô cùng xa lạ. Tình yêu nàng dành cho ông đã chết, không duyên cớ và không phương cứu

vãn! Ông lau nước mắt cho nàng, và hai người chia tay. Khi cánh cửa đã khép lại sau lưng, ông khách ít nói thấy mình rơi thực nhanh xuống chiếc hố sâu hun hút tối đen của tuyệt vọng. Bi kịch lớn nhất của con người là trở nên không còn cần thiết cho bất cứ ai!

Tôi đã quyết định sẽ tìm gặp ông ấy. Tôi nghĩ Hoàng có thể giúp tôi điều này, cho dù tôi phải nhượng bộ anh một vài điều mà anh vẫn mong được tôi ban phát. Có thể Hoàng sẽ bảo, "Em điên rồi!" Nhưng tôi biết mình chẳng điên khùng gì hết. Tôi ba mươi hai tuổi, xinh đẹp, học thức, độc lập, và chưa hề yêu ai. Tất nhiên tôi không thể yêu ông Bảy, đại tá phục viên và góa vợ, cho dù tôi vẫn tròn mắt phục lăn nghe ông lập đi lập lại những điều cũ mèm mà ai cũng biết và không thèm quan tâm đến nữa. Tôi cũng không thể yêu Thắng, chú bé sinh viên Đại học với những ước mơ huy hoàng và nhát như cáy. Và ngay cả Hoàng, chững chạc, phong độ, và trí thức như vậy nhưng tôi cũng không thể yêu anh! Bởi vì anh sẽ không đời nào dám yêu ai nhiều đến độ có đủ can đảm để chia tay với cô vợ con nhà quyền thế! Cả ba, trên nhiều phương diện, nhàm chán đến độ nhất cử nhất động của họ đều có thể tiên đoán được. Vậy thì tôi yêu ông khách ít nói, chàng tráng sĩ Tiêu Sơn ngược ngạo, người đã có thể khiến cho các nhà ái quốc chân chính ở phía bên này hay bên kia của cuộc tranh chấp (tranh chấp về điều gì thì tôi không được rõ) nóng mặt vì câu nói khinh bạc, "Không được yêu em thôi thì yêu nước vậy!" Tôi muốn được một lần như ông, lao vào cuộc tình và cháy lên rực rỡ!

Ở trang cuối cùng của cuốn sổ tay, ông khách viết, "Sau em, người đàn bà sẽ đến với anh nhất định phải là một người vô cùng đáng thương!" Tôi ba mươi hai tuổi, học thức, xinh đẹp, và đáng thương ư? Tôi không nghĩ như vậy! Sau bao nhiêu biến cố đã xảy đến cho mình, ông khách ít nói yêu dấu của tôi còn chưa hiểu một điều. Cái bi kịch lớn nhất của ông là cứ mãi đi tìm một biên giới cho những thống khổ!❐

đón đọc

lần cuối, sàigòn

thơ, truyện, tạp luận của Nguyễn Quốc Trụ

Nhà văn phụ trách phần Tạp ghi trên Văn Học

Văn Mới xuất bản

Thơ Đặng Hiền

không tiếc

Tiếng chim gọi hè
Mùi hương theo áo
Thầm kín như đêm
Vô tình giữ lại

Vô tình như em
Con trăng đứng khóc
Từng giọt mực xanh
Không buồn không tiếc

Mùa xưa dấu biệt
Mùa mưa xa xôi
Cơ hồ kỷ niệm
Từ một tiếng chim

Mùa hè chạy miết
Em ơi đâu rồi
Mấy đóa quỳnh hương
Hai bàn tay ướt.

chiêm bao

Em về
Bay hết
Ước mơ

Thanh xuân
Cũng lạnh
Nỗi chờ
Cũng thôi

Em về
Ở tạm
Tình tôi

Sao em
Lánh mặt
Cho đành
Chiêm bao.

Thành sương

Lê Minh Hà

Thành phố luôn chìm trong sương mù và có nhiều kiến trúc cổ. Mọi ngả vào thành phố đều là những con đường dốc đổ. Sương từ thung lũng bốc lên, mù mịt, nặng nề đến độ có cảm giác những lâu đài, nhà thờ bề thế kia cũng nhẹ bỗng và bay lên được. Còn những buổi chiều trời đẹp, nắng cắt những mảng sáng trong vắt qua điệp trùng thông. Nắng vàng, bóng tối của những cánh rừng và màu xanh lục của lớp lớp lá kim đẹp hơn bất kỳ một tấm ren tuyệt xảo nào. Lác đác đây đó, vượt lên trên những triền thông xanh là những ngọn tháp cổ. Bảy trăm năm... Một ngàn mấy trăm năm? Không rõ. Từ đó, chậm rãi và thanh thản bay ra vô hồi những tiếng chuông. Chả biết ở đây còn có bao nhiêu con chiên ngoan đạo. Nhưng chuông vẫn thế, vẫn như từ ngàn năm xưa vọng lại, chậm rãi, thanh thản và không đủ làm cho những ai vốn ưa uể oải rứt mình ra khỏi trạng thái này.

Anh về định cư tại đây vào một ngày đẹp trời. Anh sung sướng vô cùng khi thoát khỏi trại trung chuyển. Nơi đó, hàng ngày có biết bao nhiêu chuyến người ra vào. Người Thổ với những hàm râu tươi tốt không thể trộn lẫn (đàn ông), với đôi mắt và thân hình bí hiểm ẩn sau những tấm khăn tùm hụp và những vạt áo dài lòa xòa không eo (đàn bà); người Phi châu với mùi mồ hôi đặc trưng và nụ cười trắng; người Nam tư với ánh nhìn trống rỗng... Anh để ý ai đến nước Đức này xin tỵ nạn cũng đều từng có một quãng đời buồn khổ, cơ cực, song không có giống dân nào lại âm thầm như giống Tiên Rồng. Sau vài ba ngày biết chắc thoát khỏi nguy cơ chết chóc do đủ thứ căn nguyên: đói, chiến tranh, xung đột tôn giáo..., tất cả họ đều nhanh chóng thích nghi với cuộc sống tỵ nạn. Họ đi vào thành phố hàng ngày, dạo chơi trong đó với vẻ vừa lơ ngơ vừa phấn chấn, và khi về thì xách theo đủ thứ túi bọc lỉnh kỉnh, đồ ăn - công khai, rượu và bia -

bí mật. Họ uống, la hét, ôm nhau nhảy thâu đêm theo những giai điệu chỉ gợi trong anh cảm giác rũ rượi. Rồi họ kéo nhau từng đoàn lên phòng xã hội để dò ngày định cư. Anh và đồng bào của anh khác hẳn họ. Anh xấu hổ và không bao giờ chen lấn trong giờ phát đồ ăn uống. Ngày nào cũng như ngày nào, anh chỉ biết duôi cái cổ lộ hầu ra nuốt mấy cục khoai tây nghẹn bứ và mấy miếng Wurst (1) có mùi ngầy ngậy hăng hắc; và lặng lẽ trả lại người phát đồ những bơ, pho mát và mứt quả. Thỉnh thoảng lắm bọn anh mới làm một bữa cải thiện bằng món rau cải luộc, hái từ những cánh đồng bạt ngàn quanh trại. Cũng lặng lẽ và nhẫn nhục như thế, anh chờ ngày định cư.

Rốt cuộc là người ta đưa anh về thành phố này. Thành phố sương mù như anh thầm gọi. Nó khiến anh nhớ quay quắt Đà lạt, nơi anh đã có một thời gian dài ở đó như là một kỹ sư - một trí thức xã hội chủ nghĩa với 130.000 đồng lương mỗi tháng. Cũng thông, bạt ngàn thông. Không có suối Đamê nhưng khúc sông Lahn chảy qua đây cũng rất êm đềm. Cũng những tháp nhà thờ đâm nhói lòng. Chỉ thiếu Hạnh. Nhưng hồi ở Đà Lạt anh cũng làm gì có Hạnh. Người con gái đã theo cha sang Mỹ. Mười ba năm cha ở trong tù, nàng một mình nuôi mẹ ốm, nuôi thân bằng nghề thêu gia công và bằng những bông hoa cắt tự vườn nhà. Nàng có yêu anh không? Người con trai Bắc kỳ thuộc thành phần mà báo chí luôn kêu gọi nhà nước ưu đãi theo các nghị quyết số... của Đảng. Nhưng có lần nàng nói với anh, hình như chỉ nói với một mình anh: "Hạnh không thích hoa giả. Hạnh ghét những bông hoa Hạnh thêu cho người ta..." Tuy nhiên, chưa bao giờ anh thấy hoa tươi trong nhà Hạnh. Hoa ở vườn chỉ vừa hàm tiếu là nàng đã cắt bán. Hạnh sống thực tế hay lãng mạn? Mãi mãi anh sẽ không biết vì nàng đã xa rồi, vì nàng không hỏi địa chỉ của anh, còn anh thì không dám đưa nàng.

Còn bây giờ Hạnh đang ở miền nào của nước Mỹ? Nàng chắc là không biết anh đã ở đây - thiên đường của những người chạy trốn trên thế giới này - những người đã bị đánh bật khỏi quê hương bởi những nỗi đe dọa đói, giết chóc. Nhưng nước Đức có phải là thiên đường của anh không? Anh cũng chẳng biết. Đến tận giờ, khi việc cầm theo Ausweis (2) dành cho những người xin tỵ nạn mỗi khi ra đường đã trở thành một phản xạ có điều kiện trong anh, anh vẫn không hiểu hết vì sao mình lại chọn đất này làm điểm dừng.

Trước đó thì anh ở Áo. Đoàn chuyên gia Áo sang Việt nam và tới Đà lạt làm việc ít ngày. Người phiên dịch chính thức bất lực trước hàng lô hàng lốc những thuật ngữ thuộc chuyên ngành hẹp của anh. Anh được cử làm người phiên dịch tạm thời cho đoàn. Vốn tiếng Anh và những kiến

thức có được từ hồi theo học ngành vật lý hạt nhân ở Nga của anh đã làm đoàn chuyên gia ngạc nhiên. Một tấm giấy mời đích danh được gửi tới anh sau khi đoàn chuyên gia về nước ít ngày. Nhưng phải mất sáu tháng và trên chục lần đi đi về về giữa Sài gòn và Đà lạt anh mới có được hộ chiếu lên đường. Sáu tháng thực tập ở Áo, một tuần sang Đức thăm thằng bạn trước bỏ nghề đi làm đội trưởng lao động xuất khẩu đã thay đổi đời anh. Chia tay bạn, anh lên tàu, nhập trại. Một mình. Không nói trước với bạn một lời nào.

Bây giờ anh ở đây - Thành phố của những kiến trúc baroc chìm trong sương tới ba mùa trong năm. Lúc đầu nhân viên xã hội xếp anh chung phòng với hai anh chàng da đen và một chàng Apghanistan nhuôm nhuôm. Tính bình quân đầu người thì diện tích anh được hưởng có phần rộng hơn diện tích anh được cơ quan phân cho hồi ở Đà lạt. Chỉ có điều thật khó sống. Đàn ông độc thân thì ở đâu mà chẳng bẩn. Nhưng bẩn như căn phòng anh ở thì thật ngoài sức chịu đựng. Chẳng hiểu có phải do tập quán không mà chàng Apgha lúc nào cũng kéo rèm kín cửa. Căn phòng luôn luôn tối, bí hơi và nồng nặc cái mùi mồ hôi Phi châu của hai chàng nhọ. Cũng may sau đó mấy tháng, có mấy người Việt về định cư. Anh được chuyển phòng về ở với đồng bào. Mấy anh chàng kia ít tuổi hơn, ít học hơn, nhưng lại trải đời hơn. Về mấy bữa họ biến hết cả. Vào quán Tàu quán Triều tiên nào ở đâu chẳng biết. Đến kỳ lĩnh tiền xã hội họ lại về. ầm ĩ được mấy ngày. Có điều anh không nhập cuộc được với họ. Anh không tài nào học được phép tắc chơi tá lả, binh xập xám mà họ cố công dạy cho anh. Anh cũng không uống hết được một hộp bia một lần. Nói chung anh không thích những cảm giác phấn chấn giả nhờ hơi men. Anh sống vừa như là đồng chủ, vừa như là khách lạ trong căn phòng ấy.

Anh cũng đi xin việc. Cứ ngỡ vốn tiếng Anh và những câu tiếng Đức học được hồi ở trại sẽ giúp anh được nhiều hơn mọi người. Vậy mà không. Một ông chủ quán Tàu thấy anh cứ lâu lâu lại lột kính chà xát đã cho anh nghỉ việc. Khốn khổ. Nào anh có lười. Nhưng hơi dầu rán, hơi nước nóng mù mịt ở bồn rửa bát cộng với đủ thứ rau cỏ thịt thà bắn lên từ mặt thớt anh đang thái đã làm cho anh chẳng làm sao nhìn được qua mắt kính sáu diop. Giá mà quẳng nó đi được! Một lần khác, một gã thợ xây bản xứ to vật vã đã làm ỏm tỏi lên chỉ vì anh chuyển vữa chậm và thế là anh lại mất việc. Anh không biết làm gì nữa ngoài việc học tiếng Đức. Nhưng cả việc ấy anh cũng không sao làm cho ra hồn, khác hẳn hồi trước học tiếng Nga hay tiếng Anh. Hẳn là sự thể sẽ khác nếu việc học tiếng này gắn với sự học lên như trước kia. Giờ, cứ mở sách là trong trí anh lại hiện ra cảnh đại lộ chạy qua cổng trường anh ở Leningrad vào mùa thu. Lá

phong vàng rười rượi, xô đuổi nhau, nhuộm sáng cả những làn gió. Có lần anh đã ép một chiếc lá vàng như thế vào thư gửi về nhà và em gái anh thường hãnh diện đem khoe chúng bạn như là một cái gì đó rất đáng gợi tự hào về ông anh học giỏi. Em gái anh còn sưu tầm đủ thứ chứng tích về thành phố nơi anh ở: bản sao các bức họa tại bảo tàng Ermitagiơ, những bức ảnh chụp hàng rào gang nổi tiếng nơi đây hay những bức tượng tuyệt vời trong công viên, và những cánh buồm xô dạt trên sông Nêva nữa. Em gái anh giờ là một giáo viên Nga văn thất nghiệp, "giáo viên mất dạy" như cô viết cho anh, đã chồng con, và vẫn giữ đủ thứ vặt vãnh ấy. Mấy hôm trước anh nhận được thư cô: ..."Em không hỏi anh vì sao anh xin tỵ nạn. Em biết rất nhiều người như anh và họ gửi rất nhiều tiền về cho gia đình. Nhưng em biết rằng anh sẽ không giàu như họ, không thể trở thành trọc phú phố phường dù anh có muốn đi chăng nữa. Giá có thể thì anh nên xin đi học... Mẹ nghĩ gì thì em không biết. Nhưng nhìn mẹ rất buồn..."

Thư của em gái làm anh mất ngủ. Anh biết rằng em anh rất thương anh. Nhưng làm sao cô hiểu được tình cảnh của những người như anh - những người đang xin tỵ nạn và đang mong mỏi sự công nhận của nhà nước Đức như là mong ân sủng. Dù muốn, anh cũng không thể đi học với tấm giấy cho phép tạm dung vài tháng phải gia hạn một lần và với một Konto trống.

Anh lại bắt gặp mình nghĩ tới Hạnh và thành phố sương mù Đà lạt. Có lần anh nằm mơ thấy cô mong manh trong tà áo dài màu nắng, vàng trong và hơi ngả sang màu mật óng. Anh tỉnh giấc và không dám mở mắt, chỉ sợ hình ảnh ấy tan biến. Nhưng đó không phải là sự hiện lại của một hình ảnh cũ. Chưa bao giờ anh thấy Hạnh mặc áo dài. Và nói chung, những năm anh vào Nam làm việc, anh cũng rất ít khi thấy phụ nữ mặc kiểu áo này như là thường phục. Vì đâu anh lại mơ thấy Hạnh như thế? Không thể biết được. Có thể là từ trong đâu đó cõi lòng anh, có một niềm thiết tha với dáng hình mong manh của Hạnh, với màu vàng nắng luôn luôn làm cho thành phố của những triền thông xanh và sương mù sáng lên, lung linh.

Thành phố sương mù anh định cư giờ đây có thêm người Việt tỵ nạn. Nhiều người bảo là vui. Dĩ nhiên cuộc sống của các gia đình sẽ đầm ấm và không loạc choạc như cuộc sống của mấy thằng đàn ông không vợ. Đã có hơn chục gia đình về sống quây quần gần nhà anh. Có cả mấy người đàn bà nom hết sức mỡ màng, có lẽ phải gọi vậy dù họ độc thân. Đám trai trẻ cùng phòng với anh giờ cũng năng về. Hiển nhiên là như thế sẽ ồn ào hơn. Nhưng có vui hơn không thì anh cũng chưa bao giờ tự hỏi. Đôi khi họ đưa cả bạn gái về phòng. Điều này thì anh cũng đã từng phải

chịu đựng từ hồi là sinh viên ở chung phòng với mấy thằng bạn người nước khác. Nhưng quả thực chưa bao giờ anh nghĩ mình phải qua đêm trong tiếng thở hổn hển, tiếng cười cố nén, cả những lời văng tục vừa âu yếm vừa thô bạo bằng tiếng Việt. Anh ngượng ngập khi gặp lại những đôi tình nhân hờ ấy vào buổi sáng. Nhưng những chàng trai và những người đàn bà ấy thì rất thản nhiên. Cảm giác ngượng nghịu này của anh khi giáp mặt họ trước cửa toillet hay trong căn bếp nhỏ chẳng khác gì cảm giác xấu hổ khi ta đi đòi nợ. Nó hết sức kỳ cục vì chính người mắc nợ lại không hề bối rối, đôi khi còn sùng lên quặc lại chính ta, làm ta thấy mình thô bỉ bởi không biết những nỗi khó khăn của họ.

Ngoài ra, những đêm chung đụng công khai diễn ra rất gần giường anh còn làm anh không thể phục hiện được giấc mơ mà anh luôn luôn muốn đánh chìm mình trong đó: Hạnh. Triền thông xanh. Vạt áo dài mang mang như nắng, trong veo và đẫm một màu mật óng. Anh không dám nghĩ về Hạnh vào lúc đó. Anh cũng không dám nghĩ về Hạnh cả vào lúc phòng còn lại một mình anh. Phải saubermachen (3) lập tức. Để cho hết cái mùi nhàn nhạt, lờm lợm thường thấy sau khi vãn cuộc ái ân. Cái mùi ấy ám ảnh anh, lấn át cả mùi bia rượu nồng nồng khai khai và cứ lẩn quất đâu đó mãi không hết. Hạnh không thể đến với anh trong một bầu không khí ô nhiễm đến như vậy. Và như thế thì anh sẽ không còn được nếm trải những cảm giác sướng khoái tột cùng của những cơn mơ làm cho anh vừa minh mẫn vừa bải hoải rũ liệt khi tỉnh dậy. Nhưng dù anh đã tẩy uế phòng sạch đến thế nào chăng nữa thì Hạnh cũng đã thôi không về. Những đêm, những đêm đi qua anh. Anh cảm thấy rất rõ bóng tối nặng nề trườn trên đôi mi nhắm nghiền. Anh thấy mình rơi xuống một cái giếng hẹp, rất hẹp, sâu hút nhưng chưa tới đáy, không bao giờ tới đáy, đã bị đẩy bổng lên, hệt như bị buộc vào dây cao su vứt xuống và khi dây căng hết độ thì lại bị kéo lên không sao tự chủ được. Rồi về sau thì cứ vừa nhắm mắt anh đã thấy những mẫu tự viết theo lối in hoa xếp hàng. Chúng cứ phình to dần, đáng sợ nhất là chữ h (H) với hai gạch thẳng đồ sộ như chân voi và gạch ngang nặng nề như một tấm bê tông, còn anh thì đứng ở giữa hai gạch thẳng và dưới gạch ngang trong cảm giác sợ hãi đến cùng cực. Anh không thể ngủ được. Anh không dám ngủ. Anh thôi tìm Hạnh hằng đêm. Anh đi tìm giấc mơ của mình, giấc mơ có Hạnh ban ngày.

Những người đàn bà ở đây rất quý anh. Dù sao thì vốn liếng tiếng Đức của anh cũng hơn hẳn chồng họ hay tình nhân của họ. Vả lại, bọn đàn ông của họ không mấy khi có nhà. Họ đi làm chui khắp đó đây. Còn khi trở về thì họ tụ ba với nhau, say sưa với hàng két bia và những trò đen đỏ. Nếu bộn tiền thì họ bấm máy ở Casino, ít tiền thì họ "gầy" một bàn tá lả

hay binh xập xám. Gọi họ về với vợ con lúc đó thật khó. Anh giúp tất cả những người đàn ông và đàn bà ấy trong những việc vớ vẩn nhất. Những người đàn ông biết ơn anh và yên tâm đã có anh giúp vợ con họ khi họ vắng nhà. Những người đàn bà thì vô ơn hơn trong tình cảm, nhưng lại thiết thực hơn trong cách tỏ lòng biết ơn. Họ nhớ đến anh bất kể lúc nào họ cần; chẳng hề băn khoăn, cũng chẳng hề kèm theo một ánh nhìn nào khó tả. Những người đàn ông đàn bà vô tâm ấy làm anh rất tủi vì họ chỉ quý anh. Đàn bà thì không yêu anh, còn đàn ông thì không ghen với anh.

Mà anh dẫu trong mơ chỉ thèm khát duy nhất có một người - Hạnh - thì vẫn hằng mong mỏi có được khả năng sống và yêu như đồng bào của anh ở xung quanh anh. Thực ra thì anh muốn một điều khác nữa. Anh muốn học. Học lại ngành cũ hay học lấy một nghề mới, nghề thật sự chứ không phải thái thịt rửa bát trong quán Tàu. Nhưng anh biết là không thể được. Bởi vì anh không có tiền. Mấy trăm mác tiền xã hội cấp hàng tháng chỉ đủ cho anh ăn dè xẻn, dành phần dư trả luật sư. Nhưng ông ta đã không có mặt lúc anh ra tòa. Chỉ có người phụ tá của ông ta. Mọi lý do anh đưa ra để xin tỵ nạn đều bị bác bỏ. Anh biết tương lai của anh sẽ thế nào! Hoặc anh phải kết hôn trên giấy tờ và có thể cả trên thực tế với một bà tây già hay một cô tây trẻ đàng điếm. (Khả năng này phải loại trừ vì tốn kém). Hoặc anh sẽ nhận Duldung (3) chuẩn bị về nước. Nhưng anh không còn cái tư cách đáng hãnh diện ngày xưa của mẹ và em. Nếu phải về lần này, may mắn nhất là anh sẽ được yên ổn ở nhà ăn bám mẹ; không phải đi trình diện công an hàng tuần. Một trí thức xin tỵ nạn không thành như anh thật khó tránh khỏi điều này khi đã được nếm mùi dân chủ ở cái chế độ mãi không chịu giãy mà chết như người ta tiên đoán.

Độ trước, anh hay cố thủ trong phòng đọc tất cả những gì vớ được. Tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Việt, lõm bõm cả tiếng Đức. Bây giờ thì anh thường xuyên đi. Cũng chẳng đi đâu xa. Chỉ loanh quanh với những con đường dốc lên dốc xuống của thành phố. Anh không muốn ở nhà khi những người ở chung về, nửa vì ngại làm phiền họ, nửa vì đầu anh cứ bốc nóng rực đến không thể chịu được khi cuộc vui của họ lên tới đỉnh cao. Những lúc ấy đàn ông thì văng tục, còn đàn bà thì cứ cười rú lên, cứ thế mãi không dứt, trong khi trên ti vi người ta cứ tuôn ra hàng tràng tiếng Đức chẳng ai hiểu và chẳng ai buồn nghe. Anh chỉ được sống với mình khi đã ở ngoài đường. Hoặc khi ngồi trong một giáo đường Evangelisch nào đó. Anh ưa thích kiến trúc thanh nhã, giản dị, u trầm của những nhà thờ Tin lành. Nó gần với đời thường, không làm cho người ta choáng ngợp và quên mất mình như những vòm mái nhà thờ Katholisch. Nhiều buổi sáng thứ bảy, trong khi các cặp đang ngủ mê mệt, anh đã dậy và đi

tới nhà thờ, không phải để nghe giảng đạo, chỉ cốt có một chỗ không cóng buốt và trang trọng để có thể tự do đi tìm giấc mơ của mình. Nhiều người cho là anh tính xa và thật khôn ngoan. Một cô mau mồm nhất trong số các bà các cô người Việt ở gần có lần hỏi anh: "Anh đi đạo để nhà thờ xin cho ở lại đấy à? Liệu có ăn không? Hay là anh xin hộ chồng em một tiếng!" Cô ta đã ngạc nhiên khi thấy anh lắc đầu, lặng lẽ cười. Sau này cô bảo "lúc ấy mắt ông ấy kỳ lắm, cười cũng kỳ kỳ..."

... Mấy tuần liền người ta không gặp anh trên những con đường dốc lên dốc xuống. Mấy người đàn bà Việt tìm anh để nhờ anh đi cùng tới phòng khám gõ cửa mãi mà không ai ra mở. Họ dạo ra cả vạt rừng anh thường đến vào những chiều mùa hạ hết sức tinh tươm. Hỏi mấy người đàn ông xem có thấy anh làm chui ở quán nào không, ai cũng lắc. ít tháng sau nữa, một tờ báo của cộng đồng loan tin anh mất tích. Nhưng có người bảo rằng "mất tích cái gì, ông ấy sang Tiệp đấy thôi. Người thông minh như ông ấy sức mấy mà chịu ngồi yên chờ Polizei áp tải hồi hương. Bây giờ nhiều bọn phải nhận Duldung đều chạy sang Tiệp với Ba lan buôn bán cả". Nói chung nhiều người yên tâm với tin này. Có cô còn nói xưng xưng là "anh... giờ mạnh lắm. Bạn bè bên Tiệp giúp vốn mua được cả Kios, làm ăn trúng gần bằng người ta bán thuốc bên Đông thời gian trước".

Anh không thể cải chính bất kể tin đồn nào. Người Việt trong vùng mãi mới biết rằng nhân viên xã hội đã đưa anh vào bệnh viện. Họ bảo bác sĩ chẩn đoán anh bị tâm thần phân liệt. Tiếng là điên nhưng rất hiền.❐

Limburg 20.1 - 27.1.1996.

(1) Wurst: xúc xích
(2) Ausweis: giấy chứng minh thư do Đức cấp
(3) Saubermachen: làm sạch, làm vệ sinh

đã phát hành khắp nơi

lầu xép

bảy chuyện, tám truyện của nhà văn

Võ Đình

dày 180 trang, giá 11 Mỹ kim

Văn Nghệ xuất bản và phát hành

Phương đông

SỬ MẶC

Điệu đàng
hành, tỏi buông lơi
thối con mắt nắng lên trời
tụng
xưng
hò khoan thai
dẹp lẫy lừng
dáng ngồi vóc đứng liền
khung kỹ hà
nhõ nhàng nhìn
cỏ
ra hoa
ngắm trăng tùng thiết
hương là đà
trôi
nghiêng về
một vẻ
thương ôi
liễu Đông phương đẫm bồi hồi
tóc
tơ.

Lão Bân

Nguyễn Hiền

Chiếc ghe nhỏ chòng chành và nghiêng hẳn về một bên. Hai bàn tay từ dưới nước với lên, bám vào mạn thuyền. Rồi một thân người hiện ra trong đám bọt sủi ngầu. Bằng một động tác nhanh nhẹn, người ấy thót lên, lăn vào lòng ghe. Một hình hài ốm tong, đen nâu, rắn chắc, với những bắp thịt cánh tay nổi cuộn. Lão Bân.

Lão vuốt mặt và mái tóc có nhiều sợi trắng hơn đen. Những giọt nước chảy tong tỏng xuống đôi vai lòi xương quai xanh, vẽ ngoằn ngoèo dọc theo vuông ngực để trần, lăn xuống chiếc quần đùi xắn lên đến háng, hằn lên hai bắp đùi run vì lạnh. Lão tằng hắng, khạc một tiếng, nhổ bãi nước bọt đánh toẹt xuống mặt nước giờ đã im tăm. Chỉ còn những lọn sóng nhỏ vỗ lách rách vào mạn thuyền. Người đàn bà im lặng nhìn theo bàn tay lão đang vuốt mặt, dáng thất vọng.

– Bác không thấy hả ?

Lão im lặng, lục trong mớ quần áo vo tròn để trong chiếc rương sắt tây hoen rỉ kê trong một góc khoang, lấy ra gói thuốc rê sợi nâu đen, im lặng vấn một điếu sâu kèn con. Lục túi áo, lấy chiếc hộp quẹt, rảy rảy hai ba cái, châm lửa. Gương mặt lão nhăn lại. Im lặng.

Chừng như không thể kiên nhẫn chờ lâu hơn, người đàn bà đến bên lão, giọng van nài :

– Bác làm ơn...

Lão lại khoẹc một tiếng, nhổ miếng nước bọt lẫn mẩu sợi thuốc xuống nước, cố ngăn câu chửi thề quen miệng :

– Không thấy gì hết cô ơi.

Mặt lão tối lại. Lão im lặng rít một hơi thuốc. Lại một hơi nữa. Xong lão đứng dậy, giọng quả quyết :

– Kiếm cả giờ không thấy gì. Về thôi.

– Bác làm ơn kiếm giùm vợ tui tội nghiệp mà bác. Người đàn ông ngồi trên tấm ván bắc ngang ghe làm ghế bây giờ mới chen vào.

– Đã nói là không thấy mà. Không tin thầy cứ lặn xuống mà coi. Bên dưới cát không. Ui cha lạnh.

Lão rít một hơi thuốc dài, ngửa mặt phà khói khét lẹt lên trời. Người đàn bà hơi né người ra tránh đám khói bay.

– Thôi bác nghỉ một chút rồi làm ơn làm phước kiếm giùm tụi tui một tăng nữa đi. Còn sớm mà. Kiếm được tụi tui đền ơn bác...

Lão chửi thề thầm : "Mẹ bà nó. Hồi xưa con tao chết đuối nơi đây tao còn không lặn kiếm dữ thần như bữa nay". Nhưng tia mắt lão bất chợt chạm phải những tờ bạc xanh ló ra ngoài túi áo bà ba đen, để trong lòng ghe. Phần tiền đưa trước, trả công. Kiếm được, bác sẽ có ít nhất hai lần như vậy nữa. Lão cảm thấy cơn đói bắt đầu đến. Bụng sôi ùng ục. Lão mở bi đông nước, tợp một ngụm. Nước pha lẫn nước biển, chát lè. Lão súc súc miệng, nhổ ra ngoài thành ghe. Người đàn bà móc trong túi xách để bên cạnh, đưa bác lon Coca :

– Bác uống đi cho khoẻ, rồi lặn xuống kiếm giùm con một chập nữa đi bác...

Lão cầm lon Coca màu đỏ tươi đã móp đít, có những sọc trắng ngoằn ngoèo. Bàn tay chạm vào chất thép mát lạnh, cơn khát lại tràn đến. Nhưng lão lắc đầu :

– Để tui mang về cho thằng cháu. Có tới cả năm nó chưa được uống Coca.

Lão nói đúng một phần nhỏ. Lão biết, nếu lão uống cái thứ nước đen sì kia, ruột lão sẽ quặn lên vì cơn đói bị những bọt ga đánh thức dậy. Lúc này lão chỉ thèm rượu. Rượu làm ấm người, uống đến đâu máu như cháy đến đấy, mọi lỗ chân lông cũng nở ra như ngàn con mắt. Và cũng vì lão muốn quên đi vùng biển này, mỗi khi nghĩ đến thằng con. Người đàn bà lại van nài :

– Bác thương con, ráng kiếm cho con một chặp nữa, biết chừng nó kẹt đâu đó. Đồ vàng má con cho con kỷ niệm mà bác...

Lão mắng thầm : "Đồ đĩ ngựa. Nhỏng nha nhỏng nhảnh thấy ghét. Đồ vàng đeo đâu không đeo, lại đeo vô chân". Lão chợt nhớ tới một cuốn truyện trinh thám gián điệp hồi lâu lắm rồi, từ khi lão còn trẻ. Hồi đó ngoài chợ có tiệm chú Phát cho mướn sách, con gái lão một hôm đã mướn cuốn truyện về đọc cho lão nghe để lão bắt thèm đời sống những tên chỉ biết có rượu và gái và đi chơi, lâu lâu rút súng bắn đùng đùng vài phát, mà vẫn sống nhăn cho tới khi mãn tuồng. Trong cuốn truyện đó lão cũng thấy một cô gái đeo chiếc chuông vàng nơi cổ chân, đi kêu leng keng như bò

đeo lục lạc. Lão tưởng chuyện xạo, ai ngờ hôm nay gặp người đàn bà, lão mới tin trên đời cũng có thứ hạng rởm như vậy. Hai đứa thuê ghe và mướn lão đưa ra khơi, mang theo mớ tôm thẻ được rộng trong ang nước, còn nhảy xoi xói và mấy con khô mực ra giữa biển ăn nhậu. Con đĩ ngựa mắc dịch lo giỡn chèo nẹo với thằng đàn ông, chắc bồ của nó, làm sao mà để chiếc chuông vàng rơi tõm xuống biển. Con nhỏ đẩy thằng con trai ra, nhoài nửa người xuống nước, hô hoán. Nhưng chiếc chuông đã chìm mất tăm. Chỉ còn sợi chuyền vàng treo trơ trẽn trên cổ chân. Lúc đó mới thấy nó quý chiếc chuông hơn thằng bồ. Nó quýnh quáng gọi lão, lúc này đang ngồi lơ đãng ngoài sau ghe, phạch ngực áo ngó trời ngó đất, cạnh xị rượu đã cạn tới khô cả đít chai...

Nhưng rồi lão cũng đã xiêu lòng trước lời năn nỉ của cặp trai gái. Lão xoa tay vào hai ống quần, xong đưa lên, xoa vào nhau, mở lòng bàn tay, thổi vào trong chút hơi ấm sưởi. Xong lão quay người lại, chống hai tay vào be, trườn xuống nước. Chỉ còn hai bàn tay và chiếc đầu nổi lên. Lão lấy hơi, nhún người lên một cái và như con rái, thoắt xuống lòng biển, chỉ để lại hai vòng sóng nhỏ của hai bàn chân quẫy nhẹ nhàng trước khi biến dạng trong màu nước xanh thẫm.

Sống hơn nửa đời người trên sông nước, lão thuộc vùng này hơn người mù thuộc đồ vật trong nhà. Lão biết nơi đâu có những mỏm đá ngầm nguy hiểm, nơi đâu có những luồng nước hung hăng cuốn ghe trôi tuột ra khơi. Lão lặn một vòng, dáng chậm rãi như con ba ba khổng lồ. Kinh nghiệm biển cho lão biết không nên dồn sức một cách vô ích trong khi lặn. Và chăng...

Trong đầu lão quay cuồng những ý nghĩ vẩn vơ. Sắp Tết rồi. Mình sẽ gửi thằng Năm vào thành phố mua cho con mụ vợ một xấp hàng may quần. Thứ bảnh nhứt. Tội nghiệp nó ngồi lê ngoài chợ. Có đông nào lão sấn vào đòi mua rượu. Lần nào có rượu lão cũng uống đến say mềm người, để lúc cười lúc khóc. Uống để quên thằng con lão một hôm theo lão ra biển. Lão rủ nó đi ra hòn đảo bên ngoài lượm trứng chim. Lão nói mang về cho nó một ổ trứng để nó vùi xuống cát cho trứng nở ra chim con chơi, như hồi xưa ông nội nó đã từng làm. Chỉ có điều – mỗi lần nghĩ đến lão lại thấy thót trong bụng và cay trong mắt – chỉ có điều hôm ấy gió ngoài hòn hiu hiu thổi, lão dựa vào bờ đá ngủ lim dim. Chiếc ghe lão kéo lên bãi cát gặp nước triều lên đã mấp mé muốn trôi ra biển, và thần thánh nào đã xui khiến thằng con lão táy máy mở được máy ghe, dong thẳng ra khơi. Lúc lão tỉnh dậy chỉ còn thấy chiếc ghe lập lờ trôi, phát ra mờ hồ những tiếng lụp bụp. Lão la lên thất thanh, phóng xuống nước, bơi sải tới,

trố mắt nhìn vào lòng chiếc ghe trống trơn, thằng con đã té ở một khúc biển nào. Lão đấm ngực, kêu gào, lặn cả chiều sùng sục như con cá khổng lồ bị thương quẫy đục cả một vùng. Nhưng biển đã hút đi mất đứa con trai lớn của lão, không bao giờ trả lại. Mụ vợ đẻ cho lão thêm ngũ long công chúa và một thằng út, nhưng mỗi lần nghĩ đến thằng con chết đuối vì tính bất cẩn của lão, lão lại thấy nghèn nghẹn trong cổ. Cũng chỉ vì lão không khóc được, thỉnh thoảng nhìn mắt vợ, lão thấy như chứa cả ngàn lời trách móc. Lão chỉ biết dồn nỗi buồn vào trong những xị đế mua ngoài quán chú Tư Quốc đầu chợ.

Cả đời lão thiếu thốn. Chỉ còn hai tháng nữa là Tết rồi. Mụ vợ lão vẫn chưa có được cái quần như lão hứa. Đời sống ngày một khó khăn, cá mú hiếm dần, người mướn lão chở hàng ai cũng làm nên, cất nhà ngói mua ghe riêng. Chỉ riêng lão lận đận. Sổ ghi nợ ngoài quán chú Tư Quốc còn gần một trang chưa trả. Bởi thế, lão đã tính rất nhanh, và nhận lời con đàn bà mất của cũng rất nhanh, gần như không nghĩ ngợi. Như thể lão là một người tốt bụng, sẵn sàng ra tay cứu người bị nạn. Sự thực, mắt lão tinh như mắt diều. Lần xuống nước thứ nhì, lão đã thấy chiếc chuông nằm lóˊ lên trên mặt cát. Lão vội vàng khoèo lấy, giấu chiếc chuông dưới một tảng đá hình chiếc mũ nấm. Lão biết, chỉ chậm ít phút nữa là những luồng nước ngầm sẽ vùi đi mọi dấu tích, và như thế thì lão chỉ được có ít đồng trả công trước. —t đồng này chắc gì đã trả nổi tiền rượu ghi sổ mà lão phải thanh toán trước ngày ba mươi Tết như lời lão vẫn thề thốt với Tư Quốc mỗi khi muốn ký sổ thêm, cộng với tiền mua sắm sửa soạn cho bàn thờ ngày cuối năm, nói gì đến cái quần cho mụ vợ.

Nhưng nghĩ lại cũng tội nghiệp cho cái con đĩ ngựa đang ngồi rầu rĩ trên ghe. Lão chợt nghĩ đến cái mất mát của nó, và chợt lão đem so sánh cái mất mát ấy với sự lão mất đứa con, mặc dầu hai chuyện chẳng ăn nhập gì với nhau. Lão muốn nghĩ thêm nữa, nhưng khi lặn sâu đầu óc con người trở nên chậm chạp hơn. Mặc dù dè sẻn, lão đã tiêu hết hơn một nửa số hơi trong buồng phổi, mà vẫn còn loanh quanh với những ý nghĩ quay cuồng trong đầu. Lão biết nếu bây giờ lão trồi lên thì mọi chuyện lại đâu vào đấy như lão đã tính lúc đầu. Nhưng chợt ánh mắt van nài của người đàn bà hiện ra. Lão lắc đầu, và đổi hướng...

Lão bơi một vòng xuyên qua một đám rong trôi lừ đừ và sau đó lặn thẳng đến một tảng đá có hình cái mũ nấm. Lão luồn tay xuống cát, mò tìm. Bàn tay chợt ngập ngừng, do dự. Nhưng rồi nó vẫn tiếp tục công việc, và chỉ năm giây sau, miệng lão đã ngậm chiếc chuông vàng, trồi lên mặt nước.

Một lần nữa lão lại lục túi, lấy bao thuốc rê, vấn và châm. Một lần

nữa, lão định sẽ nuốt tọt chiếc chuông vào bụng. Chẳng ai biết đấy là đâu. Người đàn bà nhìn lão nôn nóng lẫn thất vọng. Nhưng cuối cùng lão đã nhả trong miệng ra chiếc chuông. Nắm trong tay, lão định nhúng xuống nước rửa. Người đàn bà mừng quýnh, lôi cánh tay lão lại :

– Trời ơi ! Trời ơi !

Bà ta chụp lấy chiếc chuông, bất kể nó còn dính nước miếng tèm lem, đưa lên miệng hôn. Lão thấy kinh tởm, và bỗng chợt so sánh hình ảnh này với một ngày lão còn trẻ, bắt chước tuồng chớp bóng, ngậm một cành dâm bụt ngoài vườn đưa cho mụ vợ, và mụ vợ cũng hôn cành hoa đắm đuối... Mẹ. Lão nghĩ. Lúc này tao mà bắt mày hôn tao một cái, chỉ một cái thôi, dám mày cũng hôn thật đấy con ạ. Lão nhìn miệng con đàn bà bôi son bóng nhẫy – cả ngày nó chỉ bôi son và quẹt son – và tự hỏi môi son hôn nó ra sao nhỉ...

Nhưng lão không có thời giờ nghĩ ngợi lâu. Người đàn bà nắm lấy hai cánh tay lão, cám ơn rối rít. Người đàn ông hể hả, kéo lưng quần soọc lắc lắc, cho cái bụng mỡ trôi vào trong quần. Dân Việt kiều một trăm thằng đàn ông thì chín mươi chín đứa bụng như trâu chương, còn lũ đàn bà phấn son đủ cả một trăm. Cả hai người nằng nặc mời lão ăn cơm chiều với họ tại nhà hàng đặc sản của tay phó phòng thương nghiệp quận mới mở trong phố, nhưng lão nhất định từ chối. Lão chỉ thèm rượu. Để quên. Để quên chính cả lão, vì tự dưng lão cũng thấy kinh tởm luôn cả chính mình.

Hai người đếm số tiền đã giao hẹn, đưa cho lão. Lão vuốt những tờ bạc xanh phẳng phiu, đút vào túi áo bà ba đen, gài kim tây cẩn thận, nghĩ rằng có lẽ Tết này sẽ là một cái Tết có nhiều tiếng cười hơn mọi Tết trước. Bỗng dưng lão cười vu vơ. Không biết vì được trả công hậu, hay mừng thấy ít ra mình còn lương thiện hơn nhiều thằng có máu mặt trong xã. Lão loạng choạng bước về phía quán chú Tư Quốc, mỉm cười, nghĩ thầm trong một niềm ước : "Nếu phải chi ai cũng được như lão hôm nay, thì lão đã từ lâu được ngồi uống rượu thoải mái, đâu để đến nỗi phải cực khổ lặn hụp cho một đứa đáng tuổi con cháu lão như vầy". Trong mắt lão lờ mờ hiện ra hình ảnh chú Tư Quốc cầm chiếc bút gạch chéo hai đường vào trang sổ mua rượu chịu, và sau đó rót cho lão một ly xây chừng. Để uống mừng cho lão vớ được món hời. Hay để uống mừng về số nợ mà cả lão lẫn Tư Quốc đều thầm biết rằng khó mà lão có thể xoay sở thanh toán trước ngày cuối năm, nay tự dưng được xóa sạch. Lão nuốt nước miếng đánh ực, tưởng như vừa cạn ly mới cụng với chú Tư.❐

Dấu xưa
HOÀNG BÍCH ĐÀO

Paris vàng lá rồi sao?
Dấu xưa e cũng lẫn vào thời gian
Thôi về nắn mấy cung đàn
Để nghe khắc khoải bẽ bàng dó dây

Mùa thu với gió lạnh dầy
Mùa thu nhớ...
Chợt hao gầy nhịp tim
Ôi tình yêu
Ta mãi tìm...
Thiên đường như đã lắng chìm trong sương

Yêu người nên mãi vấn vương
Tình mênh mang cuối sông Tương đợi chờ.
Bao giờ cho đến bao giờ?
Mùa thu xanh lá vàng mơ Tương phùng

Nỗi nhớ đầu ngày
VẠN GIẢ

Ngày lên góc phố điêu tàn
Nắng hiu hắt dổ quanh hàng bóng nghiêng
Dặm ngàn mất dấu bình yên
Ngại đêm phủ dụ thêm phiền muộn xa
Ngõ hương ngày mới thoáng qua
Ngờ đâu là nỗi nhớ nhà sớm mai.

Bên Bờ Hạ-long

Điệp-Mỹ-Linh

Trên con đường từ Hà-nội đi Phả-lại, thân xe vặn vẹo nhiều hay ít, âm thanh cút kít phát ra lớn hay nhỏ là do diện tích và chiều sâu của từng "ổ gà" và chiều dài của từng đoạn đường đang được sửa chữa. Để sửa chữa, mấy bác phu làm đường dùng đôi gióng bằng giây mây, mỗi đầu gióng là một cái rỗ nhỏ, trẹt, bằng tre, để gánh từng gánh đá hoặc đất rải lên mặt đường và một toán phu khác dùng xẻn và cào, cào đá và đất ra cho bằng phẳng. Lúc xe qua những đoạn đường như vậy bụi đỏ phủ trùm cả chiếc xe. Bảo-Trân tự hỏi bụi mờ mịt như thế làm sao chú tài xế có thể thấy người mà tránh? Chỉ có thể người tránh xe mà thôi. Có đoạn hành khách phải xuống xe đi bộ để xe có thể vượt qua những khúc đường quá tệ.

Chính nơi những đoạn đường này Bảo-Trân thấy nhiều cái bếp "dã chiến" - do ba viên đá lớn được kê theo hình tam giác - bên dưới lửa cháy phừng phừng, bên trên là một thùng "phuy" đựng dầu hắc. Mùi khói từ bếp lửa hoà với mùi hắc ín đang sôi trong thùng "phuy" tạo thành mùi hăng hắc, ngột ngạc khó thở. Một toán phu làm đường dùng gàu bằng kim loại, cán bằng gỗ, thật dài, múc hắc ín đổ lên mặt đường mà đá và đất đã được rải sẵn. Nhìn quanh không thấy chiếc "hủ-lô" nào cả, Bảo-Trân tự hỏi không hiểu mấy bác phu làm đường áp dụng phương pháp nào để nện hắc ín xuống mặt đường?

Xe đến bến phà Phả-lại, mọi người phải xuống xe đi bộ lên phà trong khi tài xế đậu xe, chờ đến phiên mua vé qua phà. Hai dãy lều tranh dọc hai bên bến phà cũng bán các thứ vặt vảnh như các bến phà thuộc miền Tây Nam-Việt - chỉ khác một điều, trái cây miền Nam lớn gấp mấy lần trái cây ở đây.

Phà từ từ rời bến. Nhìn ruộng vườn cằn cỗi hai bên bờ sông, Bảo-

Trân thở dài. Tiếng thở dài này cũng phát ra từ trái tim đa cảm của nàng như tiếng thở ra não nuột của nàng khi nàng xuôi dòng sông Rein vào một sáng mùa Hạ. Lúc ấy, nhìn những toà lâu đài cổ chễm chệ trên đỉnh núi cao; thấy những vườn nho xanh rì chập chùng, chập chùng tiếp nối nhau trên mấy triền đồi thấp và những cánh đồng phẳng phiu vàng rực hoa hướng dương (sunflowers), cùng những giỏ hoa đủ màu treo lủng lẳng trước mỗi ngôi nhà xinh xắn, Bảo-Trân chợt so sánh phận người nơi đây và phận người nơi nàng đã phải lìa xa gần một phần tư thế kỷ. Tiếng Harmonica rộn rã trên chiếc phà đầy đủ tiện nghi ấy chỉ có thể tạm thời xóa bớt niềm ưu tư trong lòng Bảo-Trân chứ không thể nào khiến Bảo-Trân phải bận lòng như người đàn ông trọng tuổi trên chiếc phà cũ kỷ này.

Người đàn ông đội nón cối, mặc bộ bà ba đầy cáu bẩn và mang dép đế cao-su. Ông đứng lẻ loi nơi góc phà, hai tay vịn ghi-đông xe đạp, mắt ông trông hoang vắng lạ thường. Thỉnh thoảng ông quay nhìn ra sau rồi đưa tay vuốt nhè nhẹ trên một cái rương rất nhỏ bằng gỗ, được chạm trổ, sơn màu rêu và được buộc chặt nơi yên sau. Từ ánh mắt, gương mặt, cử chỉ của người đàn ông cũng như hình thể cái rương nhỏ thoát ra sự kỳ bí lạ lùng, kích thích sự tò mò của Bảo-Trân. Nhìn cái rương một lúc, Bảo-Trân nhớ ra là nàng đã thấy vài cửa hàng ở Hà-nội bán loại rương này. Bảo-Trân định bụng sẽ hỏi thăm người đàn ông xem loại rương này được dùng để làm gì?

Phà Phả-lại chỉ vượt qua đoạn sông nhỏ, nước đục phù sa. Quang cảnh trên bến phà, cũng như trên phà, không xô bồ, tấp nập như ở Bac Mỹ-thuận hoặc Bac Vàm-cống. Nhưng màu phù sa đã gợi nơi lòng Bảo-Trân hình ảnh những dòng sông thấm máu mà nàng đã vượt qua mỗi lần vào vùng đóng quân thăm Hoan - chồng nàng. Bảo-Trân thở dài, tự hỏi tại sao, đường như hầu hết những lần thăm Hoan - kể từ khi Hoan còn là một sĩ quan cấp úy, đến cấp tá, rồi vào tù và mãn hạn tù - Bảo-Trân đều phải vượt qua thật nhiều chướng ngại? Lần này, tuy cũng phải vượt qua nhiều khó khăn, nhưng bù lại, Bảo-Trân được dịp ngắm một phần đất nước mà từ nhỏ nàng cứ nghĩ rằng sẽ không bao giờ nàng được đặt chân tới!

Phà cập bến, Bảo-Trân bước nhanh về hướng người đàn ông dắt xe đạp, có chở vật lạ phía sau. Hai người im lặng đi bên nhau giữa những người vội vã xuống và lên phà. Người đàn ông thường nhìn xuống, vành nón cối che khuất một phần khuôn mặt khắc khổ và đôi mắt đăm chiêu. Theo cách người đàn ông dắt chiếc xe đạp, Bảo-Trân nghĩ có lẽ trọng lượng cái rương không đáng kể. Vậy mà chốc chốc người đàn ông lại sờ

sợi đay chằn phía sau xem tình trạng cái rương. Hai người lên đến con dốc nhão nhoẹt bùn. Ngại sẽ không còn dịp thỏa mãn tính tò mò, Bảo-Trân chờ đến lúc người đàn ông vừa đưa tay sờ cái rương, vội đánh bạo hỏi:

- Thưa ông, cái rương đó đựng cái chi mà từ hồi trên phà cháu đã thấy ông nâng niu, quyến luyến một cách hết sức đặc biệt vậy?

Người đàn ông thoáng giật mình, không ngờ ông bị để ý kỹ như vậy. Nhưng, qua giây phút bất ngờ đó, nét mặt người đàn ông trở lại u buồn. Ông chậm rải nhìn Bảo-Trân. Nghe giọng nói và nhìn nhân dáng, ông biết Bảo-Trân là du khách nước ngoài. Ông phân vân, không biết có nên nói ra nỗi lòng của ông cho một người lạ biết hay không. Ông nhìn Bảo-Trân một lần nữa và nhận ra khuôn mặt phúc hậu, ánh mắt thật thà của nàng nên ông thở ra, khẽ đáp:

- Hài cốt của thằng con tôi!

Bảo-Trân giật mình, lính quýnh:

-Ô, cháu xin lỗi. Cháu thành thật xin lỗi ông.

- Có gì đâu mà "nỗi" với phải, cô. Vì cô "nà" người miền Nam và "nại" từ nước ngoài về nên cô không biết chứ ở đây họ thấy cái này - ông hơi xoay mặt ra sau, xoa nhẹ cái rương - "nà" họ biết "niền".

Thấy ông cụ đã không phiền mà còn tỏ ra cởi mở, Bảo-Trân lại hỏi:

- Chắc con ông mất trong thời chiến tranh, phải không, thưa ông?

- Không. Cháu nó mất sau khi nước nhà thống nhất mới khổ chứ, cô!

- Sao mà tội quá vậy!

Từ ngày được tin con ông mất cho đến nay chưa bao giờ ông dám để lộ sự bất mãn với bất cứ ai; vì ông ngại đến tai chính quyền thì phiền. Nhưng bây giờ nghe Bảo-Trân hỏi, ông nghĩ Bảo-Trân không biết ông là ai và rồi Bảo-Trân cũng sẽ chẳng ở lại đây để nói lại với ai cả nên ông bùi ngùi thố lộ nỗi niềm:

- Vợ chồng tôi nghèo, "nại" hiếm muộn, chỉ sinh được mình nó. Nó vừa nhớn nhớn một tý "nà" vợ chồng tôi gửi nó ra Hải-phòng để bác nó nuôi, cho ăn đi học. Năm năm tư, gia đình bác nó di cư vào Nam, đem nó theo. Mấy mươi năm bặt tin, đến khi nước nhà thống nhất, tôi tìm ra được ông anh thì mới biết thằng con của tôi đang cải tạo ở "Nạng"-sơn. Vợ chồng tôi đợi đến mùa bắp mới mong có tiền đi "Nạng"-sơn thăm con. Nhưng, cô ơi! Bắp chưa kịp trổ hoa thì thằng con tôi đã chết trong tù!

Bảo-Trân tròn mắt nhìn ông một lúc rồi buộc miệng than:

- Tội nghiệp quá! Chiến tranh chấp dứt lâu rồi nhưng di hại của nó chưa biết đến bao giờ mới vơi, phải không, thưa ông?

- Ngày còn chiến tranh thì khổ vì bom đạn, nghèo đói và chia "nìa", nhưng còn hy vọng "nà" sẽ được gặp "nại" con. Bây giờ hòa bình hai

mươi năm rồi mà đói thì vẫn hoàn đói, nghèo thì cứ tự do nghèo, còn con thì chẳng còn!

Trong khi Bảo-Trân tìm chưa ra lời để xoa dịu nỗi đắng cay tronng lòng người đàn ông thì, Ninh - hướng dẫn viên du lịch cho nhóm cùng đi với Bảo-Trân - trờ tới, giọng hấp tấp:

- Cô! Cô đi nhanh "nên". Cháu tìm cô từ nãy giờ. Mọi người "nên" xe cả rồi.

Ngồi trên xe, nhìn lại phà Phả-lại, Bảo-Trân thấy người đàn ông lúc nãy đang còng lưng trên chiếc xe đạp. Sau lưng đeo nặng đĩ vãng đau buồn, trong lòng ôm kín niềm mất mác lớn lao và trước mặt là chuỗi ngày cô quạnh sắp đến của tuổi già, Bảo-Trân không hiểu cuộc đời của những người như người đàn ông này - thuộc cả hai miền Nam Bắc - rồi sẽ ra sao!

Chiếc xe vẫn lắc mạnh như con tàu đang vặn mình theo từng con sóng dữ nhưng hồn Bảo-Trân lại êm ả nhờ những ruộng bắp xanh rì và những luống bắp cải thẳng tắp, màu xám, được trồng hai bên đường. Thấy nhiều người đàn bà tác nước bằng cái gàu cột vào ba thanh tre, Bảo-Trân nghĩ ngay đến những người đàn bà lam lũ ở làng Sơn-tịnh thuở xưa. Và từ hình đó cùng câu chuyện thương tâm của người đàn ông gặp ở bến phà, Bảo-Trân thương mến ngay vùng đất lạ.

Song song với đường xe lửa, chiếc xe vẫn "bò" chầm chậm và lắc liên hồi trên tỉnh lộ lở lói. Đến một đoạn du khách lại phải xuống xe đi bộ.

Trong khi du khách ngoại quốc vừa đi vừa trầm trồ, chỉ chỏ cảnh vật chung quanh thì Bảo-Trân chậm bước, nhìn nhóm phu làm đường đang hì hục bên mấy đống đá. Hầu như người phu phái nữ nào cũng đều dùng khăn trùm kín mặt, chỉ chừa hai mắt. Lý do Bảo-Trân nhận ra họ là nữ giới vì vóc dáng họ thấp, nhỏ nhắn và những sợ tóc dài bay lất phất trên phiến lưng gầy. Nhìn kỹ, Bảo-Trân thấy nhóm phu chia làm hai, mặt đối mặt, đàn bà một bên, đàn ông một bên và ở giữa là đống đá lớn với mấy cái xẻn. Một đầu của đoạn dây thừng hoặc dây ny-lông được cột vào nơi giao tiếp của lưỡi và cán xẻn. Mỗi người đàn ông cầm đầu dây còn lại. Người đàn bà lum khum cầm cán xẻn, xắn mạnh xuống đống đá, ngay khi đó, người đàn ông giật sợi dây về phía ông ta, thế là mớ đá bị kéo về phía ông ấy. Những động tác này rất đều đặn và liên tục. Trên những tấm thân gầy của nhóm phu làm đường, mồ hôi kết thành dòng, thoát ra mùi nồng nồng, mằn mặn. Bảo-Trân biết chắc chắn rằng những vết hoen ố trên những bộ quần áo bà ba nhạt thếch hoặc đùng đục màu cháo lòng của mấy bác phu làm đường là do mồ hôi quyện với bụi đất, đọng lại!

Xe chạy song song với đường xe lửa, Bảo-Trân thích thú khi thấy xa xa một khối xi-măng nhỏ - chung quanh bị sức mẻ nhiều, màu sơn nhòe

nhoẹt, loan lỗ - đứng xiêu vẹo bên đường. Khối xi-mang này, ngày xưa, lúc theo gia đình tản cư, Bảo-Trân thường thấy dựng bên lề đường để đánh dấu cây số (ki-lô-mét) và địa danh từng vùng. Từ ngày lớn lên ở miền Nam, Bảo-Trân không hề thấy nữa.

Xe chạy ngang trụ cây số, Bảo-Trân thấy ghi thị-xã Uông-bí.

Không hiểu thị-xã Uông-bí trù phú và đông đúc như thế nào, nhưng dọc hai bên tỉnh lộ, Bảo-Trân thấy nhà gạch san sát và rất nhiều nhà lầu mới xây, tạo nên hai dãy phố vui. Bất ngờ Bảo-Trân thấy vài nhóm người mặc quần áo rất hợp thời trang Âu-Mỹ, khoát tay nhau đi rẻu rẻu trước những đôi mắt thèm thuồng của nhiều người. Bảo-Trân quay sang hỏi Ninh:

- Ninh ơi! Mấy người đi rảo rảo đó có phải là du khách không, Ninh?

- Dạ không, cô. Có người "nà" Việt-kiều thứ thật, có người Vượt miên, ở "nại" Hồng-kông hoặc đảo nào đó một thời gian rồi bị trả về.

Bảo-Trân tính hỏi về tình trạng những người Việt bị cưỡng bách hồi hương, nhưng ngại nên thôi. Một lúc sau Bảo-Trân lại tính hỏi tại sao ngay giữa Hà-nội mà hai ngày qua, bất cứ người nào nàng tiếp chuyện cũng đều nói chữ "l" thành ta chữ "n", nhưng nghĩ lại, Bảo-Trân sợ va chạm, đành chuyển sang đề tài khác:

- Ninh đã vào Nam lần nào chưa?

Ninh cười, lắc đầu. Chú tài xế chen vào câu chuyện:

- Cháu vào rồi. Cháu vào rồi. Úi giời! Không ngờ được! Không ngờ được!

Bảo-Trân tò mò:

- Anh vào hồi nào, lâu chưa?

Chú tài xế hơi quay về phía Bảo-Trân, vỗ vỗ mấy đầu ngón tay của bàn tay mặt lên ngực, đáp:

- Cháu vào tiếp thu năm bẩy nhăm chứ hồi nào.

Bảo-Trân sa sầm nét mặt, cảm thấy tê tái trong hồn. Vì bận nhìn phía trước để lái xe, chú tài xế không nhận biết được sự xúc động của Bảo-Trân nên tiếp:

- Đáng nhẽ, theo kế hoạch, chúng cháu vào tiếp thu Saigon sớm hơn nữa kia. Nhưng tại Xuân-"nộc", gặp cánh quân của tướng...tướng gì nhẩy?

Nghe chú tài xế gọi Saigon chứ không gọi là thành phố Hồ-Chí-Minh, Bảo-Trân thấy vui vui, tính nhắc chú tài tên vị tướng chỉ huy trận Xuân-lộc là Tướng Lê-Minh-Đảo. Nhưng chợt nhớ ra chú tài xế là ai, Bảo-Trân sợ, im luôn. Chú tài xế tiếp:

- "Nâu" quá cháu chả nhớ. Nhưng cánh quân ấy đánh rác "nắm" cô ạ.

- Khi vào đến Saigon, cảm giác đầu tiên của anh thế nào?

- Cần gì phải vào đến Saigon, cô! Mới đến Hàng-xanh "nà" chúng cháu đã sững sốt,ngỡ ngàn dzồi!

- Tại sao? Cái gì làm cho anh sững sốt, ngỡ ngàng?

- Hiện đại. Hiện đại vô cùng! Cái gì cũng tối tân, hiện đại.

Ngưng một chốc, chú tài xế tiếp, giọng trầm hẳn xuống:

- Thế mà chúng cháu cứ nghe "nà" trong Nam đói rách "nắm", chúng cháu phải vào giải phóng để miền Nam có cơm ăn, áo mặc!

Bảo-Trân và Ninh im lặng nhìn nhau. Bất ngờ chú tài xế hơi quay mặt về phía Bảo-Trân, tiếp:

- Năm bảy nhăm cô ở đâu, cô?

Bảo-Trân không dám để lộ tông tích nên ngập ngừng nói dối:

- Dạ, dạ...ở...Huế.

-Thảo nào tôi nghe có vài chữ cô phát âm lơ lớ.

- Dạ, tại vì tôi chỉ Huế có...một nửa thôi.

- Thế à! Thế chuyến này về cô ghé Huế chưa?

- Dạ chưa.

Giọng chú tài trở nên nghiêm trọng:

- Cô phải ghé Huế thì mới hiểu rõ được "nịch" sử.

- Dạ lịch sử chi? Anh muốn đề cập đến những thảm cảnh chiến tranh ở miền Trung như đại lộ kinh hoàng hoặc Mỹ-lai nọ kia, phải không?

Chú tài quay sang Bảo-Trân, ném ánh mắt ngạc nhiên rồi nhìn thẳng phía trước:

- Đại "nộ" kinh hoàng "nà" đại "nộ" nào, cô?

- Dạ, là quốc lộ I, đoạn từ Quảng-trị vào Huế, khai sinh vào năm 1972.

- Ô, thế thì cháu biết rồi. Nhưng trận 72 và vụ Mỹ-lai so với trận Mậu-thân thì chả thấm thía gì đâu, cô.

Bảo-Trân chưa biết chú tài xế muốn đề cập đến cái gì nên chưa dám góp chuyện. Chú tài ngưng một chốc rồi tiếp:

- Bọn Mỹ dã man thật! Trận Mậu-thân chúng giết chết cả mấy nghìn người, bộ đội và nhân dân ta chôn không kịp, đành phải đào hố thật "nớn", chôn tập thể đấy.

- Ai nói với anh là năm Mậu-thân Mỹ giết mấy ngàn người ở Huế?

- Ai mà chả biết chuyện ấy, cô. Có thể năm Mậu-thân cô còn bé hoặc kỳ này về cô chưa ghé Huế nên cô không biết; chứ nếu cô ghé Huế, đi "tours", thì thế nào hướng dẫn viên du "nịch" cũng giải thích và chỉ những ngôi mộ tập thể ấy cho cô xem.

- Anh nói sao? Hướng dẫn viên du lịch giải thích cho du khách Việt-nam và cả du khách ngoại quốc như vậy à?

- Vâng. Đó "nà" sự thật của "nịch" sử thì mình cũng nên phổ biến cho cả thế giới biết chứ, phải không, cô?

Bảo-Trân nghẹn! Chú tài xế được đà, tiếp luôn:

- Để chiều về cháu chạy ngang phố Khâm-thiên cho cô xem vết tích của thời B-52 rải thảm.

- Tôi tưởng Mỹ chỉ thả bom những khu vực quân sự thôi chứ.

Chú tài cười thành tiếng:

- Thời chiến ở đâu không "nà" căn cứ quân sự, cô. Cứ mỗi nhà "nà" một căn cứ quân sự; vì nhà nào cũng có con em đi bộ đội cả.

Bảo-Trân lặng im, tựa lưng vào thành ghế thầm nghĩ đến câu nói của ông Dư - thân phụ của Bảo-Trân - ngày ông Dư mới sang Mỹ theo diện H.O: "...Sau khi bị đưa ra Bắc, mỗi chiều, sau giờ lao động, ba dạy nhạc cho mấy chú vệ binh và quản giáo. Nhờ thường xuyên trực tiếp chuyện trò với họ Ba mới nhận ra rằng họ cũng đáng thương như những người tù miền Nam. Điểm khác nhau giữa họ và tù miền Nam là họ có khí giới còn tù miền Nam có văn hóa. Vì thiếu văn hoá cho nên họ dễ bị tuyên truyền, dễ bị đầu độc và dễ bị bưng bít. Do đó họ thường có những suy xét và nhận định sai lầm. Ba nghĩ họ cũng chỉ là nạn nhân trong một cơn lốc tàn khốc của lịch sử Việt-nam cận đại".

Từ Bãi-cháy, sau khi nhận đủ số khách cho một chuyến hải trình riêng biệt, đoàn ghe sơn phết lòe loẹt bắt đầu rời bến. Hầu hết du khách đều leo lên tầng trên để vừa sưởi nắng vừa ngắm cảnh vật vừa dễ chụp ảnh. Chỉ một mình Bảo-Trân ngồi lặng lẽ nơi khoang thuyền, lòng ôm nặng suy tư.Từ tầng trên, thấy vắng Bảo-Trân, Ninh leo xuống, chỉ về hướng trái:

- Thành phố Hạ-"nong" đấy. Cô không cần "nên" tầng trên. Cô chỉ ra đây thôi "nà" đủ thấy rồi. Cô ra ngắm kẻo mai mốt không có dịp trở "nại" rồi tiếc.

Bảo-Trân bước ra, ngồi gần mũi ghe, kéo cao cổ áo. Trong từng cơn gió của một ngày chớm Đông, ngoài tiếng máy ghe vi vu, không còn bất cứ âm thanh nào khác. Ánh nắng chan hòa cả một vùng biển lặng. Mấy hải đảo nhỏ quanh đảo Cát-bà mập mờ phía xa.

Đối diện với đảo Cát-bà, về phía trái của Bãi-cháy,là thị xã Hòn-gai, nay đổi là thành phố Hạ-long, với từng dãy cao ốc san sát nhau, dọc bờ biển. Thành phố Hạ-long không có những tòa nhà xây trên mặt nước, không có những thánh đường xưa với tháp chuông cao vời vợi, không có tiếng sóng vỗ lách tách quanh ngôi nhà cổ - nơi Mozart đã lưu trú một thời - và cũng không có cả tiếng phong cầm dìu dặt theo nhịp sóng nhấp nhô

quanh chiếc du thuyền nhỏ, nhưng sao Bảo-Trân cảm thấy vui thích lạ lùng. Bảo-Trân tự nhủ thế nào cũng ghé thành phố Hạ-long một lần.

Ghe đến Hòn Gà-chọi. Bảo-Trân thấy hai mõm đá mang hình thể như hai chú gà đâu mặt vào nhau. Nhiều du khách đưa máy ảnh lên chụp hình.

Chiếc thuyền vẫn êm đềm len lõi giữa những mõm đá, làm sóng sánhmặt nước trong và xanh như ngọc thạch. Ninh đến ngồi cạnh Bảo-Trân:

- Cô ơi! Hòn Đầu-người đấy.

Vừa nói Ninh vừa chỉ về hướng trái. Bảo-Trân nhận rõ những góc cạnh của khối đá mang dạng vừng trán, ổ mắt, sóng mũi, môi và cằm. Ninh tiếp:

- Chốc nữa cháu sẽ chỉ cô xem một gộp đá có hình con chó.

- Giống thật không, hay là mình phải vận dụng trí tưởng tượng?

- Thì cô cứ nhìn xem rồi sẽ biết.

Vừa khi ấy mũi ghe hơi chếch về bên phải. Bảo-Trân để ý, dường như càng xa bờ nước biển càng trở nên trong và xanh hơn. Khi ghe tiến thẳng, Bảo-Trân thấy một tản đá cỡ bằng hình người, đứng im lìm cạnh một hải đảo nhỏ. Trên đảo, lưa thưa vài khóm cây cằn cỗi. Ghe vừa qua khỏi tản đá một khoảng ngắn, Ninh gọi:

- Cô. Cô nhìn lui đi. Tản đá ấy trông có giống con chó không?

Bảo-Trân hơi sửng sốt. Cũng một tản đá, nhìn từ phía đối diện, Bảo-Trân chẳng thấy có gì lạ; bây giờ, ở một góc cạnh khác, trong tầm mắt Bảo-Trân là hình tượng một chú chó đang ngồi, hai chân trước đưa lên. Từ đó Bảo-Trân nghiệm ra được tý "triết lý vụn": Không nên phê phán bất cứ điều gì, bởi vì cái nhìn của mình - dù từ bất cứ khía cạnh nào - cũng đều có tính cách phiến diện.

Giữa khung cảnh êm đềm, vắng vẻ này bỗng Bảo-Trân thấy xa xa vài chiếc thuyền con. Điều khiến Bảo-Trân nhức mắt là mấy cô chèo thuyền đều mặc quần đen, áo bà ba nhưng lại mang bao tay - loại mỏng, ngắn đến cuổm tay cũng có, và loại dài đến khuỷu tay cũng có. Bảo-Trân chỉ nhóm thuyền con, hỏi Ninh:

- Họ làm gì ở đó, Ninh?

- Đấy "nà" hang "Nuồn". Ghe mình sẽ ngừng "nại". Du khách sẽ xuống mấy chiếc ghe bé xíu ấy để đi thăm hang "Nuồn".

- Hang Nuồn. Cái tên nghe lạ ghê.

- Dạ không, cô. Nuồn "nà" "nuồn" cuối đấy.

- Ô, hang Luồn. Nhưng tại sao vào hang Luồn thì phải mang loại găng tay dành cho những dịp lễ lược, dạ tiệc?

- Dạ không phải. Họ mang cho khỏi hư tay đấy, cô à. "Noại" găng tay ấy của Trung-quốc bán thành ra không mắc "nắm" đâu.

Ghe lớn vừa giảm tốc lực, cả nhóm thuyền con chèo nhanh đến. Du khách lần lượt bước xuống thuyền. Thấy nước xanh biếc, Bảo-Trân nghĩ có lẽ mực nước sâu lắm nên do dự. Ninh dục:

- Không sao đâu. Cô vào xem cho biết.

Ninh quay sang nhóm ghe, tiếp:

- Này, chèo tay thôi nhá. Đừng mở máy tụi Tây nó sợ.

Ánh nắng hơi chếch về phía Tây, tạo bóng mát êm đềm trên một vùng biển lặng. Theo tiếng mái chèo khua trong nước, từng lượn sóng lăn tăn đuổi bắt nhau từ mạn thuyền cho đến bờ đá sậm màu. Đoàn ghe từng chiếc, từng chiếc tiếp nối nhau chèo thẳng đến một bờ đảo rồi mất hút. Khi ghe đưa Bảo-Trân đến gần bờ đảo nàng mới thấy một cửa hang thấp, rộng và dài. Từ cửa hang bên này, xuyên qua lòng núi, Bảo-Trân thấy nước nơi cửa hang bên kia xanh ngát như màu mạ non. Ghe chầm chậm luồn vào hang. Tiếng róc rách của những làn sóng nhỏ từ mái chèo lan xa, va vào vách đá tạo nên, là âm thanh duy nhất trong khoảng không gian tĩnh mịch này.

Qua khỏi hang, mấy cô chèo thuyền đều gác mái chèo. Thuyền trôi dật dờ. Bảo-Trân nhìn quanh, chỉ thấy núi vây kín, tạo nên một cái hồ tròn trịa. Quanh bờ hồ đều là đá và cây cằn cỗi, chỉ có một khoảng hẹp gần cửa hang là có cát.

Nếu một lần nào đó Bảo-Trân đã xúc động, bàng hoàng trước nét hùng vỹ của hồ Diablo ở Seattle thì giờ đây Bảo-Trân cũng lắng hồn vào cõi tĩnh lặng của một phần quê hương mà suốt hai phần ba cuộc đời nàng chỉ biết tưởng tượng qua những tác phẩm của các nhà văn di cư.

Trên đường trở lại Bãi-cháy, sau khi giải đáp vài thắc mắc của du khách, Ninh nhắc Bảo-Trân khoát áo lạnh, vì trời trở gió. Từ sáng đến giờ, thấy Ninh ân cần với mình, Bảo-Trân rất có cảm tình nên gợi chuyện:

- Cô có một thắc mắc, tính hỏi Ninh, được không?

- Dạ được chứ.

- Cô thấy các nước khác, khi hướng dẫn du khách ngoạn cảnh, hướng dẫn biên du lịch thường cầm "micro" giải thích cho du khách hiểu về nguồn gốc,lịch sử hoặc xuất xứ của một cảnh trí. Tại sao ở đây họ không tổ chức như vậy?

- Ngành du "nịch" của nước mình còn phôi thai "nắm", cô. Hơn nữa phải có hướng dẫn viên chuyên nghiệp, Anh-văn lưu loát cơ.

- Từ sáng đến giờ cô thấy Ninh nói tiếng Anh cừ lắm.

- Cám ơn cô. Ở đại học cháu đâu có học ngành du "nịch".

- Vậy Ninh học ngành nào?

- Dạ, cháu học về tài chính, ngân hàng.

- Ninh tốt nghiệp rồi, phải không? Ngành tài chính, ngân hàng học mấy năm?

- Dạ, học năm năm. Cháu ra trường gần hai năm rồi nhưng kiếm việc "nàm" không ra nên cháu phải "nàm" tạm nghề này.

- Làm hướng dẫn viên du lịch lương khá không, Ninh?

- Dạ, tương đương hai đô-"na" một ngày. Nhưng phải có chuyến đi, người hướng dẫn mới được trả "nương" chứ không phải ngày nào cũng được trả hai đô-"na".

- Một học sinh muốn tiếp tục bậc đại học phải hội đủ những điều kiện nào?

- Dạ, sau lớp 12 phải thi ngoại ngữ, văn và toán. Thi đậu xong thì kê khai "ný nịch" cá nhân. Nếu được chấp nhận, hai năm đầu sinh viên phải học tổng quát rồi sau đó mới học chuyên ngành.

- Để được theo đuổi bậc đại học,mỗi sinh viên phải cần khoảng bao nhiêu tiền Việt-nam một tháng?

- Dạ, khoảng 100 nghìn.

- Từ lớp mấy học sinh mới học ngoại ngữ? Và ngoại ngữ nào thông dụng nhất?

- Dạ, hồi trước thì lớp 7; và ngoại ngữ thông dụng nhất là tiếng Nga. Nhưng sau này tiếng Anh thông dụng hơn. Và kể từ năm 1994, học sinh được dạy Anh-văn ngay từ lớp I.

- Ở Hà-nội có trường ngoại ngữ nào Ninh cho là khá?

- Trường Nội-thành có nhiều giáo sư nên khá "nắm". Còn trường Ngoại-thành ít giáo sư nên chỉ được chọn Anh hoặc Pháp-ngữ thôi. Mà cô ơi! Ngay như những người xuất thân từ trường đại học ngoại ngữ, sau khi tốt nghiệp cũng phải học Anh-văn thêm.

- Ninh có thể cho cô biết qua về điều kiện đào tạo giáo chức không?

- Muốn dạy tiểu học, phải xong lớp 12, rồi học sư phạm hai năm sáu tháng. Dạy phổ thông cơ sở (lớp 7-9) phải có cao đẳng sư phạm. Dạy phổ thông trung học (lớp 9-12) phải có đại học sư phạm.

Bảo-Trân chưa kịp hỏi thêm, Ninh đã tiếp:

- Từ nãy giờ cô hỏi cháu hoài. Bây giờ cô cho cháu hỏi cô một câu, nhé.

Bảo-Trân cười, quen miệng đáp "Okay". Ninh cũng cười:

- Cô có phải là nhà báo không?

Mặc dù không phải là nhà báo, Bảo-Trân cũng hoảng, lắc đầu lia lịa:

- Không. Không. Tại sao Ninh lại hỏi cô câu đó?

- Xin "nỗi" cô nhá. Tại vì cô "nà" đàn bà, du "nịch" một mình, "nại" có cách khai thác người đối thoại hết sức tự nhiên và tài tình.

- Trong xã hội Âu-Mỹ, tinh thần tự lập của phái nữ rất cao và cuộc sống của họ không bị gò bó lắm. Họ tìm mọi cách để không tùy thuộc vào nam giới. Ở Việt-nam, một người đàn bà đi chơi xa, đó là một điều lạ; nhưng ở Âu-Mỹ, đó là chuyện thường. Còn về việc cô hỏi Ninh vài vấn đề có tính cách tổng quát cũng chỉ là sự tò mò dễ hiểu của một người xa quê hương quá lâu. Vậy thôi.

Ninh cúi đầu lặng thinh, tay vân vê nút áo lạnh. Dường như Ninh có vẻ tiếc là chàng đã nhẹ dạ để bị Bảo-Trân khai thác. Bảo-Trân không muốn bị Ninh hiểu lầm nên tìm cách làm thân, hỏi sang địa hạt khác:

- Gần Noel rồi mà sao cô không thấy ai trang hoàng gì cả vậy, Ninh?

- Bao nhiêu năm rồi, Hà-nội đâu có trang hoàng Noel, cô.

- Vậy à! Ở Saigon Noel đẹp lắm. Họ tổ chức vô cùng trang trọng.

- Bất cứ địa hạt nào - ngay cả sách báo, điện ảnh, âm nhạc - Hà-nội cũng đi sau Saigon cả, cô ạ.

- Nhạc "Rock" và "Rap" có du nhập vào Hà-nội được không, Ninh?

- Dạ có, nhưng không thành công và không bằng trong Nam.

- Ninh và những người trẻ nghĩ gì về âm nhạc miền Nam trước 75 - mà người Bắc gọi là "Nhạc vàng"?

- Cháu xin lỗi cô nhá! Chỉ những người cỡ tuổi cô mới thích "Nhạc vàng"; còn chúng cháu...

Ninh lắc đầu, cười, dừng lại ở đó. Bảo-Trân nghĩ rằng Ninh trả lời rất thật; vì mấy hôm nay ghé vào tiệm bán băng nhạc và sách báo, Bảo-Trân cũng được mấy cô cậu bán hàng cho biết như vậy. Bảo-Trân lại hỏi:

- Về sách báo, Ninh nhận xét như thế nào về nhà văn phản kháng Dương-Thu-Hương?

Ninh ngạc nhiên, nhìn Bảo-Trân:

- Dạ, Dương-Thu-Hương là ai, cô?

Bảo-Trân hơi sửng sốt. Một thanh niên tốt nghiệp đại học tại sao lại không biết gì về một nhân vật đã từng làm tốn hao không biết bao nhiêu giấy mực của báo chí hải ngoại? Bảo-Trân đâm ra nghi ngờ Ninh:

- Ninh lớn lên tại Hà-nội, tốt nghiệp đại học, vậy mà Ninh không biết Dương-Thu-Hương là ai, lạ thật!

Nét mặt Ninh vẫn bình thản, không lộ một tý bối rối nào cả; điều đó cho Bảo-Trân hiểu rằng Ninh không hề nói dối. Ninh đáp:

- Có thể những người đồng trang "nứa" với bà ấy biết bà ấy; còn chúng cháu chỉ muốn chôn vùi quá khứ - nhất "nà" một quá khứ đầy "nỗi nầm" và thù hận - để hướng về ngày mai.

- Đa số giới trí thức trẻ ở ngoại quốc cũng nghĩ như vậy.

Được cơ hội hỏi Bảo-Trân một câu, Ninh không chần chừ một giây:

- Riêng cô, cô nghĩ như thế nào?

- Nói thật với Ninh, ngày chú bị đày ra Bắc, cô uất hận vô cùng. Những lần vượt đèo, trèo núi đi thăm chú - ngoài chút thực phẩm và thuốc men - cô cũng mang theo niềm thống hận. Khi phải bỏ chú lại để cùng các em đói khát, lênh đênh trên chiếc thuyền nhỏ,lòng cô cũng đầy oán hờn. Nhưng về sau, cô nhận ra rằng lòng oán thù chẳng giúp được chi cho cô trong cuộc sống này. Cô nghĩ, lòng căm hờn, nếu mình không tự xóa được thì ít nhất mình cũng không nên truyền lại cho bất cứ ai cả. Vì vậy, cô nuôi dạy các con của cô bằng tình thương và lòng nhân ái của nhà Phật. Mình phải cố quên đi và tha thứ. Có như thế lòng mình mới thanh thảng để thực hiện những công việc có lợi ích hơn cho đời.

Ninh xúc động, lặng lẽ nhìn Bảo-Trân. Bảo-Trân cười buồn, tiếp:

- Thật ra, quên thì khó ai quên được; nhưng tha thứ thì mình có thể tha thứ được. Bởi vì, chỉ có lòng vị tha mới đưa con người đến với con người.

Trước những lời chân thành của Bảo-Trân, Ninh lặng im, nén xúc động. Một lúc sau Ninh nhìn Bảo-Trân:

- Cảm ơn cô đã nghĩ như thế.

- Cô cảm ơn Ninh. Cô cảm ơn chuyến ngoạn cảnh này; vì cô đã thấy và hiểu thế nào là sức chịu đựng bền bỉ của một dân tộc phải sống triền miên trong đau khổ, trong cơ cực và nghèo nàn!❐

tìm mua

những chiếc mặt nạ cười

tập truyện của Kinh Dương Vương

Tập truyện ngắn viết về chiến tranh Việt Nam với cái nhìn độc đáo, với những tình cảm nhân bản ngay trong hận thù, những số phận tang thương khốc liệt, những mâu thuẫn trong thân phận dân tộc.

Sách do Văn Mới xuất bản, bìa của Rừng, Nguyễn Mộng Giác viết giới thiệu, dày 170 trang, giá 8 Mỹ kim. Sách do Văn Nghệ phát hành.
Mua thẳng nơi tác giả xin liên lạc:
Nguyễn Tuấn Khanh, 4160 W- 134 St. Hawthorne CA, 90250
Phone (310) 644-5260 Email: kinhdvuong@aol.com

Trăng

TRẦN THÁI VÂN

Còn đây trăng một ánh
Đầu đông đứng nhìn đời
Đêm về đêm rất lạnh
Tháng chạp buồn chơi vơi

Cả năm trăng đứng lẻ
Trọn đời gió đi hoang
Địa dàng xưa vắng vẻ
Chim xa bay lên ngàn

Ta về từ tâm thức
Tìm một nẻo hồng ân
Dấu chân ngày che khuất
Tuyết dựng đường đông phân

Trăng gầy như trí nhớ
Đừng dục màu thời gian
Áo quần chừng bỏ lỡ
Nên muôn đời vẫn vàng

Ta đi từ vô thức
Tìm suối chảy tâm linh
Nghe đêm về đau nhức
Dưới giọt sương vô tình

Trăng chỉ còn ấn tượng
Không màu sắc hình thù
Bóng hằng nga vất vưởng
Múa trên vầng thiên thu

Trăng cuối năm tháng chạp
Như đầu năm tháng giêng
Ta đi về khác lúc
Vẫn chung mối ưu phiền...

Valentine

Trần Hoài Thư

Hôm nay là ngày Valentine. Ngày của tình yêu. Anh cũng bắt chước mọi người dâng trái tim đỏ này cho em, thay vì chiếc nhẫn kim cương mà em cứ ao ước khi đứng ngoài cửa tiệm hột xoàn. Đối với anh, quà valentine của anh còn quí giá gấp trăm lần hột kim cương mà cựu nữ tài tử Elizabeth Taylor đeo nữa. Bởi kim cương, hột xoàn, dù có nặng, có lớn mấy ca ra, cũng không đủ nói hết tình yêu của anh dành cho em. Bởi nó chỉ đo lường được tình nghĩa trong một sớm một chiều, còn con tim của anh thì dành cho em đến bạc đầu bạc tóc.

Qua xứ này, khi không lại đẻ ra bao nhiêu chuyện. Nào là Father's day, Mother's Day, nào là Halloween, nào là Lễ Tạ Ơn, nào là Secretary's Day, hay Valentine's Day..Hết lễ này đến lễ khác. Suốt ngày, trên TV cứ nhảy đi nhảy lại những cái quảng cáo *big sale*, đại hạ giá nhân dịp...Suốt ngày, chúng làm em chắc lưỡi hoài: "Ông ơi, hột xoàn sale đến 40%, quá rẻ đi anh ơi". "Ông ơi, cái vòng nạm bạc kia đẹp quá. Đeo nó vào làm người ta phải trở nên sang trọng quí phái nổi bật lên giữa đám đông." "Chừng nào anh mua cho em cái nhẫn để chưng ngoài Lipman ?" Hay "Anh xem kìa. Bà ấy đeo cái vòng mạn hột kim cương, sang ơi là sang".

Em hỏi làm chi những câu hỏi quá khó trả lời. Chắc chắn em sẽ hứ khi anh giải thích rằng, nhân danh đàn ông, anh chỉ để ý đến mười ngón tay thon mềm trắng nuột, hay đôi mắt gờn gợn hồ thu, hay chiếc gáy trắng nuột lưa thưa những sợi tóc măng. Nhân danh đàn ông, anh chỉ biết thưởng thức những thân hình thon thon, gầy gầy, thay vì mập lú. Cho dù em đeo chiếc cà rá mấy ly, hột lớn cỡ cô đào Taylor có chăng nữa, mà má em trét phấn như trét hồ, anh vẫn chẳng muốn nhìn chút nào. Nhân danh đàn

ông, hoan hô người nữ từ chiếc răng khểnh, má lúm đồng tiền, môi đỏ, con mắt có đuôi, eo nhỏ, đùi thon, trường túc... Nhân danh đàn ông, vinh dự thay cho những tên chồng có vợ dịu dàng, hiền lành rất mực, như bến trú khi đời nổi cơn giông bão. Nhân danh... Nhưng anh không dám phát biểu. Bởi em sẽ nói ngay:"Tôi biết anh đâu có bao giờ thương tôi đâu. Anh xem thiên hạ xung quanh ai cũng hột xoàn sáng chói. Anh là đàn ông có vợ mà còn dê tuồng..." hay "Hèn gì lúc nào thấy mắt anh cứ liếc ngang liếc dọc..." hay " Hèn gì, anh lái xe không nhìn đèn xanh đèn đỏ, mà nhìn hoài con Mỹ lái xe bên hông, để con nó phải nói ba ơi, đèn xanh rồi, chạy đi ba...". hay "Tôi biết trước mà, tôi cực khổ vì ông, còn ông chỉ cho tôi một hột nửa ly mà ông cũng viện tùm lum". Rồi em khóc tấm tức. Để hôm ấy thế nào anh cũng có một màn năn nỉ đến nỗi ráo nước bọt.

Trời ạ, phải chi anh có một phép lạ, để biến đổi con tim này thành kim cương hay hồng ngọc như trong câu chuyện Trương Chi ngày xưa, để em có thể nhìn tận mắt sức nặng, tầm cỡ của nó so với cái hột mà em hằng ao ước...Nhưng cái phép lạ này không bao giờ có, và dù anh có nói bao nhiêu, giải thích bao nhiêu về ý nghĩa của tình yêu, về cái hạnh phúc, thì em vẫn cứ liên tưởng đến cái cà rá đặt trong lồng kính của cửa tiệm hột xoàn. Thôi thì chỉ còn cách bám vào mấy cái credit card: "Thì em cứ tha hồ dùng Master, Visa, American Express..." Anh biết em sẽ chùn lòng. Em sẽ ăn không ngon ngủ không yên về những tờ bill gởi về cuối tháng. Em là một người sợ mắc nợ hơn ai hết mà.

Hôm nay là ngày Valentine. Khi không cái chữ Anh, chữ Mỹ này lại trở nên thân thiết với em đến thế. Nhập gia tùy tục. Thôi thì bắt chước như người bản xứ, buổi sáng sớm, anh chúc mừng em.

"Cưng,happy valentine".

Em trố mắt.

"Nghe tiếng cưng sao ngọt như đường phèn."

"Thật tình mà em"

Em hỏi ngay anh:

"Anh thưởng em cái gì?".

Anh muốn chứng tỏ anh là một tay yêu vợ số một, hơn bất cứ một ai trên cõi trần gian này

"Em muốn anh tặng em cái gì nào"

"Tùy anh"

Cám ơn em vì em không nhắc đến cái hột xoàn lấp lánh, để anh phải đề nghị xài thêm cái thẻ Visa vàng. Anh nhìn ra ngoài sân nhà. Hôm nay

trời quá đẹp. Giữa mùa đông lạnh căm căm của vùng Đông Bắc, tự dưng có một ngày mà nhiệt độ lên tới 50 độ, thật quả vô cùng đặc biệt. Chắc Ông Trời cũng muốn san sẻ tình yêu xuống khắp thế gian, để ban cho một ngày xuân nắng ấm. Anh đề nghị:

"Hay là chúng mình cùng đi chơi xa. Chúng ta sẽ tìm một nhà hàng. Hôm nay anh sẽ đãi em tất cả. Em muốn gì được nấy".

Em mừng, ríu ra ríu rít.

"Mình phải đi sớm. Anh nhớ ghé nhà băng rút ra ít tiền xài dọc đường. Vai anh đỡ nhức chưa. Để em lái tiếp anh..."

"Hôm nay là ngày của em mà"

Anh hùng dũng trả lời như một tay hiệp khách trừ gian diệt bạo.

Anh mở cửa mời em vào xe như một chàng trai hào hoa quá mực. Anh cũng tự nhủ hôm nay mình phải là một tay chồng ngoan ngoãn hết sức. Còn nữa. Anh quên rồi. Anh vào lại nhà, tìm băng nhạc Nat King Cole có bài *Smoke Gets in Your Eyes*. Anh biết bài này em rất thích. Dù em không bao giờ chịu ngồi để anh phà khói thuốc mà nghĩ đến trong đôi mắt em là một vùng mây khói. Bài kỷ niệm của hai đứa mình phải không em. Để anh còn nhớ đến đôi mắt đẹp ngày xưa. Và chắc em cũng nhớ lại một thời anh theo em cũng vì đôi mắt đó (dù bây giờ anh mới biết ngày ấy em đã tô than quá đậm, đánh lông mi quá kỹ, lại giả vờ chớp lia lịa để bắt hồn xác anh). Cho anh tưởng tượng thêm một tí. Hai đứa sẽ nhắc lại chuyện xưa suốt cả lộ trình. Thời anh bắt đầu quen em, trồng cây si trước nhà, dầm mưa đội nắng theo em mà không dám ngỏ lời. Thời chiến tranh luân lạc, hai đứa xa cách trùng trùng. Anh sẽ kêu em hát lại những bản nhạc kỷ niệm cũ, như bản gì mà anh quên tên: "Em xin làm ánh trăng thanh, soi anh trên dòng lênh đênh", rồi bàn tay anh sẽ nắm lấy bàn tay em, mà siết mạnh để biểu lộ tình nghĩa của anh sau bao năm làm chồng vợ...

Rồi chúng ta lên đường. Chúng ta chẳng khác cặp vợ chồng mới cưới đi hưởng tuần trăng mật. Anh vừa lái xe, thỉnh thoảng lại liếc khẽ nhìn em. Tiếng hát của Nat King Cole ấm làm sao. Mắt em khẽ nhắm lại, như thể bị tiếng hát làm hớp hồn. Anh cầu mong làm sao để em cứ sống mãi trong giấc mơ đẹp ấy. Đừng mở đôi mắt để nhìn thực tế. Cứ tạm coi hôm nay là hôm nay. Cho dù, gương mặt em đã lộ ra những vết nhăn. Em ạ. Hãy quên những gì hôm qua trong xưởng mồ hôi và ngày mai, bắt đầu cho chuỗi ngày mồ hôi khác. Em ạ, đừng nhớ cái con Mỹ trong hãng hành hạ em khiến em cứ khóc sướt mướt, để anh mỗi ngày phải hỏi thăm chừng "Con ấy hôm nay thế nào?". Đừng nhớ những câu chuyện về tội

ác, giết người, bắt cóc trong cái show "American most wanted" hay "Unsolved mystery" để mà lo âu vô cớ...Hôm nay, ngày Valentine, anh sẽ dành tất cả cho tình lang. Hợp ca đi em. *Nụ cười sơn cước. Tôi nhớ mãi một chiều xuân chia phôi. Mây mờ buông xuống núi đồi*...Rồi hai đứa mình lên sân khấu làm đôi uyên Ngọc Cẩm Nguyễn Hữu Thiết cùng song ca, để thiên hạ lé mắt. Em đừng ngạc nhiên khi không hôm nay anh lại hiền lành như con nai...Không nóng nảy, không đổ quạu, không la lớn. Hãy cám ơn cái ngày thiên hạ đặt là Valentine. Nó cũng bắt những tay chồng phóng đãng như anh phải một lần gác tay lên trán, hay sờ lại ngực mình, mà hối hận, ăn năn như ông Tú Xương đã một lần ăn năn hối hận với bà vợ quanh năm buôn bán ở ven sông.

Vâng, anh ăn năn đây, em yêu dấu. Mắt anh sẽ nhìn thẳng, không liếc ngang liếc dọc, hít hà, thèm thuồng, mê mẫn trên những thân hình, những chiếc mông, những đôi mắt, cặp ngực...Tin anh đi. Trong bóp anh là thẻ rút tiền ATM, MAC. Anh sẽ ghé vào bất cứ nhà băng nào ở khắp nước Mỹ, rút ra cho em xài thả dàn. Anh lại mang theo mấy thẻ thiếu chịu. Thời buổi này, là thời mượn trước trả sau mới xứng đáng là công dân xứ Hoa Kỳ. Cần gì em nói với anh. Em bằng lòng không.

"Ông ơi, hôm nay sao anh lại tốt với em như vậy cà?"

"Em không biết sao, hôm nay là ngày Valentine mà"

"Như vậy, những ngày khác ba nó không tốt với tôi sao?"

"Đừng nên nói vậy, luôn luôn và luôn luôn tốt với em mà. Trong lòng anh làm sao em biết..."

Anh lái qua câu truyện khác. Đó là một nghệ thuật để bảo vệ hạnh phúc mà anh đã học suốt một thời gian quá dài khi làm chồng cùng em.

"Anh nghĩ là chúng mình nên rán nhịn đói để về dưới ấy ăn một bụng cho đã. Lâu lắm anh không nếm mùi thịt nướng bất hủ..."

"Phải đó, mình rán để bụng. Em cũng thèm ăn tô cháo lòng, rồi bánh cuốn, sau đó uống ly nước dừa..."

"Càng đói, ăn càng thấy ngon"

"Anh coi chừng, nhà hàng ấy không nhận credit card. Họ chỉ nhận tiền mặt"

"Anh có mang theo thẻ MAC, tha hồ mà rút"

Một giờ trưa, anh lái đến khu thương xá, rảo tìm nhà băng. Cám ơn nền văn minh kỹ thuật đã giúp cho con người những điều dị thường. Chỉ có chiếc thẻ bằng *plastic* nhưng người ta có thể xài nó bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào. Anh đậu xe lại, vào chỗ rút tiền. Bỏ thẻ vào máy. Trên khung kính màn ảnh, hiện ra những giòng chữ quen thuộc. *Please enter your*

Gửi Nguyễn Đức Việt

ĐỖ QUANG NGHĨA

Từng lang thang qua nhiều trường đại học
Từng lơ mơ trên những giảng đường
"Những hàng cây thẫm màu in hình lên
nền trời ráng đỏ
Đóa cúc vàng lộng lẫy mùa dang thu"...

Giờ làm thợ không thành, làm thày không ai khiến
Mãi thu sinh cho đến thuở bạc đầu (?)

Quen với nỗi buồn như khói thuốc
Quen với suông tình như sương khuya.

Không tin ai trên đời, không tin ai trên trời...

Sống dã thôi là hạnh phúc
Yêu dã thôi là đắm say
Và thu dã thôi là quyến rũ.

password. Anh đánh bí số. Máy lại *sorry*. Anh lại đánh thêm một lần nữa. Máy lại *sorry*. Lần này, anh hết sức cẩn thận, tập trung trí nhớ, đánh thật chậm. Máy bỗng nhiên ngoạm lấy thẻ rồi nuốt vào trong. Phũ phàng, mất dạy. Không biết vì anh quên bẵng đi cái bí số hay tại vì máy đang trở chứng. Bên tai anh lời em vẫn giục giã: "Sao mà lâu quá hở anh. Em đói quá rồi".❐

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Kẻ bán xới

"Đã lâu, đã nhiều lần, tôi đang nằm ngủ bỗng giật mình thức giấc. Lần nào cũng chỉ một giấc mơ, nhưng chi tiết mỗi lần một khác. Tôi không ở Paris, mà đang ở Sofia, nơi tôi ra đời; vì một lý do nào đó, tôi trở về, và cảm thấy thật hạnh phúc khi gặp lại những bạn cũ, gia đình, bà con. Rồi tới lúc từ giã, trở lại Paris; khi đó, mọi chuyện cứ rối bét cả lên. Ngồi trên xe buýt ra ga, tôi chợt nhận ra quên vé xe lửa, nếu quay lại, xe lửa chắc chắn sẽ chẳng chờ tôi. Hoặc xe buýt đột nhiên ngừng, không hiểu tại sao; mọi người đều xuống, tôi cũng vậy; với chiếc vali nặng nề trên tay, tôi cố gắng luồn lách, nhưng đám đông như vô cảm, đứng dưng, một khối lạnh toát không sao lọt qua. Có lần may mắn, tới được ga, tôi chạy vội qua cửa, vì đã trễ giờ; nhưng ơ kìa, ga ghiếc gì đâu, chỉ là cảnh giả, như một décor dàn dựng phim kịch; phía bên kia, chẳng có sảnh đường, hành khách, đường rầy, toa tầu... Chỉ là cánh đồng lút ngút đến hụt hơi, hụt tầm nhìn; một mầu, một cảnh: cỏ vàng dật dờ trước gió. Hoặc một anh bạn lấy xe chở đi, để tranh thủ thời gian, anh chọn một con đường tắt, nhưng lạc lối, và cứ thế, những con đường mỗi lúc một thêm xa lạ, vắng tanh, tận cùng là những vùng đất hoang liêu, cô quạnh; Nói tóm lại, giấc mơ nào cũng tận cùng như nhau: tôi phải ở lại Sofia. Thế là tôi giật bắn người, thức dậy, lấy tay quờ quạng, rờ rẫm, mắt ráng phân biệt đồ vật. Khi đụng vào người bà xã, biết chắc đang ở Paris, tôi tự nhủ thầm, cứ thoải mái hưởng thụ cuộc sống thực của mình: một gã bán xới."

Gã bán xới, tạm dịch "l'homme dépaysé", (nhà xb Seuil, France), tác phẩm mới nhất của Tzevetan Todorov. Để giải thích, ông cũng phải chua thêm vài hàng lấy từ tự điển Larousse:

Bán xới (dépayser) tha động tự:

1. Thay đổi xứ sở, môi trường, khung cảnh

2. (Gặp) khó khăn, trắc trở, mất định hướng, do thay đổi thói quen.

Theo ông những người tới Âu châu từ phía Đông thường có cùng giấc mơ này. Nó ám ảnh tới độ, 18 năm sau, vào năm 1981, có dịp trở lại Bulgarie, ông đã làm đủ mọi cách, để cho quê hương đừng giữ dịt lấy ông: Khách mời chính thức dự lễ kỷ niệm ngày thành lập nhà nước Bulgarie, nhân viên chính thức của phái đoàn Pháp; nếu cần, họ sẽ đòi người của họ. Cẩn thận hơn nữa, ông ra tòa đô chính, ký giấy hôn thú cho chắc ăn, với vợ, tức người đàn bà hiện đang chung sống. Todorov rời quê hương không vì chính trị, hay kinh tế. Ông đi du học, khi còn trẻ. Lần trở về là kinh nghiệm của một kẻ thực sự thuộc về hai nền văn hóa. Malraux, nhắc lại kinh nghiệm của đại tá Lawrence d' Arabie, theo đó, thuộc về hai văn hóa là đã mất linh hồn. Todorov không coi đây là một sự trù ẻo. Kẻ bán xới bị bứng ra khỏi môi trường, khung cảnh sống quen thuộc, quê hương, xứ sở... thoạt đầu rất đau khổ. Anh ta chỉ cảm thấy thoải mái khi sống giữa những người quen thuộc. Tuy nhiên anh ta sẽ "có lợi" nhờ kinh nghiệm đó. Nó dậy anh ta, đừng lầm lẫn, giữa cái thực và điều lý tưởng, giữa văn hóa và thiên nhiên. Không phải có những người cư xử, suy nghĩ khác mình, rồi suy ra rằng, họ không phải là người. Có khi anh ta tự giam mình vào nỗi mất mát thua thiệt, giận thân giận đời... những tình cảm nẩy sinh từ sự miệt thị, khinh khi, và thù nghịch, của "chủ nhà".

Nhưng nếu vượt qua được tình trạng này, anh bắt đầu tò mò, và học được sự khoan dung. Sự hiện diện của anh lúc này gây ra một tâm trạng "bán xới" ở chủ nhà. Họ bắt đầu tra hỏi, tò mò về họ. Cuốn sách của Todorov là một kinh nghiệm của một kẻ bán xới - về địa dư, và về một vài cái nhìn "bán xới" - đối với quê hương Bulgarie, hai vị chủ nhà - Pháp, nơi "chứa chấp" ông, và Mỹ, nơi ông hành nghề giáo sư. Kinh nghiệm lần đầu trở lại quê hương vừa có tính tương đối, vừa tuyệt đối.

"Tương đối, vì tôi phải chấp nhận: điều không phải, không được quyền xẩy ra, thì cứ xẩy ra hoài hoài tại xứ sở tôi. Tuyệt đối, vì cái thế giới toàn trị mà tôi lớn lên từ đó, có thể coi như khuôn mẫu của cái ác, đối với tôi. Khuôn mẫu của cái ác. Hãy nói về sự khủng bố. Trong thế giới toàn trị, khủng bố không lững lờ đâu đó, mà ăn sâu vào mọi ngõ ngách xã hội, tâm hồn. Xã hội nào thì cũng vậy, con người không "bất thần" sướng điên lên, vì hạnh phúc của kẻ khác; nhưng chính sự bất hạnh, nỗi đau của kẻ khác là niềm vui "bất chợt" của con người. Trong thế giới toàn thể chân lý này được nâng lên thành "quốc sách", cùng với nó là sự khủng bố, bạo lực cách mạng, ai thắng ai, đâu đâu cũng có con mắt của nhân dân...

Phương tiện không lúc nào thiếu, nhà nước luôn luôn khuyến khích, bất cứ lúc nào bạn cũng có thể ban bố đau khổ cho người trên, kẻ dưới, láng giềng, thằng em, địch thủ, tình địch... Làm cho toàn xã hội đều "dính trấu", đó là nhờ khủng bố. (Trotski: Cách mạng phải được dẫn dắt như một cuộc chiến, khi giết một vài cá nhân riêng lẻ, hàng trăm ngàn người khác khiếp sợ). Bạo lực cách mạng được biện minh bằng giai cấp đấu tranh, chuyên chính vô sản. Kẻ thù của nhân dân là một "cái cớ". Nhà nước toàn trị không thể tồn tại, nếu hết kẻ thù. Nếu thiếu, nếu khan hiếm, phải bịa đặt ra. Bớt đi một kẻ thù là thêm một miếng bánh cho tổ quốc. Tất cả cho... quyền lợi. Đối với người dân trong thế giới toàn trị, cuộc đời không tuân theo những khẩu hiệu: đây là một cuộc chiến không xót thương, để có được phần bánh ngon nhất.

Theo Todorov, cách hành xử của Staline cho thấy, ông ta là đệ tử của Nietzsche nhiều hơn là của Marx; bởi vì tất cả cho quyền lợi không liên can gì đến ý thức hệ của Marx, cũng như chính trị của Lénine. Mọi người đều biết, Staline thanh toán liền những người tiền phong của cách mạng, những CS cựu trào, và những người tin vào lý tưởng. Ba nàng tiên hiền hậu Marx, Lénine, Satline cùng ghé xuống cái nôi, trong có nhà nước toàn trị còn đỏ hỏn, và ban cho nó những đức hạnh của họ. Ai, trong xã hội đó, cho rằng mình chẳng có điều chi để mà tự trách? Sống trong sự dối trá, cá nhân trở thành đồng lõa, theo Vaclav Havel: Đây là chủ nghĩa tự động toàn trị của xã hội. Vẫn theo ông, chế độ toàn trị đặc biệt ở chỗ: khác hẳn những chế độ bạo chúa truyền thống, ở đây không có thiểu số áp bức đa số, mà là, mỗi cá nhân đều bị cuốn hút vào "guồng máy": họ vừa là đao phủ, vừa là nạn nhân, tuỳ theo mức độ nào đó. "Mỗi cá nhân là một bộ "nạn nhân-đao phủ", "tù nhân-cai ngục". Mấy ông Trung Ương Đảng cũng không thoát khỏi "qui luật" này: Một phần thân thể, tôi chịu đựng hệ thống; phần kia, tôi điều khiển nó, làm cho nó hoạt động. Đây chính là "phần số bi thảm" mà chế độ toàn trị đã áp dụng lên mỗi cá nhân.

● Về trại tù

Một xã hội không có trại tập trung cải tạo không thể được coi là một thế giới toàn trị. Đây là con ách chủ bài của nó, nơi hiện thân, của "địa ngục có thực". Hơn cả cái chết, nó được sử dụng như là nền tảng của khủng bố. Nó là xã hội toàn trị được cô đặc lại, được yếu tính hoá, khuôn vàng thước ngọc cho cái thế giới xô bồ rộng lớn ở bên ngoài. Ai bị đưa đi trại cải tạo? Kẻ thù của nhân dân. Nhưng kẻ thù đều đã bị trừ khử hết rồi. Nhà nước đành phải coi là kẻ thù tất cả mọi người. Trại cải tạo ở Bulgarie

có tên là: Tổ ấm, nơi phục hồi con người thông qua lao động. Hậu quả ra sao, xin ghi lại nhận định của David Rousser, từ năm 1951: "Nhằm nhò chi ba chuyện đau khổ, chết chóc trong thế giới trại cải tạo. Thê thảm hơn thế nhiều: con người sống ở đó. Đó là nơi con người biến thành một cái giẻ rách, hoàn toàn vứt đi, đối với chính họ. Không phải tù nhân, mà luôn cả cai tù cũng chịu đựng cuộc "hóa thân" khủng khiếp này. Những nhà nước, xứ sở có trại cải tạo đều thối rữa đến tận xương tuỷ".

Sự sụp đổ đế quốc CS xuất hiện một số tác phẩm của những người đã từng "ăn nằm" với nó. So với những hiểu biết tương đối nhiều về Nazi - sự dung tục của cái ác, đao phủ bàn giấy, nạn cửa quyền... bây giờ người ta mới được biết về mặt sau "cung đình", nhưng trớ trêu là, những tài liệu mới mẻ này thường "trái ngược" nhau. Mới đây thôi, trùm mật vụ Nicaguara, Tomas Borge, còn "mê hoặc" nhà văn Đức Gunter Grass, và rất nhiều du khách Hoa-kỳ. Paul Hollander, tác giả bài viết "Bạo động chính trị trong hệ thống CS" (Partisan Review 3, 97), cho biết, bạn của ông, một giáo sư triết học, đã coi Borge là một thi sĩ "tốt", và là chủ nhân một nhà tù tiến bộ nhất thế giới. Lương tâm trùm KGB cuối cùng, Vladimir Krychkov, người toan tính "cách" cái "mạng" của Gorbachev vào năm 1991, cũng thật là trong sáng. Ông nói chuyện với D. Remnick, ký giả Mỹ: Nếu cần sám hối, hãy cho mọi người được sám hối. Thái độ của tôi đối với Stalin rất rõ ràng: Tôi kết án sự đàn áp, kết án những hình thức tập trung quyền lực ông ta đã phát triển... Khi ông ta lên cầm quyền, chỉ có người thay trâu cày, khi ông ta ra đi, nước Nga có bom nguyên tử... Tin tôi đi, chỉ trong vòng hai mươi năm nữa thôi, ông ta sẽ được nhắc tới như một vị thánh"

G. Lukács, bản thân không dính dáng gì tới "dirty business", khẳng định: Bổn phận cao cả nhất, đạo đức cách mạng CS, đó là chấp nhận sự cần thiết phải hành động một cách vô đạo đức. Đây là hi sinh lớn lao nhất cách mạng đòi hỏi ở chúng ta. Niềm tin của người CS chính hiệu, đó là, ngay cả cái ác, tự thân nó, thông qua cách mạng, cũng biến thành ân sủng, hạnh phúc thánh." (P. Hollander trích dẫn).

Orwell, qua Torodov, coi đây là tội ác cần thiết", bắt buộc phải có. Nhưng ông tin rằng, những người giết người "trên giấy", tức là những người chưa từng chính mắt nhìn thấy người giết người, chưa từng cận kề một cái xác chết, chỉ những người đó mới ngợi ca "tội ác cần thiết".

Raskolnikov, trong *Tội ác và Trừng phạt*, chủ trương tội ác cần thiết, nhưng khi giết bà già cầm đồ, anh nhận ra sự thực, "tôi đang xả những nhát búa lên chính tôi..." Bạn của Todorov đã từng than thở với ông, anh ta thấy mình như một nhân vật giả tưởng, trong một truyện ngắn của

Maupassant: Người đàn bà mức thu nhập khiêm tốn, mượn bà bạn giầu chuỗi hạt để đi dự đám cưới, không may để mất. Bà ta đã vay mượn một số tiền lớn, mua một chuỗi hạt tương tự, và sau đó kéo cày trả nợ. Khi đã xác xơ, già cằn, gặp lại bạn cũ, bà hãnh diện kể lại câu chuyện..." Tội nghiệp bạn quá, xâu chuỗi của tôi hồi đó là đồ dởm".

Maupassant vẫn bị chê là viết chuyện "cường điệu", biến đời sống thành phường tuồng. Cùng với sự sụp đổ của chủ nghĩa CS, đây là lúc "thanh toán quá khứ". Khi mà người ta còn thấy trước mặt, một sức mạnh không làm sao tránh né, khi đó, sự đau khổ vẫn còn có ý nghĩa. Ngày mà chúng ta chấp nhận ý nghĩ bi thảm, khi tuyên bố, chủ nghĩa CS là con đường "nhức nhối" dẫn từ "chủ nghĩa tư bản" đến "chủ nghĩa tư bản", khi đó, những người dân tại những nước cựu-toàn trị chẳng thể nào nhìn ra, ý nghĩa cuộc đời này (Todorov, p.69, sđd).

• Tư tưởng gia của tân thế kỷ: Karl Marx

John Cassidy, trong bài viết trên The New Yorker, số đặc biệt về "Next" (Oct 20/27, 97), coi Marx sẽ là nhà tư tưởng lớn của tân thế kỷ. "Một trăm năm chục năm trước, ông ta ngồi trong Thư viện Anh, phân tích những vấn đề của tư bản chủ nghĩa và những đức hạnh của chủ nghĩa CS. Marx đã sai lầm về chủ nghĩa CS. Liệu ông ta đúng, về chủ nghĩa tư bản?". Tác giả kể lại một buổi gặp gỡ một người bạn. "Càng loanh quanh ở Wall Sreet, tôi càng nhận ra là Marx có lý". Ông ngạc nhiên, tưởng bạn nói đùa. "Hiện đang có sẵn một Nobel cho một kinh tế gia làm sống lại Marx, kết hợp những vấn đề của hôm nay và đưa ra một kiểu mẫu hợp lý. Tôi rất tin tưởng, cách tiếp cận của Marx là tối hảo, khi "nhìn" tư bản chủ nghĩa." Ông chới với. Cả hai cùng học Oxford, vào cái thời hầu hết các ông thầy đồng ý với Keynes, khi cho rằng chủ nghĩa CS là một sỉ nhục trí thông minh của con người. Nhưng anh bạn của ông là một chuyên gia, kinh nghiệm đầy mình về tài chính toàn cầu, một người ăn nằm với Wall Street. Có cái gì cần phải coi lại.

Bị ám ảnh bởi câu nói của bạn, Cassidy đi nghỉ hè, còng lưng với gánh nặng lịch sử: Lý Thuyết Thặng Dư Giá Trị, Ý Thức Hệ Đức, Tuyên Ngôn... Dần dần ông nhận ra vấn đề. Cách đây 50 năm, Edmund Wilson ghi nhận, phần lớn văn xuôi của Marx "thôi miên người đọc bằng những nghịch lý, sau cùng là giấc ngủ". Mấy chục năm, thời gian đâu làm cho Marx dễ đọc hơn. Ngay Engels cũng than phiền, những chương sách quá dài, văn thì hũ nút. Marx thích nhất, khi õng ẹo, làm dáng, với những diễn đạt mượn từ Hegel. Không phải ông không biết viết. Khi nghĩ rằng, mình

thích, ông có thể viết những câu văn giản dị, những "sấm ngôn", vốn là những khối thuốc nổ nén lại (Wilson). Nhưng thường ra, ông viết như thể sự trong sáng, thói tiết kiệm ngôn từ là những cái bẫy của giai cấp trưởng giả, cho những nhà văn "gà nhà".

Cùng với sự sụp đổ chủ nghĩa CS, di sản của Marx càng thêm u tối. Nhưng đây không phải là điều ông quan tâm. Sự thực Marx rất ít biết về chuyện xã hội "xã hội chủ nghĩa" làm ăn ra sao. Là một "sinh viên" của chủ nghĩa tư bản, ông phải được đánh giá từ quan điểm đó. Khi không có ý định "giải trí" người đọc, ông kéo họ vào những nghiên cứu: tình trạng toàn cầu hóa, mất cân đối, tham nhũng chính trị, độc quyền, tiến bộ kỹ thuật, văn hóa cao xuống dốc, thiên nhiên bị ô nhiễm, sự bực bội về cuộc sống hiện tại... toàn những vấn nạn kinh tế gia đang phải đương đầu. Quan điểm "free enterprise" của Marx được nhiều thương gia hò theo, nhưng thà bắt họ nằm sấp, đánh vài roi vào đít, chứ đừng gán cho họ là Mác-xít.

Trước 1975, giáo sư Trần Văn Toàn cũng cho rằng, chế độ tư bản hưởng lợi rất nhiều, nhờ Marx: Họ hiểu Marx, hoặc thực sự có đọc Marx. Chế độ công đoàn, tự điều chỉnh (auto-régulation)... là từ Marx. Khi những nhà bảo thủ khẳng định chế độ welfare bị "sa lầy", và nó sẽ giết chết những cơ sở tư nhân, khi chúng ta tin rằng chế độ Xô-viết sụp đổ, vì không ăn giơ với hiệu năng của chủ nghĩa tư bản, như vậy là đã chấp nhận quan điểm của Marx, về kinh tế chỉ huy. Marx tin tưởng, xã hội làm ra sản phẩm ra sao, con người như thế đó; nói rõ hơn, hành vi, niềm tin của con người hoàn toàn phụ thuộc đường hướng xã hội tổ chức, sản xuất, phân phối sản phẩm. Tuy chỉ trích sự thờ phụng đồng tiền xô đẩy con người vào những tham vọng thấp hèn, Marx không hề coi thường "free market". Chỉ trong vòng 100 năm thống trị, giai cấp trưởng giả đã tạo nên những thành quả khổng lồ, bằng bao nhiêu thế hệ trước cộng lại. Hơn nữa cuộc cách mạng kỹ nghệ của họ không hề bị trói buộc chỉ vào một quốc gia; bởi vì sự cần thiết thị trường mới là một nhu cầu thường trực, nó luôn thúc vào đít giai cấp trưởng giả, "săn đuổi họ tới cùng trời cuối đất". Tới đâu, nó cũng coi thường những cách thức mang tính truyền thống, về sản xuất vật dụng. "Tất cả những kỹ nghệ mang tính quốc gia, cổ lỗ đã bị huỷ diệt, hoặc đang bị huỷ diệt từng giờ từng phút. Bóng dáng những kỹ nghệ mới nơi cuối đê đầu làng là một câu hỏi sống chết đối với mọi quốc gia có văn hóa. Không phải chỉ ba dịch vụ buôn bán cò con, địa phương đau khổ. Toàn thể văn hóa bị xô giạt qua một bên, bởi sức mạnh tàn nhẫn của hiện đại hóa, của nhu cầu hội nhập vào "ngôi làng thế giới". Sáng tạo mang tính trí thức của những quốc gia "cá thể" được coi là "tài sản chung". Sự

nhỏ hẹp, một chiều, quốc hồn quốc tuý ngày càng trở nên "bất khả hữu". Một nền văn chương thế giới sẽ mọc lên từ những mầu mỡ có tên là văn chương địa phương.

Năm 1881 Jenny mất, "The Moor cũng chết theo", Marx viết cho Engels. Hai năm sau, The Moor (mấy đứa nhỏ gọi ông) theo vợ xuống mồ. Engels đọc ai điếu, chắc cũng hợp ý Marx: "Như Darwin khám phá ra luật tiến hóa thiên nhiên, Marx khám phá ra luật tiến hóa của lịch sử con người". Không thực sự đúng, nhưng đâu có hoàn toàn sai. Chủ nghĩa tư bản không bị chủ nghĩa CS thay thế, nhưng nó đã không sống sót theo kiểu Dickensian, như Marx chứng kiến. Trong thế kỷ tiếp theo cái chết của ông, những nhà cầm quyền đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm cải thiện mức sống: luật lao động, lương tối thiểu, trợ cấp xã hội, nhà công cộng, health care, thuế tích luỹ... Những biện pháp này mang nhãn "socialist", ngày Marx còn. Ông đã miêu tả chúng, trong Tuyên Ngôn. Thật khó tưởng tượng chế độ tư bản có thể sống sót, nếu thiếu chúng. Nhưng như vậy chưa đủ để tiên đoán, sự trở lại của Marx. Ông tin tưởng, trong bất cứ xã hội nào cũng có sự phân chia giữa những người sở hữu máy móc, cơ xưởng sản xuất (giai cấp trưởng giả), và những người tài sản chỉ trông vào sức lao động (vô sản). Sự phân chia, đúng ra là sự nứt rạn giữa họ ngày càng nặng nề. Hai thập kỷ vừa qua cho thấy, kẻ thắng thế là những người kiểm soát phương tiện sản xuất: giám đốc điều hành, những người có cổ phần.

Vào năm 1978, giám đốc điều hành một công ty lớn thu nhập gấp 60 lần một công nhân; vào năm 1995; sai biệt là 170 lần. Các cổ phần viên cũng kiếm bẵm. Những con số cho thấy, một trong những tư tưởng gây nhiều tranh luận nhất của Marx đang tìm đường trở lại: lý thuyết về sự bần cùng hóa giai cấp vô sản (immiseration). Marx không hề tin tưởng, như một số nhà phê bình đã cắt nghĩa ông, theo đó, tiền lương không bao giờ có thể tăng, dưới chế độ tư bản. Nhưng ông khẳng định, lợi nhuận tăng nhanh hơn lương, rốt cuộc, công nhân ngày càng nghèo. Hai thập kỷ vừa qua cho thấy, vào năm 1979, 16% tổng số thu nhập của nhà máy chạy vào túi lợi nhuận, bây giờ là 21%. Để trốn thuế, để thêm lợi nhuận, để bớt trả lương công nhân, đám chủ "chuyển" cơ sở sang "thế giới thứ ba, thế giới toàn trị", nếu cần "mướn" con nít, bắt tù cải tạo làm việc. Điều này Marx cũng đã tiên đoán: bọn chủ "sạch" lắm, chúng sẽ để cho người chết chôn người chết. Câu chuyện đang gây sôi nổi liên quan đến vụ gây quỹ đảng, mấy ngài tổng thống chiêu đãi những vị Mạnh Thường Quân ngay tại Bạch ốc cũng chẳng làm cho Marx ngạc nhiên: chính trị gia là những tà lọt, kẻ điếu đóm cho những ông chủ chi địa, ngay từ thời Washington.

• Thanh Tâm Tuyền:
Thơ giữa chiến tranh và trại tù

Muốn làm người học trò mười bẩy tuổi,
đạp xe trên đường đồng
(Liên, Đêm, Mặt trời tìm thấy)

Trong khi ăn, Kiệt bỗng nhớ đến những ngọn gió bấc cắt da, những hạt mưa nhọn như kim châm, dúm ớt bột khô tê môi, chảy nước mắt, bát nước chè tươi bỏng rát lưỡi. Từ bát bún riêu, chàng nói về mùa màng thời tiết, về bầu trời sông nước, về đồng ruộng trái quả, về phố phường thắng cảnh và vô tình chàng tiết lộ những mảnh vụn của một thời thơ ấu và niên thiếu chẳng hề nói với ai. Oanh mở mắt to chăm chú. Kiệt lại thấy những giọt nước mắt rơi.

(Một chủ nhật khác)

Người đọc đã biết Hà-nội/1954 trong *Bếp Lửa*, hay trong *Ung Thư* - Nhưng hãy chấp nhận cái vô thường của cuộc sống, như cục ung thư, sống với nỗi chết âm ấm ở trong lòng bàn tay (*Mais accepter vivant la vanité de son existence, comme un cancer, vivre avec cette tièdeur de mort dans la main.* Malraux) - trên đây là những chi tiết hiếm hoi, tác giả vô tình tiết lộ về đất Bắc, và tuổi thơ của ông.

Một Chủ Nhật Khác là cuốn tiểu thuyết sau cùng của tác giả. Khi nhìn những đoàn quân CS tiến vào thành phố, ông nói, như vậy cũng xong,... sẽ chẳng bao giờ viết nữa.

Rồi ông trở về đất Bắc, như người tù:

Mưa bay lất phất gió căm căm
Đường lầy trơn nhà cửa tối tăm
Trốn đâu lũ trẻ mặt lem luốc
Co ro đứng coi tù qua thôn
Vác bó cuốc nặng bước loạng choạng
Về trong xây xẩm buổi tàn đông
Lạnh lẽo nhà ai không đèn lửa
Ấm đạm lòng ta chiều cuối năm
78 (Thơ ở đâu xa)

Về trong xây xẩm buổi tàn đông/ Lạnh lẽo nhà ai/ Ấm đạm lòng ta... Trong *Thơ giữa chiến tranh và trại tù* - một bài trả lời phỏng vấn, in trong tập La Part d'Exil, nhà xb Đại học Provence, 1995 (1) - ông đã nói về *Bếp Lửa: "miêu tả không khí Hà-nội trước 1954; đi và ở đều là những chọn*

lựa miễn cưỡng, chia lìa hoặc cái chết. Lập tức có phản ứng của những nhà văn cách mạng. Trong một bài điểm sách trên Văn Nghệ, một nhà phê bình hỏi tôi: "Trong khi nhân dân miền Bắc đất nước ra công xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhân vật trong Bếp Lửa đi đâu?". Tôi trả lời: "Anh ta đi đến sự huỷ diệt của lịch sử," mỗi nhà văn là một kẻ sống sót.

Tác phẩm thứ nhì của tôi, Ung Thư (1970) có thể coi như tiếp nối Bếp Lửa Ung Thư là chấp nhận giữa "vô thường", và chút hơi ấm của nỗi chết (l'existence de notre acceptation entre la vanité et la tièdeur de mort). Cuốn sách chẳng bao giờ được in ra...

Đối diện với hỗn loạn, tình trạng mơ mơ hồ hồ thời gian sau 1975, tôi có cảm tưởng đã sống hết đời tôi, quãng còn lại chỉ là dư thừa, tôi chẳng để ý tới nữa. Ảo vọng cũng chẳng còn. Năm 1975, chế độ mới đưa tôi đi trại cải tạo, cùng với bạn bè của tôi, "cùng hội, cùng thuyền"; chúng tôi rời đồng bằng lên vùng rừng núi, dửng dưng, bình thản, không tuyệt vọng cũng không hy vọng.

Tôi đã nghĩ mình "biến mất", chẳng mong ngày trở lại, như bọt bèo trong cơn lũ lịch sử, tại sao không. Nhưng tôi đã lầm. Người ta đưa tôi lên vùng thượng du phía bắc, cách biệt hẳn thế giới bên ngoài, người ta thả tôi vào thiên nhiên, "tự do" với "chỉ tiêu gỗ mỗi ngày", với cơ hội trốn trại. Nhưng mỗi ngày qua đi, tôi lại tìm ra con đường trở về trại tù. Điều gì đã khiến tôi làm như vậy? Phải chăng là "chẳng còn hy vọng chi" hay là nỗi "vô vọng của một con người bị bỏ rơi, tuyệt vọng"? Khi đó, tôi thực sự ở trong niềm hy vọng về không sinh tồn; trong một vùng không thể lọt qua, trong tình trạng vô-liên. Chẳng có chi là rõ ràng đối với tôi. Tuy nhiên, tôi nhủ thầm, tôi đang sống lại, nghĩa là thơ ca đang trở lại, và tôi sung sướng vì điều này. Tôi rụt rè e lệ như khi còn trẻ, với những bài thơ đầu, tôi giấu bạn tù những bài thơ, tôi không dám đưa cho họ đọc.

Khi bạn sống dửng dưng, ngày này qua ngày khác, chẳng nghĩ tới tương lai, chẳng nhớ về dĩ vãng, không âu lo hiện tại, bạn còn lại chi? Còn cái điều đã có ở trong bạn; nó có đó, chẳng cần đến sự mong muốn của bạn.

Để qua đi những ngày đen tối, những đêm mưa gió, ngày lạnh căm, bão bùng, mùa này, mùa nữa... tôi tìm lạc thú ở cái điều "đã hiện hữu ở trong tôi" đó; tôi mang theo, chỉ có nó; nó luôn luôn ở trong thân thể tôi.

Đó là lần hội ngộ thứ nhì của thi sĩ, với đất Bắc, và với thơ, của ông.

Nhiều người cho rằng *Thơ ở đâu xa*, hay những bài thơ ở giữa chiến tranh và trại tù của ông "thua" *Liên. Đêm, Mặt trời tìm thấy*: đỉnh cao của thi sĩ, của thơ tự do. Ở đây, xin chỉ đưa ra một kinh nghiệm cá nhân, của

người viết, khi đọc thơ ông.

Trước 1975, tạp chí Văn tính làm một số đặc biệt về thi sĩ, ông nói với tôi, đã đề nghị Trần Phong Giao "lấy" bài của tôi, viết về *Bếp Lửa*, khi cuốn sách được tái bản. Bài đã được in trong Tập san *Văn chương*. Tôi nói với ông, sẽ viết một bài khác, về "thơ Thanh Tâm Tuyền", cho số báo đó. Thi sĩ ngạc nhiên, nhưng bật cười, "thì viết đi." Ông vẫn nghĩ, tôi không mê thơ, và cũng chẳng biết gì về nó. Đúng như vậy, cho tới lúc đó. Nói rõ hơn, tôi quá mê thơ, cho nên chẳng bao giờ dám "đụng" vô. Tôi vẫn nghĩ, người ta chỉ làm thơ, khi còn trẻ, hoặc khi đã về già. Cũng theo nghĩa đó, Borges đã khuyên, hãy bắt đầu bằng thơ vần. Ông dẫn Wilde: "Thật may mà có thơ vần, nếu không chúng ta đều là thiên tài." Khi còn trẻ, ai mà chẳng, đã từng "Hôm qua trong lớp tập làm thơ/ Khó quá (cho nên) chẳng biết đường đâu mà mò"! Tôi đã qua cơ hội thứ nhất - làm thơ, làm thi sĩ - sau những vần thơ đại khái như vậy, cho đến khi "đọc lâm" thơ Thanh Tâm Tuyền:

Trên đỉnh đèo Hải Vân
Nếu nhớ quê hương
Muốn chết
Vũ Đạo Ánh
Chiến tranh vẫn còn (đến khi nào)
Đồn đóng sườn núi
Ngó biển không

Đập cụt cổ chai

Chim én vẫn bay đầy đàn trên trời chiều Sài-gòn

2.
Khóc đi Nguyễn
Mùa này gió biển thổi điên lên lục địa..

Khóc đi Nguyễn
Kể lể hoài chuyện tình vô vọng
Với một mình cấu lấy tóc mình
(Tên người yêu dấu)

Tôi vẫn thường ngâm nga câu thơ trên, cho tới bữa tình cờ lật lại trang thơ *Liên, Đêm...*

Kể lể hoài chuyện tình vô vọng
Với một mình cấu *lấy tóc mình*

Những người yêu thơ Thanh Tâm Tuyền, yêu chất "bạo động của bạo động", nam tính... của thơ ông, khởi từ những dòng thơ cách mạng trong *Tôi không còn cô độc*, tới *Liên, Đêm*... có thể sẽ không thích những dòng thơ "hiền từ" của *Thơ ở đâu xa*. Tôi vẫn nghĩ ông bắt đầu bằng thơ tự do, ngược hẳn lời khuyên của Borges, chính vì chất hung bạo "đặc biệt" của thơ ông: Thơ không thể èo uột, yếu đuối, bệnh hoạn, không phải là nơi trốn chạy, ẩn náu... Nó là mắt bão: trung tâm của mọi bạo động. Ông chỉ trở lại với thơ vần, sau trại tù. Với tôi, *Thơ ở đâu xa* mới là cực điểm của bạo động trong thơ: thiền. Trích tiên bị đày (vào trại tù), trở về trần.

Trong tôi còn lại chi? Gia đình, bạn bè. Những bài thơ, chắc chắn rồi. Chúng đã được đọc, được thầm ghi lại. Đúng một lúc nào đó, ký ức nhanh chóng bật dậy, đọc, cho riêng mình tôi, những bài thơ. Luôn luôn, ở đó, bạn sẽ gặp những tia sáng lạ. Thời gian của điêu tàn làm mạnh thơ ca.

Đắm mình trong thời gian "không lịch sử", hay đúng hơn, lịch sử ở bên ngoài, người ta khám phá ra rằng, những ngày, những tháng đều không phương hướng, không mục đích, trần trụi. Tuyệt đối trần trụi. Sự không hiện hữu của cuộc sống đem đến sự bình an ở bên trong. Cõi thơ êm đềm ngự trị ở bên trên sự bình thản của vũ trụ.

Từ đó, mỗi bài thơ là một thời gian khép kín, tách ra khỏi chuyển động của cuộc sống. Thời gian bất thần, của nỗi kinh hoàng, trở thành thời gian cô đọng; chẳng có chi khác biệt, giữa kìm hãm, và bay bổng.

Và làm thơ trong trại cải tạo, đó cũng là trở về với thơ ca bình dân. Chế độ lao động trong trại, đó là một ngày căng thẳng tám tiếng, không có ngày nghỉ cuối tuần; mỗi tù nhân có riêng một vũ trụ của anh ta: một cái chiếu, chừng năm, sáu chục tù nhân trên dưới hai lớp, trong tấm "toan" trên trăm tù. Viết là một xa xỉ: chỗ ngồi, thời gian viết. Với nhịp tù hối hả như thế, cái lạnh, cái đói... ai dám nghĩ đến sáng tạo? Ngay cả thiên tài, ngay một sức mạnh siêu nhiên cũng chẳng thể vượt qua, những "trói buộc" này.

Tuy nhiên, người Việt nói "làm thơ", không ai nói "viết thơ". Như vậy, người ta có thể làm thơ bất cứ ở đâu, trong bất cứ vị trí nào: đi, đứng, nằm, ngồi, thức... Thơ gặp anh không cần hò hẹn, không định rõ ngày giờ. Người ta không thể kiếm nó, vì biết đâu mà kiếm. Bạn chỉ có một việc: tiếp nhận nó, bàn bạc cùng nó. Nó chỉ yêu cầu bạn: hãy giữ tiếng nói chơn

chất của bạn. Tiếng nói này, sau đó, sẽ quyết định cuộc đời của riêng nó.

Nó, nàng thơ, luôn luôn kín đáo, đôi khi vào bằng cửa chính, đôi khi bằng con đường nhỏ. Hãy lắng nghe. Nàng thích đeo mặt nạ, ẩn náu dưới tấm khăn che mặt; nếu ký ức của bạn không thức tỉnh, bạn không thể nhận ra nàng.

Trong khi lao động "đạt chỉ tiêu cách mạng", nàng tới. Đột nhiên, ngay giữa đồng, giữa rừng... Nàng ra lệnh cho bạn ngừng. Bạn bắt đầu nhìn trời, quên những cử động máy móc. Nàng kéo liền bạn vào cõi trong êm ả. Tình trạng tự động hiện hữu đem đến nguồn vui. Bởi vì khi nàng thơ rời bạn, khi trở về với cõi đời bạn đã dám rời bỏ; bạn nhận ra cuộc đời này sẽ biến thành nhịp của những câu thơ. Như thể, trong khi làm việc bằng chân tay, tai của bạn đuổi theo những nhịp điệu, âm nhạc của bài thơ. Sự hài hoà này sẽ đem đến điều cần thiết, giữa công việc - vốn hạn định những cử động - và ký ức, đang "ghi nhận, chất chứa".

Nhưng nói một cách cụ thể, khó khăn (làm thơ trong trại cải tạo) vẫn còn. Bởi vì vô phương ghi lại bài thơ; đây là giai đoạn chót của sáng tạo: niềm vui đọc lớn nó lên, và chia sẻ với những người thân cận. Thơ phải được đọc lên, phải được nghe, như đây là định mệnh cuối cùng của nó. Định mệnh của một tiếng nói và cũng là định mệnh của hồi nhớ, của biết bao nhiêu con người (1).

(1) Chú thích: Theo bản tiếng Pháp của Lê Hữu Khóa, trong La Part d'Exil, gồm những bài của Linda Lê (Les pieds nus); Lê Hữu Khóa (Võ Phiến, la littérature comme un bâton d'un aveugle); Xuân Phúc (L'exil des lettrés, une voile au lointain de la mer); Lê Hữu Khóa (Kiệt Tấn, brisure du sens dans l'écriture nue); Phạm Duy (Karma imparfait et renaissance infinie); Tô Thùy Yên (Sans nom. Je reviens comme un fantome humilié); Trịnh Công Sơn (L'oiseau sacré chante le destin magique); Trịnh Văn Thảo (Posface: Dialogue à peine imaginaire entre écrivains vietnamiens sur la littérature d'exil); nhà xb Đại học Provence 1995

Một món quà Xuân ý nghĩa cho người thân
Một thú vui Xuân tao nhã trong những ngày đầu năm mới

giai phẩm xuân văn học mậu dần 1998

hình thức trang nhã, bài vở phong phú đa dạng
phát hành đầu năm 1998, giá 8 Mỹ kim

Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Liên mạng Văn học Nghệ thuật

VHNT: *Động cơ nào đã thúc đẩy anh viết truyện? Có phải viết để phản ảnh hiện thực hay viết là để tái tạo một bầu không khí dễ thở cho mình?*

Thông thường những câu hỏi "nghiêm trọng" như thế này thường mở lối cho những câu trả lời "nghiêm trọng", chẳng hạn sứ mệnh này sứ mệnh khác của người cầm bút. Thực tế những "sứ mệnh" trọng đại người ta thường nhắc tới không phải là động cơ thúc đẩy người ta viết. Những sứ mệnh đó đến sau chuyện viết, bị nhà văn lấy để biện hộ cho những gì mình viết, hoặc che đậy những cái yếu đuối không muốn cho độc giả thấy. Động cơ viết, theo tôi, luôn luôn bắt đầu từ chuyện mê đọc. Tôi mê đọc truyện từ nhỏ. Hễ có thì giờ là thuê sách về đọc, đọc đủ thứ thượng vàng hạ cám. Ngay cả những năm phải vất vả "gạo" bài để lấy hai cái bằng tú tài, tôi cũng ngốn mỗi ngày một cuốn tiểu thuyết. Tôi là khách hàng quen thuộc của những tiệm cho thuê sách ở Chợ Đầm Nha Trang, thời tôi học ở trường Trung học Võ Tánh. Vào Sài Gòn học đệ nhất ở Chu văn An và Đại học Văn khoa, tôi lại bị những nhà văn ngoại quốc lôi cuốn, nhất là Dostoievski. Kết quả trông thấy là cuối năm thi hỏng tú tài toàn phần, phải thi lại kỳ hai.

Sau khi đọc chuyện của thiên hạ, vào một ngày đẹp trời nào đó, tự nhiên người ta hỏi: Họ viết được sao mình không viết được? Thế là bắt đầu. Bản thảo gửi đi cho các tạp chí, hồi hộp theo dõi mục Hộp thư, ngắm nghía tên mình trên bìa báo, đọc lại những dòng chữ ngay ngắn trên trang báo khác hẳn trang bản thảo luộm thuộm, trời, sao mình viết được những truyện hay cỡ này hở trời! Đấy, cái ngây thơ đáng yêu của thuở ban đầu chính là chất men thúc đẩy người ta viết, chứ không có gì "nghiêm trọng"

như người ta vẫn nói. Phản ảnh hiện thực hay tái tạo một bầu không khí dễ thở cho mình, phục vụ nghệ thuật hay phục vụ nhân sinh, ôi, đừng tin những lời ba hoa của các cây bút thành danh ngồi rung đùi giữa danh vọng và nói khoác.

VHNT: Có một số nhà giáo viết văn, trong đó anh là một, theo anh có gì mâu thuẫn hoặc tương đồng giữa nghề viết văn và nghề dạy học?

Dạy học là một nghề; viết văn, trong hoàn cảnh Việt Nam, ít khi nuôi nổi người cầm bút nên không phải là một nghề "nghiêm chỉnh" được các bà xã bằng lòng. Cho nên dù đã chu toàn trách nhiệm kinh tế với gia đình, những người viết văn làm thơ vẫn bị vợ (hay chồng, hay cha mẹ) trách móc, nhắc nhở đừng sa đà vào một chuyện "ruồi bu", vô tích sự, chẳng những không lợi ích mà còn tốn thì giờ. Cha mẹ lo ngại khi thấy con thay vì học giải toán hình học lại lơ mơ ngồi tìm ý cho câu thơ sắp viết. Nếu hồi xưa có phương tiện ghi âm như bây giờ, chúng ta sẽ thích thú biết chừng nào khi nghe những lời tả oán của bà Tú Xương, bà Phan Bội Châu, bà Nguyễn Du, ông Phủ Vĩnh Tường, ông Huyện Thanh Quan... Vì không phải là một nghề, nên viết văn là một hoạt động tinh thần có thể đi song song với bất cứ nghề nào, không có gì mâu thuẫn.

Riêng nghề giáo, tôi thấy nghề này có những ảnh hưởng vừa thuận lợi vừa bất lợi cho công việc sáng tác. Thuận lợi ở chỗ một nhà giáo viết lách cẩn thận hơn. Bất lợi ở chỗ do lúc nào cũng bị ám ảnh về chuyện lợi ích giáo dục nên nhà giáo không dám "phá rào", không dám chạm vào những điều cấm kỵ, lúc nào cũng sợ học trò. Thử tưởng tượng nếu Kiệt Tấn làm nghề dạy học, anh ấy có viết được những truyện ngắn tuyệt vời như "Em điên xõa tóc" hay không?

VHNT: Anh suy nghĩ gì khi viết truyện "Giếng Ước" (có phổ biến trên liên mạng Văn học Nghệ thuật)? Có phải anh muốn báo động về tình trạng của những đứa con khi cha mẹ ly dị? Hay nói đúng hơn anh muốn báo động về tình trạng ly dị của người Việt tại Mỹ?

Tôi không có ý định làm một nhà đạo đức hoặc một cán sự xã hội chuyên về những thảm kịch gia đình khi viết "Giếng Ước". Đó là kết quả những xúc động sau một buổi tối nghe lời tâm sự của một bạn văn. Vả lại, như tôi đã một lần trả lời anh Nguyễn Mạnh Trinh trong một bài phỏng vấn đăng trên Văn Học số 121, tôi rất dễ xúc động vì những thảm cảnh của trẻ em. Nếu truyện ấy có những hiệu quả xây dựng, tôi rất mừng.

Nhưng phải thành thực nói rằng tôi không chủ ý làm công việc báo động hay cảnh tỉnh ai cả. Mọi đổ vỡ gia đình đều có lý do riêng, không có trường hợp nào giống trường hợp nào.

VHNT: Về trường thiên Mùa Biển Động :
- Ngày hôm nay anh nghĩ gì về những gì người ta đã viết và phê bình về Mùa Biển Động?
- Anh có cho rằng độc giả hiểu được tâm sự (gửi gấm) của anh qua tác phẩm này không?

Tính cho đến nay, đã có một số người phê bình *Mùa Biển Động* một cách nghiêm chỉnh, và tôi phải mượn cuộc phỏng vấn này để cảm ơn họ. Như anh biết, đọc cả bộ truyện đã tốn thì giờ, huống chi đọc kỹ, vừa đọc vừa ghi chú, rồi viết phê bình. Có thể kể những bài phê bình của Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc, Thụy Khuê, Đặng Tiến, Quỳnh Giao...Riêng anh Trần Nhã Nguyên ở Montreal Canada viết hẳn một cuốn sách phê bình *Mùa Biển Động*.

Nhưng tôi cũng thất vọng về những bài gọi là "phê bình" chỉ trích bộ truyện đăng trên nhiều báo.

Trước hết, nhiều người chỉ trích bộ truyện mà không hề đọc bộ truyện. Trong sách võ hiệp, có những hiệp sĩ mù chỉ cần nghe gió kiếm là có thể đánh trả đối phương kịp thời. Trong văn chương, không có chuyện đó. Anh phê bình cuốn sách nào, việc trước tiên là anh phải đọc nó. Nhiều người không cần đọc vẫn phê bình được. Thật tài tình! Có người cũng chịu khó đọc, nhưng cái gánh nặng thành kiến của họ cồng kềnh quá, họ chỉ có thể tìm thấy những điều họ định tìm, không thấy thứ gì khác. Nhưng tôi cũng biết là không có quyền đòi hỏi nhiều ở người đọc. Người nào cũng có những nỗi lo riêng. Họ chịu khó bỏ thì giờ đọc chừng ấy trang sách là quí rồi. Không ai ủy nhiệm cho tôi viết bộ truyện này, công việc tuy nhọc nhằn nhưng là do tôi tự ý làm, tự nguyện làm, thì tôi cũng không có quyền đòi hỏi người khác phải thế này thế nọ. Như thế là "fair", phải không anh?

VHNT: Phản ứng của anh nếu có người đề nghị viết văn học sử VN phân chia theo tác giả, trường phái hoặc thời đại thay vì dựa trên sự ra đời của tác phẩm trong các chế độ chính trị khác nhau để viết?

Tôi không hiểu rõ câu hỏi này. Tôi đoán theo ý anh (căn cứ theo hai chữ *thay vì*) thì phải quan tâm đến "sự ra đời của tác phẩm trong các chế

độ chính trị khác nhau" để viết văn học sử, hơn là dựa trên trường phái, thời đại, tác giả. Nếu ý anh đúng như thế, thì tôi xin có ý kiến thế này: anh muốn nhắc nhở những nhà nghiên cứu văn học phải quan tâm đúng mức tới hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (thời gian, không gian, thể chế chính trị tác giả đang sống với...) khi định giá, không nên đem một tiêu chuẩn thuộc vào một hoàn cảnh khác để cân đo tác phẩm. Đòi hỏi ấy đúng. Nhưng đó chỉ là một phương pháp, không phải là nguyên lý tổng quát. Phương pháp này cũng không vượt cao hơn những phương pháp phân loại căn cứ theo cuộc đời tác giả, trường phái hay thời đại. Trong các phương pháp ấy, văn chương chỉ là công cụ phục vụ cho cái gì khác ngoài văn chương. Người ta đọc một tác phẩm không phải vì cái hay cái đẹp của nó, mà để tìm xem nó "chứa" cái gì. Tôi nghĩ tác phẩm tồn tại qua đào thải của thời gian, trước hết vì nó đẹp, nó hay, còn cái nó chứa thì nghĩ cho cùng, có gì mới mẻ đâu. Nhiều tác phẩm kim cổ đã viết về cái ghen, nhưng cái ghen của Hoạn Thư trong *Truyện Kiều* độc đáo hơn hết. *Truyện Kiều* không chứa cái gì mới, nhưng văn chương *Truyện Kiều* thì lúc nào cũng mới. Giá trị của *Truyện Kiều* ở chỗ đó.

VHNT: Anh nghĩ thế nào về trường hợp những cây bút mà sự□xuất hiện được coi là những "hiện tượng" văn học (như Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, Phạm Thị Hoài v.v...) Những tác phẩm nổi bật của họ ngay sau khi xuất hiện đã tạo tiếng vang lớn. Có phải chính vì sự thành công của mình mà họ đã trở nên dè dặt trong sáng tác vì e ngại không còn có thể tiếp tục viết hay hơn hoặc được như cũ?

Theo dõi sinh hoạt văn học nhiều nơi, tôi thấy có hiện tượng anh vừa nói. Những tác giả thành công bất ngờ ngay từ cuốn sách đầu thường gặp khó khăn ở những cuốn sau. Khó khăn chủ quan và khách quan. Thành công (ở đây có nghĩa là được dư luận nhắc nhở nhiều, được bàn luận rộng rãi, được bạn đọc tán thưởng) tạo ra một thứ áp lực xã hội vô hình nhưng rất khắc nghiệt, vì từ đó, bạn đọc chỉ muốn tác giả viết giống y như trước, như trong thị trường điện ảnh phim *Rocky* thành công thì sau đó có *Rocky 2, Rocky 3*. Nếu tác giả chìu theo đòi hỏi của bạn đọc thì anh ta trở thành nô lệ. Anh ta bị trói chặt vào một loại đề tài, một loại bút pháp. Viết khác đi, anh ta bị khước từ. Mà đã lỡ nổi danh rồi thì sợ bị ghẻ lạnh lắm.

Về phía tác giả, sau choáng ngợp vì thành công bất ngờ, luôn luôn có những lo âu như anh nói. Liệu những gì mình sắp viết có hay như những gì đã viết hay không? Chính nỗi lo đó giết chết tác phẩm. Phải có bản lĩnh cao như nhạc sĩ Phạm Duy mới có thể tự vượt mình, làm mới làm khác

hoài.

VHNT: Tham vọng có phải là một yếu tố cần thiết để thành công trong sự nghiệp sáng tác?

Hai chữ "tham vọng" của tiếng Việt bị thành kiến xấu (có lẽ vì hai chữ ghép "tham" và "vọng" đều gợi lên cái gì trái quấy, sai lầm) nên mỗi lần nhắc tới, người ta đều lảng tránh đi, vội vã thanh minh tôi làm cái này cái kia vì quyền lợi chung, hoặc hoàn toàn vô vị lợi, chứ không có tham vọng gì cả. Phải phục hồi danh dự cho tham vọng. Tham vọng không có gì xấu. Đó là động cơ hữu hiệu để người ta can đảm vượt ra khỏi sự bình thường có sẵn. Vâng, tôi nghĩ người viết nào cũng cần có tham vọng. Chẳng những thế, cần tham vọng lớn. Có tham vọng lớn thì mới có công trình lớn. Việt Nam chúng ta dễ dàng thỏa mãn, bằng lòng với những gánh hàng xén. Xin lỗi, tôi không dám khiêu khích ai, tôi mượn lời một nhà văn nữ sẵn sàng khiêu khích cả thế giới, chị Phạm thị Hoài đấy.

VHNT: George Steiner nhà phê bình văn học mới đây nhận xét: tiểu thuyết đang đi dần vào ngõ cụt vì phải nhường chỗ cho sự ra đời rầm rộ của những tạp chí đủ loại vì "đã đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của độc giả quần chúng". Anh có đồng ý với nhận xét này không? Độc giả Việt Nam ở hải ngoại hiện nay có đang nghiêng về khuynh hướng đọc báo hơn là đọc sách?

Không đồng ý cũng không được, vì thực tế nhãn tiền bày ra đó, ở mọi nơi chứ không riêng gì Việt Nam. Đã lâu, tôi có đọc được một bài báo nói rằng thời Nga hoàng, những cuốn truyện giá trị bây giờ đọc còn đau đầu của Dostoievski và Tolstoi hồi đó đăng từng kỳ trên báo và được độc giả ái mộ nhiệt liệt. Đúng là thời hoàng kim của tiểu thuyết. Nhưng chúng ta đừng quên rằng thời Nga hoàng chưa có xi nê, tivi, chưa có Internet. Cái thú giải trí duy nhất của các vương tôn công tử Nga, của các địa chủ, phú nông và công chức tỉnh lẻ là đọc tiểu thuyết. Tolstoi, Dostoievski thời đó là Michael Jackson, là Mike Tyson, là Madona, là Celine Dion bây giờ. Người ta bàn tán chuyện Tolstoi làm một chị sen có bầu cũng giống như người ta bàn tán chuyện Elizabeth Taylor cho de ông chồng thứ tám bây giờ. Tiểu thuyết có mất giá trên thị trường giải trí là điều tất nhiên.

Nhưng căn cứ vào đó để khai tử tiểu thuyết như George Steiner là lầm. Tiểu thuyết có sức mạnh riêng của nó. Cuốn sách gọn gàng hơn cái tivi, cái computer. Cuốn sách biết kiên nhẫn chờ. Cuốn sách còn chứa

nhiều điều bí ẩn cần khám phá (không tiền chế một lần để dùng ngay như các loại sản phẩm thính thị hấp dẫn), nên có một hấp lực bất ngờ. Xem phim *Doctor Jhivago*, nhân vật chính bị dính chặt vào Omar Shariff. Xem tiểu thuyết của Boris Pasternak, mỗi lần xem, chúng ta tái tạo nhân vật chính mỗi cách khác nhau. Tuyên truyền cho tiểu thuyết chừng ấy, anh thấy đã đủ chưa?

VHNT: Có phải văn học VN hải ngoại rất yếu kém về lãnh vực phê bình, điểm sách, và đây là một thiếu sót quan trọng cho sự lượng định phẩm chất và phát triển nền văn học?

Sự yếu kém về lý luận phê bình đã có ngay từ giai đoạn hai mươi năm của Văn học Miền Nam, và tiếp nối cho đến bây giờ ở hải ngoại. Trước 1975 ở miền Nam, công việc này đáng lý thuộc trách nhiệm của trường Đại học Văn khoa hoặc các Viện nghiên cứu Khoa học Nhân văn, sau đó là của Ban Biên tập các tạp chí văn chương. Không có cơ quan nào tích cực trong công việc cần thiết này, nên suốt hai mươi năm, một số công trình nghiên cứu về lý luận phê bình có giá trị đều do tư nhân tự nguyện làm. Họ thiếu rất nhiều điều kiện để làm việc, từ tài liệu cho đến tiền xuất bản, chưa nói đến việc mưu sinh. Sáng tác văn chương có phát triển, nhưng không có lý luận phê bình soi sáng, nên nhiều nhà văn lặp lại những gì đã viết hoặc phí phạm tài năng cho thị hiếu độc giả. Thật giống như bên ngành ca nhạc, nhiều ca sĩ có tài nhưng không thông thạo nhạc lý, chỉ hát theo năng khiếu mà không trau giồi thêm nên trước sau dậm chân tại chỗ.

Tình trạng ấy kéo dài ra hải ngoại, và nhìn về tương lai, có lẽ không có hy vọng cải tiến, vì rất ít bạn trẻ chú ý tới Việt học. Trong khi chờ đợi, có tình trạng "áo thụng vái nhau" và bạn đọc bị dẫn vào mê hồn trận vì phê bình và quảng cáo không còn biên giới nữa. Hiện tượng thường thấy là một người cầm bút tự bỏ tiền in lấy sách của mình, in xong tổ chức ra mắt sách, nhờ bạn bè lên diễn đàn ca tụng hết lời để mong bán sách lấy lại tiền vốn cho ông xã bà xã khỏi chau mày. Ngay các tác giả cũng không sẵn sàng nghe lời phê bình thành thực. Khen chưa đủ đã giận, huống chi chê. Kết quả người ngoài cuộc không biết đâu là tác phẩm giá trị cần mua.

VHNT: Dòng văn học hải ngoại đã được gán cho nhiều nhãn hiệu như "lưu vong," "hoài niệm, "hội nhập." Theo anh, sắp tới dòng văn học này sẽ được gọi là gì?

Vấn đề này phức tạp, không thể trả lời vài dòng là giải quyết được mọi nghi vấn. Trên Văn Học, chúng tôi đã thử đặt câu hỏi này để định danh văn học hải ngoại, và có nhiều người đồng ý rằng những cụm từ "lưu vong", "chính thống", "hoài niệm", "hội nhập", "đấu tranh" đều không rộng đủ để bao trùm dòng văn chương này. Nguyên do là cộng đồng người Việt ở hải ngoại có nhiều xuất xứ khác nhau, từ những người qua Pháp từ thời làm lính thợ trong thế chiến thứ hai cho đến những sĩ quan VNCH vừa qua theo chương trình H.O.

Tại Hoa Kỳ, chúng ta có cảm tưởng cộng đồng là một khối thống nhất vì đa số ra đi sau 1975 và sống dưới chế độ VNCH, nhưng chỉ cần qua Âu châu, chúng ta đã thấy vấn đề không đơn giản. Hiện ở Đức, số người Việt gốc Bắc lấn át số thuyền nhân tị nạn gốc Nam; ở Pháp các thế hệ chồng chất ngày mỗi nhiều, mỗi thế hệ có một tâm tình riêng, cách suy nghĩ riêng. Có lẽ chỉ có cụm từ không mang nội dung định tính là "dòng văn học hải ngoại" còn tạm dùng được một thời gian lâu nữa, còn những cụm từ khác đều đã lỗi thời.

VHNT: Anh nghĩ gì về vấn đề "giao lưu văn hóa" giữa trong và ngoài nước? Nên hay không nên giao lưu? Tại sao?

Khi hỏi *nên hay không nên giao lưu*, chúng ta mặc nhiên cho mình một thứ khả năng, một thứ quyền lực mà chúng ta không hề có. Trong thời đại khoa học truyền thông tiến bộ khủng khiếp như thời đại này, nhất là từ khi có Internet, có thể nói không có thứ quyền lực nào có thể ngăn cản việc giao lưu giữa loài người trên địa cầu này. Ngay những kẻ có những đam mê quái dị nhất cũng có thể tìm bạn tri âm trên Internet, một người ở Hoa Kỳ có thể mở máy đấu hót với một người ở tận Bắc cực. Giao lưu văn hóa giữa trong và ngoài nước là điều tự nhiên phải xảy ra, không ai ngăn cấm được. Chính quyền cộng sản Việt Nam dùng cả một guồng máy công an đồ sộ nhưng có ngăn cấm được văn hóa phẩm hải ngoại tràn về đâu, đến nỗi một em bé ở Lạng sơn cũng biết Linda Trang Đài là ai. Ngược lại, những người cần tìm hiểu tình trạng văn hóa, chính trị, xã hội, kinh tế trong nước cũng dễ dàng tìm ra tài liệu sách báo ở các thư viện. Chỉ những người sợ sự thật mới sợ giao lưu, vì thế, chính quyền VN lúc nào cũng sợ giao lưu, luôn luôn cảnh giác và tìm ra một cụm từ rất kêu để tự trấn an, là "diễn tiến hoà bình".

VHNT: Là chủ biên một tạp chí về văn học, anh đã áp dụng tiêu chuẩn hay lượng định chuẩn mực nào (rules of thumb) về một sáng tác?

Bài viết phải hội đủ những điều kiện nào để được chọn đăng?

Những người chủ biên tạp chí văn chương sẽ trả lời gọn ghẽ: *Bài phải hay mới đăng.* Nhưng nếu gặng hỏi thêm: *Thế nào là hay?* thì các vị ấy đâm bối rối. Vâng, thế nào là một truyện ngắn hay, một bài thơ hay? Theo kinh nghiệm hơn mười năm đọc bản thảo cho tạp chí Văn Học và các nhà xuất bản Văn Nghệ, Thanh Văn, gác sang một bên những chuyện đau đầu về chính kiến hay thuần phong mỹ tục có thể làm mất độc giả, tôi nghĩ một truyện ngắn "đăng được" khi đọc xong thấy không có gì gượng gạo, giả tạo, chứng tỏ tác giả thành thực với mình và có khả năng trình bày cảm xúc suy nghĩ theo một hình thức có thể lôi cuốn được người đọc. Truyện "đáng đăng" là truyện đọc xong có một dư vị lâng lâng trong đầu, đọc xong thấy cuộc đời rộng thêm ra, con người bí nhiệm và đáng yêu hơn, thấy mình chỉ là một phần nhỏ trong cái bao la của nhân sinh, và từ đó bắt đầu biết lắng nghe người khác, từ đó biết trân trọng những cái khác mình.

Phần thơ, cái quan trọng là cá tính của người viết. Có những bài thơ không đề tên tác giả thì không thể đoán được bài thơ ấy của ai. Tôi thích những bài thơ không cần in tên, ai cũng biết tác giả. Cái riêng biệt duy nhất không ai có làm cho bài thơ có chỗ đứng trong cả xấp thơ Văn Học nhận được mỗi kỳ. Ngôn ngữ thơ khác văn xuôi ở chỗ lúc nào thơ cũng đi trước ngôn ngữ của đời thường. Thơ là người lính xung kích, là kẻ tiền phong. Điều này không nhất thiết đòi thơ phải phá thể. *Truyện Kiều*, thơ Đường luôn luôn mới dù tuổi thọ trên vài trăm năm. Nhưng xin lỗi anh, nói chuyện này không bao giờ hết, mà cũng không dễ gì tìm được người đồng ý với mình. Người chủ biên do công việc phải chọn bài, nhưng không có gì bảo đảm là anh ta chọn đúng. "Nếu có gì sơ suất, xin niệm tình tha thứ". Xin mượn lời quen thuộc này để cáo lỗi với những văn hữu gửi bài cho Văn Học.

VHNT: Sinh hoạt văn học "lẻ loi" trên Internet của giới trẻ và chuyên gia có ảnh hưởng hay có thể góp phần hòa nhập vào "dòng văn học chính" ở hải ngoại không? Về phương diện sáng tác văn học, anh có nhận định lạc quan hay bi quan đối với thế hệ trẻ Việt Nam nói chung? Nếu có thể, xin cho biết nhận xét của anh về một so sánh về khả năng sáng tác văn học của giới trẻ trong nước và của giới trẻ hải ngoại.

Internet là một phương tiện truyền thông, giống như máy in và hệ thống truyền thanh truyền hình, tự thân nó không có trách nhiệm về nội

dung hay giá trị của những tác phẩm nó phổ biến. Một truyện ngắn,. một bài thơ đọc trên Internet cũng giống như đọc trên trang sách trang báo mà thôi. Huống chi trong tình hình xuất bản và phát hành khó khăn hiện nay, phổ biến tác phẩm trên Internet là một giải pháp tiện lợi. Tôi đã thấy nhiều nhà văn nhà thơ chọn giải pháp này, như các anh Bùi Thanh Liêm, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Trần Hoài Thư, Trần Thái Văn...

Sự khác biệt là thành phần người đọc, không phải ở phía giới sáng tạo văn nghệ phẩm.

Muốn đọc một cuốn sách, độc giả chỉ cần biết chữ. Muốn đọc truyện trên Internet, điều kiện đòi hỏi cao hơn: phải có máy computer, phải nối vào một hệ thống Internet, phải có một trình độ Anh ngữ và kỹ thuật điện toán nào đó để tìm web-site, để chuyển hệ chữ Việt... nghĩa là đúng như anh nói, thành phần độc giả này bị giới hạn trong giới chuyên gia trẻ, theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ là thành phần trung lưu - middle class. Đây là thành phần nòng cốt tạo nên sức mạnh cho Hoa Kỳ, họ năng động, nhiều sáng kiến và tham vọng, và rất đa đoan công việc. Nếu có thì giờ lên Internet, họ cũng làm như họ xem tivi, cầm remote bấm lia lịa xem chương trình này một chút rồi bấm sang chương trình khác. Internet cung cấp cho họ một khu giải trí đầy hấp dẫn và rộng rinh, họ như đứa trẻ lạc vào cửa hàng Toys-R-Us. Cho nên Internet tạo ra một phong cách thưởng ngoạn mới, tạm gọi là "phong cách cưỡi ngựa xem hoa", cái gì cũng biết nhưng không biết cái gì sâu sắc, cái gì cũng làm nhưng không bỏ thì giờ tâm trí làm đến nơi đến chốn.

Đó không phải là lỗi của Internet. Cũng không phải là hiện tượng khác thường. Người mua xe mới bao giờ cũng thích lái xe chạy vòng vòng quá mức cần thiết. Người ta gọi là "nhiệt tín của người tân tòng". Khi đã qua cơn rồi, người ta sẽ bình tĩnh trở về với cái mình thực sự yêu thích, và đi vào chiều sâu. Tôi hy vọng các cây bút hiện viết trên Internet cũng sớm ý thức điều này. Lúc đó, dĩ nhiên sinh hoạt văn học trên Internet, với giá trị văn chương cộng thêm sức mạnh của kỹ thuật, dễ dàng vượt qua những hình thái văn chương lụ khụ lỗi thời khác.

Tôi lạc quan hay bi quan đối với thế hệ trẻ Việt Nam? Nghe anh hỏi câu này, giật mình nhớ rằng mình không còn trẻ nữa. Mà đã không còn trẻ nữa, thì đừng nghĩ mình có thể định đặt một cái khuôn nào đó để lớp sau phải theo. Thế giới biến chuyển quá nhanh, mỗi thế hệ đối phó với những vấn đề riêng của họ, tôi nghĩ kinh nghiệm của lớp trước không giúp được gì nhiều cho lớp sau. Tôi làm việc hơn mười năm qua tại một công ty ấn loát niên giám điện thoại Hoa Kỳ. Tôi thấy rõ tuổi già lạc lõng thế nào trước những thay đổi nhanh chóng của kỹ thuật. Vì thế, tôi không bi quan

về giới trẻ. Họ được giáo dục kỹ lưỡng hơn thế hệ chúng tôi, họ hấp thụ và thích ứng với tiến bộ kỹ thuật nhanh hơn chúng tôi, họ giao tiếp với các trào lưu văn hóa nhiều hơn chúng tôi, đời sống của họ ổn định hơn đời sống chúng tôi. Nếu bao nhiêu dữ kiện nội nhập ấy không tạo ra được cái gì rạng rỡ, thì đáng tiếc lắm!

VHNT: Trong Văn Học xuân Bính Tý 1996, ban biên tập Văn Học đã dành một số trang không nhỏ để giới thiệu các cây bút trẻ hải ngoại viết bằng tiếng bản xứ, hầu hết là Anh ngữ. Mai Kim Ngọc nói về những ảnh hưởng tích cực của hiện tượng này đối với truyền thông, văn chương, và văn hóa người Việt tại hải ngoại. Thạch Hãn ca ngợi những nỗ lực tìm về cội nguồn của những tác giả trẻ có mặt trong tập "Once Upon a Dream." Trong những số VH sau đó, tạp chí này đã tiếp tục giới thiệu một số truyện dịch từ nguyên bản tiếng Anh của các tác giả Andrew Lâm, Lưu Trường Khôi, v.v... Đây là một cố gắng rất đáng biểu dương của Văn Học. Là người chịu trách nhiệm điều hành tạp chí này, xin anh cho biết: Ý kiến/nhận xét của anh về những người viết trẻ cùng thế hệ và hoàn cảnh với Andrew Lâm và Lại thanh Hà (2 tác giả này viết bằng Anh ngữ) nhưng đã chọn Việt ngữ như là tiếng nói văn chương cho sáng tác của họ. Sự chọn lựa này có những ngụ ý gì?

Lựa chọn ngôn ngữ để sáng tác không đơn giản như là chọn cách phổ biến bằng ấn loát hay Internet. Chọn một ngôn ngữ là chọn luôn cả cái hồn của ngôn ngữ ấy, chọn luôn cả truyền thống văn hóa phong tục ngôn ngữ ấy nẩy sinh. Xin lấy một ví dụ: cùng một nội dung, nhưng nói *"tôi thương em"* Việt Nam hơn *"tôi yêu em"*, và tạo xúc động sâu xa hơn là nói *"I love you"* hay *"Je t'aime"*. Vì thế, những bạn trẻ chọn viết bằng ngôn ngữ Việt, từ trong thâm tâm, đã muốn hướng về văn hóa dân tộc, sinh hoạt cộng đồng, và sẵn sàng chịu chung những hạn chế của sinh hoạt văn hóa thiểu số.

Nói như thế không có nghĩa là những bạn viết tiếng Anh không có tinh thần yêu nước. Lựa chọn viết bằng Anh ngữ hay Pháp ngữ.không phải là chọn việc dễ. Nhập vào *mainstream*, ngay cả những thế hệ di dân thứ hai, thứ ba đã khó chứ đừng nói thế hệ thứ nhất. Sức cạnh tranh giữa các sắc tộc để lôi kéo sự chú ý thật khủng khiếp. Một bức tranh Việt Nam nếu không có gì độc đáo khó lòng được giới thưởng ngoạn chú ý, trong khi cũng bức tranh đó nếu bày bán ở Sài Gòn hay Hà Nội, có thể bán dễ dàng cho các du khách muốn có một món lưu niệm. Chọn viết bằng Anh ngữ Pháp ngữ là chọn đối đầu với cạnh tranh quốc tế.

VHNT: *Có những mặt thuận lợi cũng như trở ngại nào, trên những khía cạnh liên quan đến văn học nghệ thuật và xuất bản trong điều kiện văn hóa và xã hội của người Việt hải ngoại, khi lựa chọn sáng tác bằng tiếng Việt hay bằng tiếng bản xứ?*

Câu trả lời trên cũng trả lời được một phần câu hỏi này. Tôi xin thêm: Dù sáng tác bằng thứ tiếng nào đi nữa, cái mà giới thưởng ngoạn chờ đợi từ một văn nghệ sĩ sắc tộc không phải là bản sao văn hóa phẩm của xứ sở này, mà là bản sắc của quê hương gốc. Gần đây, tôi có xem một loạt phim của điện ảnh Hoa lục, nhất là những phim của đạo diễn Trương Nghệ Mưu. Thật tuyệt vời! Phim nào cũng đặc chất Tàu! Chất Tàu từ khuôn mặt diễn viên, khung cảnh, sinh hoạt, cách cầm bát, cách ăn uống, cách văng tục..Coi phim Tàu để tìm hiểu chất Tàu chứ chẳng lẽ tìm hiểu chất Mỹ! Tuy vậy, sau cái chất Tàu ấy, là cái chung của nhân sinh, là thơ mộng của tình yêu và hy vọng, là cái ghê tởm của bạo lực và ngu dốt, là cuộc tranh đấu không ngừng giữa thiện và ác...

Tôi xin cầu chúc cho các bạn trẻ viết bằng tiếng Anh tiếng Pháp làm được như đạo diễn Trương Nghệ Mưu.

"Và một khi thi nhân đã dốc cả xương thịt, máu huyết, vinh nhục...của đời mình vào thơ, mặc dù không biết sẽ dùng thơ ấy làm gì, gửi thơ ấy cho ai...thì tất nhiên sức thu hút của thơ Khoa Hữu phải mãnh liệt.

... Từ trong nước, sống âm thầm như một kẻ vô danh, anh gửi những vần thơ huyết lệ ra nước ngoài. Và không cần chờ lâu, thơ anh xuất hiện trên hầu hết những tạp chí văn chương quan trọng ở hải ngoại, nhiều nhất là trên Văn Học"

Đã phát hành

thơ khoa hữu

Trình bày bìa và các trang: Khánh Trường & Cao Xuân Huy
Lời giới thiệu của Nguyễn Mộng Giác.
Tạp chí Văn Học xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành
Dày 130 trang, in trang nhã, giá 10 Mỹ kim

Liên lạc Tạp chí Văn Học hoặc nhà xuất bản Văn Nghệ

giới thiệu sách mới

NHỮNG CHIẾC MẶT NẠ CƯỜI, Kinh Dương Vương, bìa Rừng, Nguyễn Mộng Giác giới thiệu, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, giá $8.00

Bạn đọc *Văn Học* không xa lạ gì với Kinh Dương Vương, với Rừng hay với Cỏ Đồng, vì cả ba đã từng xuất hiện nhiều lần trên *Văn Học* với những sáng tác của cả ba thể loại: truyện ngắn và thật ngắn ký Kinh Dương Vương, thơ ký Cỏ Đồng, và họa ký Rừng. Cả ba chỉ là một, đều là tên hiệu của một Nguyễn Tuấn Khanh đa tài đa dạng.

Những Chiếc Mặt Nạ Cười là tuyển tập truyện ngắn Kinh Dương Vương xuất bản lần đầu tiên tại hải ngoại kể từ ngày anh đến Hoa Kỳ, gồm sáu truyện ngắn anh sáng tác cách đây đã rất lâu.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác nói về truyện ngắn của Kinh Dương Vương như sau:

"Trong những truyện ngắn đọc được trên Bách Khoa, Văn... của những bạn trẻ cùng thời, tôi thích những truyện của Kinh Dương Vương. Truyện nào của anh cũng

"nặng" chất hiện thực. Hình như anh muốn dồn hết vào truyện tất cả tai ương của những người khốn cùng, những kẻ bất hạnh. Anh không hề muốn điểm xuyết chút thơ mộng nào vào thảm kịch của dân tộc để làm nhẹ gánh ưu tư như lối viết của Hoàng Ngọc Tuấn, Mường Mán... Anh cũng không muốn pha cái "tráng" vào cái "bi" để thành những truyện bi-tráng như lối viết của Nguyên Vũ, Thế Uyên, Phan Nhật Nam. Thảm kịch trong truyện của Kinh Dương Vương là thảm kịch nguyên khối, bề bộn, giống như một bức tranh dã thú đắp bằng chính máu lệ thịt xương của nạn nhân chiến tranh. Đọc truyện của anh, tôi có cảm giác gây gây tê dại như nghe tiếng chát chuá lê thê của hai thanh kim khí cọ vào nhau, hoặc chứng kiến một tai nạn xe cộ thảm khốc ngay trước mắt mình."

Quả thế, tính chất hiện thực trong truyện ngắn của Kinh Dương Vương đã giúp nâng cao độ khả tín những điều anh muốn gởi đến độc giả. Truyện của Kinh Dương Vương không nằm trong bối cảnh những cảnh sống xa hoa nơi đô hội, chốn quyền qúy cao sang, hay mô tả những cuộc sống hạnh phúc ê hề, sung mãn. Từ một quán cóc dựng sát bên hông quận lỵ Kinh Dương Vương đưa người đọc đối diện với cái chết trong thời chiến như trong "Xác Kẻ Thù," đến một khu dân sinh nơi những ngườisống với đồng lương cố định như quân nhân công chức quây quần sống đắp đổi, như trong truyện "Tai ương," đến một góc rừng âm u nơi sống và chết chỉ cách nhau trong gang tấc như trong truyện "Đường Kiến," hay một góc chợ như trong "Phiên chợ" Kinh Dương Vương đưa người đọc đối diện với những cái phi lý, bi đát của chiến tranh trong đó sự phân định địch-ta, bạn-thù quá rõ nét đến độ bất nhân. Kinh Dương Vương viết:

> "-Loài ác thú, ngay như những giống hung dữ nhất, cũng chỉ hành động theo bản năng.. Nếu chúng không đói mồi và trong trường hợp phải tự vệ, chắc chắn chúng không làm hại anh đâu. Còn sự tàn nhẫn độc ác của những con quái-vật-người thì không có mục đích, đôi khi như vậy. Chúng giết chết những con mồi - dĩ nhiên tôi muốn nói đến con người- mà không cần hay không rõ nguyên do của hành vi đó." [trang 39, "Tai Ương"].
>
> Sự tàn ác của con người được thể hiện như thế nào và dưới hình thức nào, người đọc sẽ tìm thấy ở đoạn kết của truyện ngắn "Tai Ương."

Kinh Dương Vương viết về chiến tranh, viết về những cái chết tức tưởi cũng như những bất nhân của con người trong thời chiến, viết về những bất công trong xã hội, những thối nát của guồng máy lãnh đạo, v.v. và anh cũng đã từng hành động đúng với những điều anh viết và anh tin. Kinh Dương Vương đã từng biểu tình chống chính phủ, đã từng nhập ngũ, tham chiến, rồi đào ngũ, bị trừng phạt làm lao công đào binh, rồi lại được phục hồi quân hàm trước ngày Miền Nam thất thủ, rồi lại bị

chế độ Cộng sản bắt đi học tập cải tạo nhiều năm.

Những chiếc mặt nạ cười trong truyện ngắn được tác giả chọn làm tên sách, tuy được Thanh-nhân vật chính-tô điểm kỹ lưỡng với bàn tay thiên khiếu của mình vẫn không che đậy nổinhững bộ mặt đáng hê tởm của con người. Kinh Dương Vương viết:

> "Những chiếc mặt nạ đã được Thanh tô màu rất kỹ và đẹp, nhưng tất cả đều mang một vẻ nham nhở, khó thương đến cực độ. Trong việc tạo ra vẻ đáng ghét cùng cực ở những chiếc mặt nạ, tôi thấy Thanh có một khả năng đặc biệt gần như thiên khiếu, không khác gì một nghệ sĩ lành nghề. Không theo một tiêu chuẩn trang trí nào, nhưng Thanh đã biết chọn lựa màu sắc và những đường nét phối trí làm cho những chiếc mặt nạ có vẻ đáng kinh tởm. Tôi nhận thấy sự khoái chí một cách chua chát ở Thanh được biểu lộ cùng với độ kinh tởm mà Thanh tạo ra được ở những chiếc mặt nạ đó. Đó là bộ mặt của những hung thần, ác qủy, những kẻ xua nịnh, hèn hạ và độc ác. Có lẽ là sự thành công hẳn ở khiá cạnh đó - ít ra là đối với riêng tôi, vì tôi không thể nào giữ cho lòng mình tránh khỏi bị khơi dậy một mối ác cảm độc địa khi nhìn vào những chiếc mặt nạ đó. Những cái trán ngắn ngủi đầy ngu xuẩn và phản trắc, những đôi mắt lé, ti hí gian xảo, những nụ cười giơ cả răng lợi ngạo nghễ, thách thức đáng ghét thậm tệ. Tôi nói cho Thanh biết cảm tưởng đó. Thanh chỉ ngẩng lên nhìn tôi im lặng với hai tròng mắt vàng."

Điểm đáng yêu ở nơi những truyện ngắn của Kinh Dương Vương ở chỗ tác giả bao giờ cũng lạc quan, tin tưởng vào lòng nhân ở nơi con người. Phơi bày những bất công, những tàn ác cũng như những giả dối chúng ta thường thấy nhan nhản trong đời sống đến độ người đọc phải có cảm giác "gây gây tê dại" như Nguyễn Mộng Giác nhận xét, truyện của Kinh Dương Vương có rất nhiều ưu điểm. Và cũng mượn lời Nguyễn Mộng Giác mời gọi khi ông nói: "Công việc của tôi đã xong. Mời bạn đọc tiếp tục khoảng đường còn lại, là đi vào thế giới của Kinh Dương Vương, của Rừng. Những trang sách thơm trải rộng trước mắt các bạn. Xin mời!"

Liên lạc : Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683

THE INVITING CALL OF WANDERING SOULS, Lư Văn Thành, McFarland & Company, Inc., Publishers, bìa và Minh họa Ngô Văn Sung, 187 trang, bìa mềm giá $23.50. ISBN 0-7864-0374-8

Tác phẩm đầu tay của Lư Văn Thành là một hồi ký viết bằng tiếng Anh, thuật lại cuộc đời của một Sĩ quan liên lạc với các đơn vị Đồng

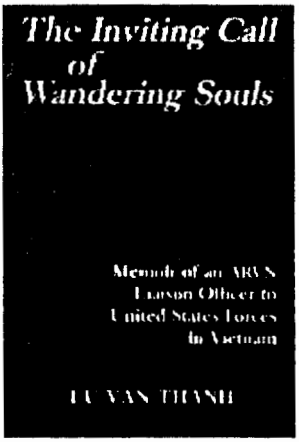

Minh trong thời kỳ chiến tranh cũng những cực hình tác giả chịu đựng qua các trại tù cải tạo của Cộng sản, đờisống dưới chế độ Cộng sản sau ngày Miền Nam thất thủ và các chuyến vượt biển đi tìm tự do của chính tác giả cũng như hàng triệu người Việt Nam bất hạnh khác.

Cuốn sách chia làm 12 chương, sắp xếp theo thứ tự thờigian. Chương 1 ghi lại các đơn vị tác giả phục vụ kể từ ngày tái ngũ sau Tết Mậu Thân 1968. Chương hai bắt đầu từ lúc tác giả được biệt phái trở về với đời sống dân sự trong cương vị một giáo sư Trung học tại Thành phố Nha Trang. Chương ba mô tả cảnh Nha Trang thất thủ vào tay Cộng quân, những cố gắng vượt thoát khỏi vòng lửa đạn đến nơi an toàn của người dân miền duyên hải trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Chương 4, 5 và 6 thuật lại những kinh hoàng kể từ ngày Cộng sản chiếm miền Nam, áp đặt những kiềm toả lên đầu người dân, đưa đến việc tác giả bị chính quyền cộng sản bắt giam và đưa vào các trại cải tạo, lao động khổ sai. Chương 7 mô tả cuộc sống của tù nhân cải tạo ở trại Đá bàn; chương 8 thuật lại cảnh tù ở trại A-39. Các chương còn lại thuật lại cảnh sống của tác giả, đồng nghiệp và đồng bào dưới chế độ Cộng sản, đặc biệt chương cuối cùng dành cho chuyến vượt biển thành công tìm đến đất tự do của tác giả và gia đình.

Đây là cuốn hồi ký về cải tạo viết bằng tiếng Anh đầu tiên của một cựu tù. Những kinh nghiệm thuật lại trong sách rất sống động, xác thực và chân thật. Đặc biệt, hầu như trang sách nào cũng có một bức minh họa do một người bạn tù của tác giả là Ngô Văn Sung thực hiện, chẳng những làm cho những trang sách bớt nhàm chán mà còn gây cho người đọc một ấn tượng mãnh liệt và lâu dài về các sự kiện được tác giả thuật lại.

Khác với những cuốn sách khác về cùng đề tài cải tạo hay đời sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa viết thẳng bằng Anh ngữ, hoặc được dịch sang Anh ngữ, *The Inviting Call of Wandering Souls* của Lư Văn Thành không có tham vọng làm một cuốn tiểu thuyết. Tác giả chỉ muốn ghi lại một cách thành thật những gì mình mắt thấy tai nghe, những gì bản thân đã kinh qua, những gì gia đình và bạn bè anh đã chịu đựng. Anh không muốn gì hơn là nói lên tiếng nói của một người trong cuộc với

độc giả Mỹ cũng như quốc tế, để lại những dấu tích xác thực về sự tàn ác, bất nhân, ngu dốt của một chế độ chỉ giỏi đánh phá mà không hề quan tâm đến việc xây dựng một xã hội nhân bản trong đó con người được qúy trọng như những câu châm ngôn mà họ thường rêu rao. Lư Văn Thành, một cách âm thầm và khiêm tốn, đã đạt được những gì người khác ầm ỉ khua chuông gióng trống mà vẫn cứ nằm ngoài tầm tay. *The Invitng Calls of Wandering Souls* không tố cáo ai làm ăng ten, cũng chẳng chê ai nịnh hót quản giáo, hay ganh tị với những người bạn tù thuộc gia đình giàu có khá giả hơn thăm nuôi với cao lương mỹ vị, cũng chẳng tự khen hay đề cao mình nơi trang này đoạn nọ. Tác giả thuật chuyện bằng lời văn giản dị, chân thành, bằng những câu văn gãy gọn khúc chiết. Chỉ cần một khả năng Anh ngữ vừa phải là đã có thể ngấu nghiến gần hai trăm trang sách này một cách thú vị.

Đọc đi, bạn sẽ thấy những lời tôi nói không xa sự thật là bao!

Liên lạc: McFarland&Company, Inc. Box 611, Jefferson, NC 28640, Toll free order: 1-800-253-2187

DU TỬ LÊ, TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM II, Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng, Nhiều tác giả, 292 trang. bìa Võ Thành Đông, ảnh Phạm bội Hoàn, Minh Nghị và Bách Linh, trình bày Lê Giang Trần, giá $15.00.

Đây là cuốn sách thứ nhì thuộc loạt (serie) "Tác giả và tác phẩm" nguyên thuỷ do nhà thơ Nguyên Sa chủ trương và nhà xuất bản Đời ấn hành, nhưng cuốn Du Tử Lê II thì lại do Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản. Đây cũng là điều dễ hiểu, vì chính Du Tử Lê là người tổ chức ra Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng. Sách mang tựa là Tác giả và Tác phẩm nhưng trong tập hai này, phần tác phẩm chỉ chiếm một số trang khiêm nhượng, từ trang 267, in lại 15 bài thơ được nhiều người dịch sang Anh ngữ. Phần chính của cuốn sách chiếm 266 trang, in lại những bài viết về Du Tử Lê của nhiều nhà văn nhà báo trước đây đăng rải rác trên nhiều tạp chí hoặc ấn phẩm. Bìa sách thì chỉ ghi Nhiều tác giả, mà không thấy tên người chủ biên, và qua trang trong, người ta lại thấy ghi bản quyền vừa thuộc về Du Tử Lê (tr.4), vừa thuộc về các tác

giả (tr.5).

Những bài viết về văn thơ cũng như đời sống cá nhân của nhà thơ do nhiều người viết cho người đọc nhiều cái nhìn khác nhau về thơ và người. Bác Sĩ Nguyễn Xuân Quang đọc thơ Du Tử Lê và từ đó tìm ra các cơn bịnh, rồi thử nghiệm các triệu chứng mô tả trong thơ và đi đến kết luận nhà thơ là một thi tài, hay Tạ Tỵ thì gọi Du Tử Lê là nhà thơ của khám phá. Nhưng có lẽ âm vang hơn hết là những lời xưng tụng về đường lối cách tân trong thi ca của Du Tử Lê, qua cách dùng gạch chéo / slash hay cách đổi nhịp các câu thơ lục bát . Đó là những bài viết của Bùi Bảo Trúc "Lục Bát và Những Đóng góp của Du Tử Lê"; Nguyễn Mạnh Trinh với "Dõi theo bước 'Trường Chinh Chữ Nghĩa' của Du Tử Lê," hay "Đạo pháp Du Tử Lê trong thơ văn" của Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh. Những bài viết về con người, về tánh tình và tư cách của nhà thơ nổi tiếng "nòi tình" thì ngoài phần trích đăng từ *Vẻ Vang DânViệt* còn có các bài viết của Lê Thi J., Khánh Trường, Lê Vương Ngọc, Nguyễn Thế Toàn. v.v.

Sách không ghi địa chỉ liên lạc.

CON ĐƯỜNG NGƯỢC DÒNG, Vĩnh Hảo, Chiêu Hà Xuất bản, 190 trang, giá $10.00

Tập hợp của những bài viết được tác giả gọi là Tâm Bút, "liên quan đến nhà Thiền, đến Phật giáo Việt Nam, đặt nặng trên phương diện sinh hoạt hơn là về nội dung của nó," *Con Đường Ngược Dòng* là nỗ lực của tác giả phơi bày những sai trái trong sinh hoạt Phật Giáo nơi các tu viện thiền viện. Vĩnh Hão là một nhà văn có sức sáng tác khá sung mãn, và lại là một tu xuất, nên ông có được cái nhìn về vấn đề tu học và hoằng pháp từ hai phiá: phiá truyền đạo và phía học đạo. Ngay trong phần mở đầu, Vĩnh Hão khiêm nhường thú nhận "không đủ tư cách để làm công việc cảnh giác," nhưng Ông viết tiếp: "Nhưng không làm thì lòng cứ bứt rứt không an, khác nào ngồi trên lửa bỏng." Hẳn nhiên, "lội ngược dòng" một công việc ít người

có can đảm và ý chí để làm, và dù tác giả có thú nhận khiếm khuyết của mình, ông đã cho thấy có được can đảm và ý chí khi xuất bản tuyển tập những tâm bút này. Người ta thường bảo 'thuốc đắng đã tật," nhưng thói thường chỉ thích "đã tật" mà lại không ưa "thuốc đắng." Hoặc người ta thường nghĩ những lời chỉ trích, phê bình lúc nào cũng chỉ có chủ ý nhắm vào cá nhân mà không chịu thấy những sai trái nằm ngay trong tổ chức hay định chế. Vĩnh Hão mạnh dạn nói lên những suy nghĩ của mình về cách sinh hoạt, tập tục, thái độ vốn rất sai trái lại được lưu cữu qua thời gian đến độ trở thành tập tục hay tệ hơn nữa là truyền thống để rồi cứ mãi lẩn quẩn trong sự sai trái đó. Người đọc *Con Đường Ngược Dòng* sẽ phải chịu những cú sốc, nhưng sau cơn chấn động, người ta sẽ nhận ra những điều tác giả đem lòng mình ra ghi lại trên giấy quả đã làm cho đời sống của chúng ta mất đi khá nhiều hay đẹp.

Hãy đọc *Con Đường Ngược Dòng* với một cái tâm rộng mở, và một cái trí biết đón nhận lời ngay lẽ phải.

Liên lạc Chiêu Hà Publisher, 4702 West First Street, Suite E., Santa Ana, 92703.

BÀI HAI MƯƠI, thơ Đặng Hiền, Văn Hoá xuất bản, bìa Khánh Trường, phụ bản Khánh Trường, Lê Thánh Thư, Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi, Ngọc Dũng, chân dung bởi Bé Ký, ảnh bởi Lê Trùng Chinh, 166 trang, giá $12.00

Tuyển tập thơ thứ hai của Đặng Hiền, một nhà thơ quen thuộc với độc giả Văn Học, *Bài HaiMươi* gồm 64 bài thơ,13 bài nhạc phổ từ thơ Đặng Hiền và một số phụ bản của nhiều hoạ sĩ nổi tiếng tại hải ngoại. Sách in trên giấy tốt, bìa màu trang nhã.

Thơ Đặng Hiền viết nhiều về tình yêu, nhưng không chỉ tình yêu đôi lứa.Còn có tình yêu quê hương, tình yêu bằng hữu, tình yêu tha nhân. Yêu những cơn mộng khó thành, những ao ước khó đạt, yêu những chiều xanh trên quê hương ngày trở lại. Đặng Hiền thiết tha với đời sống, với sinh lực của những ngày hai mươi tràn đầy sung mãn. Ta hãy nghe nhà thơ ghi lại trong "bài hai mươi"

Nhớ em về phơi áo giữa vườn xưa

Đôi cánh tay em nắng vàng hôn khẽ
Hồn say nghiêng theo khóe môi cười
Nghe lá khô phai trên thềm mùa cũ
Dòng sông đời rồi mấy đoạn chia xa

Ở tuổi hai mươi yêu người vội vã
Tình qua nhanh như buổi xa người
Một nhánh sông trôi, một lần ghé lại
Nụ hôn đầu nghe gió nóng vành tai

Tôi ở đây có những ngày buồn bã
Ngồi yên bên ngọn gió hát lưng chiều
Những chuyến xe lên dốc đời bỡ ngỡ
Bài hai mươi tôi viết tặng cho người...

Đặng Hiền tạo cho mình một cõi thơ riêng rẽ, một chỗ đứng tách biệt. Thơ anh thành khẩn, thiết tha, biết đón nhận những bất trắc của cuộc đời cuộc tình, nhưng cũng biết tận hưởng những hạnh phúc thoáng qua, những cơn mộng đẹp phù du hay những giây phút cay nồng tình yêu quê hương đất nước.

Bài Hai Mươi của Đặng Hiền sẽ để lại trong tâm tư người đọc những âm hưởng tuyệt vời của những con chữ mang âm điệu huyền hoặc lôi cuốn.

Liên lạc nhà xuất bản Văn Hoá, 2606 Main Stret, #112, Houston, TX 77002.

TIẾNG SÔNG HƯƠNG, Thuận Hóa-Phú Xuân, Văn Hóa và Con Người, niên san xuất bản tại Dallas TX, khổ lớn 8x10.5, dày 210 trang, bìa Nguyên Khai.

Chủ trương biên tập: Phương Anh Trang, Thực hiện: Dã Oanh-Tâm Liên, Kỹ thuật: Dương Quốc Bình- Nguyễn H. Cường

Trong những đặc san biên tập về Huế, có lẽ Tiếng Sông Hương là đặc san thực hiện công phu nhất. Trong khi những đặc san khác thiên về việc ca tụng chung chung và viết về kỷ niệm thời xa xưa của người Huế, Tiếng Sông Hương chú trọng đến phần tham khảo tài liệu, sưu tầm những sử

liệu hiếm quí ở các thư viện, và biên khảo sâu xa về Huế qua những tài liệu xác thực, do những nhà biên khảo có uy tín. Như nhận xét của một tuần báo ở địa phương Dallas, "đặc san tập hợp bài viết của nhiều tác giả, học giả về văn hóa, con người của đất Phú Xuân Huế...nặng về phần khảo cổ, nghiên cứu địa lý, kể những mẩu chuyện có thực về một thời, mà nhẹ phần sáng tác".

Về lịch sử khảo cổ có những bài như *Nam Tiến* của Phương Anh Trang, *Văn khố Triều Nguyễn* của Nguyễn Hùng Cường, *Hai trường Quốc gia Âm nhạc Huế-Sài Gòn* của Nguyễn Phụng. Có tính cách văn học hơn là những bài *Leitmotiv Thuận hóa-Phú xuân* của Trần văn Tích, *Nhắc Đồng Nai Gia Định lại nhớ thương về Thuận Hoá Phú Xuân* của Tôn Thất Trình, *Nam Xuyên Thi ca lục* của Đoàn Khoách.

Địa chỉ liên lạc: Tiếng Sông Hương, 6730 Stichter St., Dallas, TX 75230 Phone: (214) 891-0573

ĐẶC SAN HUẾ (Vùng Hoa Thịnh Đốn), Kỷ niệm 80 năm thành lập trường Đồng Khánh Huế, do Nhóm Quốc học-Đồng Khánh Hoa Thịnh Đốn thực hiện, bìa của Đinh Cường, khổ lớn 8x10.5, dày 150 trang

Ban biên tập gồm các vị: Ngô Phi Đạm, Hoàng Thiện Căn, Trần Đoàn, Phan Nhơn, Hoàng Xuân Lan, Tống Mộng Hoa, Ngô Nẩm, Võ thị Nguyệt, Bảo Ngọc.

Khác với Tiếng Sông Hương thiên về biên khảo, Đặc san Huế (Hoa Thịnh Đốn) chú trọng phần kỷ niệm, sinh hoạt. Tuy cũng có một số bài biên khảo về Huế của Lâm Tùng Dương, Phùng Ngọc Sa, Phan Thuận An, Nguyễn Hữu Thứ, Ngô Phi Đạm, Nguyễn Lý Tưởng, Trần Kiêm Thêm...nhưng những bài biên khảo này không cốt trở thành một tài liệu sử, mà chỉ cốt tô đậm tình quê hương, Huế xưa trong kỷ niệm.

Phần sáng tác ngoài những bài văn bài thơ ngắn của những người Huế xa quê hương, còn có những sáng tác của một số cây bút thành danh như Vi Khuê, Bùi Bích Hà, Trần Hoài Thư, Du Tử Lê, Kiêm Thêm, Hoàng Hương Trang, Nguyễn Thị Thanh Bình, Lê thị Hàn, Hoàng Ngọc Liên..

LẦU XÉP, bảy chuyện, tám truyện của Võ Đình, Văn Nghệ xuất bản, bìa của Khánh Trường, tranh bìa của Đỗ Quang Em, sách dày 174 trang, giá 11 Mỹ kim (ngoài Hoa Kỳ thêm 2 Mỹ kim).

Dòng ghi chú về văn loại "bảy chuyện, tám truyện" ngay phía dưới nhan đề sách có lẽ là chủ ý của tác giả, muốn phân biệt giữa "truyện" có

tính cách hư cấu của truyện ngắn và "chuyện" có dáng dấp của tùy bút, phóng bút, tạp bút. Ngay đầu sách, Võ Đình đã giải thích rõ thế nào là "chuyện", thế nào là "truyện". Lại còn làm sáng tỏ hơn sự phân biệt hai thể loại bằng cách đồn hết bảy chuyện cho phần trước, mỗi chuyện có nhan đề: Chuyện vẽ tranh, Chuyện giữ sách, Chuyện cây bàng, Chuyện sư mẫu bông giấy, Chuyện anh Tư, Chuyện cây đào, Lại chuyện cây bàng. Phần sau dành cho "truyện", những truyện ngắn có vẻ đơn sơ như tranh thủy mạc nhưng gây những ấn tượng dai dẳng nơi người đọc. Một số khá nhiều "chuyện" và "truyện" trong Lầu Xép đã đăng trên Văn Học trong những năm gần đây.

TỪ TÂM, thơ Thế Dũng, Trilce Edition Berlin xuất bản, giới thiệu của Thomas Hertwig, tựa của Viên Linh, bạt của tác giả, bìa Vũ Xương Minh, phụ bản Trần Lê, José Pablo Quevedo, Lý Sơn, ảnh minh họa của tác giả, sách dày 200 trang, giá 12 Mỹ kim.

Trong tiểu sử, tác giả là công nhân lao động xuất khẩu tại nhà máy phanh Berlin năm 1989, và sau khi bức tường Berlin sụp đổ, ở lại Đức sinh sống. Thời còn ở Việt Nam, Thế Dũng đã có nhiều thơ, truyện và sách được xuất bản.

Nhìn chung, thơ Thế Dũng "lành", đơn giản, lấy chất liệu từ cuộc sống và những quan hệ thân thiết của mình.

Địa chỉ liên lạc:

Vũ Trường Giang, Demminer Str. 35, 13059 Berlin Germany.

Nhắn tin chung cùng các văn hữu gửi biếu sách cho Văn Học.

Như quí bạn đã thấy, từ hai số báo gần đây Văn Học đã nâng cao tầm quan trọng của mục giới thiệu sách, không còn là những đoạn giới thiệu chung chung như trước nữa. Người phụ trách giới thiệu sách bỏ thì giờ nhiều hơn để đọc kỹ tác phẩm, và trong nhiều trường hợp, cố gắng đưa ra những nhận định khách quan để hướng dẫn người đọc mua sách.

Do đó, sách gửi tặng nhiều khi không được giới thiệu ngay trong tháng kế tiếp như lâu nay. Mong quí bạn thông cảm, và vui lòng chờ đợi.

Nhân tiện đây, Ban Chủ biên cũng gửi lời cảm ơn đến tất cả quí văn hữu lâu nay vẫn gửi sách biếu Văn Học, và mong tiếp tục nhận được những tác phẩm quí giá ấy.

hộp thư

● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lê Tấn Phước (Kaneohe HI, đổi địa chỉ), Nguyễn Duy Lân (Orlando FL), San Francisco Public Library CA, Bửu Tập (Long Beach CA), Nguyễn Thị Linh (Houston TX), Phạm Ngũ Yên (Austin, TX), Nguyễn văn Mỹ (Mission Viejo CA), University of Washington Lib (Seattle WA 98195), Trần Tiến Ngạc (Stockton CA), Nguyễn Quang L. (San Antonio TX), University of Berkeley Lib (Berkeley CA), Nguyễn Thu Hao (San Diego CA), Los Angeles County Public Library, Hải Dương (Calgary, Canada, khiếu nại không nhận được báo), Nguyễn C. Khanh (Des Moines WA), Lê văn Hữu (San Jose, CA), Nguyễn v. Han (San Diego, CA), Trần Thị Lệ Chi (San Jose, CA), Lê Đức Vi (Portland OR, gửi bù chi phiếu thất lạc), Nguyễn Thị Xuân Hương (San Jose, CA), Nguyễn Lê Tiến (Cupertino, CA), Nguyễn Hồng Phụng (San Jose, CA), Huỳng thị Hạnh (Westminster, CA), Công Minh Thông (Huntington Beach, CA), Sheridan Library (Denver CO), Library Menzies, Univ. Canberra Australia, Carrie Estelle Doheny Mem. Library (Camarillo CA), Huong Nguyen, Seattle Public Library (Seattle, WA), Bibliotheque Ville Montréal (Montréal Canada), Nguyễn Cúc (Dallas, TX), Triết Đặng (Houston, TX), Bankstown City Library (Australia), Trần văn Nam (San Gabriel CA), Nguyễn Khoa Điềm (Reseda CA), Footscray Library Service (NSW. Australia), Field Corner Branch Library (Dorcheste MA), Ross Barnum Library, Denver Public Library CO, Bùi Cận (Fremont, CA), Chapman Library (Salt Lake City, UT), Bùi Quang Diễm Thu (Smyrna GA), Hanh H. Lê (Lexington, KY), K.-Phuong Schalch-Lê (Oberageri, Switzerland), Ngày Nay Bookstore (Houston TX), Nguyễn Duy Lân (Orlando FL mua báo tặng ông Bửu Sao), Nga Lâm (Seattle WA, gia hạn và đính chính địa chỉ), Tiến Võ (Charlottsville VA), Nguyễn L. Phương (Missisauga Ont Canada), Phuong Nguyen & Luu Le (Fremont CA), Lê Nguyễn (Huntersville AL), HB Hillview Branch Library (San Jose CA), MN San Jose Public Library (San Jose CA), EK Educational Park Branch Library (San Jose CA), EM Empire Branch Library (San Jose CA), ST Seventrees Branch Library (San Jose CA)

● Bài nhận được trong tháng:

"Suối yến" gửi từ Downsview Toronto Canada, Thư của Nguyên

gửi từ Montreal Canada, 'Lỗ hổng" gửi từ Worcester MA,"Đêm bạch lạp" gửi từ Oregon, "Lạc chỗ" gửi từ Assaquah WA, "Thiên thu" gửi từ Kitchener Ontario Canada, "Thơ tôi rũ rượi mãi chiều nay" gửi từ Renton WA, "Tempe. Thơ qua hoang mạc" gửi từ Dallas TX, "Hay là" gửi từ Mt. Waverly Australia, "Giá Tự do", "Người con gái VN thời hậu chiến" gửi từ Milpitas CA, "Văn hoá rối nước" gửi từ Irvine CA, "Bướm đêm" gửi từ Basshill Australia, "Viết cho em yêu" gửi từ Orlando FL, "Lữ khách, "Nguyên thủy" gửi từ Long Beach CA, "Mai nầy" gửi từ Emporia KS, "Giêng, Hai mấy thuở" gửi từ Middleburg FL, "Thành phố", "Dạo khúc" gửi từ Renton CA, "Bài lục bát đêm xuân" "Nụ tầm xuân" gửi từ Falls Church VA, "Thơ trên chuyến về", "Nói chuyện đói với Nguyễn Công Trứ" gửi từ Memphis TN, "Mừng em xuân mới", "Xuân hồng chín trái" gửi từ Phoenix AZ,

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng đần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

Quí bạn gửi bài qua e-mail xin dùng attachment.

phân ưu

Được tin trễ nhạc mẫu của nhà văn Nguyễn Quốc Trụ

Cụ bà Nguyễn thị Hiên

đã tạ thế tại Hưng Long, Mỹ Tho

ngày 10 tháng 9 năm 1997, hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi xin đau xót chia sẻ nỗi thương tâm của những người con nơi xứ lạ quê người, và cầu chúc linh hồn Cụ sớm về Cõi Phật

Một nhóm thân hữu ở Stanley Valley , Canada

nhà xuất bản văn nghệ

P. O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA
Phone: (714) 527-5761

Tìm mua những cuốn sách phê bình văn học
do Văn Nghệ xuất bản:

VÕ PHIẾN

Văn học Miền Nam Tổng quan 14 MK
Thơ Miền Nam I 6 MK
Thơ Miền Nam II 11 MK
Truyện Miền Nam I 6 MK
Truyện Miền Nam II 10 MK
Truyện Miền Nam III 10 MK
Ký, Bút, Kịch I 10 MK
Ký, Bút, Kịch II 10 MK

THỤY KHUÊ

Cấu trúc Thơ 13 MK

BÙI VĨNH PHÚC

Lý luận và Phê bình 20 năm văn học Việt ngoài nước 27 MK

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Võ Phiến 12 MK
Văn học VN dưới chế độ cộng sản 16 MK
Nghĩ về Thơ 10 MK
Thơ, v.v và v.v 14 MK

Đã có bán tại các trung tâm băng nhạc và nhà sách
Tác phẩm nghệ thuật với những khúc tình ca bất hủ

ngàn thu áo tím

của Quỳnh Giao

Nguyễn Thành Vân và Anh Dũng

Hòa âm Lê Ngọc Chân và Cung Tiến
Dương cầm Lê Ngọc Chân và Ban Tứ tấu đàn dây Pacifica

Ngàn thu áo tím (Hoàng Trọng & Vĩnh Phúc)
Kiếp nào có yêu nhau (Phạm Duy & thơ Minh Đức Hoài Trinh)
Lệ đá xanh (Cung Tiến & thơ Thanh Tâm Tuyền)
Em đến thăm anh một chiều mưa (Tô Vũ)
Habanera (từ vở Carmen của G. Bizet)
Cuối cùng cho một tình yêu (Trịnh công Sơn & thơ Trịnh Cung)
Suối mơ (Văn Cao)
Mộng dưới hoa (Phạm Đình Chương & Đinh Hùng)
Mắt biếc (Cung Tiến)
Mùa thu không trở lại (Phạm Trọng)
Gửi gió cho mây ngàn bay (Đoàn Chuẩn & Từ Linh)

Gửi tận nhà với giá 12 US$ kể cả cước phí
Ngoài Hoa Kỳ 15 US$

Thư từ chi phiếu xin đề:
Đoantrang Nguyễn
P.O. Box 1445, Tustin CA 92781
Tel & Fax : (714) 733-2025

mời đọc:

*** CHỈ NHƯ MẶT KHÁC TẤM GƯƠNG SOI/ REFLECTION IN THE LOOKING GLASS**

- thơ song ngữ Việt-Mỹ, phạm trọng lệ chuyển dịch.
- có bài nói chuyện (bản tiếng Việt) về *Vài nỗ lực cách tân văn chương Việt Nam*, tại một số đại học, in trong phần Ngoại tập.
- sách dầy 100 trang, giá 8 Mỹ kim.

*** DU TỬ LÊ, TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM, *tập hai.***

- một tuyển tập cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu thấu đáo về du tử lê từ văn chương tới đời sống tình cảm.
- nhiều tư liệu hiếm quý như những hình ảnh thời niên thiếu...
- trên 150 bài thơ hoặc trích đoạn từ những bài thơ tiêu biểu của du tử lê, từ năm 1967 tới 1997; do các tác giả trích dẫn trong các bài nhận định, gồm cả các tác giả ngoại quốc.
- sách dầy 300 trang, giá 15 Mỹ kim.

*** BỘ SƯU TẬP 7 NĂM THƠ VĂN DU TỬ LÊ (1990-1997)**

gồm 5 tác phẩm. Cho những người thích sưu tầm và yêu sách quý.Trong số có những ấn bản đã không còn trên thị trường từ nhiều năm qua.

- Thơ Tình / Love Poems, bản in lần thứ 3 năm 1992. Thơ.
- Đi Với Về, Cũng Một Nghĩa Như Nhau, bản in lần thứ 2, năm 92. Thơ.
- Tiếng Kêu Nào Bên /Kia Thời Tiết/ Tập chuyện. 1996.
- Chỉ Như Mặt Khác Tấm Gương Soi / song ngữ Việt Mỹ. Thơ. 1997
- Du Tử Lê: Tác Giả và Tác Phẩm, tập 2. Chuyên đề. 1997

US$50./ 1 Bộ. *Rẻ hơn mua từng cuốn. Gồm luôn cước phí. Ngoài Hoa kỳ và Canada, xin thêm 10 mỹ kim cho cước phí máy bay.*

- Chúng tôi chỉ có được 30 Bộ Sưu Tập 7 Năm Thơ, Văn Du Tử Lê mà thôi. Quý thân hữu nào cần, xin vui lòng liên lạc sớm.

Xin hỏi nhà phát hành Văn Nghệ, các nhà sách, hoặc thư cho:

Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng

8432 Cerulean Dr.

Garden Grove, CA 92841

Email: qnhchi@aol.com

tạp chí sáng tác và nhận định

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM
3 số / năm - 3 issues / year

Tên *Name* .....

Địa chỉ *Address* .....

.....

Điện thoại *Phone* .....

Điện thư *Email* .....

Hoa kỳ và Gia nã đại *(U.S. & Canada)*	☐ US $20.00 cho một năm *(for one year)*
Âu châu *(Europe)*	☐ US $25.00 cho một năm *(for one year)*
Á châu và Úc châu *(Asia & Australia)*	☐ US $30.00 cho một năm *(for one year)*
Ủng hộ *Donation*	☐

Chi phiếu xin đề *(Check payable to):* THƠ

Và gửi về *(and send to):*
TẠP CHÍ THƠ
P.O. Box 1745
Garden Grove, CA 92842, USA

• **Delivery by first class and airmail**

tel. 714-530-6597 ◻ email: tctho@aol.com ◻ website: http://www.vietbay.com/tctho

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối
Tập truyện của Hà Thúc Sinh, giá 6.00 Mỹ Kim
Về
Tập truyện của Hà Thúc Sinh, giá 7.00 Mỹ Kim.
Lời Của Quá Khứ
Tập truyện của Khế Iêm, giá 7.00 Mỹ Kim.
Sống Và Viết
Tùy bút của Võ Phiến, giá 10.00 Mỹ Kim.
Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện của Hoàng Thị Bích Ti, giá 8.00 Mỹ Kim
Dấu Quê
Thơ Khế Iêm, giá 7.00 Mỹ Kim
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

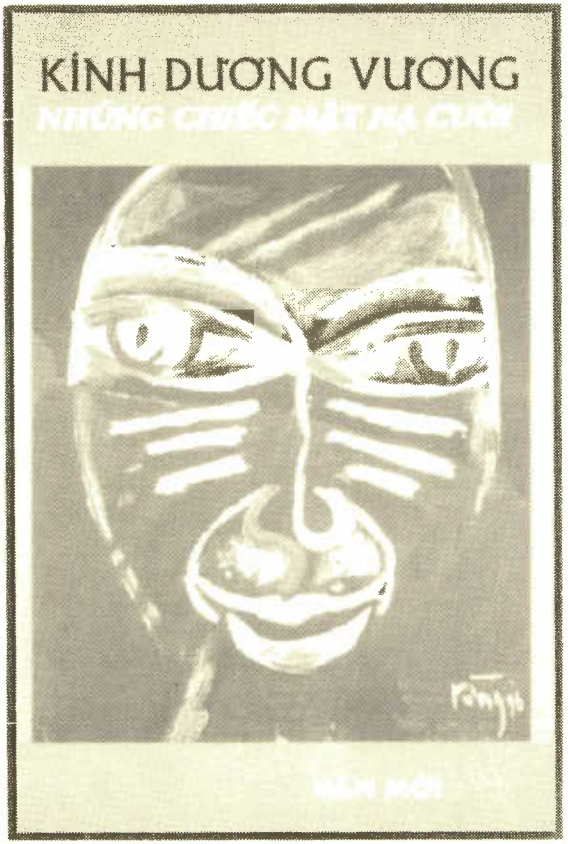

tìm mua

những chiếc mặt nạ cười

tập truyện của Kinh Dương Vương

Tập truyện ngắn viết về chiến tranh Việt Nam với cái nhìn độc đáo, với những tình cảm nhân bản ngay trong hận thù, những số phận tang thương khốc liệt, những mâu thuẫn trong thân phận dân tộc.

Sách do Văn Mới xuất bản, bìa của Rừng, Nguyễn Mộng Giác viết giới thiệu, dày 170 trang, giá 8 Mỹ kim. Sách do Văn Nghệ phát hành.

SÁCH MỚI

- **ĐÊM GIỮA BAN NGÀY** (tái bản) *Vũ Thư Hiên* **28MK**
- **THƯ GỬI BẠN TA, Tập III** *Bùi Bảo Trúc* **16MK**
- **CHÂN TRẦN** tập truyện *Y Chi* **12MK**
- **THẾ GIỚI HÒA ĐỒNG** *Chân Huyền* dịch **8MK**
  Hội luận giữa Đức Đạt Lai Lạt Ma và 8 nhà tâm lý Hoa Kỳ
- **YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT** **8MK**
  Tham luận *Đỗ Quý Toàn*
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN** **16MK**
  (tái bản) *Nguyễn Hưng Quốc*
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** (tái bản) *Dương Thu Hương* **13MK**
- **ĐƯỜNG MÂY TRÊN ĐẤT HOA** **13MK**
  tự truyện *Hòa Thượng Hư Vân*
- **NỬA ĐỜI CÒN LẠI** hồi ký *Vương Hồng Sển* **18MK**
- **CÒ ĐÙM** tập truyện *Doãn Quốc Sỹ* **8MK**
- **THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC**
  Tâm Diệu **12MK**
- **CÔNG LÝ ĐÒI HỎI** tiểu luận *Nguyễn Minh Cần* **18MK**
- **LẨU XÉP, 7 chuyện, 8 truyện** *Võ Đình* **11MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

- **ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI** (tái bản) **9MK**
  Giảng luận Kinh Duy Ma Cật *Minh Tâm*
- **CĂN PHÒNG THAO THỨC** tập truyện *Trần Doãn Nho* **10MK**
- **CÒN ĐÓ BÓNG HÌNH** tập truyện *Song Thao* **8MK**
- **NỬA ĐỜI NHÌN LẠI** (tái bản) *Tiêu Dao Bảo Cự* **18MK**

* Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK cho sách giá 18MK, thêm 3MK cho sách trên 20MK. Riêng *Đêm Giữa Ban Ngày* thêm 5MK

* Liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel/Fax: (714) 527-5761

Giá:$4.00